

Micae-Phaolô TR N MINH HUY pss

**ÀO T O VÀ T ÀO T O THIÊN
LIÊNG C A CÁC LINH M C T NG
LAI TRONG B I C NH VI T NAM
NGÀY NAY**

2006

**ÀO T O VÀ T ÀO T O THIÊNG LIÊNG
C A CÁC LINH M C T NG LAI
TRONG B I C NH VI T NAM NGÀY NAY**

Micae-Phaolô TR N MINH HUY pss

Nihil Obstat: Fr. Domingo Moraleda, CMF
Imprimi Potest: Fr. Jose Ma. Ruiz Marquez, CMF
Imprimatur: Most Rev. Antonio R. Tobias, JCL, DD
Bishop
Diocese of Novaliches

Xu t b n và gi b n quy n
H c Vi n i S ng Thánh Hi n t i Á Châu
Institute for Consecrated Life in Asia (ICLA)
U.P. P.O. Box 4, 1101 Diliman, Quezon City
Tel. Nos. 932-0343-44 Fax No.: 932-0346
E-mail: icla@i-manila.com.ph
Webpage: <http://icla.claret.org>

ICLA (H c Vi n i S ng Thánh Hi n t i Á Châu) là m t trung tâm ào t o cao ng c a Giáo H i do các nhà truy n giáo Dòng Claret x ng. Ý h ng c a ICLA là c ng hi n cho các nam n tu s c a Á Châu m t suy t c b i c nh hóa và h i nh p v n hóa v i s ng thánh hi n, ngõ h u giúp h s ng s v mà h ã c g i vào.

ISBN 971-501-330-9

**ÀO T O VÀ T ÀO T O THIÊN LIÊNG
C A CÁC LINH M C T NG LẠI
TRONG B I C NH VI T NAM NGÀY NAY**

Nguyên b n t i ng Anh
Micae-Phaolô TR Æ N MINH HUY
Linh m c Xuân Bích

B n d ch Vi t ng
Vincentê Tr Æ n Minh Th c
Gioan Baotixita Nguy Æ n v Æ n Hào
Linh m c Æ ng viên Xuân Bích

c l i b n d ch và trình bày
Micae-Phaolô Tr Æ n Minh Huy

T NG

Tr c h t, tôi hi n dâng công trình này c a i tôi cho c M Lavang. M ã thay th m yêu d u c a tôi, sau khi m tôi qua i và trong su t c cu c i tôi n i tr n th này. M tôi ã d y tôi yêu th ng, tha th và l n lên gi a muôn vòn khó kh n, hi u l m và au kh .

Th hai, tôi mu n hi n dâng công vi c a thích này cho công cu c ào t o linh m c c a Giáo H i Vi t Nam, qua H i Các Linh M c Xuân Bích, mà n g i là tham đ vào vi c ào t o linh m c, kh i u và th ng xuyên, c a Giáo H i, c bi t cho các ch ng sinh c trao phó cho tôi trách nhi m và ch ng trình b o tr n g i “Cho M t T ng Lai T t p H n” mà tôi ã thành l p và ti p t c i u khi n cho n nay.

C Á M N

Lòng bi t n sâu xa t áy lòng tôi n v i Chúa Ba Ngôi, vì ã kh ng ban và nuôi d ng quà t ng s s ng cho tôi, qua gia ình tôi, nh t là ng i m quá c v n h ng g n g i v i tôi.

Tôi trân tr ng bày t lòng bi t n i v i các th m quy n Giáo H i và Xã H i Vi t Nam và Phi Lu t Tân, các B Trên H i Các Linh M c Xuân Bích, cách riêng c Cha Phaolô T nh Nguy n Bình T nh, Cha Domingo Moraleda, Giám c H c Vi n i S ng Thánh Hi n t i Á Châu, ã cho phép và t o m i i u ki n c n thi t cho tôi theo h c t i ICLA.

Tôi chân thành cảm n các giáo s lão luy n c a tôi t i ICLA, vì các giáo trình tuy t v i c a h ã kh i g i cho tôi nh ng soi sáng h ng d n c a Chúa Thánh Th n. Tôi cảm n c bi t cha Moraleda, ng i c v n cho tôi, n u không có s nâng c bi t c a ngài, cu n sách này không th ra i. Theo g i ý c a ngài, cu n sách này n t lu n v n ra tr ng c a tôi, mà tôi ã c ng hi n t t c th i gi và m i quan tâm c a tôi.

M c dù tôi ã làm vi c r t c ng m i ngày trong su t hai n m h ng ân t i ICLA, luôn luôn ngh n các ch ng sinh c giao phó cho tôi trách nhi m, tôi không th tránh c các thi u sót. Vì v y, tôi r t bi t n nh ng ng i s giúp tôi s a ch a, trau chu t và c p nh t hóa công cu c này c a toàn th Dân Chúa. N u công vi c khiêm t n c a tôi s c s d ng, ngay c ch m t ph n r t nh , vì vinh danh Chúa và l i ích c a Giáo H i, tôi r t h nh phúc và ã c t ng th ng r i.

T ın Chúa và c u chúc m i s t t p cho t t c m i
ng i. Ng i khen Chúa!

Micae-Phaolô Tr n Minh Huy, pss

L I T A

Nuôi dưỡng tinh thần canh tân giáo hội và sự phục vụ Giáo Hội, Đức Chúa Thánh Thần khải sủng, qua Công đồng Vaticanô II, là thách thức quan trọng nhất cho các chức vụ của Giáo Hội, sự tiến bộ và công việc cho nên thì mới chúng ta. Một trong những nhiệm vụ quan tâm nghiêm túc nhất của các ngài là công việc đào tạo thiêng liêng toàn diện cho các linh mục tương lai, những vị lãnh đạo phục vụ các công việc kitô giáo, bởi vì công việc canh tân Giáo Hội tùy thuộc phần lớn sự vững mạnh, các tác động bởi Thần Khí của Kitô.

Đang khác, hoàn cảnh của Việt Nam và những thách thức thay đổi nhanh chóng của thị trường toàn cầu hóa đòi hỏi nhiều thách thức và cách tiếp cận mới trong lãnh vực đào tạo. Làm sao chúng ta các linh mục tương lai có khả năng đáp ứng những nhu cầu cấp bách của Giáo Hội và Xã Hội trong bối cảnh Việt Nam ngày nay?

Cha Micae-Phaolô Trần Minh Huy, một linh mục Xuân Bích, với nhiều năm dài kinh nghiệm trong tinh thần đào tạo các chức vụ sinh hoạt của Việt Nam, đã nghiêm chỉnh cố gắng tiếp cận với sinh khí cho công việc đào tạo thiêng liêng cho các linh mục tương lai của Việt Nam. Ngài mô tả cho thấy một công việc đào tạo thiêng liêng cần thiết, cá nhân hóa và bí quyết hóa cho các linh mục Việt Nam trong các thông số của khoa Giáo Hội học và hi vọng và sự phục vụ Công đồng Vaticanô II, cùng những hướng dẫn của Huân Quyển Giáo Hội, mà tiếp cận hoàn toàn, Á châu và Việt Nam. Ngài nhấn mạnh, với một tinh thần ý thức của bí t, công việc đào tạo các

linh m c Vi t Nam t ng lai v s c ng tác v i giáo dân và i tho i v i các n n v n hóa, v i tín c a các tôn giáo truy n th ng khác, v i ng i nghèo và v i nh ng ng i c ng s n, th theo tình hình c bi t c a Giáo H i Vi t Nam.

Khuôn m u c a các linh m c Vi t Nam t ng lai là Chúa Giêsu Nadarét. Công cu c ào t o s là m t th hành trình thiêng liêng, m t ti n trình ng hình ng d ng hóa các ng sinh v i khuôn m u. Theo ti n trình thiêng liêng này, v linh m c t ng lai c nh m n ph i là m t con ng i c a Thiên Chúa, th m nhu n sâu xa v a thiêng liêng v a nhân b n, trong nh ng m i t ng quan hài hòa, quân bình và tr ng thành v i chính mình, v i Thiên Chúa, v i tha nhân và v i t o thành, trong vi n nh cánh chung c a N c Thiên Chúa.

Tác gi c ng hi n m t hành trình thiêng liêng r t thích h p cho giai o n ào t o kh i u và ào t o th ng xuyên. Ph i xác tín r ng cu n sách này là m t món quà quý giá cho Giáo H i Vi t Nam, c bi t cho nh ng ai d n thân vào s v t nh c a công cu c ào t o và cho chính các ch ng sinh. Xuyên qua t ng dòng t ng o n c a nó, chúng ta có th khám phá th y m t công cu c tra c u và h c h i nghiêm túc các h ng d n c a Giáo H i trong lãnh v c ào t o linh m c t ng lai, nh ng trên h t, chúng ta có th ánh giá cao tình yêu sâu xa c a tác gi i v i Giáo H i, các ch ng sinh và linh m c Vi t Nam.

Linh m c Domingo Moraleda, CMF
Giám c ICLA

D N N H P

Th gi i hi n i, v i hi n t ng toàn c u hoá và môi tr ng k thu t c a nó, có nh h ng không nh i v i cu c s ng m i ng i trên m i lãnh v c xã h i và tôn giáo. Bên c nh nh ng l i th tích c c, s xâm nh p c a phong trào t c hoá, v i n n v n hoá duy v t và h ng th , ã tác ng vào tinh th n con ng i và t o nên m t cu c kh ng ho ng tr m tr ng v i n n v n minh. Vì th , c Thánh Cha Gioan Phaolô II ã kêu g i m i thành ph n trong H i Thánh và xã h i cùng “xây d ng m t n n v n minh tình th ng, c t n n t ng trên nh ng giá tr ph quát là hoà bình, công lý, liên i và t do.”¹

Nh ng truy n th ng tôn giáo c ng nh nh ng giá tr xã h i c a Á Châu c ng không thoát kh i nh ng tác ng tiêu c c y do b u khí toàn c u hoá và ch ngh a tiêu th . Xã h i Vi t Nam c ng ph i ch u chung b u khí này v i nh ng nh h ng h t s c ph c t p c a ý th c h c ng s n. c Gioan Phaolô II c m thông: “Trên nh ng m nh t v n v n c xem nh là vùng t c a s hài hoà, thì ý th c h này, r t h p d n trên lý thuy t, vì nó có v th t t t khi mu n hoàn thi n l ch s , hay xây d ng m t th gi i t do, bình ng và công b ng, nh ng trên th c t l i ch có b t l ng và tham nh ng. Và “ng i tr b h t h ng (trong nh ng th c t i nh th) khi nhìn v t ng lai.”² Nh ng th c t i này òi h i kh n thi t ph i canh tân i

¹ Gioan Phaolô II, *Ecclesia in Asia: Chúa Giêsu Kitô ng C u v i S V Yêu Th ng và Ph c V c a Ngài t i Á châu* s 32.

² H i ng Giám M c Vi t Nam, *Th M c V 2001*, s 8.

s ng và s v c a H i Thánh. Công ng Vaticanô II xác tín r ng “công cu c canh tân này ph n l n tu thu c s v linh m c ã c Thánh Linh Chúa Kitô thúc y” và Công ng “long tr ng kh ng nh t m quan tr ng c bi t c a vi c ào t o linh m c.”³

S v quan tr ng nh t c a H i Thánh là s ng, làm ch ng và loan báo Tin M ng c u cho toàn th nhân lo i. thi hành s v này, H i Thánh t i Á Châu bu c ph i t ch c và làm cho nhân s c a mình có kh n ng gi i thi u Chúa Giêsu Kitô C u Th v i m t g ng m t Á Châu, vì “chính c Kitô mu n là và mu n tr thành ng i Châu Á h n.”⁴ Nh c t i ngu ng c Châu Á c a Chúa Giêsu, c H ng Y Paul Shan Kuo-hsi c ng ã nói r ng “Chúa Giêsu, ng ã sinh ra t i Châu Á, l i c gi i thi u v i chúng ta, nh ng ng i Châu Á, nh là m t ng i Châu Âu. Gi ây là lúc chúng ta tr l i cho Ngài g ng m t Châu Á và gi i thi u Ngài nh là ng i Châu Á cho nh ng ng i Châu Á, qua nh ng ng h ng và t t ng c a Á Châu.”⁵

Trong cái nhìn Kitô h c t d i lên, c Giêsu Nadarét c gi i thi u nh là b c th y khôn ngoan, là “Thiên Chúa cùng chúng ta,” là tôi t au kh , là ng i th , ng i

³ Công ng Vaticanô II, *Optatam Totius: S c l nh v ào T o Linh M c* (28-10-1965).

⁴ Gioan Phaolô II, “S i p cho H i Ngh Toàn Th FABC (10-1982), Ucanews.com/html/fabc-papers/fabc-92q.htm, truy c p ngày 29-9-2004.

⁵ “Cu c s ng gi n d , tình th n nghèo khó có th giúp linh m c ng c m v i ng i nghèo Châu Á” (Uijongbu, Hàn Qu c, 05-11-1999), Ucanews.com/archives, truy c p ngày 29-9-2004.

ch a b nh, ng i an i, v ngôn s c a m i ng i, và là ng i gi i phóng,... nh ng hình nh th t g ng i và d hi u, d c ng i Châu Á ch p nh n vì h u h t h là nh ng ng i s ng trong c nh ói nghèo, th t h c, b coi th ng, b ng c ãi, b àn áp và trong ch ng m c nh t nh, h b bách h i, c bi t là ph n .⁶

Th gian có th tìm th y G ng M t Á Châu c a Chúa Giêsu âu? Ng i ta có th nh n ra g ng m t y qua l i s ng và ch ng tá xu t phát t lòng yêu m n say mê và tinh th n truy n giáo c a các môn Chúa: u tiên “Say mê Chúa Kitô và Say mê con ng i.”⁷ Chính Ngài là ng ã nói: “Xem qu thì bi t cây” (Lc 6,44), hay “C d u này, m i ng i s nh n bi t anh em là môn c a Th y” (Ga 13,35). Khi ng i Kitô h u b c i trong ánh sáng và s ng yêu th ng, h nên nhân ch ng hùng h n c a Thiên Chúa Cha (x. Ga 15,18). i v i nh ng ai mu n ph c v Dân Chúa thì i u này l i càng chân th c h n n a. Tr thành môn Chúa Giêsu, nên ng hình ng d ng v i Ngài trong hành ng và s v , m c l y chính Ngài và ngày càng nên gi ng Ngài h n trong i s ng h ng ngày chính là ý ngh a và m c ích c a vi c ào t o các linh m c t ng lai. Trong công tác ào t o này, “vi c ào t o thiêng liêng là quan tr ng nh t.”⁸

⁶ Piotr Krakowczyk, “Lectures on Christology”

⁷ Ch H i Ngh 2004 c a Các B Trên T ng Quy n, nhóm h p t i Rôma t 23 n 27-11-2004. X. Religious Life Asia 7 (1-3-2005).

⁸ B Giáo D c Công Giáo, Th Luân L u v M t S Khía C nh C p Thi t H n trong Vi c ào T o Thiêng Liêng n i các Ch ng Vi n (Rôma, 1980), tr. 1.

Tìm kiếm một hình ảnh ào t o thiêng liêng thích ứng cho các chủng sinh trong bối cảnh Việt Nam hiện nay, người nghiên cứu cảnh ngộ tốt nhất sau đây của cha ông mình khích lệ: “*K m t n m không gì b ng tr ng lúa, k m i n m không gì b ng tr ng cây, k tr m n m không gì b ng tr ng ng i.*” Vì cảnh ngộ người cảnh ngộ pháp tr ng người trong Hội Thánh phải có thể đáp ứng cảnh ngộ nhu cầu và hoàn cảnh hiện tại Việt Nam.

Trong Tông Thư Hộ Công ứng *Pastores Dabo Vobis* (Nhưng Mục Tử Như Lòng Mong Cầu), các Thánh Cha Gioan Phaolô II đã khuyến khích những người làm việc trong bối cảnh sâu xa và mau lẹ trong xã hội, với sự phong phú của các nhân văn hoá và tính đa dạng của các bối cảnh, trong đó Hội Thánh loan báo và làm chứng cho Tin Mừng, Hội Thánh cảm thấy cần ngài, bằng sự dấn thân đã can đảm, sẵn lòng hiến thân mình là Thầy đã làm cùng các môn đệ và các thúc giục “*b i s c p thi t ph i duy t xét l i n i dung v à ph ng pháp ào t o linh m c.*”⁹

áp dụng ngài, những người như những người công chứng các linh mục tốt nhất lại tu thân vào việc ào t o khiêu các vị thánh trong những công việc, và công chứng vào việc ào t o th ng xuyên các vị thánh gia trong sứ mạng linh mục tại môi trường giáo phận. Trong công tác ào t o linh mục, sứ mạng thiêng liêng bao gồm những việc thực sự thực sự của con người Chúa Thánh Thần

⁹ Gioan Phaolô II, *Pastores Dabo Vobis*, s. 2.

hàng đầu: “Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời nhân bản của chúng ta trong Thánh Linh.”¹⁰

Đức Chúa Trời biến đổi chúng ta thành những người mới, phong trào tái sinh và linh mục có những người sâu sắc trên Đức Chúa Trời và sự sống của anh em linh mục giáo phận ở Việt Nam, phong trào và linh mục trẻ ra những người như sau: “Làm thế nào các linh mục có thể sống và thực thi sự sống của con tim và tình thân mật trong những thời điểm khó khăn này? Ngày nay, những khía cạnh nào trong Đức Chúa Trời linh mục của chúng ta đang bị mất đi? Đức Chúa Trời linh mục thì như thế nào trong bối cảnh tái sinh và đức tin?”¹¹

Một người tin rằng vì các ông đã tạo ra Đức Chúa Trời cho các chức năng sinh sống góp phần gì để quy tụ những người như vậy. Sự tin tưởng trong Đức Chúa Trời thánh khiết và sự sống giúp họ sống và biến đổi chúng ta mà không phải là sự khích lệ thực thi sự sống của chúng ta trong một cách sống khác. Vì vậy, có thể trình bày các vấn đề này cho họ theo những câu hỏi sau đây:

1) Tại sao là những người mới, những người khác và chúng ta không thể sống trong Đức Chúa Trời thánh khiết và vì các ông đã tạo ra Đức Chúa Trời của các chức năng sinh sống ở Việt Nam hôm nay?

¹⁰ Edward Carter, *Spirituality for Modern Man* (Indiana: Fides Publisher, 1971), tr. vii.

¹¹ Clement Yoon Yang-ho, *Revitalizing Spiritual Formation and Prayer life in Korean Seminaries* (Manila, Philippines: ICLA Publications, 2003), tr. 2-3.

2) Ông là nh ng nguyên t c ch o c Giáo Hu n c a H i Thánh trình bày, c ph quát l n a ph ng, liên quan n công tác ào t o thiêng liêng cho các ng viên linh m c?

3) Làm th nào có th t công tác ào t o thiêng liêng trong b i c nh c th c a Vi t Nam, khi làm hài hoà và h i nh p ti n trình ào t o thiêng liêng v i ào t o nhân b n, ào t o và t ào t o, ng th i v n gi c c n tính b t đi b t đ ch c a ch c linh m c?

4) V m t ào t o thiêng liêng, ông là nh ng y u t c thù giúp ch ng sinh tr thành nh ng th a tác viên h u hi u cho Dân Chúa?

M t ch ng trình ào t o thiêng liêng thích áng cho các ch ng sinh s không ch tái kh ng nh l i m i g i v à nh ng thách cho ch ng trình ào t o toàn diên, mà còn ch ra h ng i và nh ng k n ng c n thi t cho các nhà ào t o và linh h ng trong s v cung c p m t ch ng trình ào t o toàn di n t i ch ng vi n. Ch t l ng i s ng các linh m c ph thu c r t nhi u vào vi c ào t o ban u c h p th t i ch ng vi n, và vào vi c ào t o th ng xuyên¹² c m nhi m và t ng c ng trong i s ng th a tác v . Vì lý do ó, c Gioan Phaolô II ã nói r ng các linh m c nên t o ra thói quen s ng thân m t v i Chúa Kitô nh là ng i b n trong m i chi ti t i s ng mình và s ng m u nhi m ph c sinh c a Chúa

¹² *Pastores Dabo Vobis*..., *ibid.*, s 70-81; *Ecclesia in Asia*..., *ibid.*, s 43; FABC: Seventh Plenary Assembly - Workshop 5 on On-going Formation.

biết cách khai tâm cho những người đi trao phó cho mình coi sóc.¹³

Mặc dù công trình nghiên cứu này chỉ ghi nh vào việc ào tạo thiêng liêng, nó cũng giúp ích cho các khía cạnh khác của công cuộc ào tạo linh mục. Nó hữu ích theo nhiều cách khác nhau cho các chủng sinh lẫn các nhà ào tạo, khi ra vai trò nổi bật, chức vụ và cộng tác viên ào tạo thiêng liêng tích cực. Như vậy, công trình nghiên cứu này chỉ cần giúp ích cho Hội Thánh Việt Nam.

Hơn nữa, mặc dù các Giáo Hội các địa phương khác nhau có những nét và những thách thức khác nhau, công trình này cũng hữu ích cách nào đó đối với các Giáo Hội Kitô Á Châu trong công trình ào tạo của các Giáo Hội này.

Công trình này cũng có giá trị riêng biệt và những giá trị truyền thống và hiện đại tính phần của Hội Thánh Công Giáo Việt Nam, nhằm yêu mến và giúp Hội Thánh Việt Nam cách tốt hơn.

Tuy nhiên trước hết, công trình này giúp ích cho chính người nghiên cứu trong khi tìm tòi giúp các chủng sinh chuyển thức cho mình một cách hữu hiệu.

Công trình nghiên cứu này nhằm khám phá và phát triển những yếu tố trong công trình ào tạo thiêng liêng, một chủng trình thích nghi với các chủng sinh Việt Nam đang sống và sống hành sự trong một bối cảnh luôn luôn biến đổi.

¹³ *Pastores Dabo Vobis...*, ibid., s. 45.

Công trình này cũng giúp họ có khả năng đi đến với những thách thức của phong trào tị nạn, duy nhất, họ nghĩ và chính sách cũng như, vì bình an nội tâm như Chúa Giêsu từng khích lệ (x. Ga 14,27; 16,33).

Như thế, các chủng sinh sẽ có trang bị những phẩm giá tự nhiên và siêu nhiên cần thiết¹⁴ sẵn sàng trở nên những sứ mạng chủng sinh hiện nay, và tiếp tục lên trong sứ mạng phục vụ các linh mục trong tương lai.

Ngay khi nghiên cứu phải tuân theo những nguyên tắc chung do Huân Quy định Hội Thánh đưa ra. Những thách thức cũng phải có những thích nghi những nguyên tắc chung này vì hoàn cảnh lịch sử cụ thể và đặc thù của Hội Thánh Việt Nam. Nghĩa là chương trình đào tạo phải áp dụng và bắt nguồn từ những thực tiễn thực tế xã hội, văn hoá, nhân chủng, lịch sử, các kỹ năng và những nhu cầu thực tế tác động của con người Việt Nam.

Vì những kinh nghiệm sẵn có và phong phú, ngay khi nghiên cứu sẽ phân tích nhu cầu của Hội Thánh nhằm nâng đỡ những người trẻ của vị thánh giáo hoàng. Công trình này cũng sẽ tìm cách kết hợp lý thuyết và thực hành. Mọi người sẽ đi đến theo những cách. Ngay Việt Nam, vì khi nói “Hành động”, mọi người nói rằng vì đức và vị thánh hành phải đi đôi với nhau. Nghĩa là nếu ta chỉ trình bày chương trình đào tạo cho các chủng sinh, những người chính họ lại không tiếp thu chương trình đó thành của mình, thì họ vẫn chưa được đào tạo. Ngay Việt Nam ta còn có một khi nói khác phần ánh khó khăn này: “Nước lá môn” nói lên sự

¹⁴ *Presbyterorum Ordinis*, s. 18-19.

thi u hi u qu , nh n c r i xu ng lá môn không th m n c. Ta c ng tìm th y m t ki u nói t ng t trong th c a thánh Giacôbê v c tin và nh ng hành ng ch ng minh c tin (x. Gc 2,18). i u này nh n m nh n công vi c t ào t o c a ch ng sinh.

Công trình nghiên c u này không t tr ng tâm vào toàn b ch ng trình ào t o các linh m c t ng lai, nh ng ch gi i h n vào công tác ào t o thiêng liêng cho các ch ng sinh, bao g m c vi c linh h ng và i s ng c u nguy n. Đ nhiên, vi c cho r ng mình có th xem xét k càng m i khía c nh c a công tác ào t o thiêng liêng s là quá kiêu c ng. Vì th , ng i nghiên c u ch t gi i h n trong nh ng khía c nh hàng u c a ti n trình này, ch ng trình mà ng i nghiên c u di n t b ng h n t ào T o và T ào T o Thiêng Liêng theo ba th i k : Ti n Ch ng vi n, Ch ng vi n và H u Ch ng vi n, c bi t là trong n m n m u tiên c a i linh m c.

B i c nh c a ti n trình ào t o thiêng liêng này là theo nhãn quan Giáo H i h c c a Công ng Vaticanô II, v Truy n Giáo, v H p Tác v i Giáo Dân, và v i Tho i, nh m nh hình cho các ch ng sinh nên gi ng Chúa Giêsu Nadarét, m u g ng tuy t i c a m i linh m c.

Cu i cùng, ng i nghiên c u s c p n lòng sùng kính c bi t i v i Chúa Giêsu Thánh Th và v i c Trinh N Maria,¹⁵ nh là y u t quy t nh cho s thành công và lòng trung thành c a các linh m c t ng lai.

¹⁵ Optatam Totius..., *ibid.*, s 8; Pastores Dabo Vobis..., *ibid.*, s 82; Ecclesia in Asia..., *ibid.*, s 51; Vi c ào T o Thiêng Liêng n i các Ch ng Vi n, tr.22.

L C TÓM

Mot b n tóm l c c a công trình nghiên c u này s cho th y m t cái nhìn khái quát nh m giúp c gi đ hi u h n.

Tr c h t, ph n u, ng i nghiên c u gi i thi u hoàn c nh c a H i Thánh Vi t Nam và vi c ào t o linh m c t i ây trong t ng quan v i hoàn c nh xã h i Vi t Nam, tr i qua nh ng hi u l m và bách h i c a các tri u i phong ki n, r i nh ng khó kh n và h n ch v m t tôn giáo đ i ch c ng s n.

Hoàn c nh s ng và thi hành s v trong hi n t i c a các linh m c Vi t Nam, c ng nh vi c ào t o thiêng liêng hi n nay cho các ch ng sinh c ng s c c p t i.

Nh ng b i c nh n n t ng, nh ng thách và c h i kh đ này chính là b i c nh trong ó các ch ng sinh hôm nay c ào t o và các linh m c t ng lai s thi hành s v .

Công tác ào t o thiêng liêng và nh ng n l c trong công tác này, nh ng n l c áng k , c n c ti p c n cách thích áng và phù h p v i th gi i ang thay i và v i s m nh tân Phúc Âm hoá c a H i Thánh.

Ph n th hai làm n i b t nh ng ch đ n chính y u trong nh ng giáo hu n c a H i Thánh liên quan t i vi c ào t o thiêng liêng cho các linh m c t ng lai, vi c ào t o kh i u và ào t o th ng xuyên. Nh ng t t ng ch o và quy t nh xu t phát t Công ng Vaticanô II. Nh ng giáo hu n n ày c c ng c và soi sáng nh nh ng v n ki n c a Toà Thánh

và các bài di n v n c a các c Thánh Cha, c bi t là c Gioan Phaolô II. Nh ng giáo hu n y c c th hoá và áp d ng theo nh ng ng h ng c a Liên Hi p H i ng Giám M c Châu Á và theo nh ng ch d n c a H i ng Giám M c Vi t Nam.

H n n a, nh ng suy t th n h c làm sáng t m t s m t trong hình nh các linh m c Châu Á, nh ng ng i v a m nhu n nhân b n v a m nhu n thiêng liêng, d a trên m u g ng c a m i linh m c, là Chúa Giêsu Nadarét, hôm qua, hôm nay và mãi mãi. C n tính linh m c là b t bi n gi a m t th gi i không ng ng bi n i và còn ti p t c bi n i th t mau l .

ph n th ba, vi c ào t o và t ào t o thiêng liêng c a các linh m c t ng lai trong b i c nh Vi t Nam hôm nay c b i c nh hoá theo quan i m c a Giáo H i h c c a Vaticanô II, v Truy n Giáo, v H p Tác v i Giáo Dân và v i Tho i.

Bên c nh vi c i tho i v i các n n V n Hoá, v i các Tôn Giáo khác và v i Ng i Nghèo, hoàn c nh c thù c a Vi t Nam òi h i ph i có cu c i tho i th t , i Tho i v i nh ng ng i C ng S n.

Ph n th t miêu t y và chi ti t vi c ào t o và t ào t o thiêng liêng theo ba giai o n: Ti n Ch ng Vi n, Th i k Ch ng Vi n và n m n m u tiên trong i linh m c c a th i H u Ch ng Vi n.

Giai o n ào t o Ti n Ch ng Vi n là n n t ng tiên quy t trong m i t ng tác gi a ào t o nhân b n, ào t o Kitô

và ào t o linh m c: n u không là ng i t t, không th là Kitô h u t t; và n u không là Kitô h u t t, không th là linh m c t t c.

Giai o n ào t o thiêng liêng Ch ng Vi n là giai o n chính y u và toàn b . Giai o n này c tri n n qua vi c linh h ng, i s ng c u nguy n và i s ng n i tâm, thông qua vi c th c hành hài hoà gi a toà ngoài và toà trong, nh m giúp các ch ng sinh có t do l ng tâm trong vi c quy t nh i s ng c a mình.

Vi c ào t o và t ào t o thiêng liêng nh th c th c hi n b i m t s nhân t ào t o, c th là c ng oàn giáo d c c a ch ng vi n, chính b n thân ng vi ên, các nhà ào t o, v linh h ng, v giám c và h i ng ch ng vi n, nhóm nh b n h u và môi tr ng ho t ng m c v .

Trong su t giai o n này, có m t s vi c l ng nh và t l ng nh, c bi t là s l ng nh cu i cùng gi i thi u các ng viên nh n Ch c Thánh.

N m n m u tiên i linh m c th i H u Ch ng Vi n nh m kích ho t vi c ào t o ã h p th ch ng vi n, nh m giúp các linh m c tr s ng i s ng linh m c và th c thi k l ng s v c a mình gi a lòng Dân Chúa.

t c m c tiêu này, ta c g ng giúp các linh m c tr y m nh nh ng m i liên h hài hoà, quân bình và tr ng thành v i chính mình, v i ng i khác, v i thiên nhiên và m t cách m t thi t v i Thiên Chúa. Ng i ta chú ý c bi t n m i liên h c a h v i các ph n và n tu, trong vi n c nh nh ng m i liên h và cách ng x c a Chúa Giêsu.

Lòng sùng kính nhiệt thành vì Chúa Giêsu Thánh
Th và Mẹ Maria các ngài thi u nh là n i n ng t a và b o
m cho s thành công và n trung thành trong i s ng và s
v c a m i linh m c.

PH N I

B I C NH N NT NG, NH NG THÁCH , C H I KH D C A VI C ÀO T O THIÊN LIÊNG CHO CÁC LINH M C T NG LAI T I VI T NAM

Thiên Chúa th ng kêu g i các linh m c c a Ngài t nh ng môi tr ng nhân sinh và môi tr ng Giáo H i c th . D nhiên các ngài ch u nh h ng c a nh ng môi tr ng y, và r i các ngài c ng c sai t i chính nh ng môi tr ng y ph c v Tin M ng c a Chúa Kitô.¹⁶

i u quan tr ng nh t trong cu c s ng con ng i là bài h c mà h ã ti p thu t quá kh . Không ai thay i c quá kh , nh ng t quá kh , ng i ta có th t o ra và xây p m t t ng lai t t p h n.¹⁷ Nh ng khó kh n và thách c có th tr thành nh ng c h i cho m t công trình b n v ng và ch c ch n.

ó là n n t ng c a ni m hy v ng trong vi c giáo d c, nh t là vi c ào t o thiên liêng, v n là công vi c liên quan tr c ti p n ân s ng Thiên Chúa và s bi n i. Thiên Chúa có th rút ra i u t t lành t i u x u, i u tích c c t cái tiêu c c, và có th bi n i i u t t thành i u t t h n.

Trong tinh th n nh th , tác gi mu n xem xét n n t ng và nh ng thách tr ng trong b i c nh Vi t Nam. Nh th nh ng c

¹⁶ Gioan Phaolô II, *Pastores Dabo Vobis...*, *ibid.*, s 5.

¹⁷ Jose Ma. Ruiz Marquez, "Lectures on History of Consecrated Life"

hội tích các sự khám phá và những hội tích các ý s
 dấn n vì c ào t o thiên liêng thích h p cho các ch ng sinh
 hôm nay; và mai ngày, nh ng nhà lãnh o t ng lai y s
 m nh n vai trò quan tr ng trong vi c xây p N c Thiên
 Chúa trong xã h i Vi t Nam.

CH NG I

XÃ H I VI T NAM

N c C ng Hoà Xã H i Ch Ngh a Vi t Nam là m t n c nh ông Nam Á. D i t có hình ch “S”, v i chi u dài 1.500 d m. Phía b c Vi t Nam tí p giáp v i Trung Qu c, phía ông v à phía nam tí p giáp v i Thái Bình D ng, và phía tây tí p giáp v i Campuchia và Lào. Di n tích toàn b t n c kho ng 127.600 d m vuông, v i 2.500 h i lý b bi n. Dân s t i Vi t Nam kho ng b y m i tám tri u, v i kho ng hai tri u ng i Vi t phân tán trên kh p th gi i. Kho ng tám m i ph n tr m dân s là ng i Kinh, s còn l i thu c n m m i t nhóm thi u s riêng r .¹⁸

N c Vi t Nam ã ch u ách ô h c a Trung Qu c trong kho ng m t ngàn n m, ách th c dân Pháp trong m t tr m n m, và m t cu c n i chi n kéo dài ba m i n m,¹⁹ v i s can thi p c a ngo i bang c hai bên chi n tuy n sau cu c chia ôi t n c vào n m 1954.

L ch s dài ph i u tranh t n t i nh th ã khuôn úc n i dân t c Vi t Nam m t tính cách ph c t p, th m chí mâu thu n. H iên nh n và yêu hoà bình, nh ng ôi khi l i hi u chi n và ph n

¹⁸ Vietnam Country Profile, lcweb2.loc.gov/frd/cs/vntoc.html, truy c p ngày 3-11-2004.

¹⁹ William J. Duiker, “Vietnam,” CD-Rom Microsoft ® Encarta © Encyclopedia 2004.

ing i ngo i qu c. H v a sùng oliv a ch ng tôn giáo. Tâm th c ph ct p này, cùng v i quan i m tôn giáo – chính tr c a h ã t o nên m t b i c nh t nh và n nt ng a đ ng đ n n nhi u thách và c h i kh d trong m i lãnh v c c a c u c s ng.

i u này úng cho ng i Vi t Nam, c ng nh ng i ngo i qu c, là khi nhìn l i quá kh không nên hàm ý phàn nàn, nh ng úng h n là c mu n s đ ng bài h c quá kh nh m xây p m t t ng lai t t p h n.

A. B i C nh L ch S Liên H n Th i Phong Ki n

1. Nguyên Do Gây Hi u L m Và Bách H i Tôn Giáo

a. Ý Ngh a ích Th c C a o Ông Bà

o Ông Bà b t ngu n t th a ban u trong lòng dân t c Vi t Nam. Lòng tôn kính ông bà t tiên là bi u hi n tôn giáo quan tr ng i v i h .²⁰ H tin r ng n u nh sông có ngu n, cây có c i, thì ngu n c i c a con ng i là t tiên, và v i c tôn kính t tiên là b n ph n quan tr ng nh t c a h . ó là lòng kính tr ng tri ân và tình con th o c a con cái i v i t tiên, ông bà cha m , còn s ng c ng nh ã qua i. M i gia ình u có bàn th t tiên.

Tâm i m c a s tôn kính này là Ông Tr i, t ng ng v i ng mà chúng ta g i tên là Thiên Chúa. Ngài là h u th t i cao, là v ch huy l n nh t c a m i th t o h u hình và vô hình. M i ng i u ph i tôn kính Ngài v i lòng bi t n. Ng i Vi t Nam tin r ng Tr i là tuy t i và vô biên. M i bàn th trong nhà u không x ng áng Tr i ng ó. Nh ng

²⁰ Ph m Công S n, *Gia L X a và Nay*, Ngụy n Bình T nh trích đ n trong *V n Th Cúng T Tiên*.

có một bàn thờ nhốt bên ngoài, cũng gọi là Vọng Thiên, có nghĩa là hướng về Trời. Trên bàn thờ này, người ta dâng hoa trái, đồ tế trãi cao, Ông Trời sẽ nhìn thấy và chấp nhận lòng thành của con người.

Bên dưới Ông Trời là Vua, Thiên, và Cha Mẹ. Người ta cũng nghĩ thế khác biệt sau đây: Vua cai trị và thiên dân của ngài tuân hành luật của ngài vì lòng tri ân; người Thiên đay đay và học trò thế hành lễ giáo huấn của Thiên vì lòng biết ơn. Không có bàn thờ cho Vua và Thiên. Chỉ có tế tiên và cha mẹ là có bàn thờ trong nhà, nhà thờ tế tiên và cha mẹ của con cháu tôn kính. Chính vì c tôn kính tế tiên nhà thờ khi n con cháu hi p nh t v i nhau. Nhà thờ, con cháu có thể theo lui và duy trì di sản, vật chất cũng như tinh thần, mà tế tiên truyền lại. Ý thức về tế tiên nhà thờ giúp mọi người thành phố nâng đỡ lên theo nhu cầu kích.²¹

Sau này, Nho giáo, Lão giáo và Phật giáo du nhập vào Việt Nam và ảnh hưởng ở Việt Nam dần dần chấp nhận, là vì những tôn giáo này có nhu cầu tự nguyện vì vì c tôn kính tế tiên. Dần dần, những tôn giáo này trở nên đồng hoá với văn hoá và tâm thức người Việt Nam.

Trời qua thời gian, vì c tôn kính tế tiên ảnh hưởng dần dần và kết hợp thành một sự tự nhiên của những thói quen của niềm tin và tôn giáo bình dân, và thậm chí mê tín. Chính những thói quen phức tạp sau này mà nhu cầu người ngoại quốc hiện

21 U Ban Giám Mục Việt Phúc Âm Hoá, *Thần Ngụy ngữ Hịch Giám Mục Việt Nam* (Nha Trang, 19-4-1972), trong *Tổng Giáo Dân* (12-1972): 67-68.

l m ó là vi c tôn kính t tiên. S nh m l n l n t i m c ngay c m t s ông ng i Vi t Nam hi n nay v n còn hi u l m nh th .

b. Vai Trò T i Cao C a Ông Tr i

Theo suy ngh truy n th ng c a ng i Vi t Nam, Ông Tr i có vai trò t i cao và v t trên t t c . Chính Ông Tr i cai tr m i ng i và m i v t: “L i Tr i l ng l ng, th a nh ng khó l t.” i m t v i kho ng cách giàu nghèo quá l n, ng i nghèo phàn nàn: “Tr i sao Tr i không cân, k n không h t ng i l n không ra.” Ng i ta th ng kêu xin Tr i giúp, hay kêu xin công lý.

Ch có Ông Tr i m i áng h ng s tôn th cao nh t. c Vua c coi là “Thiên T ” (Con Tr i), là i di n c a Tr i, và cai tr dân chúng. Chính c Vua c ng ph i th Tr i. B ng ch ng c a i u này là bàn th ngoài tr i t i Nam Giao, Hu , Vi t Nam, c ng gi ng nh i n Kính Thiên t i B c Kinh, Trung Qu c. N i c dành cho Tr i nh th c ng t ng t nh n i tr ng nh t dành cho Thiên Chúa trong Kitô giáo.

Ông Tr i trên t tiên ch t tiên không trên Ông Tr i. T tiên r t c kính tr ng và tôn kính m t cách g n g i, nh ng vi c th kính t tiên không c xem gi ng h t v i vi c tôn th Thiên Chúa.²²

c. L i Hi u Nguy H i

Trái l i, vì s hi u l m v vi c th kính t tiên gi ng nh là vi c “th ng u t ng,” các th a sai Châu Âu ã

²² U Ban Giám M c v Phúc Âm Hoá, *Th nh Nguy n...*, ibid.

phân biệt một cách hợp lý và hợp vệ sinh về mặt tinh thần Thiên Chúa mà không ảnh hưởng. Vì vậy, họ đã yêu cầu các Kitô hữu tân tông phải giữ bản chất tiên thiên của mình. Hành động này gây ra một phản ứng rất mạnh mẽ của dân chúng và giới quan quyền Việt Nam, dẫn tới một kết luận nay vẫn còn, và ngay cả những tín đồ Tin Mừng. Ngài nói rằng “theo Công giáo là một bản chất tiên.”²³ Họ quả là Công giáo bản chất và các Kitô hữu bách hại. Đây là một lý do rõ ràng giải thích tại sao người Công giáo Việt Nam chỉ là một thiểu số, dù Công giáo đã có các thừa sai ở Bắc Kỳ, Tây Bắc Kỳ và Pháp thuộc này bên trong miền nam (1633).

d. Công giáo và Cộng hòa

Trong những năm cuối của thế kỷ 19, Hội Thánh Công giáo phải chịu sự biến đổi và tái cấu trúc trong cách nhìn và cách liên hệ với nền văn minh Á Châu, khi họ cho công cuộc Tân Phúc Âm hoá. Khi Hội Thánh ý thức về những thách thức, Hội Thánh đã thay đổi lập trường của mình và bắt đầu kính trọng vị tôn kính tiên thiên Trung Quốc với *Hun Th Plane Compertum Est* (8-12-1939), và sau này tại Việt Nam từ năm 1964.²⁴ Trong chiều hướng này, Hội Thánh có một quan niệm mới về vị tôn kính văn minh. Đó là một quyết định tập thể và thích ứng, nhưng nó, quyết định này không thể chấp nhận thái thù địch vẫn còn tồn tại trong người Việt Nam. Sai lầm quá khứ của chúng ta trình bày trong phần mở đầu Kitô giáo về các chủng tộc. Một di sản phù hợp cho văn

²³ Nguyễn Bình Tĩnh, *Văn Thuyết Công Giáo Tiên* (Hà Nội, 2004).
Chưa rõ năm hành.

²⁴ Nguyễn Bình Tĩnh, *Văn Thuyết Công Giáo Tiên* ..., ibid.

này chính là nh h ng d n t i i tho i và h i nh p v n hoá.

e. Lý Do Chính Tr C a Nh ng C ng Th ng, Xung t Và Bách H i

Bên c nh nh ng lý do mang tính v n hoá và tôn giáo c nêu ra trên ây, c ng nh nh ng xung t do nh h ng c a m ts th c hành c a Ph t giáo và c a m ts truy n th ng và giá tr c a Kh ng giáo, còn có nh ng c n c khác d n n s c ng th ng th ng xuyên gi a các nhà th a sai và gi i quan quy n a ph ng trong các lãnh v c chính tr , kinh t và xã h i.

Trong th i gian ng i Pháp chi m Vi t Nam làm thu c a, th t khó phân bi t gi a các v th a sai Kitô giáo và nh ng k chinh ph c, nh ng k ã bi n n c Vi t Nam thành m t thu c a c a n c Pháp. Gi i quan quy n ng i Vi t, v n ho t ng trong h th ng phong ki n, ng hoá các v th a sai ngo i qu c v i nh ng k chinh ph c và nh ng tên th c dân. Do ó ng i Pháp, dù h là ai i n a, c xem là nh ng k t c o t ch quy n qu c gia. Vì th , gi i quan quy n a ph ng coi các Kitô h u b n a nh nh ng k bán n c và ph n b i; và h b k t t i là c v cho s tha hoá và m t b n s c dân t c v m t v n hoá. S hi u l m này d n n h u qu là cu c bách h i các Kitô h u, và thái thù ngh ch gi a các Kitô h u và l ng dân. i u này li càng úng h n d i tri u i Nhà Nguy n,²⁵ giai o n thu c ba tri u i Minh M ng, Thi u Tr và T c.

S m ng c a th h Kitô h u m i t i Vi t Nam, c bi t là các v lãnh o Giáo H i, là khích l vi c i tho i b ng ch ng tá và b ng l i s ng, nh m t o nên s hi u bi t gi a m i thành ph n dân

²⁵ The Episcopal Conference of Vietnam, *Communion and Solidarity* (Washington D.C, November 2003), trang 4.

t c. ó là con ñg Phúc Âm hoá t tr ñg tâm vào ñ c u c a toàn th ñhân lo i. ó là s m ñh và m c ích cái ch t và ph c sinh c a Chúa Giêsu, v Linh M c Th ñg Ph m. Vì th , vì c ào t o toàn di n cho linh m c t ñg lai ph i t n n t ñg trên ñh ñg ñh n th c này, ñh m thúc y s hi u bi t và ch p ñh n l n ñhau, ñh ñh ñg cu c g p g và trao i. M i ñg i s ñh n ra r ñg thành ki n c là vô c n c và xu t phát t b i c ñh chính tr l n l n và ph c t p c a l ch s t n c.

B. B i C ñh L ch S Liên H v i Giai o n C ñg S n

1. Nh ñg M i Liên H Gi a Giáo H i Vi t Nam và Chính Quy n C ñg S n

a. Giai an i u

ñg C ñg S n c khai sinh ñày 3-2-1930, trong cu c chi n ch ñg l i ch ñh a qu c, và ñh m n c l p dân t c. Do ý th c h vô th n c a Ch ñh a C ñg S n, m t Tuyên B c a hàng Giám M c t i Hà N i n m 1951 ã k t án ch ñh a c ñg s n và ra v tuy t thông ñh ñg ai vào ñg.²⁶ Do ó, m i liên h gi a H i Thánh Công giáo và Chính Quy n C ñg S n ñày càng tr ñh n c ñg th ñg.

Th t b i c a n c Pháp t i chi n tr ñg i n Biên Ph n m 1954 ã k t li u ch th c dân t i Vi t Nam, ñh ñg t n c b chia ñi t i v tuy n m i b y theo Hi p ñh Gi nev . ñi m i n B c, ñg i c ñg s n cai tr v i s ñh ñh c a Trung Qu c và Nga. M i n Nam theo ch ñh ñh a qu c gia v i s ñh ñh c a Hoa K và các ñg ñh ñh. Cu c phân tranh này gây ra m t cu c n i chi n m máu kéo dài t i ñg ñy 30-4-

²⁶ Các Giám M c ñng D ñg, *Th M c V 1951*, Lavang.co.uk/TTMVLondon/GiaoHoiVietNam, truy c p ñày 21-10-2004.

1975 v i chi n th ng c a mi n B c, ánh d u m t kh i i m m i trong l ch s t n c. K t qu c a chi n th ng này là vi c th ng nh t t n c. Ng i C ng S n Vi t Nam r t t hào v th ng l i c a h i v i M , m t n c v n c xem là qu c hùng m nh nh t. Nh ng th c ra, th ng l i thu c v c dân t c Vi t Nam; ng C ng S n ch là nhà t ch c và lãnh o dân t c thành công trong cu c chi n.

M i liên h gi a ng i Công giáo v i Chính Quy n C ng S n trong m t th i gian dài mang tính ch t i u. Ng i c ng s n r t nh y c m và t ra nghi ng i v i ng i Công giáo. M i th liên quan n Giáo H i u b Công An ki m soát g t gao. Giáo H i b bu c ph i s ng d i ch h n ch và ki m soát kh t khe. Ví d ch c d y v tôn giáo trong nhà th ; các bài gi ng b giám sát; vi c x ng t i b ng n c n. Sách v và các t p chí th ng k b ình b n ho c t trong ch ki m soát g t gao. t ai thu c s h u c a Giáo H i và nhà c a b tr ng thu, bao g m c các tr ng h c, b nh vi n, tr i tr m côi và m t s nhà th , tu vi n. Ng i tr Công giáo không c tham gia ph c v trong quân i, không c vào trung h c hay i h c. T i nhà tr ng, sinh viên b nh i nhét nh ng ki n th c i kháng v i c tin Công giáo.

b. Giai an Hi u Bi t Và C ng Tác

Không ai có th ph nh n nh ng i u ã x y ra trong quá kh . Nh ng th t may m n là m i liên h ã chuy n sang h ng hi u bi t và c ng tác: ngay sau khi t n c th ng nh t, Giáo H i Công giáo t i Vi t Nam ã b t u canh tân nhân quan c a mình: Trong th m c v n m 1976, các Giám M c Mi n Nam Vi t Nam ã c g ng em n s hoà gi i v i s lãnh o c a ng i c ng s n, và kêu m i ng i Công giáo ón nh n di n bi n l ch s và c ng tác. Nh ng ng h ng

y c tóm tắt trong câu: “Tích cực ủng hộ biện pháp dân thân và phục vụ gia lòng Dân tộc Việt Nam hôm nay.”²⁷

Các vị lãnh đạo Giáo Hội đã khích lệ các Kitô hữu trở nên thành phần của cộng đồng dân tộc, chung tay “vì miền quê xây dựng đất nước, và làm nhiệm vụ gì lợi ích chung cho cộng đồng dân tộc mà không nghĩ chỉ vì lợi ích tin và lòng tâm Kitô giáo.”²⁸

Từ 24 đến 30-4-1980, Hội Nghị Các Giám Mục Việt Nam tại Hà Nội đã ra Thông Mục Vụ kêu gọi người Công giáo “sống Phúc Âm gia lòng dân tộc phục vụ hạnh phúc của người bào.”²⁹ Và Thông Mục Vụ năm 2001 khẳng định: “Ta phải tiếp tục nâng đỡ những hành vi dân tộc, công minh, chia sẻ hy vọng và lo âu của dân tộc trong tiến trình phát triển xã hội và thế giới.”³⁰

Trong khi đó, Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II khuyến khích: “Hội Thánh tin vào một sự tác động lành mạnh vì chính quyền nhằm xây dựng một xã hội công bằng nhằm lợi ích của mọi công dân, đức dấn dật bền vững tinh thần thi hành.”³¹

²⁷ H GMMNVN, *Thông Mục Vụ 1976*, s. 3.

²⁸ *Thông Mục Vụ 1976*, s. 6.

²⁹ Hội nghị Giám Mục Việt Nam, *Thông Mục Vụ 1980*, s. 13.

³⁰ H GMVN, *Thông Mục Vụ 2001*, s. 9.

³¹ “The Church is waiting for the Total Respect of its Autonomy” (Vatican, January 22, 2002), Zenit.org/english, truy cập ngày 25-12-2004.

Hàng năm, một phái đoàn của Tòa Thánh visit Việt Nam theo luận văn này của Giáo Hội địa phương về các quan chức Việt Nam. Và trong tháng 6 năm 2003, Hội đồng Giám mục Việt Nam đã thúc giục người Công giáo công bố Tin Mừng qua các phương tiện truyền thông và thi hành những gì không Công giáo.

c. **Những Trăn Trăn Mâu thuẫn Do Hoàn Cảnh Mới Gây Nên**

Có những ý kiến khác nhau trong những bài báo Công giáo. Thứ nhất, nhìn vào mặt tốt, hai người có thể thấy nó một cách khác nhau.

Thứ hai, năm 1986 là một bước ngoặt quan trọng về Việt Nam, bước ngoặt chính là Đổi Mới, do yêu cầu về cách kinh tế mà các hoạt động chính trị và thái độ của Chính Quyền Cộng Sản về các Tôn Giáo cũng như những tích cực. Những văn bản “Có hay Không có tổ chức tôn giáo tại Việt Nam” là một văn bản khó có câu trả lời dứt khoát. Mọi chuyện đều dựa vào các mối liên hệ giữa các lãnh đạo Giáo Hội địa phương và các quan chức Chính Quyền địa phương. Về những mối liên hệ tốt đẹp, mọi chuyện đều có thể. Về những mối liên hệ không tốt, hầu như không có gì có thể có làm được gì cả.

Sự phân biệt rõ ràng thế nào gây ra những ảnh hưởng không chính xác trong những bài báo Giáo Hội địa phương. Người “cộng tin”, hay “những người Công giáo có văn hóa cũ”, cũng như cho nhân viên “quản doanh” hay “giáo gian.” hiện nay phá vỡ sự hiệp nhất của Hội Thánh, Thân Thể Chúa Kitô. Tại sao những người của Thiên Chúa lại không vượt qua những trở ngại khi bắt đầu ngay trong những bài báo Giáo Hội?

Th t tuy t v i khi ta bi n thù thành b n và th t t i t khi ta bi n b n thành thù. M t ch ng trình ào t o thiêng liêng thích h p t i Vi t Nam hôm nay không c phép quên nh ng nhân t y trong ng h ng “s ng Phúc Âm gi a lòng dân t c, xây d ng m t n p s ng và m t l i di n t c tin phù h p v i truy n th ng dân t c.”³²

d. D u Ch C a Ni m Hy V ng

D i cái nhìn toàn di n, hi n nay có m t s c i m áng k so v i th i i m ng i c ng s n b t u cai tr . M c son quan tr ng nh t là s tái l p sáu i Ch ng Vi n trên toàn qu c v i trên tám tr m ch ng sinh t hai m i l m giáo ph n. Vi n t ng này càng tr nên l c quan theo s th ng kê n m 2003 v con s ch ng sinh: m t ngàn không tr m tám m i l m ang h c trong các ch ng vi n, hai tr m b n m i m t ã mẫn tr ng (trong s ó, m t tr m ã c truy n ch c linh m c) và m t ngàn b y tr m m i hai ang ch i.³³

2. c Quy n Giáo D c T i Vi t Nam

Giáo d c c xem là nhân t quan tr ng nh t, vì giáo d c xây d ng con ng i và tác ng t i m i chi u kích c a cu c s ng c ng nh các ho t ng trong xã h i. Giáo viên c nh ngh a là k s tâm h n.

Tr c n m 1954, Vi t Nam ch u nh h ng c a h th ng giáo d c Nho giáo, và r i ch u nh h ng h th ng c a Pháp. Sau n m 1954, mi n Nam s d ng h th ng c a Hoa K và mi n B c t n n t ng h th ng giáo d c c a mình trên các h c thuy t c a

³² H GMVN, *Th M c V 1980*, s 11&13.

³³ The Episcopal Conference of Vietnam, *Communion and Solidarity* (Washington D.C, November 2003), trang 15.

Karl Marx và Vladimir Lenin nhằm xây dựng xã hội Cộng Sản Chủ Nghĩa.

Vào năm 1975, miền Nam bị chinh phục, và hệ thống Cộng Sản lan ra khắp đất nước. Đảng Cộng Sản chủ nghĩa Lenin giáo dục do nhà nước không công nhận, và muốn thay thế bằng nhà giáo dục cá nhân riêng lẻ. Do vậy, họ bắt các trẻ em và các thiếu niên các Giáo Hội do các tu sĩ thực hiện bắt buộc. Nhiệm vụ trung tâm hệ thống cộng sản là đem ra biển khơi miền Nam thành “con người mới” xã hội chủ nghĩa. Vì thế, nhà giáo dục hiện nay có hình thức công nhận: một kiểu quy định về giáo dục tại Việt Nam.

Tuy nhiên, ta cần không quên rằng chính phủ hiện nay: Chính Phủ Việt Nam đã chấp hành cho các trẻ em trong nước. Dù vẫn còn là một đất nước nghèo vì thiếu nhân lực theo đúng nghĩa, Việt Nam cũng đã không ngừng tiến hành thành tựu lao động trong giáo dục, và đã đạt được những thành tựu đáng kể, so với các quốc gia cùng thu nhập tính theo đúng nghĩa.

3. Một Kiểu Tôn Giáo Mới

Trên bình diện toàn cầu, chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa tiêu thụ đã nổi lên như một hệ thống tư tưởng, hệ thống quan tâm tới những gì liên quan đến Thiên Chúa, và bằng cách thức hành tôn giáo, cũng là “vô thần thánh.” Trong bối cảnh này, một kiểu tôn giáo mới mong muốn xây dựng tại Việt Nam: dường như có một kiểu tôn giáo mới, hệ thống tôn giáo có thể gọi là “tôn giáo Chính Quy.” Thực ra, họ như một quan chức và các nhà lãnh đạo trong xã hội Việt Nam đều là thành viên của hệ thống công nhận. Đảng Cộng Sản dường như thành công trong việc áp dụng hệ thống công nhận thông qua quy định giáo dục, và tôn vinh Chủ Nghĩa Chí Minh như

anh hùng và người cha già của tất cả. Tổng Chủ tịch Hồ Chí Minh kính trọng những công nhân quản trị ngành dệt. Một vài người trên tất cả, người ta xây dựng ngành dệt Hồ Chí Minh là ngôi nhà dành cho mọi thành viên của một khu tôn giáo mới. Không ai có thể phân biệt công lao của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong công cuộc giải phóng tất cả, những người họ đang dệt mang một ý nghĩa mới và khác biệt.

4. Phê phán Tôn Giáo Bình Dân

Một hiện tượng khác đáng ghi nhận. Khi thăm quyên trên toàn cõi Việt Nam, các viên chức chính quyền công nhân phá hủy mọi ảnh hưởng là những niềm tin đạo. Những bài giảng, những áp dụng những nguyên tắc của việc nghiên cứu đã làm cho người các tôn giáo, và những áp dụng như một mối liên hệ do tôn giáo, những áp dụng những lợi ích và sự sùng bái nhân gian. Các lợi ích và sự sùng kính bình dân là điều mà dân chúng quen thuộc. Việc truyền bá những hành động truy tìm tôn giáo bình dân là một thách thức mới đối với việc nghiên cứu những hình thức của Hồi Thánh. Công tác đào tạo cho những sinh viên cần học và phân tích một cách trực tiếp về vấn đề này.

5. Phê phán Những Niềm Cảm Tưởng Thành Tín

Điều đáng nghiên cứu của niềm này, những người bị bỏ quên vì cảm thức của thái độ việc nghiên cứu chuyên nghiệp và thái độ tôn giáo của người trẻ. Những người chỉ nhìn vào những hình thức của con người thì sẽ mãi cho đi. Những công tác đào tạo thiêng liêng cho các chức năng sinh động nhiên phải trang bị cho những người sử dụng mà những người trẻ lại cho những thách thức này.

Và điều quan trọng hơn là phải hiểu rằng công tác đào tạo thiêng liêng là vì các Thiên Chúa đã sẵn sàng để các Chúa

Thánh Th n, ch không ch gi n n là vi c phạm nhân c a các nhà ào t o. i u này không có ngh a là chúng ta b qua nhu c u ào t o s thánh thiêng và khôn ngoan cho con ng i. i u này giúp chúng ta it i trong c tin và c c y, h n là lo âu s s t.

C. Nhân T V n Hoá Trong Tâm Th c Dân T c

1. T Ng Uy n Chuy n n Gi u C m Xúc Chân Th t

T t nh t là ng quên tâm th c c a ng i Vi t Nam. Có s khác bi t áng k gi a ph ng ông và ph ng Tây trong cách nói và tí p c n v n .

Ng i ph ng Tây có xu h ng t bày t m t cách th ng th n, d t khoát, và y v m t v n ang tranh cãi. H th y nh ng mâu thu n và ph n ng l i v i nh ng mâu thu n y. Ví d , vì th y mâu thu n gi a vi c th kính t tiên v i vi c th ph ng Thiên Chúa, h yêu c u b t c ng i Vi t Nam nào theo Công giáo c ng ph i b vi c th kính t tiên và phá h y bàn th dâng kính t tiên. Nh ng khuynh h ng này d gâ y ra xung t và c ng th ng.

Trái l i, ng i ph ng ông, trong ó có ng i Vi t Nam, l i h t s c tránh xung t và c ng th ng, nh ng tìm cách duy trì s hài hoà. H có xu h ng nói và ph n ng không tr c tí p. H ch trình bày m t ph n hoàn c nh, n u nh ph n còn l i gâ y ra b t thu n hay c ng th ng. H duy trì tính uy n chuy n trong l i nói và trong s im l ng. Vì th , h có th ho c ngoan ngoãn, ho c r t ngoan c . Nh ng ki u ng x nh v y khi n ng i ph ng Tây th t khó mà hi u c. Có th h r t ph n i m t quy t nh, nh ng r i h s nói “ C”, hay “VẮNG”, ho c “CÁM N.” L i nói c a h có th trái ng c v i suy ngh c a h . i v i ng i ph ng Tây, ó là m t l i nói d i; nh ng i v i ng i Vi t Nam, ó là s th n tr ng

iv ing i khác. Chúng ta có th th yr ng hi u c i u mà m t ng i ph ng ông th c s mu n nói, ta ph i gi i mã “g ng m t,” ngôn ng và c ch c a ng i y. Và h u h t ng i ph ng Tây thi u s nh y c m i v i v i c gi i mã nh th .

2. **Phân Bi t Gi a Ph c Tùng Mi n C ng Và Vâng L i Th t Lòng**

Qu th c, c n phân bi t ba lo i từng ph c: “Quy n ph c, lý ph c và tâm ph c” (từng ph c do quy n l c, từng ph c do lý l , và từng ph c do con tim). Trong ba th , từng ph c do con tim (tâm ph c) là quan tr ng nh t, b i vì có th có s từng ph c do quy n l c và do lý l , nh ng không có s từng ph c do con tim. Ng i Vi t Nam có th vâng l i m t cách mi n c ng nh ng ng i có quy n l c hay gi i lý l , nh ng r i khi nh ng ng i y không còn quy n l c hay nh nng lý l áp t n a, thì c ng s không còn s từng ph c n a! H nh n nh: “T c n c v b ”, ngh a là s c m nh âm c a dòng n c có th phá v con ê. Trong nh ng tr ng h p nh th , ph n ng khôn ngoan là “ ào sâu lòng sông và kh i dòng cho n c ch y” (ây mu n nói t i lòng ng i và nh ng b c xúc c a con ng i). N u nh ta chỉ m c trái tim h , h s hoàn toàn vâng ph c và trung thành v i ta, dù ta có thêm hay b t quy n l c và lý l .

ó là h qu do ách ô h m t ngàn n m c a ng i Tàu và m t tr m n m c a ng i Pháp. Dân Vi t hi u r t rõ “lý c a k m nh” và h ý th c c s y u kém c a mình, nên h ph i kiên trì ch i n m t th i i m thích h p vùng lên. Ng i kho dùng s c, k y u dùng m u. H ph n kháng m t cách nh nhàng tr c u y quy n nh m tìm ki m lòng tr c n. N u không thay i c gì, h ph n ng m t cách tiêu c c ho c th ng. Rút cu c h s d ng bi n pháp b t b o ng và b th p tác: “Kính nhi vi n chi.”

3. **c i m a Ph ng Trong Quê H ng**

Vấn đề tâm lý của người Việt Nam, thậm chí có những khác biệt mang tính địa phương: Người miền Nam có khuynh hướng dõng dạc và nhu cầu mạnh mẽ về những hình thức tôn giáo, những hình thức lễ nghi của người. Người miền Trung có các hai khuynh hướng sâu sắc và ngược nhau, những hình thức nghi lễ thường khép kín, và thường mang tính kín đáo. Một số người miền Bắc có khuynh hướng văn minh, và có xu hướng cởi mở, những hình thức nghi lễ thường giản dị, thậm chí là hình thức nghi lễ đơn giản như các việc cúng kính và thực hành tôn giáo.³⁴

4. Khuyên Cáo Hữu Ích Cho Việc Đào Tạo Thiêng Liêng

Thậm chí ngay cả những nhà nhân văn, những nhà nhân văn học cũng bị tác động của văn minh, những thay đổi trong lãnh vực kinh tế và giáo dục, v.v... đã giúp biến đổi những phẩm giá và tiêu chuẩn. Tuy nhiên, xây dựng các giá trị và các phẩm giá các cách sống sinh trong tiến trình đào tạo, những người chịu trách nhiệm việc đào tạo thiêng liêng, cần nhớ rằng đào tạo toàn diện, cần phải tâm niệm những khó khăn này. Siêu nhiên không xa lạ hay trái ngược với tự nhiên; ngược lại, siêu nhiên ngay trong tự nhiên nâng cao và hoàn thiện tự nhiên.

³⁴ “Grassroots Exchange Will Lead to Useful Dialogue” (Hu, 28-5-2002), Ucanews.com/archives, truy cập ngày 3-11-2004.

CHƯƠNG II

GIÁO HỘI VIỆT NAM VỀ CÁC CHỨC VỤ VÀ HÀNG GIÁOS

A. Quan hệ giữa Các Lãnh đạo Giáo Hội Việt Nam

Trong quá khứ, theo triết lý chính trị và luân lý Khổng giáo, lòng trung thành với cha mẹ, vì cớ cúng dốt tiên sư xem là một luân lý bố đũa cứu vãn nghiệp Việt Nam. Phật giáo cũng đã có những ảnh hưởng lớn trong cuộc sống và triết lý dân tộc. Công giáo cũng tiếp nhận những làm tôn giáo ngoại lai và phi chính thống một giai đoạn bách hại khắc nghiệt kéo dài. Trong suốt giai đoạn 1954-1975 này, hơn một triệu ba mươi ngàn người Công giáo Việt Nam chịu đói và mất mát mất mát bị bạo lực phong thánh. Những máu các vị tử đạo đã trở thành hạt giống sinh ra các Kitô hữu và các tín đồ mới trong một thế hệ thành tôn giáo lớn nhất hai triệu Việt Nam, sau Phật giáo.

Trong hiện tại, đã có một sự thay đổi trong mối liên hệ giữa Giáo Hội Công giáo tại Việt Nam và Chính Quyền Cộng Sản. Các Giám Mục Việt Nam, trong những Tháng Mười Năm, đã bày tỏ lòng tin kiên trung vào Thiên Chúa bằng những thái độ quan tâm và nhân quan tâm của mình. Các ngài không còn quá chú ý vào quá khứ, những nhìn về tương lai với lòng tin tưởng. Các ngài muốm đem đến Dân Chúa những việc xây dựng quê hương và Giáo Hội. Trong Tháng Mười Năm 2001, các ngài lên tiếng: “Chúng tôi vui mừng tận Thiên Chúa Cha vì yêu thương đã ban Thánh Thần Thần Thánh”

n ho t ng không ng ng trên chúng tôi c ng nh trên anh ch em, giúp chúng ta s ng c tin trong t ng giai o n l ch s c a t n c.”³⁵

Ta có th nói r ng các v lãnh o Giáo H i Vi t Nam, theo truy n th ng, chú tâm vào Chúa Giê-su, là u c a H i Thánh. L i kh ng nh c a sách Kh i Huy n v ng l i l p tr ng c a các ngài: “Này ây Ta i m i m i s ” (Kh 21,5). Thánh Phaolô còn nói rõ h n: “Phàm ai trong c Kitô u là th t o m i. Cái c ã qua, và cái m i ã có ây r i” (2 Cr 5,17). Các v lãnh o Giáo H i Vi t Nam mu n ti p t c ti n trình thay i này: m t s thay i con tim, tâm th c, cu c s ng và l i s ng. Nh ng không ph i s thay i, mà tinh th n theo Chúa Kitô m i là v n ch o.

Th c th , m i vi c Chúa Kitô làm u mang d u n c a thay i, thay i t c sang m i, t i u c trông i n i u b t ng : Ngài ng i n v i ng i nh ng t i l i, nói chuy n v i ng i Xamari, v t quá lu t ngày Xabát, yêu th ng k thù, chìa má bên kia và Ngài hy sinh m ng s ng vì ng i khác. M i hành ng y u là nh ng thay i. Qua nh ng thay i y, H i Thánh c sinh ra, và hôm nay, c ng qua nh ng thay i nh th mà H i Thánh còn t n t i và ti p t c s ng ng. Lu t c a s s ng và sinh tr ng là thay i, và m i ch ng ng sinh tr ng c a con ng i u c ghi d u b ng nh ng thay i quy t nh, t lúc c sinh ra cho n lúc ch t i.³⁶

³⁵ H GMVN, Th M c V 2001, s 2.

³⁶ Ruben M. Tanseco, “Affectivity, Sexuality, and Intimacy in Religious and Priestly Formation,” *in For Faith and Service: Towards the Integral Formation of Filipino Priests and Religious*. (Philippines, 1973-1982), tr. 60-75.

Chính trong ánh sáng và tinh thần của sự phát triển mang tính lịch sử như thế mà những người có thể hiểu được những đặc điểm lãnh đạo Giáo Hội Công giáo tại Việt Nam. Các ngài ý thức được tính mang tính sinh tử và trách nhiệm của mình là một trách nhiệm tiêu cực.

Tuy nhiên, những nghiên cứu nghiêm túc nhìn nhận những thách thức trên đây có thêm thông tin về bối cảnh của việc tạo ra những liên hệ với các chức năng sinh tử tại Việt Nam hôm nay. Công việc tạo ra này, với những khó khăn liên quan, thì tất nhiên và có ý nghĩa sống còn đối với Giáo Hội địa phương.

B. Sáu Chức Năng Của Giáo Hội Công Giáo Tại Việt Nam

Đến Chính Quy định Công Sản, những chức năng của mình bị cắt, sau năm 1954, và mình ở Nam, sau năm 1975, được bổ sung các: “các sứ mạng tôn giáo tại Việt Nam chủ yếu là kiểm soát các hoạt động thông qua vào năm 1977, cũng là nghị quyết 297, được chấp nhận năm 1986.”³⁷ May thay, với chính sách I M I, các cách kinh tế vào năm 1986, người dân chúng tôi chút chút, những người còn rất nhiều khó khăn: “Việc xem xét và chấp thuận cho các chức năng viên chức và việc chiêu sinh vào chức năng của các cơ quan chính quy định kiểm soát. Các cơ quan này cũng kiểm soát về các biện pháp và thuyết phục các giáo sĩ.”³⁸

³⁷“Vietnam Church Trains Priests Despite State-imposed Limitations” (Ho Chi Minh City, July 16, 1992), Ucanews.com/ archives, truy cập ngày 29-9-2004.

³⁸ “Vietnam Church Trains Priests Despite State-imposed Limitations” (Ho Chi Minh City, July 16, 1992), Ucanews.com/ archives, truy cập ngày 29-9-2004.

Nhưng rồi, do lý yêu cầu của Hội đồng Giám Mục Việt Nam, các chức vụ này được Chính Quyền cho phép mở cửa trở lại trong những năm từ 1987 đến 1994. Những chính quy định đã ban hành Giáo Hội Việt Nam với sáu chức vụ này, hai chức vụ này cho mỗi giáo phận: Hà Nội và Vinh miền Bắc, Huế và Nha Trang miền Trung, Thành Phố Hồ Chí Minh và Cần Thơ miền Nam. Các chức vụ này được phép tuyển sinh hai năm một lần.

Năm 1993, Hội đồng Giám Mục Việt Nam đã trình lên thẩm phán chính thức xin mở thêm hai chức vụ này ở Thái Bình, miền Bắc Việt Nam, và Xuân Lộc, miền Nam, nhằm san sẻ gánh nặng đào tạo cho hai chức vụ này ở Hà Nội (cho tám giáo phận) và Thành Phố Hồ Chí Minh (cho sáu giáo phận). Những mãi tới năm 1997, Chính Quyền vẫn chưa chấp thuận cho lý do này. Giáo Hội đã chờ đợi kiên trì và hy vọng, và liên tục lập lý do thẩm phán này trong những năm.³⁹

Năm 2000, các viên chức có thẩm quyền của Chính Quyền đã chấp thuận cho mở thêm chi nhánh của Hội Đồng Giám Mục Việt Nam ở Thành Phố Hồ Chí Minh và giáo phận Xuân Lộc (giáo phận công nhận Việt Nam với khoan mở trí uấn h u). Tuy nhiên, vì cảm thấy chức vụ này ở giáo phận Thái Bình, miền Bắc, nên là một phân hi u của Hội Đồng Giám Mục Hà Nội, vẫn chưa chấp thuận. Vì cảm này vẫn còn b treo lơ lửng.⁴⁰ Những mãi tới năm 2004, chức vụ này ở Xuân Lộc vẫn chưa được phép mở cửa. Những người có thẩm

³⁹ “Major Seminaries Discuss Lack of Priests, Seminaries, Formators” (Ho Chi Minh City, August 19, 1996), Ucanews.com/ archives, truy cập ngày 25-12-2004.

⁴⁰ “Formators Call for Better Spiritual Formation of Seminarians” (Nha Trang, August 8, 2000), Ucanews.com/archives, truy cập ngày 25-1-2005.

quy n t nh ng Nai l y c r ng h ch a quen v i vi c qu n lý m t tr ng tôn giáo nh th !

C. Khó Kh n Trong Vi c Tuyền Nh n và ào T o

1. Ti n Trình Tuyền Nh n Ch ng Sinh

Thông th ng, V n phòng ng i c a m i giáo ph n ch u trách nhi m tuyền ch n các ng viên ti n t i ch c linh m c. Nh ng danh sách các ng viên ph i c Ban Tôn Giáo t nh thông qua. Th nh ng, “s ch p thu n c a chính quy n tu thu c vào lý l ch cá nhân c a ng viên và quan i m c a ng viên v ng l i chính tr c a ng và Nhà N c.”⁴¹ Các nhân viên An Ninh i u tra t m t ng tr ng h p, và hình thành m t h s cá nhân g m m i ng i thân trong ba th h c a ng s . D nhiên, thái chính tr c a ng s là y u t mang tính quy t nh nhi u nh t. Có r t nhi u cu c g p m t gi a ng viên và các nhân viên an ninh, c ng nh gi a nhân viên an ninh và gia ình ng viên. Vi c vào i Ch ng Vi n ph thu c vào thái và s c ng tác c a ng s , c a gia ình ng s . Linh m c b o tr cho ng viên ó c ng có nh h ng i v i ti n trình này. D a vào k t lu n c a các nhân viên An Ninh, U Ban Nhân Dân T nh s quy t nh “ c” hay “không” và g i cho Giám M c v n th v quy t nh c a h . Ch nh ng ng viên c Chính Quy n ch p thu n m i c vào i Ch ng Vi n.

2. Các Nhà ào T o Và Vi c ào T o

C ng t ng t nh v y, t t c nh ng ai làm vi c trong ch ng vi n, giám c, các nhà ào t o và các giáo s , th m chí c

⁴¹ “Honesty in Seminary Admission Exams despite Government Restriction on Number” (Ho Chi Minh City, July 10, 2001), Ucanews.com/archives, truy c p ngày 25-12-2004.

các giáo sư thính giảng và các thuyết trình viên, cùng với Ban Tôn Giáo Trung ương cho phép. Nội dung và chương trình ào tạo của ngành này xem xét kỹ lưỡng và chi phí thu nhập. Bên cạnh đó, viên chức chính quy nộp quỹ cho các chương trình sinh môn “Giáo Dục Công Dân,” bao gồm các lịch sử Việt Nam và lịch sử Đảng Cộng Sản, Chủ Nghĩa Mác-Lênin, Chính Sách và Pháp Luật của Đảng và Nhà Nước.⁴² Môn giáo Dục Công Dân kéo dài suốt cả năm của quá trình ào tạo, và tu tập vào các Giáo Hội và Chính Quy định pháp luật: tất cả đều là trên mặt trận hai mặt đối lập, và tất cả là gần gũi với mặt đối lập dành cho môn “Giáo Dục Công Dân.”

D. Hệ Nghiệp Các Giám Mục Việt Nam Hai Năm Mới Trước

1. Hoạt Động Các Giám Mục Tại Các Cuộc Họp

Dù có nhiều khó khăn, việc ào tạo linh mục tại Việt Nam cho thấy có nhiều hứa hẹn. Các cấp chính quyền đã cho phép các giám mục thỉnh nguyện trực tiếp sáu giám mục Việt Nam để tổ chức họp mặt hai năm một lần, luân phiên tại sáu giám mục Việt Nam. Các cấp chính quyền cho những cuộc họp mặt này một tầm quan trọng đặc biệt khi nhìn nhận rằng các giám mục đang ào tạo ở những nhà lãnh đạo tiếp nối cho Giáo Hội.

Trong những cuộc họp mặt này, các vị giám mục Việt Nam nhìn lại những gì đã diễn ra qua việc xem xét những báo cáo thường niên của giám mục Việt Nam. Các ngài suy nghĩ và thảo luận về mặt trong bên chi tiết của Pastores Dabo Vobis (nhân bản, thiêng thiêng, trị thế và mục vụ). Các tham dự viên cũng chia sẻ những

⁴² “Deficient Spiritual Formation among Seminarians Tackled at Formators’ Meeting” (Can Tho, July 31, 2001), Ucanews.com/arc_hives, truy cập ngày 25-12-2004.

những khó khăn mà các ngài trải nghiệm trong những khía cạnh khác nhau của việc ào t o t i ch ng vi n. Qua những chia sẻ và những tác động, các ngài nâng đỡ và khích lệ lẫn nhau trong sự khó khăn này. Sau những cuộc họp mặt này, các nhà ào t o n m b t và lãnh đạo những cách rõ ràng hơn những nhu cầu của việc ào t o ch ng vi n i v i m i Giáo Hội địa phương. Những nhu cầu này sẽ ưu tiên tu theo mục đích.

2. Nghĩa Các Điều Lệ Chính Quy

Trong những cuộc họp mặt này, một phái đoàn của Ban Tôn Giáo Trung ương và Ban Tôn Giáo địa phương và nói chung về các tham dự viên. Các tham dự viên trình bày cho phái đoàn này những kiến nghị. Những kiến nghị đó bao gồm: giảm thời gian dành cho môn giáo dục công dân, xoá bỏ việc hạn chế con số các thành viên vào chủng viện, và xoá bỏ việc thẩm tra lý lịch những chủng sinh tốt nghiệp chủng viện.

Các ngài cũng trình bày về phái đoàn của chính quyền mới xuất hiện: các giáo phận cấp phép mở nhà ào t o t i ch ng vi n; các giáo phận cấp phép tuyển các thành viên hàng năm thay vì hai năm một lần; cố thêm một năm nữa cho tiến trình ào t o t i ch ng vi n dành cho việc tiếp xúc; cuộc họp mặt các nhà ào t o m r ng ra v i c i ng gi ng d y không thể trú tại chủng viện; xoá bỏ việc ngài tại địa phương về việc chính quyền chấp thuận; và các linh mục và những vị d y t i ch ng vi n sẽ theo học những khoá dài hạn hoặc phần ngoại ngữ.

Các ngài cũng bày tỏ hy vọng rằng xuyên suốt các tài liệu của Tòa Thánh; rằng tất cả các sách vở và báo chí dùng trong chủng viện sẽ được hiện đại hoá. Các ngài cũng quan tâm lo lắng về sự trì hoãn chấp thuận cho một phân hi u c a ch ng vi n

Thành Phố Hồ Chí Minh, và cần tổ chức ưu tiên thu nhập
mình ủng hộ Giáo Hội Việt Nam bằng tiền và các giáo viên ngoài
ngoài thị trường để thực hiện các chương trình.⁴³

3. Nghị Quyết Các Giám Mục Lãnh Đạo Giáo Hội

Đối với các vị lãnh đạo Giáo Hội, việc đi tìm các chương trình
cần trình lên nhà thờ mong mỏi. Các ngài xin các Giám Mục làm
cho toàn thể mình Giáo Hội Công giáo, đặc biệt là các cha xứ, ý thức
chức vụ mình thành phần Hội Thánh có trách nhiệm trong công
tác đào tạo các linh mục tương lai, bao gồm mọi việc thực tiễn
của các chương trình.

Nhu cầu khẩn thiết hiện nay là cần ưu tiên nhà thờ để
lãnh đạo, và nhu cầu cho các nhà thờ nâng cao kiến thức của mình
qua việc trao đổi giữa Giáo Hội Việt Nam với các Giáo Hội trong
khu vực, và bằng các cuộc hội thảo về các khóa đào tạo của
hội, cũng như các xu hướng.⁴⁴

E. Then Chốt Các Vấn Đề Thi Cử và Đào Tạo

1. Thực Tế Về Hội Nhập và Nhu Cầu Nhân Lực

Chuyển đổi các vị lãnh đạo linh mục phải thực hiện
vào chuyển đổi các nhà thờ, đặc biệt là các nhà thờ

43 “Deficient Spiritual Formation among Seminarians Tackled at
Formators’ Meeting” (Can Tho, July 31, 2001), Ucanews.com/archives,
truy cập ngày 25-12-2004.

44 “Seminary Leaders Call for More Seminaries, Annual
Recruitment” (Hue, August 22, 1997), Ucanews.com/archives, truy cập
ngày 3-11-2004.

thông trú trên thị gian. Miền Chng Vn Vt Nam cũng c m nghi ms thi u h t tr m tr ng các nhà ào t o th ng trú tr n th i gian. Các th ng kê n m 1997 ã cho th y r ng t ng s các giáo viên và các nhà ào t o tr n th i gian và bán th i gian t i sáu i ch ng vi n thay i trong kho ng sáu m i n b y m i, bao g m c nh ng v thu c các dòng tu. Hi n t i, h u h t các giáo viên ngoài ch ng vi n, ho c có trách nhi m m c v t i các giáo x . S l ng các nhà ào t o th ng trú tr n th i gian th t quá ít. i Ch ng Vn Thành Ph H Chí Minh có m i m t v, Hu và C n Th m i n i có b y v, Nha Trang có b n v, Vinh Thanh và Hà N i m i n i có ba v.⁴⁵

Hu qu xa h n c a tình tr ng thi u h t nh ng nhà ào t o có ch t l ng nh h ng t i c ki n th c và công vi c ào t o thiêng liêng c a các ch ng sinh; c bi t, nhu c u v m i t ng giao và i tho i gi a các v th y và ch ng sinh b xem nh . Ngh a là các v th y không có c th i gian c ng nh ngh l c l ng nghe, bi t và c m thông, và cung c p nh ng ý ki n khôn ngoan cho các ch ng sinh; r t cu c các ch ng sinh b t c m t nhu c u chia s và trình bày nh ng v n th ct và ph ct p c a h .

2. Gi i Pháp Hi n T i và Hy V ng T ng Lai

Nh ng n nh Vt Nam có câu “Lá lành ùm lá rách, lá rách ít ùm lá rách nhi u h n”: Các i Ch ng Vn có nhi u giáo viên h n g i giáo viên t i giúp nh ng ch ng vi n ang có nhu c u l n h n. Ch c ch n v n nhân s s c gi i quy t trong t ng lai g n. Kho ng n m m i linh m c ang h c t i Rôma, Paris, Philippines, Hoa K và nh ng n i khác. Hy v ng r ng các v ó s

45 “Seminaries Face New Challenges 10 Years after Reopening” (Hanoi, September 5, 1997), Ucanews.com/archives, truy c p ngày-7-2004.

gia nh p i ng gi ng d y các ch ng vi n khác nhau. M i th ành ph n Dân Chúa Vi t Nam u tri ân nhi u t ch c, hi p h i, i h c và h c vi n thu c H i Thánh Toàn C u vì s nâng và tr giúp qu ng i trong công tác s p x p n i n ch n và t o i u ki n thu n l i cho công vi c h c t p c a các nhà ào t o ch t l ng cao trong t ng lai. Tác gi c ng xin c bày t lòng bi t n sâu xa i v i H c Vi n i S ng Thánh Hi n t i Á Châu (Institute for Consecrated Life in Asia) và Ban Giám c, vì s nâng c bi t i v i mình.

F. Nhìn T ng Quát v Các Ch ng Sinh Vi t Nam

1. Mong Ch Và Hy V ng C a Gia ình Ch ng Sinh

Ng i Vi t Nam r t sùng o và nhi t thành. H h t lòng kính tr ng hàng giáo s , các nam n tu s , không ch trong ph m v tôn giáo mà c ngoài xã h i n a. Ngay c hôm nay, các quan ch c c ng s n c ng nh n nh r ng m t linh m c là m t công dân c bi t, vì v linh m c có hàng ngàn tín h u sau l ng mình.

Vì th , ch c linh m c tr thành m t a v và m t s th ng ti n xã h i, không ch cho chính v linh m c, mà còn cho c gia ình và h hàng thân thu c. V linh m c s c dân chúng kính tr ng và vâng ph c, c h ng m t cu c s ng an toàn và d ãi, v.v... M t khi ng i con trai ch u ch c linh m c, gia ình c a ngài s c h ng vinh quang và danh d , nh v linh m c mà gia ình ngài c kính tr ng m i n i. i u này ang là m t th thách i v i ng i ích th c và s b t l i tai h i c a lòng kính tr ng thái quá này i v i hàng

giáo s và các ch ng sinh là bi n h thành nh ng k quan liêu và c oán.⁴⁶

Nhi u khi, nh ng m i l i mang tính cá nhân hay gia ình nh th thúc ép ng i thanh niên tr h ng t i ch c linh m c. M t s các b c cha m vì không thành công trong vi c theo u i ng i tu trì hay n g i linh m c, nên mong i c th y lý t ng và hình nh c a mình c th c hi n n i con cái. H gây áp l c bu c con cái d n thân vào i s ng tu trì hay i s ng linh m c, dù con cái h không có n g i ó.

D nhiên nhi u gia ình Công giáo dâng hi n con trai con gái mình cho Thiên Chúa thông qua H i Thánh mà không h thềm mu n danh v ng, và nhi u ng viên qu ng i áp l i l i m i g i c a Thiên Chúa.

Là n n t ng c a xã h i, là cái nôi c a s s ng và là nhà s ph m u tiên, gia ình có th là m t ngu n n c trong lành và c ng có th là tr l c i v i nh ng n g i ích th c. Do v y, trách nhi m c a Giáo H i là bi n phân và thanh luy n nh ng n g l c y, vào th i i m thu nh n c ng nh trong t i n trình ào t o.

2. Ch ng Sinh Ngo i Trú ho c Không Chính Th c

Vì thi u t i u ch ng vi n, công tác chu n b và ch t l ng c a n g i linh m c g p ph i nhi u v n . Chú tâm v ào v n này, cu c h p m t các i di n ch ng vi n vào n m 1996 ã ngh m nh ng trung tâm ào t o t i n ch ng vi n

⁴⁶ “Seminary Leaders Stress Human Formation in Annual Meeting” (Hue, July 19, 1999), Ucanews.com/archives, truy c p ngày 3-11-2004.

nhóm chúng tôi càng hơn cho các sinh viên vào chủng viện.⁴⁷ Tất cả thay, cho tới nay, ngày này chúng tôi vẫn tiếp tục phía Chính Quyên.

Một số giáo phận đã tiến hành công việc này một cách không chính thức. Nhóm giáo phận này đã có những nỗ lực đáng khâm phục nhằm hỗ trợ các sinh viên chủng viện, những người cũng là các chủng sinh ngoài trú học không chính thức. Họ thực hiện các nhiệm vụ mà một học viên linh mục giáo phận. Nhóm này cùng nhau hành vi. Các chủng sinh như thế sống tại các thành phố có những trường học, như thế họ có thể theo học, ví dụ như các giáo phận Kontum, Hưng Hoá.⁴⁸ Những nỗ lực này đã mang lại những kết quả quan trọng cho tiến trình đào tạo. Một nhà đào tạo như vậy yêu cầu các chủng sinh này trở thành hình ảnh phẩm giá cá nhân của họ.

3. **Đời Sống của Giáo Sĩ và Khó Khăn của Sinh Viên**

Các giáo phận có một số tiêu chuẩn về các sinh viên chủng viện. Họ phải tốt nghiệp trung học, đã tham gia vào nhóm tu sinh giáo phận, và ghi danh vào danh sách chờ đợi lâu dài. Các giáo phận cũng yêu cầu các sinh viên qua thời gian vài năm hỗ trợ tiến chủng viện tại giáo phận trước khi vào chủng viện. Các biện pháp này cũng phải tốt nghiệp trung học, có bằng cấp. Đời sống này gây ra một số thách thức cam go cho các sinh viên và gia đình họ.

47 “Major Seminaries Discuss Lack of Priests, Seminaries, Formators”..., *ibid*.

48 “Seminary Candidates Pursue Higher Studies despite Financial Difficulties” (Hà Nội, January 12, 1999), Ucanews.com/archives, truy cập ngày 29-9-2004.

Nhiệm vụ trong xã hội xuất thân từ các giáo xứ nông thôn, những người lập nghiệp thành phố có bằng cấp. Phần lớn các ứng sinh sống trong các căn phòng ông nghiệp tại thành phố. Sự khác biệt về các gia đình Công giáo hoặc không Công giáo rất rõ rệt.

Tình hình nhân sự này gây ra những khó khăn về tài chính cho những ứng sinh xuất thân từ các gia đình nghèo. Những gia đình nông thôn phải bán đất đai để kiếm tiền nào có thể nộp tiền duy trì học phí của con trai mình.⁴⁹ Những ứng sinh phải tự mình kiếm tiền để chi trả chính bằng cách đi dạy kèm, hoặc tìm kiếm những công việc khác. Lợi ích và vị trí cá nhân riêng này thường gây nên những vấn đề về tinh thần và học tập.⁵⁰

Sự phân chia học bổng không chỉ dựa trên địa vị xã hội mà còn dựa trên quy định về vị trí tuyển sinh vào chủng viện. Những người trong xã hội chỉ dựa vào niềm hy vọng và lòng kiên trì vào chủng viện một cách chính thức; những người không thể chờ đợi lâu hơn nên lập gia đình. Ngày nay, niềm tin vào Chúa Kitô cho các chủng sinh từ những tầng lớp xã hội thấp là không đáng kể!

4. Vấn đề Tuyển Sinh và Thụ Chức Vào Chủng Viện

a. Sự Chẩn Đoán Sinh Viên Xã Hội

Thật đáng ngạc nhiên là con số các bản trình bày khao khát trở thành linh mục vẫn không ngừng gia tăng. Một con số lớn các ứng sinh hy vọng có tên trong danh sách chờ đợi trước Giám Mục giáo phận là chính. Những người sau cùng chỉ một nhóm nhỏ.

49 “Seminary Candidates Pursue Higher Studies despite Financial Difficulties” ..., *ibid.*

50 Catholic Bishops’ Conference of the Philippines (CBCP), *The Philippine Program of Priestly Formation 1972*, (Manila: The Philippine program Committee Commission on Seminaries CBCP, 1972), tr. 27.

ch n l a vào ch ng vi n, vì m i giáo ph n ch c ch p nh n m i ng sinh, con s này do Chính Quy n cho phép.

b. Ch tL ng Th p v Trình Trí Th c

M t v n n a là ch t l ng c a các d tu. Vi t Nam có r t nhi u ng i h ng t i i s ng linh m c và tu trì, ó là m t d u ch h a h n i v i vi c canh tân s m ng c a H i Thánh. Nh ng ngày nay c ng có ít ng i n i nh ng thành ph giàu có; ph n ông các d tu xu t thân t nh ng vùng nông thôn. Nhi u ng i tr nông thôn không th th ng xuyên n tr ng do hoàn c nh nghèo kh ho c h ph i lao ng giúp gia ình. H có th h c b túc t c b ng c p t ng ng, nh ng ch t l ng c a vi c h c hành nh th th ng là th p. i u ó làm cho h m t c h i vào i h c có b ng i h c nh Giáo H i a ph ng òi h i.

c. V n Mi Liên H và i S ng c Thân

Các ng sinh bu c ph i có m t n n t ng gia ình t t p, m t s c kho t t và kh n ng s ng i c thân, khi s ng v i ho c s ng g n cha x , cha x bi tr ở v h nh m giúp h t c m t s tr ng thành nh t nh trong i s ng thiêng liêng.⁵¹ i u này th t d dàng n i chính giáo x c a ng s , nh ng l i khó kh n và không hi u qu n i các thành ph ông ng i, n i mà ngoài các b c t ng nhà mình không ai bi t ai. Tình tr ng này t ra nhi u v n và nhi u bi n ng cho các ng sinh khi h hoàn t t ch ng trình i h c. Tình tr ng khó ki m soát này t o nên nhi u u tranh và nhi u v n cho các công dân tr m i t i ô th, c bi t là trong m i liên h v i ng i khác phái.

⁵¹ “Priestly Aspirants Aplenty, only a Handful Selected” (Son Tay, May 7, 1997), canews.com/archives, truy c p ngày 29-9-2004.

Ng n ng Vi t Nam có câu “L a g n r m lâu ngày s cháy.” Không ai i trách l a hay r m v chuy n chúng t cháy hay b t cháy, úng h n ph i trách k t r m g n l a. Nhi u tr ng h p c n m t s bi n phân ch t ch v l ng tâm. i v i m t s ng sinh, ti n b c trong con ng ng i c n ph i có lòng can m, nh ng đ ng l i và thay i h ng i trong cu c s ng còn òi h i can m nhi u h n. “Bu c ph i có m t s l u tâm c bi t trong vi c bi n phân ng i c a nh ng tr ng h p này.”⁵²

Tuy nhiên, may thay, cu c s ng gi a muôn màu ph c t p c a xã h i tr n th c ng khi n cho các ng sinh khác l n lên trong vi c xác nh ng i c a mình, c v i s ng nhân b n l n tình c m.

d. Khi m Khuy t Mang Tính Xã H i: Gian L n và Thi u L ng Thi n

M t khi m khuy t, m t hi n t ng tiêu c c ang ph bi n trong các tr ng h c là tính gian l n và thi u l ng thi n trong thi c , th m chí còn có c chuy n mua bán b ng gi . D i s c ép này, nhi u sinh viên ph i v t l n v i chuy n h c hành và nhi u sinh viên t t nghi p ph i i m t v i n n th t nghi p.

Bên c nh h n ch do chính quy n áp t, các ng sinh t t nghi p i h c trong m t danh sách dài c a nh ng ng i ch i còn ph i qua m t k thi vi t c Giáo H i l a ch n. Khát v ng này a y m t s ng sinh vào con ng ph m l i (gian l n và thi u l ng thi n) b ng vi c dùng nh ng tài li u tham kh o b c m khi vi t bài thi vào ch ng vi n. L ng thi n là m t c tính quan

⁵² “Today’s Seminarians Need Missionary, Real Life Formation,” (Bangkok, November 11, 2003), Ucanews.com/archives, truy c p ngày 25-12-2004.

trở nên trở ngại vì một linh mục và ta không thể dung thứ một thói xấu như thế này của các học sinh, nhưng ngài trong tương lai sẽ là nhà lãnh đạo tôn giáo. Do vậy, việc phân bổ các học sinh ra khỏi danh sách nhưng học sinh đã vượt qua kỳ thi trình lên chính quyền chấp thuận, một dù con số các học sinh bị chính quyền hạn chế và tình trạng thi cử một linh mục trở nên trở ngại.⁵³ Đây là một gì đó pháp hay. Nhưng còn bao nhiêu học sinh đã phạm những lỗi lầm đáng kể mà không bị bắt buộc?

e. **Thầy Linh Mục và Thầy Nhà**

Một vấn đề khác nảy sinh từ việc chính quyền đòi hỏi các học sinh phải chấp hành giá là chấp nhận. Sự chấp nhận của chính quyền tu thuộc vào lý lẽ cá nhân và quan điểm chính trị của người. Có những người nào thì là lý do để nhận xét hay chấp thuận không? Các vị có thể chấp thuận trong Giáo Hội đã làm gì để bảo vệ các học sinh của mình bằng mọi giá? Phải làm gì để vì những học sinh của Giáo Hội chấp hành là phù hợp, những lỗi lầm Nhà Đức Chúa Trời chấp thuận? Liệu Giáo Hội có thể tìm cách “xử tử” những học sinh của Công giáo đang còn sống, những người Chính Quyền xử tử họ lao động hay không?

f. **Chức Sinh Viên Nghiệm và Chức Linh Mục**

Các Giám Mục phải có gì để chấp thuận của Ủy Ban Nhân Dân Thần thánh để truy cập cho các học sinh đã tốt nghiệp. Trước khi chấp thuận, một người viên lập thể mà tra lời. Đòi hỏi hiện nay là Giám Mục phải trình Chính quyền một danh sách những người ngài muốn truy cập chức linh

⁵³ “Honesty in Seminary Admission Exams despite Government Restriction on Number”..., *ibid.*

m c. M t vài ng viên trong s này không nh n c gi p phép c n thi t; m t s khác ph i ch i lâu dài.

Vì th , các i di n ch ng vi n yêu c u các phái oàn chính quy n “xoá b vi c th m tra lý l ch nh ng ng i ã t t nghi p ch ng vi n xác nh tính thích h p c a h i v i vi c truy n ch c linh m c.”⁵⁴ Hy v ng r ng Pháp L nh m i v Tôn Giáo,⁵⁵ có hi u l c t 15-11-2004, h a h n s làm cho v n này tr nên d dàng h n. Hãy ch xem.

G. Tình Tr ng Hi n Nay c a Các Linh M c Vi t Nam

1. Cái Nhìn T ng Quát

Các linh m c Vi t Nam hôm nay hoà i u h n v i cu c s ng và nh ng v t l n c a ng i bình th ng, nh ng h ph i gi kho ng cách v i nh ng lối cu n c a th gian, ngay c khi c g ng hi n di n gi a tr gian. Theo c Cha Gioan B ùi Tu n, h có th i di n nhi u h n v i cô n, stress, cảm d , áp l c và phê bình. Có th h còn ph i ng u v i s gia t ng nh ng vui thú th t c, nh ng th có th ph ng h i t i i s ng n i tâm và i s ng tôn giáo c a h . N n kinh t phát tri n theo nh h ng th tr ng và n n v n hoá tiêu th c ng ang nh h ng t i i s ng linh m c. Ng i giáo dân có h c, cách riêng là ng i tr , không còn kính

54 “Deficient Spiritual Formation among Seminarians Tackled at Formators’ Meeting”..., *ibid*.

55 Socialist Republic of Vietnam, “Pháp L nh Tôn Giáo” (Regulation on Religions), Lephai.com/uni/n2004/tl20041029a.html, truy c p ngày 25-1-2005.

trở ngại lớn nhất trong cuộc sống. Điều này phần lớn là do lối sống của các linh mục và các tu sĩ khác nhau và tìm kiếm quy luật.⁵⁶

2. Những Vấn Đề Chính

Theo cha Phaolô Trần Nguyễn Bình Thuận, một người, họ đã thấy rõ hơn về những giá trị dân chúng và những quy luật của công dân. Họ có cảm thức mạnh mẽ về tình huynh đệ và liên đới với mọi người, dù cho khó khăn cách gì họ thấy và những sự kiện hàng ngày vẫn còn đó. Dù sao, họ cũng sống gần gũi với quần chúng hơn là những linh mục khác. Hiện nay họ sống và phục vụ trong một môi trường có nhu cầu quy luật và cảm thức hơn trước đây. Họ thấy, mọi người mong đợi họ sống tốt đẹp góp phần thánh hoá thế giới, và làm cho thế gian tốt đẹp hơn, nhân bản hơn, một thế giới nhân ái hơn và tốt đẹp hơn và tôn trọng lẫn nhau vì lợi ích công đồng.

Đáng khác, họ thấy rõ hơn rằng báo Tin Mừng không còn là trách nhiệm cá nhân riêng lẻ, vì thế họ phải chịu trách nhiệm làm việc cùng giáo dân và các linh mục khác. Họ cần học lắng nghe người khác, chia sẻ trách nhiệm với người khác, và hành động như những nhà lãnh đạo với tinh thần phục vụ của Tin Mừng hàng ngày. Họ cần tránh làm thay thế nhiệm vụ người khác hay áp đặt ý mình trên người khác. Họ cần phải học cách sống với Giám Mục của mình, không phải là miễn cưỡng trước đây. Họ cũng phải học cách sống với con người thực tế như vậy của chúng ta: không

⁵⁶ “Senior Catholic Church Leader sees challenges for Clergy” (Ho Chi Minh City, March 7, 2005), Ucanews.com/archives, truy cập ngày 29-7-2005.

Kitô giáo, các tôn giáo khác, ngay cả những người thù ghét tôn giáo.⁵⁷

3. Những Khía Cảnh Tiêu Cực

Những có mặt sự hiện diện nguy hiểm do sự cố gắng của các linh mục Việt Nam hôm nay. Các phẩm chất tốt đẹp của họ là nhằm làm cho các linh mục và những ai đang tiến hành công việc của linh mục ý thức rõ hơn những hiểm nguy này.

Một vấn đề là cần khát nguyện lòng. Điều này cần bị hiểu lầm trong thái độ oán trách những tác động của sự biến đổi xã hội và những việc làm đầy tham vọng. Khi tìm kiếm quy luật bất biến, một linh mục có thể dựa trên một nguyên lý nào đó. Tuy nhiên, sau khi đã tìm được quy luật đó, ngài lập sự quy định bất biến của ngài sẽ chia sẻ hay gì đó, vì thế ngài chỉ một sự quy định công việc và trách nhiệm của mình và bất cứ ai khác.

Một vấn đề khác có thể là xu hướng tìm kiếm những tín ngưỡng, dấn dãi và giàu sang cách thái quá. Sự thất bại là ngày nay một số linh mục không thể chịu đựng được sự cố gắng thi đua tín ngưỡng tốt, vì thế các ngài kiếm tiền và tích lũy cho tương lai. Dĩ nhiên, chúng ta không vui gì khi một linh mục phi chức vụ những người kiếm tiền quá nghèo khổ, thậm chí không thể tho mãn những nhu cầu thiết yếu. Những các linh mục không được phép quên rằng chức linh mục không

57 “Vietnam Clergy Face New Temptations from Society” (Danang, October 25, 2002) Ucanews.com/archives, truy cập ngày 3-11-2004.

bao giờ cũng xem nh ̃ là m t n c thang ti n thân.⁵⁸ H u h t hàng giáo s xu t thân t nh ng gia ình khiêm t n trong xã h i. Lòng tham và keo ki t s làm khô c ng trái tim linh m c tr c ân s ng c a Thiên Chúa và n i kh n cùng c a ng i khác.

H n n a, hàng giáo s ngày nay ang m ra v i xã h i và d n thân vào xã h i, vì th h có nhi u c h i cùng làm vi c v i ph n . Xu h ng tìm ki m cu c s ng đ dãi và ti n nghi có th d n n vi c lo tìm s tho i mái và l c thú, c bi t khi h v n còn mang m t quan ni m kém phát tri n v nh ng òi h i c a i s ng c thân. M t s linh m c xem chuy n quan h v i ph n là chuy n bình th ng; nh ng hình nh kho thân và tài li u khiêu dâm không còn là khu v c c m k n a.

n nay ng i ta còn tin t ng các linh m c vì ch c thánh và b n ch t các ngài nh là nh ng con ng i c h nh và nh ng con cái m u m c c a Thiên Chúa. Trong nh ng tr ng h p mà các linh m c ph m l i tr m tr ng, ng i tín h u n v i các ngài vì bố bu c, ch không ph i vì h tin các linh m c ó. Các linh m c ó ch c xem nh ̃ là nh ng “công ch c” phân phát các ân hu ̃ bí tích c a Thiên Chúa.

Nh ̃ n Chúa, h u h t các linh m c Vi t Nam v n s ng theo tinh th n c a i s ng c thân.⁵⁹ Nh ng v n ch trích phê bình hi n t i mà các linh m c ph i i m t th ng th n s th thách s tr ng thành thiêng liêng, lòng khiêm t n, c thanh b n và vâng ph c c a các linh m c hi n t i và t ng lai.

58 “Priesthood is not a Career or a Profession but a Vocation” (Vatican City, October 9, 2003), Zenit.org/english, truy c p ngày 25-12-2004.

59 “Vietnam Clergy Face New Temptations from Society”..., ibid.

4. Vì n nh ào T o Ch ng Sinh

B ng lòng tin t ng vào n Chúa, ta mang trong tâm t ng mình t m nhìn mang tính ào t o i v i các ch ng sinh. Vì t t c nh ng lý do trên ây, các ch ng vi n ph i ào t o n i các ng sinh c các c tính t nhiên và thiêng liêng. M t cách c th , công cu c ào t o ph i giúp h phát tri n m t cá tính m nh m , và tr nên nh ng con cái nhi t tình c a Thiên Chúa, nh ng ng i s ng úng theo nh ng giáo hu n c a Chúa Giêsu.

V m t nhân b n, các ng sinh có th a ra nh ng phán oán lành m nh, có th l ng nghe và i tho i v i m i ng i, và có ý chí m nh m . H c ng có th h ng d n m i ng i trong tinh th nh ph c v m i ng i, tôn tr ng m i ng i, và m ra v i m i giá tr t t p (b t k ngu ng c).

V i s ng thiêng liêng, h c n ph i ngoan ngoãn i v i Thiên Chúa qua c u nguy n, và c n s n sàng thi hành ý Chúa trong m i bi n c l n nh c a i s ng tôn giáo, c a xã h i và c a th i i. H c n c x nh nhàng và k lu t, ch m ch và vui v . c bi t, h c n có m i liên h m t thi t v i Chúa Giêsu m i n i m i lúc. Không h có o t ng, h c y d a vào lòng nhân t và ân s ng c a Thiên Chúa, hoàn toàn l thu c vào s c m nh c a Chúa Thánh Th n.

CHƯƠNG III

VI CỜ TỜ THIÊN LIÊNG HIỆN NAY CÁC CHƯƠNG VIỆN VIỆN T NAM

A. Chương Trình Tiêu Chuẩn CỜ TỜ Thiên Liêng

Ngày nay vì các chương sinh lo thực hành thiên liêng trong
 i s ng h ng ngày c nhìn nh n là chìa khoá đ n n thành công
 trong m i ch ng trình ào t o. i s ng thiên liêng là i s ng
 nhân b n c s ng trong Chúa Thánh Th n. ó là l i áp tr v i
 l i m i g i c a Thiên Chúa trong m t hoàn c nh c th . Nhìn
 chung, vì c ào t o thiên liêng t i sáu i Ch ng Vi n Vi t Nam
 g m ba ph n chính:

1. Lý Thuyết

Ph n lý thuyết trong công cụ c ào t o c chia thành tri t
 h c và th n h c. Ch ng trình tri t h c kéo dài hai n m. Ngoài tri t
 h c, ch ng sinh c đ n nh p vào i s ng c u nguy n, suy ni m
 và linh o c ng oàn, v i nh ng môn h c v thiên liêng, l ch s
 c u , i s ng ng i.⁶⁰ M c ích c a ch ng trình này là h ng
 đ n và ng viên ch ng sinh l n lên trong m i t ng quan cá nhân
 v i Thiên Chúa, và s ng i s ng th ng ngày v i s hi n đ i n c a
 Th n Khí Chúa Kitô.

60 “Plans for Common Curriculum Discussed at Formators’
 Meeting” (Da Nang, July 11, 2002), Ucanews.com/archives, truy c p ngày
 3-11-2004.

Chương trình th n h c kéo dài b n n m. N m u tiên chú tr ng vào l ch s Linh o trong H i Thánh. N m th hai và th ba t tr ng tâm vào Th n H c Thiêng Liêng. N m th t chú tâm n ch nam v i s ng linh m c. B n n m h c này có m t s m c tiêu. Chúng nh m giúp ch ng sinh l n lên và tr ng thành trong i s ng thiêng liêng. Ngh a là ch ng sinh ph i m ra tr i nghi m Thiên Chúa ang s ng. ng th i ch ng sinh c ng c khích l tr nên tho i mái h n khi chia s kinh nghi m thiêng liêng v i nh ng ng i khác qua l i nói và hành ng, trong i s ng h ng ngày và tác v linh m c c a mình.

2. Th c Hành Thiêng Liêng

Ph n th c hành trong ch ng trình ào t o v c b n là em ra th c hành nh ng i u mà ch ng sinh ã h c v m t lý thuy t. Ngh a là ch ng sinh c h ng d n và tr giúp hoà nh p i s ng thiêng liêng vào i s ng h ng ngày. i u này bao g m m t s cách th c hành khác nhau. Ch ng sinh c h ng d n khám phá Chúa Giêsu trong các Tin M ng b ng vi c c g ng s ng và chia s i s ng c a Chúa Giêsu b ng nh ng ph ng pháp suy ni m. Ch ng sinh c ng c h ng d n t p l n lên v i s ng thánh thi n b ng cách em ra s ng ba nhân c i th n tin, c y, m n; ng th i th c t p b n nhân c luân lý là khôn ngoan, công bình, tí t , và can m.

3. S Nâng C n Thi t

Ph n th ba c a ti n trình ào t o thiêng liêng có th c g i tên là s nâng c a c ng oàn. Ti n trình này c t d i s h ng d n tr c ti p và c c ng c b ng ba cách th c hành. Cha giám c ch ng vi n có nh ng bu i hu n d thiêng liêng th ng k và b t th ng. Ch ng sinh c ng c linh h ng riêng t . Cu i cùng, c ng s có chia s và tr giúp theo nhóm, theo nh ng cách luy n t p khác nhau, d i s h ng d n c a m t nhà ào t o.

B. Vì c T ánh Giá c a Các Ch ng Sinh

Trong su t th i k hu n luy n ch ng vi n, các ch ng sinh c kích l t suy ngh v chính b n thân m ình, d a trên m t b ng câu h i⁶¹ xu t phát t nh ng ch t li u khám phá c t khung c nh nh ng khoá linh h ãng.

B nh câu h i này liên quan n:

- Nh ng i u ki n bên ngoài (môi tr ãng xã h i, gia ình, nh ng m i liên h v i các linh m c quen bi t, v i ng i khác gi i);
- Nh ng i u ki n t nhiên (s c kho , tính tình, trí thông minh, các tài n ãng và kh ãn ãng);
- và nh ng i u ki n thiêng liêng (tinh th n x k , tinh th n trách nhi m, tinh th n thiêng liêng, tinh th n c tin, tinh th n c ãng tác, tinh th n vâng ph c, tinh th n nghèo khó, tinh th n thanh khi t, tinh th n ph ãng v , tinh th n m c v v à tinh th n lao ãng chân tay).

B ãng câu h i nh m giúp các ch ng sinh bi n phân ãn g i c a m ình và ãa ra m t quy t nh tr ãng thành cho cu c i m ình v i s t do n i tâm hoàn toàn. ãnh ng n l c này c d ãng h n, h c khuy n khích xây d ãng m t hình nh linh m c lý t ãng⁶² mà lòng h c ao, d a trên nguyên m u là Chúa Giêsu Kitô, Linh M c T i Cao V nh C u.

⁶¹ Xem ph tr ãng A1: B ãng Câu H i T ánh Giá.

⁶² Xem H i Nh p Giáo Hu n c a Giáo H i: Vì n ãnh c a Ch c Linh M c.

Vì c t ánh giá nghiêm túc có th d n ch ng sinh t i m t trong hai k t lu n:

- Họ c là Chúa mu n th y theo con ng khác. Th y ã c trang b các c tính và nh ng kh n ng c n thi t s ng i s ng Kitô h u m t cách tr n v n v i t cách là m t giáo dân. V y tinh th n trách nhi m s khích l th y thay i ng i.
- Họ c là Thiên Chúa ch n th y làm linh m c. M c dù th y t ki m mình m t cách nghiêm túc, th y v n không th tuy t i ch c ch n v n g i c a mình. S ch p thu n c a Giám M c và các v i đi n c a ngài s hoàn t t ch n l a này và làm cho th y an tâm.

C. Vì c Áp D ng Ch ng Trình Này Trên Th c T

ào t o thiêng liêng là n n t ng quan tr ng nh t trong vì c ào t o linh m c. Nh ng nói chung, nh ng ng i tr hôm nay vào ch ng vì n ch a c chu n b k càng cho m t i s ng Kitô h u tr ng thành; h còn thi u n n t ng giáo lý và m t i s ng c u nguy n n i tâm nghiêm túc.⁶³

M i nhà ào t o ch ng vì n u ng ý r ng công vì c ào t o thiêng liêng c n c làm n i b t ngay t th i k t i n ch ng vì n t i các giáo x . N n t ng giáo lý giáo x và các ch ng trình ào t o nhân b n ph i làm sao các ng sinh ch ng vì n bi t cách c u nguy n và t làm quen v i các vì c ph ng v và i s ng c ng oàn. Vì không còn t i u ch ng vì n, công vì c ào t o c b n ph i b t u tr c h t t gia ình, c bi t là các b c cha m . Các c ng

⁶³ “Formators call for Better Spiritual Formation of Seminarians” (Nha Trang, 8-8-2000), Ucanews.com/archives, truy c p ngày 25-01-2005.

oàn Kitô hữu và các cha x có th giúp các ng sinh bị n phân các
ng l c chân th c i v i c mu n tr thành linh m c c a các
ng sinh, và th c hành t ng b c m t l i s ng ó.⁶⁴ Càng s ng nh
là ch ng sinh, ng sinh càng tr nên ch ng sinh th c th h n, và
càng s ng nh là linh m c, ng sinh càng tr nên linh m c th c th
h n.

Trong t t c các ch ng vi n, sinh viên c t ch c theo các
nhóm h có th h p tác v i các nhà ào t o cách t t h n trong
hành trình thiêng liêng. Nhi m v to l n c a ho t ng này là áp
d ng nh ng nh n th c sâu s c lãnh h i c nh v i c linh h ng
vào cu c s ng c a h . H h p nhau h ng tu n tr giúp nhau
trong nh ng ho t ng a d ng c a v i c i u hành i s ng ch ng
vi n, và v t th nng nh ng khó kh n cá nhân trong i s ng h ng
ngày. Các nhà ào t o c ng n l c cung c p m t n t ng giáo d c
ch c ch n h n, m t khi h c vào h c n m th nh t.

D. Tr L c Trong Ti n Trình Phát Tri n Thiêng Liêng

Nh ng trên th c t , th i gian c dành cho v i c ào t o
thiêng liêng và nh ng n l c i v i công v i c này là ch a các
ch ng sinh tr ng thành v m t thiêng liêng. Giáo H i a ph ng
ang thi u th n nhân s và nh ng ngu n tr l c c n thi t chu
toàn v i c ào t o thiêng liêng trong ch ng trình sáu n m ào t o
linh m c.

Chuy n thi u các nhà ào t o v n còn là m t v n t n
ng và có nh h ng tiêu c c i v i v i c ào t o thiêng liêng.
M t ch ng vi n không có v linh h ng th ng trú (ví d nh Hà

⁶⁴ “Deficient Spiritual Formation among Seminarians Tackled at Formators’ Meeting”..., *ibid.*

Nhìn những hình ảnh các linh mục nói khác nhau trong trách nhiệm này, những hình ảnh của các linh mục ở các địa phương vài tháng trước đây.⁶⁵ Ta không thể chờ đợi một môi trường tốt hơn cho các chủng sinh, và xây dựng lòng tin nhiệm vụ thì chắc chắn có thể ký thác những người thành tựu liên quan đến việc giáo dục trong một khoảng thời gian ngắn như thế. Hơn nữa, nếu chúng ta không nhìn thấy những điều kiện thuận lợi thích hợp, và chúng ta còn tin tưởng vào quan niệm sai lầm là bất cứ linh mục nào cũng có thể làm linh mục.

Ta có thể nhìn thấy những hình ảnh bất lợi của một xã hội duy vật và duy tiêu thụ, của việc giáo dục thiêng liêng và nhân bản khi mà khuyt trong thời gian tin cậy vì vậy, những hình ảnh trở lại của những chủng sinh tin tưởng các linh mục lên các cách thức sống và việc thiêng liêng. Ngoài ra, các nhà đào tạo chủng sinh như những thầy giáo do bị thiếu nhiệm vụ tin cậy gian khổ và thiếu lòng tin của xã hội, mà thiếu chủng sinh đôi khi vì vậy không thể thành công.⁶⁶ Các thói quen xấu khác có thể thúc đẩy một số chủng sinh che giấu lòng tin của mình. Một số nhà đào tạo nói rằng họ sẽ đem một số trẻ em như là các sự giúp đỡ các chủng sinh bị thiếu mình rõ ràng và phát triển họ thay đổi thái độ và cách sống.

Các linh mục thì đúng có trách nhiệm về việc đào tạo thiêng liêng của các chủng sinh, và các linh mục dòng Carmel thì hướng dẫn các kết quả tâm thần học hay các khóa phân tích những vấn đề mà một số ảnh hưởng khách quan về mặt tâm lý trở thành của các chủng sinh. Công việc của đào tạo thiêng liêng không đơn giản và

65 “Formators Call for Better Spiritual Formation of Seminarians”..., *ibid.*

66 “Deficient Spiritual Formation among Seminarians Tackled at Formators’ Meeting”..., *Ibid.*

nh h ãng c a ão tr ãng duy tiêu th ã trên các ãng sinh ti ãnt i ch c ã linh m c . Vi t Nam hi ãn nay cho th ã y r ão nhu c u c ãn xem l i công tác ào t o thiêng liêng, và nhu c u c ãn nhi u v ã linh h ãng thành th o (k ãn ãng và giàu kinh nghi m) và c ào t o chu áo.

Tuy nhiên, các ãnh ào t o c ãng ãng ý v i nhau r ãng k t qu c a v i c hu ãn luy ãn m t thiêng liêng là các ãng sinh ch ãng t ãnh ãng thay i tích c c trong m t th i gian ãng ãn ch ãng v i ãn. Các ch ãng trình ào t o linh m c t i các ch ãng v i ãn Vi t Nam g m có m t ho c hai ãn m ãm v i c m c v ã giáo x . Vi c ph c v ã này v ãn còn xen k ã trong su t sáu k ãng h e, tu theo ãi h i c a ch ãng v i ãn và giáo ph ãn.

V ãn còn ó nhi u v ãn ã và khó kh ãn, ãnh ãng H i Tháñh t i Vi t Nam v ãn hy v ãng m t t ãng lai t t ph ãn, d i s h ãng d ãn quy ãn ãng c a Chúa Tháñh Th ãn, Ng ài là v ã linh h ãng ích th c. Ni m hy v ãng ã này m t ph ãn d a trên s ã giúp qu ãng i c a các Giáo H i anh em, ãnh ãng Giáo H i v ãn ãng giúp Giáo H i Vi t Nam ào t o ãnh ãng ãnh ào t o ch ãng v i ãn t ãng lai t i Paris, Rôma và Philíppin.⁶⁷

E. Vi c L ãng ãnh H ãng N m

Nh m l ãng ãnh v ã các ch ãng sinh, m i ãn m h c, các ãnh ào t o h ph i ãng ít ãnh t là hai l ãn, m t l ãn sau ã ãn m h c m i và l ãn th ã hai tr ã c k ãng h e (d ã nhiên là các ch ãng sinh ãh ãng ã tham d). Trong cu c h p th ãnh t, v ã giám c cho h i ãng bi t m c t i ãn t r i ãn c a m i ch ãng sinh ãng cách c th c a các cha x v ã thông tin c ãng ãnh v i c xem xét và g i ý c a các ãnh ã liên quan

⁶⁷ “Formators call for Better Spiritual Formation of Seminarians”..., *ibid.*

n ch ng sinh trong k ngh h è. H i ng c ng xem xét và nh l i ánh giá m i nh t c a mình. ng th i, các ngài th o lu n v ch ng trình cho n m h c m i.

Cu c h p h i ng th hai đi n ra tr c khi i ngh h è. H i ng ánh giá v các ch ng sinh trong n m h c qua, c bi t l à các ch ng sinh s m ản khoá ch ng vi n và s n sàng chu n b ch u ch c. V giám c báo cáo k t qu cho Giám M c c a các ng vi ên. Ngài c ng g i m t b c th cho t ng cha x xin các ngài h p tác trong ti n trình ào t o ch ng sinh trong k ngh h è.

M i ch ng sinh c ánh giá theo n m lãnh v c: thiêng liêng, tri th c, tính tình, k lu t và kh n ng ng i. V giám c ch to cu c h p s nêu tên l n l t t ng ch ng sinh. Ngài báo cáo s ánh giá m i nh t. Sau ó, m i thành viên h i ng l n l t nói lên nh ng nh n xét c a mình v n m lãnh v c nêu trên, so sánh v i quá kh xem ch ng sinh này có ti n b hay không. V giám c và th ký h i ng ghi chép m i i u các thành viên h i ng phát bi u.

Khi n l t các ch ng sinh do mình h ng d n, v linh h ng s gi im l ng, nh m b o v nguyên t c tín c n: Các v linh h ng không tham d vào vi c l ng nh nh ng ch ng sinh mà ngài h ng d n, vì vi c linh h ng đi n ra to à trong và m i t ng quan này là m i t ng quan tín nhi m và c n m t.

Thông qua vi c hu n c c a v giám c và ng i ph trách môn tu c, ch ng sinh c khuy n khích hoàn thành m t b n xét l i b n thân, nh m ki m tra l i s c m nh và các m t ti n tri n ho ch nh cho t ng lai.

Các ch ng sinh c ng ph i c bi t v nh ng l m l i c a mình, c bi t là nh ng l m l i quan tr ng. Ch ng sinh c ng c

phép gì thích và bị n h lý do c a mình (Cv 25,16). Ch ng sinh c ng c n có th i gian và c h i th c hi n s hoán c i c n thi t. ây là m nh l nh c a Tin M ng i v i vi c tha th v à bi n i. i u mà t tiên ng i Vi t Nam quan tâm là “làm ng i, không ai thoát kh i l m l i; có l m l i thì ph i s a mình; và khi ã s a r i thì không còn l m l i n a.” Tin M ng ch ng t nhi u t i nhân tr thành thánh nhân nh s tr giúp quy n n ng c a ân s ng Thi ên Chúa (Ga 8,7). ây là tình yêu th ng xót c a Chúa (Mt9,12-13). Trên th c t , nh ng ng i ã hoán c i mà có lòng khiêm t n còn t h n nh ng ai không h có l i l m nào áng k , mà m c ph i ch ng kiêu hãnh và t ph .

M i nhà ào t o u c g ng bi t rõ t ng ch ng sinh m t, nh m giúp h trong nh ng n l c t ào t o, và góp ph n vào ng h ng ào t o chung c a ch ng vi n. Vì th , s th ng nh t trong i ng ào t o ch ng vi n là c n thi t.⁶⁸ Nh ng ch có v giám c m i cho ch ng sinh và Giám M c liên h bi t thông tin v chính ch ng sinh y. V giám c là i đi n duy nh t c a h i ng ch ng vi n i v i bên ngoài. H i ng ch ng vi n s không ch báo cáo v i Giám M c liên h v cách c x bên ngoài c a t ng ng viên (i u th y nói và vi c th y làm, và th y ã áp ng c nh ng òi h i nh th nào), nh ng c ng l ng nh v th y nh là ng viên i v i l i m i g i t i n t i Bí Tích Truy n Ch c Thánh.

M i n l c và s quan tâm c bi t i v i vi c ào t o ch ng vi n là nh m cung c p cho các ch ng sinh nh ng ph ng ti n bi n phân ng i c a mình, h thu th p c ki n th c, thái và nh ng k n ng c n thi t cho m t linh m c t t, trong ni m tin

68 H i Xuân Bích, *H i n Pháp*, các kho n 14-15 ; 17.

t ờng r ờng Thiên Chúa s ả hoàn t ả công vi ả quan tr ờng này c ả a H ả Thánh b ả nh ả nh ả hu ả c ả Chúa Thánh Th ả n

F. Nhu C ả u Ph ả i Ti ả n B ả Liên T ả c

Là m ả t ả ti ả n trình ti ả m ả ti ả n, vi ả c ả ào t ả o thiêng liêng và s ả l ả n m ả nh thiêng liêng c ả ng c ả n m ả t s ả ti ả n b ả liên t ả c. Ngh ả là, ta c ả n m ả t s ả l ả ng ả nh liên ti ả p, qua ả ó ch ả ng sinh s ả nh ả n ả c ả thông tin rõ ràng và chính xác v ả b ả n thân mình, nh ả ó th ả y có th ả thay ả i và s ả a ch ả a i ả u không phù ả h ả p và phát tri ả n nh ả ng m ả t th ả y còn y ả u. Ti ả n trình này bao g ả m c ả các nhà ả ào t ả o, ch ả ng sinh và anh em ả ng b ả n, Giám M ả c giáo ph ả n và hàng giáo s ả giáo ph ả n, các tu s ả và giáo dân và nh ả ng ng ả i mà th ả y có trách nhi ả m ph ả c v ả , trong tinh th ả n tín nhi ả m và tín c ả y l ả n nhau. S ả l ả ng ả nh liên t ả c này giúp ch ả ng sinh ch ả ng t ả nh ả ng ph ả m ch ả t tích c ả c ả m b ả o cho th ả y ti ả p t ả c ả n g ả i. N ả u nh ả ch ả ng sinh không có nh ả ng ph ả m ch ả t ả làm vi ả c nh ả m ả t linh m ả c m ả t cách hài hoà và hi ả u qu ả , thì th ả y c ả n ph ả i ả c cho bi ả t i ả u này, m ả t cách có tính cách xây d ả ng, càng s ả m càng t ả t và nên khuyên th ả y r ả i b ả ch ả ng vi ả n.⁶⁹

có ả c s ả ti ả n b ả th ả ng xuyên và hi ả u qu ả , chính ch ả ng sinh ph ả i ý th ả c vi ả c t ả giác tuân th ả k ả lu ả t và trung thành trong ả i s ả ng thiêng liêng, ngh ả là m ả t m ả i liên h ả cá nh ả n sâu xa v ả i Chúa Kitô, ả c nuôi d ả ng b ả ng kinh nguy ả n và ph ả ng v ả , ả c bi ả t là L ả i Chúa và Thánh Th ả , theo m ả u g ả ng ả c Trinh N ả Maria. Các kinh nguy ả n và vi ả c ả o ả c y giúp th ả y nuôi s ả ng n

⁶⁹ Paul VI, *Sacerdotalis Caelibatus: Encyclical Letter on Priestly Celibacy* (June 24, 1967), no. 64.

g i c a mình trong ch ng vi n và giúp th y kiên trì trong i s ng
 linh m c sau này. Vì c t giác ch p hành k lu t, trung thành trong
 i s ng c u nguy n, trung thành trong s v i v i Dân Chúa s
 giúp th y th ng ti n liên t c, n l c b n b tr nên t t h n trong
 i s ng ch ng sinh hi n t i, c ng nh trong i s ng linh m c mai
 ngày.

PHẦN II

NHIỆM VỤ GIÁO HUYN C A H I THÁNH V VI C ÀO T O THIÊNG LIÊNG CHO CÁC CH NG SINH

Các ng sinh linh m c ph i chu n b m t cách có ý
th c lãnh nh n và s ng ân hu c a Thiên Chúa
và luôn hi u r ng H i thánh và th gi i angr t c n
nh .⁷⁰

i s ng thiêng liêng ph i bao g m và chi ph i toàn b i
s ng con ng i, vì i s ng thiêng liêng là i s ng nhân b n c
s ng trong Chúa Thánh Th n. Môi tr ng hi nt i đ n n m t hoàn
c nh và hoàn c nh này l i gây ra nh ng thay i sâu xa trong H i
thánh và th gi i. Hoàn c nh y bu c chúng ta ph i t ra v n n n:
“H i Thánh ngày nay và th gi i ngày nay c n ki u linh m c nào?”
Câu tr l i cho v n n n này s giúp ích r t nhi u cho công vi c hình
thành m t ch ng trình ào t o phù h p. Trong khi tìm ki m m t s
h ng tr l i, tác gi s quan sát, l ng nh, và phân tích m t s
giáo hu n c a H i Thánh v i s ng thiêng liêng, c bi t là i
s ng thiêng liêng c a các linh m c.

Nh ã c c p trên ây, vi c ào t o thiêng liêng là
y u t trung tâm trong s m nh c a b t c ch ng vi n n ào, vì th

⁷⁰ Gioan Phaolô II, *Pastores Dabo Vobis* ..., ibid., s 82.

“thi u ào t o thiêng liêng, vi c ào t o m c v s không có n n t ng.”⁷¹

M t s tài li u c a H i Thánh v ti n trình ào t o thiêng liêng s c nghiên c u g m:

- *Optatam Totius* (ào T o Linh M c) và *Presbyterorum Ordinis* (S V và i S ng Linh M c) c a Công ng Vaticanô II;
- *Pastores Dabo Vobis* (Nh ng M c T Nh Lòng Mong c) và *Ecclesia in Asia* (H i Thánh t i Á Châu), Tông Th H u Th ng H i ng Giám M c c a c Thánh Cha Gioan Phaolô II;
- *Ratio Fundamentalis Institutionis Sacerdotalis* (L c C B n cho Vi c Hu n Luy n Linh M c) và *Spiritual Formation in Seminaries* c a Thánh B Giáo D c Công Giáo.
- M t s Bài Di n V n c a c Thánh Cha c ng c c p t i.
- Các tài li u c a Liên Hi p H i ng Giám M c Á Châu (FABC), và c a H i ng Giám M c Vi c Nam (H GMVN) c ng s c nghiên c u.

⁷¹ Gioan Phaolô II, *Pastores Dabo Vobis* ..., *ibid.*, s 45.

xác tín sâu xa và vì những lý do siêu nhiên. Bằng lòng yêu mến như thế của Đấng Thánh, họ cũng sẵn sàng thiêng liêng.⁷⁴

Thế nên, **Đức Thánh Linh** mới phải có trình bày hết sức kỹ lưỡng cho các chủng sinh như là một món quà quý giá của Thiên Chúa, vì tình yêu không chia sẻ vì Đức Trôi. Công tác đào tạo này cần được bổ sung bằng những khám phá mới nhất của khoa tâm lý và tâm lý lành mạnh,⁷⁵ nhằm biết làm thế nào tránh được những hiểm nguy dễ dàng trong sách, làm thế nào để tìm kiếm thành viên nhân bản và làm cho suy nghĩ, cảm thức, bản năng, tình cảm và những cảm xúc của mình.

Các chủng sinh cần được huấn luyện trong tinh thần vững chắc của linh mục, tinh thần nghèo khó và khiêm nhường, họ có thể tự nguyện từ bỏ ngay cả những thói quen pháp luật không thi thố. Họ phải khiêm tốn học hỏi và áp dụng những đức tính của linh mục mới một cách tự do và quăng đi để trợ giúp và tác động của Chúa Thánh Thần, vì những phẩm chất tốt đẹp như thành thật, lòng yêu mến lòng công bình, lòng trung thành vì những lợi ích cam kết, thái độ chằm chằm trong hành động, lòng khiêm tốn và bác ái trong lời nói.⁷⁶

Và sau cùng, *Optatam Totius* cũng mong sao các Giám Mục dành riêng ra một khoảng thời gian thích hợp cho chủ đề

⁷⁴ Vaticanô II, *Optatam Totius...*, s. 9; 11.

⁷⁵ Gioan Phaolô II, “On Psychology and Candidates for the Priesthood”: Diễn văn về Khoa Học và Thánh Bối Giáo Dục Công Giáo, (Vatican City, February 21, 2002), Zenit.org/english, truy cập ngày 3-11-2004.

⁷⁶ Vaticanô II, *Optatam Totius...*, *ibid*, s. 9-11.

gìn giữ và ánh giá nh là món quà c a Thiên Chúa, c ón nh n và tuân gi nh m t giá tr cao quý c a i s ng linh m c. Nó là m t đ u ch c a c bác ái m c t và là m t su i ngu i c bi t c a s phong phú thi êng li êng.

Th c ra, i s ng c thân có nhi u khía c nh thích h p v i ch c linh m c. Qua i s ng c thân, c tuân gi vì N c Tr i, các linh m c k t h p v i Chúa Kitô đ d dàng h n b ng m t con tim không san s (1 Cr 7,32 -34). Qua Chúa Kitô, h hi n dâng b n thân ph c v Thiên Chúa và Dân Ngài, và nh th các ngài đ d dàng tr nên đ u ch s ng ng c a m t th gi i t ng lai.

Các linh m c ph i khiêm t n và nhi t thành c u nguy n cho i s ng c thân và ón nh n i s ng y nh là m t món quà thu c v ân s ng Thiên Chúa. Cùng v i H i Thánh, h ph i khiêm t n và kiên nh c u nguy n cho n trung thành và s đ ng m i s tr giúp siêu nhiên c ng nh t nhiên, c bi t là l i th c hành kh ch ã c kinh nghi m c a H i Thánh ch p thu n. C các linh m c và tín h u u ph i p và nài xin Thiên Chúa quà t ng quý giá là i s ng c thân linh m c.⁷⁹

Th ba, c **Nghèo Khó T Nguy n**: S ng trong th gian và s đ ng th gian, các linh m c ph i h c cách th không thu c v th gian và tr nên ngoan ngoãn v i ti ng Chúa trong i s ng h ng ngày. T s t do và ngoan ngoãn này mà s t do thi êng li êng l n m nh. N i s t do thi êng li êng, các linh m c tìm c m i t ng quan thích h p v i tr n gian và c a c i tr n gian, t ó các ngài có th s đ ng c a c i cách úng

⁷⁹ Vaticanô II, *Presbyterorum Ordinis...*, s 15 - 16.

n theo ý Thiên Chúa và t b nh ng gì ph ng h i cho s v c a mình.

Vì th , các ngài ph i tránh m i th b ngoài xa hoa và phù phi m, và x p t nhà sao cho phù h p các ngài không t ra xa cách v i b t c ai, th m chí nh ng ng i khiêm t n nh t c ng d dàng th m vi ng các ngài. Do ó, các ngài c m i g i s ng theo c khó nghèo t nguy n, nh ó các ngài nên phù h p v i Chúa Kitô m t cách rõ ràng h n và tr nên nhi t thành v i tác v thánh.⁸⁰

Sau cùng, **Cu c S ng N i Tâm** c a các linh m c c n c c v nh các ph ng ti n thiêng liêng thánh hoá b n thân: h p nh t v i Chúa Kitô trong m i tr ng hu ng c a cu c s ng; s ng nh hai bàn ti c L i Chúa và Thánh Th , hai bàn ti c này c c hành trong Thánh L và c sùng kính trong Bí Tích C c Thánh; t xét l ng tâm h ng ngày; c sách thiêng liêng tìm ý Chúa nh tác ng c a Chúa Thánh Th n; các d u ch th i i và các bi n c cu c s ng; lòng sùng kính i v i c Trinh N Maria; các cu c t nh tâm v à linh h ng; và các d ng kh u nguy n và suy nguy n khác.⁸¹

B. Các Tài Li u c a Toà Thánh

1. *Nh ng M c T Nh Lòng Mong c (Pastores Dabo Vobis)*

⁸⁰ Ibid., s 17.

⁸¹ Vaticanô II, *Presbyterorum Ordinis...*, s 18.

Pastores Dabo Vobis khai triển những ý niệm này một cách cụ thể hơn về công việc của linh mục.⁸²

Thứ nhất, **Sứ Mệnh và Nhiệm Vụ Chúa**: Cho dù cá nhân con người vẫn mang ra trước mặt, trước mặt, thì việc lắng nghe tiếng Chúa và hiểu rõ giá trị của sứ mệnh trong sâu thẳm lòng người, nên hướng dẫn nhiệm vụ của Thiên Chúa,⁸³ công việc là vất vả trong xã hội hiện tại. Sứ mệnh cho phép chúng ta nhận ra sự hướng dẫn của Thiên Chúa và cho sự hướng dẫn này chỉ một.

Thứ hai, **Thánh Thần**: không chỉ vì Thánh Thần là sự sống và sự sống của Thiên Chúa, mà còn vì Thánh Thần hàm dưỡng những thái độ quy tụ nhân cá nhân: Các công việc sinh hoạt của huấn luyện góp phần tích cực hàng ngày và coi việc thực hành Thánh Thần là thói quen sống trong ngày sống của mình. Những tâm tình quan trọng bậc nhất của Thánh Thần nuôi dưỡng là lòng tri ân, tình yêu, bác ái, và tôn thờ.

Thứ ba, **Bí Tích Thánh Thể**: Hết sức cần thiết vì giá trị và sự cần thiết của Thánh Thể, PDV thúc giục việc tái khám phá và niềm vui của Bí Tích Thánh Thể bằng việc phát huy các mặt tốt đẹp, vượt lên, vượt lên, vượt lên, tinh thần sống và Thánh Thể.

Thứ tư, **Khiêm Tốn Phụng Vụ**: Các công việc sinh viên của chúng ta huấn luyện thích hợp theo tinh thần khiêm tốn phục vụ của Chúa Giêsu (Ga 13,15), theo tình bác ái, công bằng

⁸² Gioan Phaolô II, *Pastores Dabo Vobis...*, ibid., s. 45-50.

⁸³ Vaticanô II, *Gaudium et Spes: Pastoral Constitution on the Church in the Modern World* (December 7, 1965), s. 16.

là b ng tình yêu th ng u tiên v i ng i nghèo và lòng th ng xót i v i t i nhân.⁸⁴

Th n m, **i S ng c Thân Linh M c** c nêu b t nh là m t ân hu và quà t ng c bi t c a Thiên Chúa,⁸⁵ nh là l a ch n m t tình yêu không chia s và m nh m h n vì Chúa Kitô và vì N c Thiên Chúa. i s ng c thân c n c trình bày rõ ràng, không hàm h và theo cách tích c c. Các ch ng sinh c n t m c tr ng thành v tính d c và tâm lý y và m t cu c s ng c u nguy n siêng n ng và ích th c, d i s h ng d n c a cha linh h ng. Nh ng i u ó s hàm d ng kh n ng ánh giá giá tr c a hi sinh, x k , t hi n h t mình, t giác k lu t, ón nh n s cô t ch và th p giá. M i công vi c ào t o n i tâm ph i sinh hoa trái trong chính l i s ng c a ng sinh: Các ng sinh ph i tìm ki m Thiên Chúa n i ng i khác qua vi c ph c v th a tác v c trao ban nh ng không và c bác ái m c t .

2. *H i Thánh t i Á Châu*

a. **Nh ng u Tiên c a H i Thánh t i Á Châu**

Ecclesia in Asia dành nh ng u tiên tuy t i cho vi c loan báo Tin M ng (EA s 19) và cho linh o v Truy n giáo, t i Á Châu i u này có ngh a là loan báo Chúa Giêsu nh là ng C u duy nh t (EA s 20), b ng ph ng ti n h i nh p v n hoá (EA s 21-22), trong suy t th n h c, ph ng v , và công tác ào t o linh m c v i s t ng tác c chiêm ni m l n hành ng.

⁸⁴ Gioan Phaolô II, *Pastores Dabo Vobis...*, *ibid.*, s 48-49.

⁸⁵ *Ibid.*, s 29.

cho s v truy n giáo c h u hi u, H i Thánh t i Á Châu ph i s ng hi p thông m t thi t v i Chúa Giêsu Kitô, hi p thông trong lòng H i Thánh (EA s 25), hi p thông b ng i tho i: i tho i i k t gi a các giáo h i, i tho i v i các n n v n hoá, i tho i v i các tôn giáo khác (EA s 29-30), i tho i b ng cu c s ng v i ng i nghèo (EA s 34), d n thân th ng ti n nhân v , c bi t là ng i nghèo trong m i chi u kích v ph m giá, kinh t , cu c s ng, v ho à bình và v môi tr ãng (EA s 41).

Sau h t, H i Thánh t i Á Châu ph i y m nh vi c làm ch ng cho Tin M ãng (EA s 42-49), ngh a là H i Thánh ph i th c s s ng i u mình rao gi ãng.

b. ào T o Thiêng Liêng cho Các Ch ãng Sinh

Theo l i c H ãng Y Paul Shan Kuo-hsi trình bày,⁸⁶ H i Thánh t i Á Châu c n các linh m c quân bình v tâm lý, tr ãng thành v ãnh c m, lành m nh v phán oán, chính th ng v giáo lý, m nh m v ý chí, nhanh nh n v lòng bác ái, luôn s n lòng ph c v ãng i khác, nhi t tâm i v i vi c Phúc Âm hoá và vi c m c v , có i s ãng thiêng liêng bám r sấu trong m i hi p thông m t thi t v i Ba Ngôi C c Thánh và t Chúa Giêsu Kitô làm trung tâm. Tr c khi vào ch ãng vi n, ãng sinh ph i tr i qua m t tr c nghi m tâm linh, t t nh t là do m t linh m c chuyên gia h ãng d n.⁸⁷ V i tr c nghi m này, ít nh t ãng sinh ph i ch ãng t mình có nh ãng d u hi u tí m tàng và tích c c c a nh ãng ph m ch t nêu trên, và không có nh ãng v t tích quá tiêu c c trái ãng c.

⁸⁶ *Linh M c Thiên Niên K M i*, i Ch ãng Vi n Hu , (2000), tr. 31-56.

⁸⁷ “On Psychology and Candidates for the Priesthood”..., *ibid*.

Những phẩm chất nêu trên của linh mục cần được sống sinh hoạt và diễn ra trong những năm dài của quá trình đào tạo. Mặc dù các Nghị Phụ Thượng Hội đồng không đưa ra những chính thức về việc đào tạo tâm lý, tuy nhiên, các ngài đã bàn về điều này trong những cuộc thảo luận theo nhóm nhỏ và những cuộc đàm luận riêng tư. Các ngài cũng bị thu hút quan tâm về việc đào tạo về cá nhân, các tác động giao nhân bản và hợp tác hài hòa với người khác. Các ngài cũng nhấn mạnh những việc cần chú ý, chiêm niệm và công tác trong việc đào tạo thiêng liêng. Chú ý, suy niệm, chiêm niệm và công tác là những hoạt động thiêng liêng truyền thống của đời sống Kitô giáo và hoàn hảo trong tất cả các tôn giáo lớn Á Châu. Phúc Âm hoá hữu hiệu không chỉ đòi hỏi việc loan báo tích cực, những công việc phục vụ bác ái xã hội, những hoạt động văn hoá và giáo dục, những công việc đòi hỏi những sự chú ý sâu xa về suy niệm, chiêm niệm, công tác và kết hợp với Thiên Chúa.⁸⁸

3. *Linh Mục Cơ Bản cho Việc Huấn Luyện Linh Mục (Ratio Fundamentalis Institutionis Sacerdotalis)*

a. Những Nguyên Tắc Chung cho Tất cả

Trên hết, những linh mục cần phải có những phẩm chất:⁸⁹

- sống ngay thẳng và luôn sống hành cùng Chúa Ba Ngôi;
- thường xuyên tìm kiếm Chúa Kitô trong mọi hình thức thông tin truyền thông đại chúng;
- giữ Lời Chúa và lòng yêu mến sâu sắc trong niềm tin, và trao Lời Chúa cho người khác;

⁸⁸ *Linh Mục Thiên Niên Kinh Mới*, Hội đồng Giám mục Việt Nam, (2000), tr. 47-49.

⁸⁹ CCE, *Ratio Fundamentalis Institutionis Sacerdotalis...*, *ibid.*, s. 44-58.

- th m vi ng và th l y Chúa Kitô hi n di n n i bí tích Thánh Th ;
- có lòng m n yêu thân thi t i v i c Trinh N Maria là ng liên k t cách c bi t v i công trình C u ;
- tham kh o các tài li u thánh truy n, các tác ph m c a các Giáo Ph , và m u g ng c a các thánh;
- bi t cách tra xét và phán oán l ng tâm và nh ng ng c c a chính mình v i lòng l ng thi n và thành th t.

Th hai, vi c ào t o thiêng liêng cho các ch ng sinh là m t ti n trình bao g m nh ng giai o n khác nhau; m i giai o n c n c thích ng v i tu i tác, kinh nghi m, và kh n ng c a các ch ng sinh. Hi u qu c a vi c ào t o này c nâng cao áng k nh m t s nh ng th i k n nh cho vi c hu n luy n chuyên sâu h n. Nh ng th i k này có th là: lúc m i vào ch ng vi n, lúc b t u h c th nh c, và khi h ti ng n t i ngày ch u ch c linh m c.

b. Nh ng Khía C nh C Th

M c ích tr c tiên c a vi c ào t o thiêng liêng là c **ái hoàn h o**. M c hoàn h o này giúp các ch ng sinh tr nên Chúa Kitô khác. c th m nhu n Th n Khí c a Chúa Kitô cách sâu xa, h s nh n ra i u h ang làm khi c hành m u nhi m s ch t c a c Kitô ph c v (Mt 20,28). T ng b c m t, h ph i hi u bi t rõ ràng và ch c ch n v ng i linh m c c a mình, và nh th h làm cho mình có nhi u kh n ng th c nh ng c tính và thói quen c a i s ng linh m c. H c kêu g i c g ng h t s c hoàn thi n i s ng c a chính mình và i s ng chung trong ch ng vi n nên m t tâm h n (Cv 2, 44-46).

Nhó, cng oàn vui hng s hi n di n c a Thiên Chúa, trit tuân gi lutl và t c m i liên k t hoàn h o.⁹⁰ i s ng c ng oàn nh th chu n b cho các ng sinh h có th nên m t trong tình “huynh bí tích” v i c ng oàn r ng l n h n là hàng giáo s giáo ph n, nh m i liên k t bác ái, c u nguy n, và s h p tác trong nhi u khía c nh, nh m xây d ng Hi Thánh, m t b n ph n òi h i nhi u trách nhi m và nh ng c anh tân h p th i.⁹¹

M c ích th hai là **i s ng c thân linh m c**, m t nguyên t c c Hi Thánh Latinh t ra cho nh ng ai, nh ân s ng Thiên Chúa, t nguy n ón nh n vì N c Tr i. tình tr ng này, các linh m c d dàng g n Chúa Kitô h n v i m t trái tim không chia s ; t do h n trong vi c trao hi n chính mình ph c v Chúa và Dân Chúa, và ón nh n ch c linh m c v i lòng qu ng i.⁹²

B i v y, các linh m c t ng lai ph i ý th c và ón nh n i s ng c thân nh là m t món quà c bi t Chúa ban. Nh i s ng dành tr n cho vi c c u nguy n, cho m i hi p nh t v i Chúa Kitô, cho c ái huynh chân thành, các th y có th gi gìn cách hân hoan và tr n v n i s ng c thân c a mình. Các th y c n có c t do hoàn toàn v tâm lý, c b trong l n b ngoài, và t m c n nh v tình c m, hi u rõ và s ng i c thân nh là s ki n toàn b n thân. M t n n giáo d c thích áng v gi i tính s d n a các th y t i m t tình yêu trong tr ng i v i con ng i h n là m t

90 CCE, *Ratio Fundamentalis Institutionis Sacerdotalis (RFIS)*..., *ibid.*, s 44- 46.

⁹¹ *Presbyterorum Ordinis*..., *ibid.*, no. 8; *RFIS*..., *ibid.*, s 46.

⁹² *Presbyterorum Ordinis*..., *ibid.*, no. 16; *RFIS*..., *ibid.*, s 48.

ni lo âu nhằm tránh tội, như vậy nhằm chuẩn bị cho họ dấn thân vào vòng vàng vào tác vụ mới trong tương lai.⁹³

Một khía cạnh khác của việc tạo ra thiêng liêng là **mối liên quan thân mật với Chúa Kitô**, “vấn là hôm nay, hôm qua, hôm nay, và mãi mãi muôn đời” (Dt 13,8). Các chúng sinh nên nhận ra mối liên quan bằng sự gắn bó với con người và sự sống của Chúa Kitô, người đã hoàn thành nhiệm vụ mình vì lòng khiêm tốn từng phút thánh ý Chúa Cha như là lòng thối của mình (Ga 4,34). Các thầy cũng kêu gọi dâng hiến ý muốn riêng mình phục vụ Thiên Chúa và tha nhân, như lòng vàng phục vụ niềm tin.

Họ không chỉ học hỏi như thánh giá, nhưng là yêu mến thánh giá, và gánh vác những trách nhiệm của họ như những người thừa kế nhiệm vụ hành sự của tông đồ của mình. Họ cũng sống và dâng phục vụ chân thành vì việc của Giáo Hoàng và Giám Mục của mình. Bằng việc sống tinh thần phục vụ khiêm tốn và lòng hiến thân, họ trở thành những công nhân trung thành của các ngài.⁹⁴

Thứ ba, các chúng sinh phải học **nuôi dưỡng Tinh Thần Nghèo Khó** chu toàn vì công trình: tin vào sự Quan Phòng của Chúa Cha, học nhận biết thế nào là đầy đủ và thiếu thốn, thế nào là ỏi kh và no đủ, thế nào là có nhiều và có ít, bắt chước gương thánh Phaolô (Pl 4,12). Bằng cách theo gương của Chúa Kitô (2 Cr 8,9), họ nên coi người nghèo và người kém may mắn như là bản thân của họ, bắt chước của mình và làm công việc cho người nghèo khổ, vì tinh thần tận tụy chính mình trước những người khác không cần thì t.⁹⁵

⁹³ CCE, *RFIS* ..., *ibid.*, s. 48.

⁹⁴ *RFIS*, *ibid.*, s. 49.

⁹⁵ *RFIS*, *ibid.*, s. 50.

Thần m, vì c ào t o thiêng liêng **bao trùm con ng i toàn dĩ n**. Ân s ng không bóp ngh t t nhiên, nh ng nâng t nhiên lên m c cao h n. Các ch ng sinh ph i t p s ng thành th t, luôn quan tâm t i công lý, và nh ng cách ng x t t trong giao thi p v i con ng i v i tinh th n b ng h u và ph c v , tinh th n s n sàng làm vi c, và kh n ng làm vi c v i ng i khác. H ph i gi l i, t ch và ân c n trong giao ti p. Vì nhi m v rao gi ng Tin M ng cho m i ng i, h ph i h c ngh thu t, ngh a là bi t nói chuy n v i ng i khác cách úng n, kiên nh n l ng nghe và có kh n ng dĩ n t ý mình.⁹⁶

Sau cùng, sinh l c và s m i m trong i s ng linh m c là **Thánh Th và Bí Tích Sám H i**. Các ch ng sinh h ng ngày ph i tham d vào vi c c hành Thánh Th , “su i ngu n và t t nh c a c i s ng Kitô giáo” và là trung tâm toàn b i s ng ch ng vi n. Vi c tôn th Thánh Th ph i g n li n v i Kinh Th n V . Nh Thánh Th , ph ng v và l i c u nguy n, các th y s có th kiên tâm g n bó thân tình và th t s v i Chúa Kitô và H i Thánh.⁹⁷ Bí tích Sám H i ph i c th m nhu n vào các linh m c t ng lai, h có th c canh tân h ng ngày. M i ch ng sinh ph i khiêm t n và tin t ng c i m l ng tâm mình tr c v linh h ng, thông qua vi c linh h ng, th y c h ng d n cách an toàn trên con ng c a Chúa.⁹⁸

Th y ph i t ng b c th c i s ng thiêng liêng tr ng thành th t s qua s t ánh giá, t nh tâm th ng k , và nh ng d ng

⁹⁶ *RFIS*, *ibid.*, s 51.

⁹⁷ *RFIS*, *ibid.*, s 52.

⁹⁸ *RFIS*, *ibid.*, s 55.

luyện tập khác, luôn ý thức rèn luyện ng họ t ng thiêng liêng y s giúp phát triển và tăng cường sứ mệnh thiêng liêng của họ.⁹⁹ Thay vì chỉ chú ý quan sát chính xác những dấu chỉ và phán đoán các sự kiện như ánh sáng Tin Mừng. Theo nghĩa này, thánh linh bên ngoài là bắt buộc, vì thánh linh bên ngoài sẽ không có thánh linh nội tâm trong linh hồn.

4. *Đào Tạo Thiêng Liêng Trong Các Chức Vụ*

Thánh Bộ Giáo Dục Công Giáo chỉ ra bốn nguyên tắc chung cho hình thức đào tạo thiêng liêng cho các linh mục tương lai:¹⁰⁰

Trên hết, **Lời Chúa**: người sinh viên tốt nghiệp cần phải thấm nhuần thánh linh nội tâm thực sự có thể lắng nghe và hiểu sâu xa Lời Chúa, và kiên nhẫn tìm Chúa Kitô qua chính kinh nghiệm lắng nghe tiếng Chúa trong cuộc sống cá nhân. Kinh nghiệm này giúp thay thế thành thục đức cho người khác. Thánh linh nội tâm tìm kiếm Chúa Kitô sự sống và mục đích: là phó thác cho Chúa Cha và tu thân vào Ngài, là thân mật nội tâm và chiêm niệm Chúa. Thánh linh bên trong và thánh linh bên ngoài như hai cánh tay và nuôi dưỡng nhau. Trong một chức vụ, nội tâm mà thánh linh bên ngoài không hiện hữu thì thánh linh nội tâm cũng vơi bóng. Luật Sống chung với người phi tu sĩ ưu tiên cho việc này.¹⁰¹

⁹⁹ *RFIS*, *ibid.*, s. 56-58.

¹⁰⁰ *Spiritual Formation in Seminaries*, tr. 9-23.

¹⁰¹ *Ibid.*, tr.10-14.

Th hai, ng sinh ph i s ng hy t c u và làm cho hy t c a Chúa Kitô hi n di n nh Thánh Th và làm cho ng i tín h u hi p thông cách x ng áng v i hy t n ày.¹⁰²

Th ba, th y ph i l n lên trong hy t thiêng liêng nh ón nh n và vắc th p giá theo v t chân t b chính mình c a Chúa Kitô, ngh a là có lòng vâng ph c th c s và có c m th c sám h i.

Và sau cùng, th y ph i có lòng hi u th o và tin t ng i v i c Trinh N Maria, ng mà Chúa Giêsu trên th p giá ã ban cho chúng ta nh ng i m . M u nhi m c Maria đ n a t i cu c ti p xúc tuy t v i h n v i Chúa Kitô và th p giá c a Ngài. Kitô h c c ng là Thánh M u h c. Tình yêu và lòng sùng kính v i c Trinh N Maria ph i c đ y đ và th c hành trong ch ng vi n v i m t ngu n sinh l c n i tâm.¹⁰³

Tài li u này c ng ngh ch ng vi n có m t th i k chu n b dành riêng cho vi c ào t o thiêng liêng. Th i k chu n b này nên di n ra tr c, ho c cách nào ó ngoài th i gian ch ng vi n, các sinh viên có c h i hoàn t t m t th i gian h c t p thiêng liêng th c s .¹⁰⁴

C. Giáo Hu n c a c Giáo Hoàng Gioan Phaolô II

1. óng Góp c a Khoa Tâm Lý H c trong Vi c ào T o Linh M c¹⁰⁵

¹⁰² Ibid., tr. 14-18.

¹⁰³ Spiritual Formation in Seminaries, tr. 22-23.

¹⁰⁴ Ibid., p. 24. Xem Giai o n Ti n Ch ng.

¹⁰⁵ Gioan Phaolô II, “On Psychology and Candidates for the Priesthood” ..., ibid.

a. Óng Góp Thích Áng và H n Ch c a Khoa Tâm Lý Trong T i n Trình ào T o Linh M c

Theo c Giáo Hoàng, s óng góp chuyên môn c a các nhà tâm lý có th c s d ng thích h p vào th i gian m i nh p h c, c ng nh trong toàn b t i n trình ào t o. Ý ki n chuyên môn này ph i c a vào s d ng theo m t ng l i quân bình, nh m b o v giá tr l n lao c a vi c linh h ng. Nh ng can thi p tâm lý này¹⁰⁶ không lo i b khó kh n và c ng th ng n i con ng i, nh ng khuy n khích làm tri n n m t nh n th c r ng r i h n và m t rèn luy n kho ng khoát h n t do cá nhân c a con ng i.

Theo ng h ng này, con ng i có th ón nh n m t cu c u tranh c i m và thành th t, nh s tr giúp không th thay th c a ân s ng. Vì v y, các nhà ào t o c n chú ý n ph m ch t tôn giáo c a các chuyên gia tâm lý, c ng nh kh n ng chuyên môn khoa h c c a h . Nhà tâm lý h c c n hi u bi t th u áo quan i m Kitô giáo v cu c s ng, và v ng i linh m c, n u mu n cung c p m t tr giúp h u hi u cho s hòa h p c n thi t gi a các chi u kích nhân b n và siêu nhiên.

b. ào T o Thiêng Liêng Và i S ng c Thân

c Giáo Hoàng d y r ng các ng viên ph i c gi i thi u th c hành c u nguy n, suy ni m và kh ch cá nhân d a trên các nhân c i th n c s ng trong i s ng h ng ngày. C c ái tông trong Giáo H i và giáo lu t u a ra nh ng bố bu c thích h p cho tác v t ng lai c a ng viên. i s ng c thân vì N c Tr i ph i c trình bày nh m t ch n l a r t thu n l i cho vi c hân hoan loan báo Chúa Kitô Ph c Sinh.

¹⁰⁶ Xem ph l c C: Khoa Tâm Lý và ào t o i s ng c thân cho ch ng sinh.

2. **Chuẩn Bị Việc Cho Các Linh Mục**

Đức Giáo Phaolô II nói rằng vì cần phải chuẩn bị chính xác các ứng viên làm nhiệm vụ trong đời sống. Bởi thế, ta phải lập kế hoạch tốt về trình chuẩn bị các ứng viên cần chọn lựa sau này trên nền tảng các linh mục tốt lành, thánh thiện. Việc đào tạo thiêng liêng và dạy dỗ giáo lý cho các sinh viên phải có kết quả hài hòa với nhau và do các nhà đào tạo có kinh nghiệm chủ đạo giám sát. Phải nhận mạnh tới nhu cầu chính yếu là thực hành xuyên suốt các bí tích, đặc biệt là Bí Tích Thánh Thể, cùng với việc cầu nguyện riêng tư và sống và thực hành xuyên suốt mọi lĩnh vực.

Đức Giáo Hoàng nhận mạnh rằng các linh mục phải có tâm hồn sống động, sẵn sàng hiến thân, món quà quý giá và mối liên quan mật thiết với Chúa, “phải coi như là phần không thể thiếu của sứ mạng bên trong và bên ngoài của linh mục.”¹⁰⁷

3. **Việc Đào Tạo Thiêng Liêng Thích Nghi với Nhiệm Vụ Truyền Giáo**

Đức Giáo Phaolô II yêu cầu mọi người Công giáo Việt Nam tận tâm tận lực làm việc trong việc Phúc Âm hoá; luôn sống nghiêm túc nghiêm túc trong huấn luyện lãnh nhiệm vụ khi chịu phép rửa và “mạnh mẽ vai trò của mình trong sứ mạng và sứ mệnh của Dân Chúa, là chứng nhân của Chúa Kitô, mà không hề lùi bước.”¹⁰⁸

¹⁰⁷ Đức Giáo Phaolô II, “Solid Preparation for Laity and Priests”: Address to Philippine Bishops (Vatican City, October 9, 2003), no. 6, Zenit.org/english, truy cập ngày 25-12-2004.

¹⁰⁸ John Paul II, *Ecclesia in Asia...*, s. 45.

ivivic ào tong i tr , ngài yêu c u các Giám M c
 Vít Nam l u tâm t i nh ng i u ki n ào t o tri th c và thiêng
 liêng thích ng v i nh ng thách truy n giáo mà gi i tr ph i i
 m t, b ng vi c tuy n ch n k l ng nh ng ng i hu n luy n và các
 giáo s , nh ng v ã th c m c tr ng thành v nhân b n và i
 s ng linh m c. Các ngài ph i ý th c r ng nhi m v Phúc Âm hoá
 liên quan t i m i thành ph n Dân Chúa và òi h i lòng nhi t thành
 m i, nh ng ph ng pháp m i và ngôn ng m i.¹⁰⁹

D. Giáo Hu n c a c Bênê itô XVI

1. Chúa Giêsu Kitô Là Chu n M c Chân Th c

Ngay tr c khi c b u, c Giáo Hoàng Bênê itô XVI
 t ng k tr ng nhi u lu ng ý th c h và m t ngh ã làm giao ng
 và h t con thuy n bé nh là l i suy t c a các Kitô h u i t thái c c
 này sang thái c c khác: t ch ngh a Mác sang ch ngh a t do, r i
 ch ngh a phóng ãng; t ch ngh a t p th sang ch ngh a cá nhân
 tri t ; t ch ngh a vô th n sang hi n t ng th n bí tôn giáo m
 h ; t thuy t b t kh tri n t p giáo. M i ngày, các giáo phái m i
 c sinh ra, d n n l m l c (x. Eph.4:14). c tin r ò ràng úng
 theo Tín i u c a Giáo H i th ng b ch p m là ch ngh a c b n
 tuy t i d a vào Kinh Thánh, trong khi thuy t t ng i d ng
 nh là thái x ng h p c a th i i chúng ta. M t s c tài c a
 thuy t t ng ich ng nhìn nh n i u gì là tuy t i, ngoài cái tôi và
 nh ng ý ngh ch t n y ra.

Nh ng chúng ta có Con Thiên Chúa, là Con Ng i Th t
 nh là chu n m c cho thuy t nhân b n ích th c. c tin tr ng
 thành và chín ch n là c tin bám r sâu trong tình b ng h u v i
 Chúa Kitô. Tình b ng h u này làm chúng ta m ra v i m i i u t t
 p và cho chúng ta chu n m c bi n phân gi a cái gì là chân th c

¹⁰⁹ “The Church is waiting for the Total Respect of its
 Autonomy” ..., ibid.

và cái gì là gì d i, gi a s d i trá và chân lý. Chúng ta c n ph i tr nên chín ch n trong c tin tr ng thành này; ph i d n a oàn chiến Chúa Kitô t i c tin này. Và c tin này, c tin duy nh t, t o r a s hi p nh t và xây d ng trong c ái nh là n n t ng c a i s ng Kitô h u.¹¹⁰

2. H i Thánh Không S T ng Lai

Trong S i p cho các H ng Y,¹¹¹ c Bênê itô XVI cam k t s luôn luôn nghe theo nh ng linh h ng c a Chúa Thánh Th n, v i lòng khiêm t n phó thác cho s quan phòng c a Thiên Chúa, ti p t c con ng c a các v ti n nhi m là loan báo cho toàn th gi i s hi n di n s ng ng c a Chúa Kitô. Ngài m nh m kh ng nh quy t tâm ti p t c d n thân thi hành Công ng Vaticanô II. Ngài c ng c g ng xây d ng s hi p thông trong lòng H i Thánh, đ a trên s hi p thông tr n v n v i Chúa Kitô Ph c Sinh, bi u l n i Thánh Th .

Trong t ng quan v i bên ngoài, ngài l y vi c tái l p s hi p nh t tr n v n và h u hình n i nh ng ng i theo Chúa Kitô, thông qua vi c “thanh t y ký c”, nh là cam k t u tiên. Ngài thúc y H i Thánh làm s ng l i ý th c Truy n Giáo làm cho ánh sáng Chúa Kitô chi u soi tr c m i dân t c ngày nay. Ngài quy t s ti p t c m t cu c i tho i c i m và chân thành v i các tôn giáo khác, v i các n n v n hoá và v n minh khác nhau, c bi t là v i nh ng ng i nghèo và nh ng ng i nh bé. Ngài c ng tuyên b r ng m i ng i Công giáo s n lòng c ng tác nh m t i s phát tri n xã h i ích th c vì ph m giá m i ng i, v i hy v ng r ng nh

¹¹⁰ “Jesus Christ: the Measure of True Humanism” (Rome, April 18, 2005), Zenit.org/english, truy c p ngày 1-5-2005.

¹¹¹ “A Church That Has No Fear of the Future” (Vatican, April 20, 2005), Zenit.org/english, truy c p ngày 1-5-2005.

s hi u bi t l n nhau, hoàn c nh s làm n y sinh m t t ng lai t t p h n cho m i ng i.

3. M R ng C a cho Chúa Kitô

Sau h t, trong Thánh L Nh m Ch c,¹¹² ngài l p l i l i c Gioan Phaolô II “ ng s ! Hãy m r ng c a cho Chúa Kitô!” ng “s ch ng l y i i u gì thu c v t do và nhân ph m c a con ng i ... Ch trong tình b ng h u này chúng ta m i c m nghi m c v p và s gi i thoát.”

¹¹² “Do Not Be Afraid of Christ! He Takes Nothing Away and Gives Everything,” (Vatican City, April 24, 2005), Zenit.org/english, truy c p ngày 1-5-2005.

CH NG V

GIÁO HU N C A H I THÁNH A PH NG V VI C ÀO T O THIÊN LIÊNG

A. Ph ng H ng C Th c a Liên H i ng Giám M c Á Châu (FABC)

Liên Hi p H i ng Giám M c Á Châu áp d ng giáo hu n c a H i Thánh hoàn c u vào b i c nh a ph ng. Chi u kích thiêng liêng ph i c mang vào trong cu c s ng toàn di n c a m i ng i: Rao gi ng L i Chúa b ng cách s ng L i Chúa. Lãnh o mà thi u ch ng tá v thánh thi n, kh ch , và s th ng nh t nhân v là thi u tính chân th c. Vì v y, nh ng nhi m v chính c a vi c ào t o thiêng liêng c a ra: làm ch ng cho Tin M ng qua l i s ng gi n d , nghèo khó, c thân, vâng ph c, hi p thông, i tho i và c u nguy n.

1. Khuôn M t Á Châu c a Linh M c¹¹³

a. Ch c Linh M c Trung Tâm c a Chúa Gi êsu Kitô, ng C u

113 FABC, “Seminary Formation for Priesthood in Asia”: Seventh Plenary Assembly- Workshop Discussion Guide by Vicente Cajilig, Ucanews.com/fabc-workshop, truy c p ngày 7-10-2004.

Chức linh mục của Chúa Giêsu Kitô, ông Cu là trung tâm. Công trình của nhân loại là công trình của Mối Chúa Ba Ngôi qua Chúa Giêsu Kitô và các tín đồ trong Hội Thánh đời tác của Chúa Thánh Thần. Linh mục tham dự vào chức linh mục của Chúa Giêsu Kitô và các tác vào công trình của Ngài.

Vì vậy, việc tạo linh mục toàn diện, cần biết là việc tạo linh mục thiêng liêng, nhằm làm cho linh mục tiếp nối nên hình ảnh của Chúa Giêsu Kitô, Linh Mục Tối Cao. Nói cách khác, tạo linh mục nhằm làm cho chúng sinh có khả năng hiểu biết, nội tâm hoá và sống chính con người, sống và tìm kiếm Chúa Giêsu, ông là cốt lõi của việc tạo linh mục và là con tim của cuộc sống và sống của linh mục. Công trình của này muốn giúp tất cả mọi người tho mãn nhu cầu khát vọng sâu xa nhất và lòng khát khao sống một tình quan trọng trong Mối Thiên Chúa Ba Ngôi (Phúc Âm hoá), và xây dựng nên Hội Thánh (mục vụ). hoàn thành sứ mệnh và tác vụ của Chúa Giêsu, linh mục phải trung thành với ba tác vụ của Lời Chúa, Bí Tích và Phụng Vụ.¹¹⁴

b. Linh Mục, Nhiệm vụ của Hội Thánh

thực thi sứ mệnh và tác vụ của Chúa Giêsu Kitô ở Châu, linh mục phải là người của Hội Thánh, nghĩa là ngài phải tận tụy sống với Giáo Hội địa phương, có khả năng tạo nên sự hiệp thông ngay trong các cộng đồng Giáo Hội (các giáo xứ, các nhóm canh tân, v.v...), mở ra liên hệ với các cộng đồng khác (các cộng đồng giáo hội và tôn giáo khác, những người thì không, những người nghèo). Là người của Hội

¹¹⁴ B. Giáo sư, *The Priest, Pastor and Leader of the Parish Community*, Zenit.org/english, truy cập ngày 25-1-2005.

Thánh nh ̄ th , ng sinh linh m c ph i c ào t o và t ào t o tr nên m t con ng i thiêng thánh, m t con ng i i tho i (c trong l n ngoài Giáo H i) và m t con ng i khiêm t n ph c v .¹¹⁵

c. Cu c S ng Và Vai Trò C a Linh M c Trong B i C nh Á Châu

Theo PDV, có b n chi u kích trong vi c ào t o linh m c toàn di n (nhân b n, thiêng liêng, tri th c và m c v). B n chi u kích này tu thu c l n nhau và c n c ph i h p v i nhau. nh n ra th a tác v linh m c t i Á Châu hôm nay, b n chi u kích này c n c h i nh p v n hóa b ng t t c tinh th n và l i s ng, ch không ch b ng nh ng hình th c bên ngoài. Vì th linh m c ph i c gi i thi u nh là m t con ng i có nhn cách chín ch n, m t con ng i thánh thiêng, m t con ng i i tho i, và m t con ng i khiêm t n ph c v .

c bi t t i Á Châu, con ng i thiêng thánh th t h t s c quan tr ng. Trong nh ng tôn giáo khác Á Châu, s thánh thi n c ánh giá r t cao và nh ng ng i thánh thi n c h t s c kính tr ng.

S thánh thi n c a linh m c g n k t cách n i t i v i th a tác v linh m c và tri n n n i th a tác v linh m c. Ngh a là, vi c thi hành th a tác v cách t n tu làm t ng tri n s thánh thi n, và s thánh thi n l i làm th ng t i n th a tác v . Là tình yêu dành cho Thiên Chúa, s thánh thi n này nh t thi t ph i hàm d ng tình yêu dành cho con ng i và thiên nhiên. Tình yêu này c nuôi d ng nh c u nguy n, nh suy ni m sâu xa L i Chúa, nh i s ng bí tích và ph c v . Ti n trình ào t o c n t tiêu i m n i Chúa Kitô nh là mô hình thánh

¹¹⁵ FABC, “Seminary Formation for Priesthood in Asia”..., ibid.

thi n cho linh m c. Các ch ng sinh c ng c n nh ng g ng m u nhi t tâm và thánh thi n c a linh m c n i i ng ào t o.

h ng d n các ch ng sinh h ng t i m c tr ng thành nhân b n và thiêng liêng, thì s t do, k lu t và trách nhi m ph i ng hành v i nhau.¹¹⁶

Tr c s a d ng v tôn giáo và v n hoá t i Á Châu, linh m c c n phát tri n kh n ng i tho i l ch thi p v à kính tr ng v i các tôn giáo khác và i a s nh ng ng i không Công giáo t i Á Châu. Do nh ng khó kh n v kinh t v à xã h i c a m i ng i, linh m c nên ti p c n v i h nh là m t t o i t khiêm t n, quan tâm t i s phát tri n th c s v à th ng ti n con ng i, v i m i quan tâm c bi t dành cho ng i nghèo. Cu c i tho i và ph c v này ph i m ra cho công cu c Phúc Âm hoá.¹¹⁷

2. Các Khía C nh c a Ti n Trình ào T o

a. Ki u M u và Ph ng Pháp ào T o ng Viên

Ki u m u và ph ng pháp ào t o ng viên c n ph i c nghiê n c u. Ti n trình ào t o c n bao g m vi c bi n phân và tuy n l a các ng viên theo m t s tiêu chu n. H c n có nh ng ng l c thích h p, nh ng ph m ch t nhân b n phù h p và i s ng c tin c n b n.¹¹⁸ Nh ng ph ng pháp k thu t hi n i, nh là s ánh giá v tâm lý h c, có th tr giúp cho ti n trình tuy n l a. Ti n trình ào t o c n hàm d ng i s ng c tin và n g i cho các ng viên. Vi c ào t o và t

¹¹⁶ FABC, “Priest in the Asian Context”: Seventh Plenary Assembly - Workshop 4, by Vicente Cajilig, ucanews.com/fabc-papers/workshop-report, truy c p ngày 7-10-2004.

¹¹⁷ FABC, “Priest in the Asian Context”..., *ibid.*

¹¹⁸ Vaticanô II, *Optatam Totius...*, *ibid.*, s 6.

ào t o c n c thu x p trong m t nhóm nh , cho s h ng d n riêng t và m c tr ng thành nhân b n c a các ng viên c t ng c ng.

b. Ph m Ch t Thi t Y u c a Ng i ào T o

Vì c tuy n l a các nhà ào t o c ng c n c t i n hành theo m t s tiêu chu n. Các ngài ph i là nh ng con ng i thánh thi n v i kinh nghi m m c v và rao gi ng Phúc Âm hi u qu , và có kh n ng v trình h c thu t. Nh ng giáo dân có kh n ng c ng có th c m i h c ng hi n các ân hu Chúa ban cho ti n trình ào t o ch ng vi n. T t c nh ng ng i có liên h v i công vi c hu n luy n ch ng vi n, c giáo s và giáo dân, bao g m nh ng ng i cùng ch ng sinh lo công tác m c v , c n c xem nh là thành ph n c a i ng ào t o.

V giám c và i ng ào t o tr c ti p sát cánh v i ngài có m t vai trò quy t nh trong vi c t o ra m t b u khí bao g m ý th c v s thánh thiêng, v h c v n, v i tho i, và v ph c v . C n làm rõ chuy n này là không ph i b t c linh m c nào c ng có th là nhà linh h ng h u hi u, vì vi c linh h ng không ph i là m t ch c n ng, nh ng là m t ngh thu t.¹¹⁹

c. C n Có ng L i L ng nh Hi u Qu

Ch ng vi n không ch là m t c ch hàn lâm. Do ó, ch ng vi n c n thi t l p các ph ng ti n l ng nh ch ng sinh. Các nhà ào t o và chính các ch ng sinh c n làm vi c

¹¹⁹ FABC, “General Observation and Suggestions on Formation”: Workshop Discussion Guide by Vicente Cajilig, ucanews.com/fabc-papers/workshop-report, truy c p ngày 7-10-2004.

theo ph ng cách h p tác. Vi c l ng nh c n ph i bao g m m i khóa c nh c a i s ng ch ng vi n: Nó ph i toàn di n và i x v i ch ng sinh theo m t ng l i toàn b và thích áng. Nh th , vi c l ng nh ph i do h i ng và các giáo s , chính ch ng sinh và nhóm anh em b n th c hi n. M t s b n m u câu h i c ng có th thích h p. Có l m t k t nh tâm là cách t t nh t ti n hành chuy n này. Sau cùng, i v i các ch ng sinh ang lo ph c v nhi u ng i ngoài ch ng vi n, v giám c c ng nên tham kh o nh ng ng i ó h c ng ánh giá v ch ng sinh ó.

3. i S ng C u Nguy n trong Vi c ào T o Thiêng Liêng cho Các Ch ng Sinh¹²⁰

a. Ý Ngh a S ng Còn c a C u Nguy n

C u nguy n là ngu n ánh sáng và ngh l c xu t phát t Chúa làm s ng ng và nuôi d ng toàn b i s ng và ho t ng c a m i ng i và m i c ng oàn, v i ân hu là s hi n di n c a Chúa và vi c làm c a Chúa Thánh Th n trong lòng ng i. C u nguy n làm cho con ng i có kh n ng h ng v Thiên Chúa và g i Ngài là Cha v i ni m tin t ng. C u nguy n là quà t ng Chúa ban và bám r sâu trong c tin. Ng i ta c u xin nhân danh Chúa Giêsu, c u xin Chúa Giêsu và cùng v i Chúa Giêsu mà c u xin Chúa Cha, trong m i hi p thông v i H i Thánh.

Thánh Th , su i ngu n và t t nh c a vi c th ph ng, là trung tâm c a l i c u nguy n Kitô giáo. N i Thánh Th , Chúa Giêsu t hi n cho Chúa Cha và nhân lo i, qua vi c Ngài ch t và s ng l i cho th gian c s ng. B ng cách trao hi n m ng s ng vì chúng ta,

120 FABC Documents in For all the Peoples of Asia 1 (Quezon City: The Claretian Publications, 1991), tr. 27-48.

Chúa Giêsu d y chúng ta c ng trao hi n m ng s ng mình vì ng i khác (Ga 3,16). Nh n Thiên Chúa, kinh nghi m v s hi n di n và ho t ng c a Chúa Giêsu ph i c chúng ta t ng c ng và ào sâu, và lòng chúng ta ph i m ra ón nh n d i dào hoa trái c a Chúa Thánh Th n: yêu th ng, bình an, t t lành, d u dàng (Gl 5,22).

b. T ng Tác Gi a Các Cách Th c C u Nguy n Kitô Giáo và Á Châu

Vi c ào t o b ng c u nguy n cho các ng viên linh m c theo các cách th c c u nguy n và th ph ng truy n th ng c a Á Châu tìm c s thích h p và t m quan tr ng mang tính s ng còn: th ng nh t c th – tâm linh, n i tâm, n i t i, các d ng chiêm ni m (Thi n, Yoga), kh ch , các ki u di n t c tin và lòng sùng o bình dân. Công vi c ào t o này ph i v a ích th c Kitô giáo v a ích th c Á Châu. Nó có th làm cho ng viên tr thành ng i c a Chúa và ng i cho k khác, b ng vi c hu n luy n nh ng ng i c trao phó cho h i vào con ng c u nguy n và tr l i v i Chúa trong m i bi n c th ng tr m c a i s ng h ng ngày.

Vi c ào t o nh th s làm cho ch ng sinh quen thu c v i vi c h i nh p v n hoá, b ng vi c s d ng t t c nh ng gì là chân, thi n, m trong các truy n th ng và v n hoá Á Châu (nh ng t p t c, khôn ngoan, giáo hu n, ngh thu t và các khoa h c) chúc t ng Thiên Chúa và loan báo Tin M ng. Thái này s tr nên thích h p t ng tri n con ng i toàn di n trong m i t ng quan nh y bển v i ng i khác, c bi t là v i ng i nghèo, ng i b áp b c và b lo i tr (nhìn b ng con m t c a Chúa và yêu th ng b ng con tim c a Chúa). ây là ch ng tá hùng h n cho tình yêu Chúa và N c Thiên Chúa. Tinh th n s n sàng và c i m nh th chu n b cho cu c i tho i v n là m t con ng c p bách hi n di n và truy n giáo t i Á Châu.

B. Nhiệm vụ và Nguyên tắc Chức năng của Hội đồng Giám Mục Việt Nam

Các Giám Mục Việt Nam cần gắng hết lòng lo lắng và quan tâm ưu ái vì lợi ích của toàn thể dân chúng cho các công trình sinh hoạt qua các Tổng Giám Mục. Các ngài cần chú ý đến thái độ lắng nghe và nỗ lực hiểu biết Dân Chúa trong hoàn cảnh mới, chú tâm vào thực hiện theo những hướng dẫn của Công đồng Vaticanô II, đi vào thực tiễn bằng những cách làm công tác cho giá trị Tin Mừng giữa những thực tiễn trần thế của đất nước và của dân chúng. Các ngài cần ghi nhớ những hiểu biết những ưu tiên của ngài khác và kêu gọi canh tân Giáo Hội khắp nơi qua các ứng viên và các bí tích.

Trong Tổng Giám Mục 1976, các ngài kêu gọi Dân Chúa sống đức tin một cách tích cực bằng cách dấn thân phục vụ với lòng căm giận, khiêm tốn, công tác nhằm nâng đỡ phúc của mọi người, theo mục đích của Chúa Kitô như một phần, qua những lời mời gọi và công tác, vượt qua khác biệt giữa Công giáo và Công giáo,¹²¹ cao giá trị của lao động.¹²² Các ngài nhắc nhở các linh mục và công nhân sinh hình ảnh Chúa Kitô, cần tính của linh mục: ¹²³ như là những thành viên của Lễ Chúa và các Bí Tích, cần biết là Thánh Thể, lòng khiêm tốn và vâng phục, luôn hoàn thiện và canh tân sứ mệnh theo thánh ý Thiên Chúa, trong tình hiệp thông và liên đới.

Trong Tổng Giám Mục 1980, các Giám Mục Việt Nam nhấn mạnh những hướng dẫn của : sống gần gũi với Chúa Giêsu và hiệp thông với Hội Thánh Hoàn Cầu, gắn bó với Giáo Hoàng và với

¹²¹ H. GMVN, *Th Tổng Giám Mục 1978*, s. 7.

¹²² *Ibid.*, s. 8.

¹²³ H. GMVN, *Th Tổng Giám Mục 1978*, s. 12; Vaticanô II, *Presbyterorum Ordinis...*, s. 4-6, 15.

nhau như công đoàn Kitô hữu tiên khởi và trung thành vì tinh thần Công giáo Vaticanô II. Vì vậy, ngài đòi hỏi một sự hoán cải trong tâm liên tục và thay đổi sứ mạng cho phù hợp với Tin Mừng, bằng cách lắng nghe Lời Chúa và đón nhận các bí tích, kiên trì cứu nguy và khiêm tốn sống mình một cách chân thành.¹²⁴ Các ngài kêu gọi ngài Công giáo “sống Phúc Âm giữa lòng dân tộc vì tinh thần phục vụ nhân phúc cộng đồng.”¹²⁵ Các ngài cũng bị tấn công như các linh mục luôn tìm kiếm ý Chúa qua việc loan báo Tin Mừng và thực hành các bí tích xây dựng Hội Thánh, và làm cho Chúa Kitô hiện diện giữa các tín hữu bằng tinh thần phục vụ khi chiêm ngắm và chuyên cần trong nhiệm vụ Giám Mục của mình.

Vào Tháng Mười Chín Năm 1989, các ngài thúc giục ngài Công giáo sống sống mạnh mẽ truyền giáo, áp dụng lời kêu gọi của Giáo Hoàng về tâm Phúc Âm hoá bằng cách chia sẻ niềm vui và hy vọng, đau khổ và buồn sầu vì thế giới, và bằng cách xây dựng một cuộc sống hoàn hảo (Pl 4,8). Các ngài phó thác việc này cho Trái Tim Vàng của Mẹ Maria.

Về các linh mục và việc đào tạo linh mục, Tháng Mười Chín Năm 1998 nhắc nhở rằng các Kitô hữu cần có những người nhiệt thành và năng động trong đời sống thiêng liêng; rằng họ cần có những người sống gần gũi với họ trong đời sống cá nhân và xã hội; rằng họ cần có một vai trò then chốt trong tiến trình đào tạo.¹²⁷ Vì vậy, chúng ta mong rằng các ngài giám mục và linh mục luôn sống sống chăm sóc và nuôi dưỡng, các Giám Mục Việt Nam như các linh mục và các nhà lãnh đạo sống sống thì là loan báo Tin Mừng và canh tân Giáo Hội,

¹²⁴ H. GMVN, *Tháng Mười Chín Năm 1978*, s. 8.

¹²⁵ *Ibid.* ..., s. 13.

¹²⁶ Vaticanô II, *Gaudium et Spes*..., *ibid.*, s. 1.

¹²⁷ H. GMVN, *Tháng Mười Chín Năm 1998*, s. 15.

c lòng tin và c tính Kitô h u, b i vì m t khi c chia s ,
c tins còn t n xa h n và t c ng c chính mình.¹²⁸

Các Giám M c Vi t Nam nh n m nh n các y u t canh
tân i s ng thiêng liêng trong Th M c V 2001: L i Chúa, các Bí
Tích và i s ng c u nguy n là nh ng cách th c hi u qu có kh
n ng t canh tân. M i hi p thông sâu xa v i Thiên Chúa c ng s t y
s ch n i chúng ta lòng ích k và cho chúng ta s c m nh qu ng
i ph c v ng i khác, theo m u g ng c a Chúa Giêsu Kitô.¹²⁹

Trong Th M c V 2003, các ngài thúc gi c ng i Công
giáo loan báo Tin M ng qua c u nguy n, qua ch ng tá i s ng và
i tho i v i ng i không Công giáo, b ng c u nguy n, th m vi ng,
cùng làm vi c và chia s nh ng c a c i v t ch t. Nh ng ng l i
loan báo Tin M ng / Truy n Giáo c rút ra t ngu n s ng c a
Chúa Ba Ngôi, theo g ng Chúa Giêsu Kitô, trung thành v i truy n
th ng c a Giáo H i tiên kh i và vâng nghe giáo hu n c a H i
Thánh.

Và m i ây trong Th M c V 2004, các ngài t p trung vào
tâm i m và t t nh c a i s ng thiêng liêng: Chúa Giêsu Thánh
Th . Các ngài nh n m nh r ng ch c linh m c th a tác có c i ngu n
t Thánh Th và d n a t i Thánh Th . Các linh m c ph i làm
ch ng v lòng tin, lòng sùng kính và yêu m n i v i Thánh Th .
i u này di n t qua cách th c c hành, c u nguy n tr c Thánh
Th và mang Thánh Th t i cho ng i b nh. Lòng sùng kính Thánh
Th là su i ngu n phong phú d i dào cho i s ng và th a tác v

¹²⁸ H GMVN, *Th M c V 1998*, s 15; c Gioan Phaolô II, *Redemptoris Missio: Encyclical Letter on the Mission of the Redeemer*, s 2.

¹²⁹ H GMVN, *Th M c V 2001*, s 21.

linh m c¹³⁰ Các ngài m i g i các linh m c nhìn l i vi c c hành ph ng v c a mình và thúc gi c các linh m c c hành b ng lòng sùng m theo úng qui t c ph ng v . ng th i các ngài ã dành m t v trí c bi t cho vi c vi ng Thánh Th ,¹³¹ ta s tìm c ngu n tr l c và an i nh l i Chúa Giêsu ã nói (x. Mt 11,28). ó là lý do t i sao c Giáo Hoàng Gioan Phaolô II khuyên dành th i gian v i Chúa Giêsu hi n di n d i hình bánh r u n i Thánh Th : “Bi t bao l n tôi ã c m nghi m i u này, và rút c t ó s c m nh, ngu n an i và nâng .”¹³²

Tóm l i, t ng b c m t, ta luôn nh m m c ích giúp các ng viên l n lên không ng ng và tí m tí n trong m i t ng quan cá nhân v i Chúa Giêsu Kitô và trong vi c h cam k t d n thân cho H i Thánh. Ngh a là giúp h thi t l p nên nh ng thái , thói quen, và cách th c hành i s ng thiêng liêng mà h s ti p t c duy trì sau khi ch u ch c.

¹³⁰ H GMVN, *Th M c V 2004*, s 11.

¹³¹ Ibid ..., s 12.

¹³² John Paul II, *Ecclesia de Eucharistia*, n. 2 in *Celebrating the Eucharist with Mary: A Guidebook* (Metro Manila, Philippines: Assisi Development Foundation, Inc., 2005), tr.66.

CH NG VI

ÁP DỤNG GIÁO HUYN CẢ HI THÁNH VÀO VIỆC ĐÀO TẠO THIÊN LIÊNG CHO CÁC CH NG SINH

A. Việc Anh Cả Linh Mục

Áp Dụng Vào Việc Đào Tạo Thiên Liêng

Đâu là mục tiêu mà ngài ta nhắm vào cho Hi Thánh và cho thế giới ngày nay? Các sinh viên của chúng ta theo mục tiêu nào? Câu trả lời phụ thuộc vào lý tưởng, vì linh mục phải nên hình ảnh sống động của Chúa Giêsu Kitô, như là một vị Mục Tử của Hi Thánh,¹³³ kiên trì duy trì các linh mục, áp dụng với thế giới của Hi Thánh và thế giới, hôm nay và ngày mai.

Kiểm tra lý thuyết là nền tảng cho khoa sư phạm hiện nay về việc đào tạo linh mục, nhằm làm cho các sinh viên trở thành Thầy Giảng Lời Chúa, Tác Viên Bí Tích, và Lãnh Đạo Cộng Đoàn,¹³⁴ như Huấn Quyển Hi Thánh ghi chép và trình bày: một con người vừa tham nhuần thiêng liêng vừa tham nhuần nhân bản, và kiên quyết dấn thân trong ngài linh mục, để sẵn sàng đón nhận Chúa Thánh Thần.

¹³³ Gioan Phaolô II, *Pastores Dabo Vobis...*, *ibid.*, s. 21.

¹³⁴ B. Giáo Sĩ, *The Priest and the Third Christian Millennium: Teacher of the Word, Minister of the Sacraments, and Leader of the Community* (March 19, 1999).

Ta có thể tóm lược những quan niệm của Công đồng Vaticanô II về chức linh mục: Liên hệ với Giám Mục như người của người, linh mục phải nên gương mẫu cho Chúa Giêsu và làm chứng cho Lời. Sự sống thiêng liêng của linh mục chính là chu toàn thánh giá và cứu rỗi của mình, như là người phục vụ, chứ không phải dùng quyền mà thống trị trên cộng đoàn. Ngài hành động nhân danh và con người của Chúa Kitô xây dựng và mở rộng vương quốc của Chúa Kitô trong cộng đồng Kitô giáo, như là một vị thánh và người chỉ đạo cộng đoàn.

Các linh mục hôm nay phải nhìn nhận và thống nhất phẩm giá, vì chức vụ trách nhiệm và các chức năng của giáo dân trong tình thân bình đẳng, thống nhất, hài hòa và liên đới với giáo dân, hết do trong lãnh vực và vai trò riêng của họ. Cùng một lúc, vì sự thống nhất và hòa giải của cộng đồng tín hữu, linh mục không nên trực tiếp tham gia các tổ chức và ngành pháp chính trị.¹³⁵ Mục vụ linh mục toàn diện như thế phải có đạo tể một cách hài hòa cùng với vị chức vụ tích cực của đạo tể cộng đồng.

1. Linh Mục, Người của Chúa Thánh Thần Thánh Hiên, Chiêm Hưởng và Hướng Dẫn

Trước hết, linh mục phải hướng dẫn cho Chúa Thánh Thần chiêm ngưỡng (Lc 1,15.41.67; 4,18-19; Is 61,1-2; Cv 2,4; 4,8) và hướng dẫn (Mt 4,1; Mc 1,12; Lc 4,1.11). Vì Chúa Thánh Thần là người mà linh mục đã nhận lãnh thì khi chịu phép rửa tội và trở thành thành viên của Ngài (Mc 1,8; Lc 3,16; Ga 1,33;3,5; Cv 1,5), chức vụ của người chịu chức thánh vì quyền tha tội (Ga 20,22), bằng cách hành động nhân danh và con người của Chúa Kitô.

¹³⁵ Domingo Moraleda, "Lectures on Theology of the Forms of Christian Life in the Church"

c Chúa Cha và Chúa Giêsu sai n, Th n Khí S Th t s d y linh m c m i i u và nh c nh ngài t t c nh ng gì Chúa Giêsu ã nói (Ga 14,26). C ng chính Th n Khí ó s d y linh m c i u ngài ph i nói (lc 12,12) và s nói thay cho ngài (Mt 10,20; Mc13,11). Ngh a là linh m c không ch chu toàn i s ng riêng mình, nh ng còn th a tác v linh m c, nh s h ng d n c a Chúa Thánh Th n qua b y n¹³⁶ c a Ngài (khôn ngoan, trí hi u, thông bi t, can m, t v n, o c và kính s Chúa). Cách ng x thích áng c a linh m c là luôn trung thành và “nghe theo nh ng linh h ng c a Chúa Thánh Th n,”¹³⁷ sinh hoa trái và mang hoa trái c a Chúa Thánh Th n n cho ng i khác (bác ái, hoan l c, bình an, nh n nh c, nhân h u, t tâm, qu ng i, d u dàng, trung tín, khiêm nh ng, tí t và trong tr ng). Chúa Thánh Th n luôn h at ng trong công trình sáng t o và trong l ch s nhân lo i, trong cu c s ng và s v c a Chúa Giêsu, trong H i Thánh, Nhi m Th Chúa Kitô, c bi t là trong H i Thánh t i Á Châu.¹³⁸

2. Linh M c, Con Ng i o c và C u Nguy n

Linh m c ph i th c s là m t con ng i có i s ng c u nguy n và thiêng liêng sâu xa, ngh a là có m i hi p thông cá nhân sâu xa v i Chúa Cha qua Chúa Con, nh quy n n ng Chúa Thánh

¹³⁶ Jose Cristo Rey Paredes, “Lectures on Holy Spirit in the Life and Mission of the Church and Consecrated Life”

¹³⁷ c Bênêditô XVI, “A Church That Has No Fear of the Future”: Message to Cardinals (Vatican, April 20, 2005), Zenit.org/english, truy c p ngày 1-5-2005.

¹³⁸ c Gioan Phaolô II, *Ecclesia in Asia...*, ibid., s 15-18.

Thần.¹³⁹ Linh mục này cũng đi nôm trong môi trường quan trọng khác, linh mục nhìn bóng ánh mặt trời Chúa và yêu cầu bóng trái tim của Chúa.¹⁴⁰

Linh mục này cũng là linh mục khi ngài có khả năng nhìn thấy chính mình và sự thụ thai của ngài, thẩm chế của linh mục của ngài, vào Chúa (Dt 5,4-6); nhìn thấy sự hiện diện của Thiên Chúa và công trình của Chúa Thánh Thần trong cuộc sống hàng ngày như sự hiện diện và phó dâng hoàn toàn cho Thiên Chúa, theo gương Chúa Giêsu Kitô.

Linh mục này cũng là linh mục trong lòng Hội Thánh, cũng biết là linh mục thu hút Hội Thánh và mang tính bí tích trong Phụng Vụ, mà sự hiện diện và chớp nhoáng là Thánh Thần.¹⁴¹ Linh mục này cũng là linh mục bước vào trong linh mục của Chúa Giêsu: Linh mục của linh mục nhân danh Chúa Giêsu và linh mục của Chúa Giêsu và linh mục lên Chúa Giêsu.

Linh mục này cũng là linh mục giúp ngài tìm kiếm Chúa Giêsu nơi khác, cũng biết là ngài đau khổ, bệnh tật, nghèo đói, bị loại trừ, bị áp bức và bị tra tấn, yêu cầu ngài và phục vụ ngài. Chúa Giêsu đã dạy và đã thực hành. “Ngài mong chờ linh mục này: Ngài nhìn ngài như là một người của Thiên

¹³⁹ FABC, “Prayer-The Life of the Church in Asia,” in *For All the People of Asia I...*, *ibid.*, tr. 41.

¹⁴⁰ *Ibid.*, tr. 42.

¹⁴¹ CCE, *Ratio Fundamentalibus Institutionis Sacerdotalis...*, *ibid.*, s

Chúa, mà t ng i có kinh nghi m v Thiên Chúa. M t i u ng i ta mong mu n linh m c ph i làm là d y h cách c u nguy n.”¹⁴²

3. Linh M c, Con Ng i c a Linh Thánh

Linh m c t ng lai ph i nên ng hình ng d ng v i Chúa Giêsu và c kêu g i t i p n i s m nh c a Chúa Giêsu, ng ã c Chúa Cha thánh hoá và sai n th gian (Ga 10,36); ng c Chúa Thánh Th n x c d u, thánh hi n và chi m h u (Lc 4,18-19). Do v y, c kêu g i nên thánh thi n,¹⁴³ ng viên linh m c ph i c ào t o và t ào t o tr thành con ng i của linh thánh, vì linh m c là ng i c a Thiên Chúa, “là ng i thu c v Thiên Chúa và làm cho con ng i ngh n Thiên Chúa, là m t ng i s giúp con ng i h ng v Thiên Chúa, i lên v i Thiên Chúa.”¹⁴⁴ Nhân t “linh thánh” trong các tôn giáo truy n th ng Á Châu là r t quan tr ng và kh t n i v i s m nh c a H i Thánh t i Vi t Nam. Cùng m t ng h ng v i Pastores Dabo Vobis, Ecclesia in Asia d y r ng con ng i Á Châu c n th y hàng giáo s nh là “nh ng ng i mà lòng trí luôn t trong nh ng th c t i sâu xa thu c Th n Khí.”¹⁴⁵

Các t ng ni Ph t giáo và Lão giáo có m t k lu t tính th n, nghiêng v chiêm ni m h n là ho t ng, nh n m nh n vì c t ch , quên mình và siêu thoát kh i th gi i, nh m ch ng l i nh ng cảm d và say mê tìm s gi i thoát. Th c t này “thách th c các linh

¹⁴² Orlando B. Quevedo, “Pastoral Priorities of the Church in the Philippines and their Implications to Seminary Formation,” *in Gathered Around Jesus* (Manila, Philippines: University of Santo Tomas Central Seminary, 2004), tr. 43.

¹⁴³ c Gioan Phaolô II, *Pastores Dabo Vobis*..., s 12.

¹⁴⁴ *Ibid.*, s 47.

¹⁴⁵ c Gioan Phaolô II, *Ecclesia in Asia*..., *ibid.*, s 43.

m c Công giáo ào sâu i s ng thiêng liêng c a mình; n u không, ch ng t c a h trong xã h i Vi t Nam s thi u thuy t ph c.”¹⁴⁶

Chúng ta nên h c t p h và t ng c ng i s ng n i tâm mang tính truy n giáo c a mình. Th c ra, các linh m c có th h c h i cách s ng c a các tôn giáo ó nh là cánh c a d n t i Th n Linh và là m t ph ng ti n hi p thông v i ng Thánh Thiêng.¹⁴⁷ N u các ngài hân hoan và trung thành s ng l i s ng và các nhân c Tin M ng (vâng ph c, nghèo khó và trong s ch), ch ng t và s v c a h s r t h u hi u. “ i u này là xác th c trong b i c nh Á Châu, n i mà con ng i th ng b thuy t ph c b i i s ng thánh thi n h n là lý l trí th c.”¹⁴⁸ Trong H i Thánh, linh m c có m i ph ng ti n thích h p,¹⁴⁹ c t nhiên l n siêu nhiên, tr thành m t con ng i linh thánh. i u quan tr ng nh t là th c hành các ph ng ti n y trong i s ng h ng ngày.

4. Linh M c, Ng i Có N n T ng Thánh Kinh V ng Ch c

Linh m c s ng gi a tr n gian nh ng không thu c v tr n gian, mà thu c v Chúa Kitô và H i Thánh Ngài. Linh m c c c “kêu g i bi n i tr n gian, ch không b tr n gian bi n i.”¹⁵⁰ Th nên linh m c ph i là m t con ng i c a c Tin v i m t n n t ng Thánh Kinh v ng ch c cho cu c s ng và s v c a

¹⁴⁶ “Formators call for Better Spiritual Formation of Seminarians”..., *ibid.*

¹⁴⁷ FABC Paper No. 92d – 7th Plenary Assembly, Workshop Discussion, Appendix II: *Spiritual Direction, Emphasis on an Asian Approach*, Ucanews.com/archives, truy c p ngày 7-10-2004.

¹⁴⁸ c Gioan Phaolô II, *Ecclesia in Asia...*, *ibid.*, s 42.

¹⁴⁹ Vaticanô II, *Presbyterorum Ordinis...*, *ibid.*, s 12.

¹⁵⁰ Bruno Torpigliani, *Forming our Future Priests* (Manila: Philippines 1988), tr. 27.

mình.¹⁵¹

M i kh ng ho ng u do thi u c tin. Qu th , linh m c c ng có th b nh h ng b i nhâ t v n hoá và tâm th c xã h i do nh ng c c u chính tr và tôn giáo t o nên. Ví d , ch u nh h ng t Kh ng giáo, ch phong ki n, th c dân, các c c u gia tr ng và ph m tr t trong H i Thánh th i ti n Vaticanô II, linh m c Vi t Nam ôi khi ph i ch u ng nh ng th thách và u tranh trong vi c vâng ph c v i ba lo i tùng ph c (quy n ph c, lý ph c, và tâm ph c).

Nh ng v i c tin m nh m n r sâu trên n n t ng Thánh Kinh v ng ch c t tr ng tâm n i Chúa Giêsu, n i Tin M ng, và n i H i Thánh, v i l i c u nguy n và s bi n phân, d i s h ng d n c a Chúa Thánh Th n, ngài s t nguy n vâng ph c m t cách siêu nhiên nh ng v lãnh o và các c c u H i Thánh, không ph i v i t cách là c c u hay h u th con ng i, nh ng là ý Chúa n i và qua nh ng c c u hay con ng i ó.

Vi c ào t o thiêng liêng cho các ch ng sinh Vi t Nam c n tâm t i nh ng nh h ng v v n hoá và nh ng y u u i c a con ng i: Siêu nhiên trong t nhiên nâng lên và hoàn thi n t nhiên. Nh ng ta c ng ph i nh n n i l u ý t i trình tr ng thành thiêng liêng và nhâ b n c a các ch ng sinh: “Tôi ã cho anh em u ng s a ch không cho dùng th c n c ng, vì anh em ch a ch u n i. Ngay bây gi anh em c ng v n còn ch a ch u n i” (1 Cr 3,2).

5. Linh M c, Ng i M Ra cho Tình Hi p Thông

Ta không th nh ngh a c n tính và s v linh m c bên ngoài m i hi p thông b t ngu n t Chúa Ba Ngôi và n i Chúa Ba

¹⁵¹ Judette A. Gallares, “Lectures on Biblical Foundation of Consecrated Life”

Ngôi. Vaticanô II nh c nh chúng ta r ng”vi c ào t o c n giúp ch ng sinh s ng s hi p nh t liên l và m t thi t v i Thiên Chúa Cha qua Con Ngài là Chúa Giêsu Kitô, và trong Chúa Thánh Th n.”¹⁵²

Linh m c ph i là ng i c a H i Thánh, là ng i s s ng m i hi p thông tr n v n c a H i Thánh qua m i hi p thông ph m tr t v i c Giáo Hoàng, v i hàng Giám M c, c bi t là v i Giám M c B n Quy n c a mình trong tâm tình vâng ph c hi u th o;¹⁵³ t ng tri n trong và cùng v i hàng linh m c trong tình hi p nh t v i Giám M c c a mình,¹⁵⁴ v i giáo dân và m i ng i s ng i thánh hi n, ngh a là v i toàn th Dân Chúa, xây d ng toàn b Nhi m Th Chúa Kitô (Ep 4,12).

ây là l i c u nguy n tha thi t c a c Gioan Phaolô II cho nh ng th a tác viên ch c thánh thu c H i Thánh t i Á Châu: “s ng và làm vi c trong tinh th n hi p thông và h p tác v i hàng Giám M c và m i tín h u, làm ch ng cho tình yêu.”¹⁵⁵ V i t cách là con ng i c a hi p thông, linh m c ph i s ng và xây d ng m i hi p thông c a toàn th nhân lo i và th gi i c t o thành. Th gi i c t o thành v n ang i ch N c Thiên Chúa và tha thi t trông mong ngày gi i thoát toàn th v tr (Rm 8,18-23). “M i hi p thông và s v luôn i ôi v i nhau”¹⁵⁶ và k t n i v i nhau không th tách lìa.

¹⁵² Vaticanô II, *Optatam Totius...*, ibid., s 8.

¹⁵³ Gioan Phaolô II, *Pastores Dabo Vobis...*, ibid., s 28.

¹⁵⁴ Ibid., s 74.

¹⁵⁵ Gioan Phaolô II, *Ecclesia in Asia...*, ibid., s 43.

¹⁵⁶ *Ecclesia in Asia...*, ibid., s 24.

6. Linh M c, Ng i D n Thân Truy n Giáo¹⁵⁷

Công ng Vaticanô II giúp H i Thánh tái khám phá ra c n tính truy n giáo c a mình. Qu th , Truy n giáo thu c v chính b n ch t c a H i Thánh,¹⁵⁸ là c m th c và ý ngh a, là ngu n g c và m c ích c a H i Thánh.¹⁵⁹ B i th , t b n ch t linh m c là nhà th a sai và ph i luôn luôn thi t tha v i vi c truy n giáo. N u không, ng ài không còn là m t linh m c n a và ánh m t c n tính c a mình là th a tác viên c a L i Chúa.

Linh m c ph i coi vi c loan báo Tin M ng là u tiên s m t, th m chí còn h n c vi c th ph ng mang tính bí tích và vi c ch m sóc m c v :¹⁶⁰ “Kh n thân tôi n u tôi không rao gì ng Tin M ng!” (1 Cr 9,16). Ng C u ã c sinh ra Á Châu, nh ng Kitô giáo ngày nay l i là nhóm thi u s tuy t i n i l c a l n nh t trái t v i g n hai ph n ba dân s nhân lo i.¹⁶¹ Vì v y, linh m c ph i r t l u tâm n l i kêu g i kh n thi t ph i ti p t c công vi c truy n giáo c a Chúa Giêsu cho ng bào mình, v i lòng khát khao cháy b ng là làm cho m i ng i bi t và yêu m n Chúa Kitô.

Vaticanô II m r ng nhữn quan chúng ta v N c Thiên Chúa và thôi thúc chúng ta s ng s m nh Truy n giáo, v i lòng tin

¹⁵⁷ Domingo Moraleda, “Lectures on An Introduction to Missiology of Consecrated Life”

¹⁵⁸ Vaticanô II, *Ad Gentes: Decree on the Church’s Missionary Activity*, s 2.

¹⁵⁹ Synod of Bishops 1971, *The Ministerial Priesthood*, part two, 1: Priests in the Mission of Christ and the Church.

¹⁶⁰ *Ibid.*, s 29-30; Vaticanô II, *Lumen Gentium: Dogmatic Constitution on the Church*, s 25; Vaticanô II, *Presbyterorum Ordinis...*, *ibid.*, s 4.

¹⁶¹ Gioan Phaolô II, *Ecclesia in Asia...*, *ibid.*, s 6.

t ếng Chúa Thánh Th ần ã “kh i d y m t tinh th ần truy n giáo th c s trong lòng nhi u linh m c và tín h u.”¹⁶² Và Th ếng H i ếng Giám M c c Bi t c a Á Châu và Liên Hi p H i ếng Giám M c Á Châu ch ra con ằng m i m trong s hi n di n c a H i Thánh v i ba chi u kích i tho i. Nh ếng ho t ếng c a H i Thánh a ph ằng t i Vi t Nam trong d p c hành 470 n m loan báo Tin M ằng (1533-2004) là l i nh c nh quý giá và l i m i g i kh n thi t i v i vi c truy n giáo: vi c truy n giáo c a ếng i Châu Á cho ếng i Châu Á.

7. Linh M c, Ng i c a i Tho i

Con ằng iếng tho i¹⁶³ b t ngu n và kh i u t Thiên Chúa, ằng luôn duy trì cu c i tho i v i con ằng i, c bi t v i ằng i nghèo, ằng i b áp b c, và ằng i b ru ng b . V i t cách là s g i c a Thiên Chúa và th a tác viên c a H i Thánh, linh m c ph i là con ằng i c a i tho i.

i v i Á Châu, cái nôi c a nhi u truy n th ằng v n hoá, nh ằng tôn giáo l n và a s ằng i nghèo trên th gi i, s m nh này l i càng kh n thi t và thích h p h n. V i th , các ch ằng sinh ph i c hu n luy n k càng v các k n ằng i tho i. Chúng ta không ch c n ba cu c i tho i mà Liên Hi p H i ếng Giám M c Á Châu ã ch ra nh là cách th hi n di n và thi hành s m nh truy n giáo (i tho i v i các n n v n hóa, v i các tôn giáo và v i ằng i nghèo), mà trong b i c nh riêng bi t Vi t Nam, chúng ta còn c n

¹⁶² Vaticanô II, *Presbyterorum Ordinis...*, ibid., s 22.

¹⁶³ Gioan Phaolô II, *Ecclesia in Asia...*, ibid., s 29.

cu c i tho i th t , i tho i v i ng i c ng s n.¹⁶⁴ Nh ng không c xao nhãng cu c i tho i i k t trong lòng H i Thánh.¹⁶⁵

8. Linh M c, Ng i c a Truy n Thông Xã H i

Ngày nay, không ai có th ph nh n vai trò quan tr ng và nh h ng ghê g m c a ph ng tí n truy n thông i chúng, nh ng ích l i và tác ng tai h i c a nó trong i s ng con ng i, “cách riêng th h tr ang l n lên trong m t th gi i b l thu c vào ph ng tí n thông tin i chúng.”¹⁶⁶

Linh m c ph i hi u cách s d ng nh ng ph ng tí n truy n thông xã h i hi n i nh là nh ng d ng c hi u qu s ng hi p thông b ng lòng và trí v i toàn th H i Thánh, c p nh t ki n th c th n h c và m c v c a mình, c ng nh giáo hu n luân lý và xã h i c a H i Thánh, thông truy n s i p Tin M ng và gia t ng i s ng thiêng liêng. th i i chúng ta, linh m c ph i h c cách s d ng úng n ph ng tí n truy n thông, d nhiên không ph i nh là chuyên gia và chuyên nghi p trong lãnh v c này, s d ng và h ng d n ng i khác cách s d ng ph ng tí n thông tin m t cách úng n trong i s ng h ng ngày.

Vì th , c Gioan Phaolô II khuyên nh r ng giáo d c v truy n thông c n ph i là m t m ng ngày càng gia t ng trong vi c ào t o linh m c, ch ng sinh, tu s , giáo lý vi ên, các giáo dân chuyên nghi p, sinh viên..., theo ch d n c a Hu n Th M c V Aetatis Novae, v i s chú ý thích h p i v i nh ng c nh hu ng ang ph bi n Á Châu.”¹⁶⁷

164 Xem Cu c i Tho i v i Ng i C ng S n ch ng VII.

165 Gioan Phaolô II, *Ecclesia in Asia...*, *ibid.*, s 30.

166 *Ibid.*, s 48.

167 Gioan Phaolô II, *Ecclesia in Asia...*, *ibid.*

9. Linh M c, Ng i Nh y Bén v i i Thay Xã H i

M i th ang i thay và ti p t c i thay nhanh chóng. Linh m c ph i là con ng i liên k t cách hài hoà v i nh ng hoàn c nh thay i hi n t i trên th gi i. Ngài ph i luôn s n sàng nh y c m c c nh ng d uch th i i, ón nh n nh ng i thay m i m và t thích ng b ng lòng can m và s khôn ngoan sáng su t v i nh ng d u v t c a Chúa Thánh Th n, ng i m i m i s (Kh 21,5).

Vì th , Công ng Vaticanô II khích l các linh m c ho àn thi n m t cách phù h p và không gián o n ki n th c v nh ng s thánh và nh ng công vi c c a con ng i có th trao i àm lu n v i nh ng ng i ng th i cho úng lúc úng ch h n.¹⁶⁸ S nh y bén s giúp linh m c hi u rõ ràng h n nh ng nhu c u c a con ng i, nh n th c c nh ng v n n n không thành l i c a h , áp l i nh ng yêu c u c a h , chia s nh ng ni m hy v ng, mong i, ni m vui và gánh n ng c a h .¹⁶⁹

S nh y bén này c ng g i lên và h ng d n nh ng i thay c a trí não và con tim h ng t i s hoán c i liên t c v v i Thiên Chúa và ng i khác, b ng cách “ m i vi c c qua i và Chúa lo li u.” Thiên Chúa luôn canh tân l i kê u g i c a Ngài qua Tin M ng, qua các d uch th i i, qua nh ng con ng i, nh ng bi n c và nh ng th ng tr m c a i s ng h ng ngày, thì linh m c và t t c nh ng ai theo Chúa Giêsu c ng u ph i luôn canh tân l i áp tr cho phù h p. Theo ngh a này, linh m c tr nên m t ng i khiêm t n

168 Vaticanô II, *Presbyterorum Ordinis...*, *ibid.*, s 19.

169 Gioan Phaolô II, *Pastores Dabo Vobis...*, *ibid.*, s 72; Vaticanô II, *Gaudium et Spes...*, *ibid.*, s 1.

ph c v b t c vi c gì, b t c âu, b t c khi nào và theo b t c cách nào mà con ng i c n ngài.

10. Linh M c, Ng i C a Tác V Ngôn S

Sau h t, linh m c b bu c ph i s ng tác v ngôn s . Qu th c, “Thiên Chúa quá yêu th gian n n i ã ban Con M t mình cho th gian” và Con M t Ngài, Chúa Giêsu Nadarét là m c kh i liên t c c a tình yêu tha thi t Thiên Chúa dành cho con ng i. thi hành s v ngôn s c a mình, Chúa Giêsu rao gi ng Bát Phúc, ng i con hoang àng, ng i Samaria T t Lành; Ngài n v i nh ng ng i t i l i, gái i m, ngo i tình, b ru ng b , nh ng ng i nghèo, nh ng ng i ngoài l xã h i và b lo i b ; dù Ngài b phê phán là k iên r và ph n ng.

Nên ng hình ng d ng v i Chúa Giêsu, linh m c ph i th c thi tác v ngôn s c a mình, v i h t t m lòng, h t linh h n và h t s c l c mình, trong hai nhi m v quan tr ng này:

- Loan báo và s ng tình yêu am mê hai m t c a Chúa Giêsu: am mê Thiên Chúa và N c Thiên Chúa, và am mê con ng i;¹⁷⁰
- T cáo thói gi hình, b t công, áp b c, v.v... dù ph i tr giá b ng th p giá và cái ch t (c Cha Oscar Romero và m c s Martin Luther King là nh ng nhân ch ng th i hi n i).

Vâng, ây và bậy gi , linh m c có c h i tuyên b và gi i thi u cho th gi i và Dân Chúa s i p yêu th ng c a Ngài. ng th i, linh m c ph i nh c nh con ng i d n thân

¹⁷⁰ Domingo Moraleda, “Lectures on Religious Vows as Evangelical Charisms and Responsibility ‘Covenant Perspective’”

vào m i t ñg quan giao c v i Thiên Chúa. H n n a, dù ó là nhi m v khó kh n và nguy hi m, ngài c ng ph i óng vai trò ch nh s a trong Giáo H i c ng nh trong Xã H i, b t c khi nào có quá nhi u áp b c trong các h th ng xã h i, chính tr , kinh t và tôn giáo.¹⁷¹

B. Linh o và Th n H c v Ch c Linh M c

1. Linh o v Ch c Linh M c

Tr c h t, nh n m nh n ph m ch t c a th a tác v linh m c là òi h i tính trung th c và tr ñng thành c a linh o c a i s ng linh m c, qua c n tính, s thân m t, tính si êu vi t và tính toàn ði n c a linh m c. Linh o qui v kinh nghi m nhân lo i liên k t v i cái tuy t i, trong c hai, v a th c t i v a m u nhi m. Linh o vén m cu c s ng c a ng s nh là m i t ñg quan trọng ân s ng v i Thiên Chúa và ng i khác trong Chúa Kitô và Chúa Thánh Th n.

Có m i liên h qua l i và tu thu c l n nhau gi a tác v và i s ng c a linh m c: c hai, c u nguy n v à rao gi ñg u là n n t ñg c a linh o linh m c giáo ph n. Chúng l à hình th c và c c u c a i s ng linh m c trong ân s ng, bám r sâu trong i s ng c tin / c u nguy n v à s luy n t p th a tác v linh m c, nh là tôi t c a Dân Chúa và N c Thiên Chúa.

i u ó có ngh a là tác v c a linh m c mang tính c ng ñg h n, trong m t H i Thánh nh là m t c ng oàn l y con ng i làm trung tâm, và c ng oàn y làm cho i s ng thiêng liêng c a linh m c c l n lên: khi linh m c gi ñg d y, ngài c d y d ; khi khuyên b o, ngài c khuyên b o;

¹⁷¹ Judette Gallares, "Lectures on Biblical Spirit uality"

khi th m vi ng ng i b nh, con b nh là chính ngài c nâng d y; khi an i ng i au bu n, ngài tìm th y s an i; khi ph c v ng i nghèo, s nghèo nàn trong linh h n ngài tìm c s nâng ; khi h ng d n ng i khác, ngài tìm c s h ng d n và ch o; khi ch to Thánh Th , tinh th n ngài c bi n i và canh tân; khi c u nguy n, ngài ti p xúc v i nh ng ho t ng kín áo c a ân s ng.¹⁷²

Theo ngh a này, linh o c a linh m c giáo ph n có b n chi u h ng:

- *Chi u h ng H i Thánh*: bao g m c m th c H i Thánh và s d n thân cho vi c t ng tr ng c ng oàn, v i nhi u d ng canh tân (chia s ni m tin, nhân ch ng bác ái chia s cho nhau, c u nguy n và các nhóm c s ng, ng trách nhi m, liên i, i tho i, hi u bi t l n nhau);
- *Chi u h ng nh p th* : i tho i và thúc y m t nh n th c tích c c v th gi i và m t s ph i h p cái thiêng liêng và cái tr n t c, bi n i và thánh hi n th gi i cho Thiên Chúa trong Chúa Kitô;
- *Chi u h ng nh m n ph c v tr n gian*: xem vi c ph c v tr n gian nh m t ph n không th thi u c a linh o, và nh h ng ph c v tr nên cam k t sâu s c h n trong chi u kích nh p th c a H i Thánh ph c v ;¹⁷³
- *Chi u h ng gi i phóng*: liên k t v i vi c ph c v tr n gian và áp l i ti ng kêu xin cu c s ng d i dào, trong

172 Donald B. Cozzens, “The Spirituality of the Diocesan Priest,” in Donald J. Georgen, ed., *Being a Priest Today* (Collegeville, Minnesota: The Liturgical Press, 1992), tr. 50-72.

¹⁷³ *Gaudium et Spes* 40-44.

vì n c nh sinh thái h c. Chi u h ã ng này l i t bi u l qua ba cách:

- qua vi c ch a lành b ã ng m t thái và l i s ã ng chia s i s ã ng giúp ã ng i thi u th n;
- qua m t cu c chi n mang tính ã ng s ch ã ng l i ã ng b t công c a c c u xã h i, dù là dân s hay thu c v giáo h i;
- qua vi c phát tri n ã ng thái m i có tính sáng t o và hy v ã ng nh m a ra ã ng gi i pháp m i m và sáng t o.¹⁷⁴

2. Th n H c v Ch c Linh M c

1) Theo th g i tín h u Do Thái, *Chúa Kitô là c n nguyên c a m i ch c linh m c*. Linh m c nh n c quy n hành tr c ti p t Chúa Kitô và ph i trung thành v i Chúa Kitô, ch không ph i v i c ch ;

2) *Ch c linh m c c a Chúa Giêsu c chia s trong toàn th H i Thánh*, v i ch c linh m c c ã ng ã ng, c lãnh nh n khi ch u phép r a c a m i tín h u. Tác v có ch c thánh xu t phát t c ã ng oàn nguyên thu g m m i hai môn c a Chúa Giêsu, n i mà c Chúa Kitô và Chúa Thánh Th n cùng tr c ti p ho t ã ng. V y có s trao i qua l i gi a c ã ng oàn và th a tác v : Không có th a tác v nào t n t i bên ngoài c ã ng oàn;

3) *Ch c linh m c là cho c ã ng oàn*: Chúa Giêsu l p ch c linh m c không ch trong B a Ti c Ly, ã ng tr i qua

¹⁷⁴ Paul Bernier, *Ministry in the Church: A Historical and Pastoral Approach* (Connecticut: Twenty-Third Publications, 1992), tr. 264-268.

su t cu c i công khai c a Ngài. Ngài kêu g i các môn v và mong mu n h ti p n i công vi c và s v c a Ngài;

4) *H i Thánh không bao gi c hoàn thành hay c xây d ng y*, nh ng luôn c Chúa Thánh Th n u n n n thành m t m i hi p thông c a nh ng con ng i. S tràn y Th n Khí c bi u l trong m i ân hu mà các thành viên nh n c;

5) *Tác v linh m c là m t l i kêu g i và l i áp tr l i l i m i g i này.* Vi c ch p nh n ý Chúa thi t l p nên tác v và m i t ng quan cá nhân c a linh m c v i Chúa Giêsu;

6) *Th a tác v linh m c là th a tác v ngôn s* và có th nói linh m c c kêu g i i u khi n m t c ng oàn ngôn s, v i hai vai trò chính là rao gi ng L i Chúa và c hành Thánh Th ; và cau cùng

7) *Ph n v c a linh m c là i di n và hành ng nhân danh Chúa Giêsu,* và linh m c ph i luôn là ng i i di n c a Ngài: không ph i c ph c v nh ng ph c v và hi n trao m ng s ng mình cho ng i khác.¹⁷⁵

C. Hình nh và C n Tính c a Linh M c

Vi c ào T o Thiêng Liêng “ òi h i toàn b con ng i ph i d n thân”¹⁷⁶ và làm cho ng i tr s n lòng tr thành linh m c nên

¹⁷⁵ Paul Bernier, *Ministry in the Church...*, ibid., tr. 270-278.

¹⁷⁶ Gioan Phalô II, *Pastores Dabo Vobis...*, ibid., s 45.

“m t hình nh s ng ng c a Chúa Giêsu Kitô.”¹⁷⁷ Ngh a là, ch ng sinh s càng ngày càng c ào t o nhi u h n nên ng hình ng đ ng v i Chúa Kitô Linh M c v à M c T Nhân Lành¹⁷⁸ i v i Dân Chúa.

V y vi c ào t o thiêng liêng cung c p cho linh m c t ng lai n m y u t :

- m t s hi p thông sâu s c v i Chúa Giêsu Kitô;
- m t s tuân ph c hoàn toàn theo Chúa Thánh Th n;
- m t thái hi u th o i v i Chúa Cha;
- m t lòng g n bó tín t ng v i H i Thánh;
- và m t l i s ng n r sâu t kinh nghi m v Th p Giá.

Chúng ta có th khai tri n nh ng c u t này c a vi c ào t o thiêng liêng cho linh m c t ng lai b ng cách s đ ng t CHRIST theo ki u l y các ch cái u¹⁷⁹ cho m t n n linh o t Chúa Kitô làm trung tâm:

Cross (Th p Giá)

Cu c s ng và th a tác v linh m c b t ngu n n i Th p Giá Chúa Giêsu, m t con ng duy nh t b c theo Ngài: “Ai mu n theo Th y, ph i t b chính mình, vác th p giá mình mà theo” (Mt 16,24). M H i Thánh không bao gi che gi u th p giá; H i Thánh tán đ ng và suy tôn th p giá. Không th xem th p giá nh là m t gánh n ng, nh ng úng h n nh là cây g y nâng . “Cu c s ng c a linh m c càng c m r sâu vào th p giá, thì càng sinh nhi u hoa

¹⁷⁷ Ibid., s 43.

¹⁷⁸ Gioan Phalô II, *Pastores Dabo Vobis...*, ibid., s 11.

¹⁷⁹ Alex Rebello, “Spiritual Formation and Religious Traditions in Asia,” trong *Linh M c Thiên Niên K M i*, i Ch ng Vi n Hu (2000), tr. 140-183.

qu.”¹⁸⁰ Vì thế, chúng ta không bao giờ nên che giấu cho chúng sinh thoát khỏi bóng tối giá, thoát khỏi khóa c nh hy sinh trong cuộc sống và tác vụ của họ.

Humanity (Nhân Tính)

Nhân tính của Chúa Giêsu gây kinh ngạc cho chúng ta, khi chúng ta đọc và suy niệm Tin Mừng (Mc 10,14; 6,35; 1,41; Lc 7,11; Ga 11,35). Ta nhìn thấy nhân tính của Chúa Giêsu cách rõ ràng như tận lòng trước mặt Ngài. Lòng trước mặt Chúa Giêsu khi Ngài liên kết với những người nghèo khổ và đau khổ, người nghèo đói và bị áp bức, kẻ tội lỗi cũng như các thánh nhân (Mc 10,46; 5,30; Lc 21,2). Linh mục không thể vô cảm, miễn nhiệm hay lãnh sự trước những người đau buồn và những người cầu tranh của những con người mà Ngài săn sóc.¹⁸¹ Sự tác vụ với người đau khổ, người nghèo đói và thiêu thân cách nào đó làm chúng ta nên khiêm tốn và dẫu dè, khi nhìn chúng ta trở nên nhân bản hơn và nên ghi nhớ Chúa Kitô.¹⁸²

Reconciliation (Hoà Giải)

Chúa Kitô nên hoà giải chúng ta với chính mình, với người khác, với Thiên Chúa và với tất cả thế giới Kitô thành. Ngài chia lành những gì đã được, tập hợp những gì đã phân tán, hiệp nhất những gì đã chia rẽ (2 Cr 5,19; Ga 11,52; Dt 4,15; Mt 11,19; Lc 23,43).

Các nhà đạo tồ là những nhà tác viên và sự sống của hoà giải. Những ngài cũng cần những thức sâu xa nên chính mình rằng

¹⁸⁰ Ibid. tr. 152.

¹⁸¹ Vaticanô II, *Gaudium et Spes...*, *ibid.*, s. 1.

¹⁸² Alex Rebello, “Spiritual Formation and Religious Traditions in Asia” ..., *ibid.*, tr. 158.

các ngài v n mang nh ng h t gi ng t i l i và ích k ; r ng các ngài c n hoán c i và hoà gi i tr c tiên. ng th i, các ngài c n ào t o và giúp các ch ng sinh c a mình nh n th c, m t cách khiêm t n và trung th c, s d trong lòng h , h ph i c hoà gi i v i chính h , v i ng i khác, v i t o thành và v i Thiên Chúa, và tr nên nh ng s gi bình an và hoà h p trong c ng oàn ch ng v i n c ng nh trong H i Thánh và xã h i.¹⁸³

Interiority (N i Tâm)

Các Tin M ng miêu t Chúa Giêsu nh là m t con ng i c u nguy n trong m i hi p thông sâu xa nh t v i Chúa Cha (Mt 14,23; 26,36.42.44;27,46; Mc 6,46; 14,32; Lc 6,12; 9,18.28; 10,21; 11,1; 23,46). Chúa Giêsu ã d y các môn Ngài c u nguy n b ng chính g ng m u c a Ngài. Lòng g n bó c a Ngài v i con ng i c ng xu t phát d i dào t m i hi p thông c a Ngài v i Chúa Cha.

Vì c ào t o thiêng liêng ph i vun tr ng i s ng n i tâm, i s ng c u nguy n, chiêm ni m trong hành ng, c bi t là i v i các linh m c giáo ph n là nh ng v s ng trong tr n gian nh ng không thu c v tr n gian. V y vì c ào t o thiêng liêng ph i giúp các ch ng sinh t p và yêu m n c u nguy n, dành u tiên cho v i c c u nguy n và h ng ngày dành th i gian t p cho Chúa.¹⁸⁴ i s ng thiêng liêng ích th c là “s ng trong tình hi p nh t thân m t và liên l v i Chúa Cha, qua Con Ngài là Chúa Giêsu Kitô, trong Chúa Thánh Th n”. Nh ó, “các ngài th c c tính th n c u nguy n, h c cách b o v và c ng c ng i c a mình, gia t ng các nhân c

¹⁸³ Ibid., tr. 162.

¹⁸⁴ Alex Rebello, “Spiritual Formation and Religious Traditions in Asia” ..., ibid., tr. 163-164.

khác và t ng tr ng trong lòng nhi t thành em m i ng i v cho Chúa Kitô.”¹⁸⁵

Servanthood (Ph c V nh Tôi T)

Á Châu, các linh m c v n còn c tôn tr ng và kính ph c; các ngài c h ng m t uy tín và quy n l c nào ó gi a ng i tín h u, ngay c xã h i c ng dành cho các ngài m t qui ch .

Vì c ào t o thiêng liêng ph i làm sáng t , s a l i và thay i nhân quan c a các ch ng sinh v m t này theo g ng m u Chúa Giêsu, ng “ ã n không ph i c ph c v nh ng là ph c v và hi n ban m ng s ng h u c u chu c muôn ng i” (Mc 10,45; Mt 20,28). “Chúa Giêsu hi u nh ng y u u i c a chúng ta, nh ng th t b i c a chúng ta, nh ng c m giác ngã lòng, lo s và cô n c a chúng ta. Chính Ngài c ng ã tr i nghi m nh ng khó kh n này.”¹⁸⁶ Tinh th n ph c v c a m t tôi t vô d ng, k ch làm b n ph n mình (Lc 17,10) s làm cho các ch ng sinh vui v ch p nh n và qu ng i d n thân trong nh ng nhi m v c trao phó, v i nh n th c r ng th y s không c phong ch c th ng tr c ng oàn Kitô h u, nh ng trao t ng c ng oàn y tinh th n ph c v v tha c a mình.¹⁸⁷

Teacher (Th y D y)

Vì c ào t o thiêng liêng nh m m c ích hu n luy n các ch ng sinh nên Th y D y L i Chúa nh chính i s ng c u nguy n và chiêm ni m c a h : “Có m i t ng quan thi t y u gi a vi c c u

¹⁸⁵ Vaticanô II, *Optatam Totius...*, *ibid.*, s 8.

¹⁸⁶ Lode Wostyn, *Believing unto Discipleship: Jesus of Nazareth* (Quezon City, Philippine: Claretian Publications, 2004), tr. 8.

¹⁸⁷ Alex Rebello, “Spiritual Formation and Religious Traditions in Asia” ..., *ibid.*, tr. 168.

nguyên cá nhân và vì c rao gi ng... Vì c rao gi ng hi u qu là m t hoa trái khác c a vì c c u nguyên cá nhân.”¹⁸⁸ Tr c khi d y d và rao gi ng, các linh m c ph i có kinh nghi m b n thân v L i Chúa, nh cô Maria ã ng i d i chân Chúa l ng nghe l i Ngài (Lc 10,38-42), hay ng i môn h c c t ngu n kinh nghi m cá nhân c a th y Guru. Các ngài không d y d hay rao gi ng “v chính b n thân mình hay nh ng ý ki n riêng mình, nh ng là m t Tin M ng mà các ngài là nh ng th a tác viên v i lòng trung tín tr n v n.”¹⁸⁹

D. Nâng và Nuôi D ng Thiêng Liêng

Nh trong cu c s ng con ng i, cha m trao ban s s ng cho con cái và ph i b o v s s ng ó, nuôi d ng và ch m sóc cho con cái l n lên t i lúc tr ng thành v m i ph ng di n, n l t mình, con cái l i t i p t c trao ban s s ng cho th h t i p theo v à nh th dòng ch y s s ng s c t i p n i. C ng v y, vì c ào t o ph i nuôi n ng và t ng c ng i s ng thiêng liêng cho các linh m c t ng lai, nh ng ng i c ng s tr thành nh ng th y d y c u nguyên, nh ng nhà ào t o và linh h ng, nh ng ng i s giúp nhi u th h t ng lai trong i s ng thiêng liêng cho n khi hoàn t t ch ng trình c u c a Thiên Chúa.

Theo chi u h ng này, ng i ta tìm c s nâng và nuôi d ng trong giáo hu n c a H i Thánh.

¹⁸⁸ B Giáo S, *The Priest and the Third Christian Millennium...* ibid., ch. II, s 1.

¹⁸⁹ Phaolô VI, *Evangelii Nuntiandi: On Evangelization in the Modern World* (December 8, 1975), s 15.

Trở lại, **v ph ng t n siêu nhiên**: L i Chúa trong c hai bàn t i c Ph ng v L i và Ph ng v Thánh Th , bí tích Sám H i c chu n b nh vì c xem xét l ng tâm h ng ngày, vì c c sách thiêng liêng chuyên c n tìm ki m nh ng d u ch c a thánh ý Thiên Chúa và nh ng thúc y c a Chúa Thánh Th n n i nh ng s ki n khác nhau trong cu c s ng, m u g ng tuy t v i c a c Trinh N Maria, vì c vi ng th m và sùng kính Bí Tích Thánh Th , nh ng cu c t nh tâm và linh h ng, trí nguy n và kh u nguy n.¹⁹⁰

Th hai, **v ph ng t n t nhiên**: s quan tâm c a Giám M c và cu c s ng huynh gi a các linh m c, s tr giúp c a các tín h u giáo dân v i tình b ng h u, s hi u bi t và h p tác.¹⁹¹ c Gioan Phaolô II thúc gi c các Giám M c Vi t Nam luôn g ng i các linh m c, nâng các linh m c trong nh ng ch ng trình m c v , chú tâm n i s ng h ng ngày và ng hành v i các linh m c, c bi t khi h g p ph i nh ng khó kh n li ên h n th a tác v c a h . C ng c n ph i dành s n cho h nh ng k ào t o thiêng liêng và tri th c thích ng v i nh ng thách truy n giáo mà h ph i i m t.¹⁹²

Th ba, **lòng trung thành v i th a tác v c ng s** nâng và thánh hoá linh m c.¹⁹³ Linh m c ph i thánh thi n c hành nh ng m u nhi m thánh, và nh ng m u nhi m thánh c c hành s thánh hoá linh m c: nh các hành ng thiêng thánh ... các linh m c c d n t i s tr nh o trong i s ng và trong vì c luy n t p

¹⁹⁰ Vaticanô II, *Presbyterorum Ordinis...*, ibid., s 18.

¹⁹¹ Gioan Phaolô II, *Pastores Dabo Vobis...*, ibid., s 50.

¹⁹² “The Church is waiting for the Total Respect of its Autonomy” ..., ibid.

¹⁹³ Vaticanô II, *Presbyterorum Ordinis...*, ibid., s 12-14.

c ái m c t , các ngài s khám phá ra m i ràng bu c c a s tr n lành linh m c, trong khi ó s thánh thi n c ng giúp nhi u cho linh m c s ng m t tác v sinh hoa k t trái. Linh m c thu l m c c a n thiêng liêng t chính nh ng ho t ng mà ngài d n thân vào.

Th t , **vi c ào t o th ng xuyên** s nâng cao i s ng linh m c và làm cho i s ng y sinh thêm nhi u hoa trái. B i v y, S c L nh ào T o Linh M c (*Optatam Totius*) c mong r ng vi c hu n luy n linh m c ph i c duy trì và ki n toàn, b ng nh ng ph ng ti n phù h p t ng b c a ch ng sinh vào i s ng linh m c và ho t ng tông m t cách hi u qu .¹⁹⁴ Ch c V và i S ng Linh M c (*Presbyterorum Ordinis*) thúc gi c các linh m c hoàn thi n, cách thích h p và không gián o n, ki n th c c a các ngài v nh ng s thánh, c ng nh nh ng công vi c c a con ng i, h u nuôi đ ng và c ng c i s ng thiêng liêng c a các ngài.¹⁹⁵ Nh ng M c T Nh Lòng Mong c (*Pastores Dabo Vobis*) xem vi c th ng hu n nh là m t b n ph n, và ch d n chi ti t nhi u hình th c và ph ng ti n cho vi c ào t o th ng xuyên cho m i linh m c thu c m i l a tu i và m i i u ki n s ng, c bi t là các linh m c tr .¹⁹⁶

Liên H i ng Giám M c Á Châu ã áp l i s m nh t v i tài li u nêu trên. V n Phòng Giáo D c và Tuyên Úy Sinh Viên c ch nh chu n b và i u hành ch ng trình ào t o th ng xuyên và nh n m nh nh ng i m sau:

- vi c h c t p c a hàng giáo s tr ;
- thay i l i mô hình Giáo H i h c;

¹⁹⁴ Vaticanô II, *Optatam Totius...*, ibid., s 22.

¹⁹⁵ Vaticanô II, *Presbyterorum Ordinis...*, ibid., s 19.

¹⁹⁶ Giaon Phaolô II, *Pastores Dabo Vobis...*, ibid., s 70-81.

- hình p v n hoá và i tho i gi a các ni m tin;
- ph ng v và cu c s ng;
- l i ti p c n trong linh h ng;
- o c sinh h c; và
- nh ng quan tâm n nh ng m c và giai o n khác nhau c a i s ng linh m c, và th i gian ngh phép.¹⁹⁷

Tóm l i, trong m i tr ng hu ng c a i s ng và th a tác v , các linh m c luôn c nh c nh r ng không gì có th tách các ngài ra kh i tình yêu v nh c u c a Chúa Kitô và l i h a c u c a Thiên Chúa. Không h s hãi, các ngài nhìn vào s canh tân và bi n i trong cu c s ng và th a tác v linh m c c a mình, nh ho t ng quy n n ng c a Chúa Thánh Th n. ng sau g ng m t luôn i thay c a th gi i luôn t n t i g ng m t c u c a Chúa Giêsu Kitô, ng ã h a v i các ngài “Th y luôn cùng anh em!”

¹⁹⁷ FABC Paper No. 92e, Ucanews.com/archives, truy c p ngày 7-10-2004.

PH N BA

ÀO T O VÀ T ÀO T O THIÊN LIÊNG C A CÁC LINH M C T NG LAI TRONG B I C NH VI T NAM HÔM NAY

Trong vài n m qua, H i Thánh Công giáo ã ph i ch u au n nhi u vì cách c x không úng n c a m t ít linh m c. “Chúng ta ph i th a nh n r ng hàng giáo s c a chúng ta, c tr và già, không ph i không có nh ng v n , nh ng xung t, và nh ng kh ng ho ng có l ph n ánh vi c l a ch n và ào t o ch a y c a h .”¹⁹⁸

Nh ng tr ng h p này có th c dùng nh phúc lành c a Chúa nh c nh và thách th c chúng ta phân tích, l ng nh và t ch c l i vi c hu n luy n ch ng vi n.¹⁹⁹ Có nh ng ng i s nói r ng vi c hu n luy n ch ng vi n trong quá kh ã ph i ch u ng m t lo i nh nguyên lu n. Ngh a là có s tách ôi gi a nh ng gì các ch ng sinh h c, và nh ng gì h s ng. Chúng tôi bác b ki u phân chia nh th trong ch ng trình ào t o ch ng vi n, vì con ng i là m t th th ng nh t. Cu c s ng con ng i v i và trong Thiên Chúa tác ng m i khía c nh c a con ng i, b i v y, i s ng thiêng liêng ph i bao g m, tác ng, và bao quát m i khía c nh c a i

¹⁹⁸ Bruno Torpigiani, *Forming our Future Priests*..., *ibid.*, tr. 39.

¹⁹⁹ Phaolô VI, *Summi Dei Verbum: Address on Seminaries and Vocations* (Rome, November 4, 1963).

s ng con ng i, cùng nh ng gì thu c v con ng i cách chân th c và ích th c.

Ph n ba này s d ng nh ng n n t ng, thách và c h i kh d trong b i c nh Vi t nam ã c trình bày phân th nh t, và giáo hu n c a Hu n Quy n Giáo H i ã c nh n m nh ph n th hai. S d ng hai c t tr quan tr ng ó, ph n này s t o nên toà nhà c a vi c ào t o ch ng vi n và toà nhà s g m c vi c ào t o thiêng liêng cho các ch ng sinh t trong b i c nh Vi t Nam hôm nay, v i c nh ng quan i m v Giáo H i h c c a Vaticanô II, c a vi c Truy n Giáo, c a vi c C ng Tác v i Giáo Dân, và c a vi c i Tho i. Vi c ào T o và T ào T o Thiêng Liêng s c trình bày theo ba th i k : Giai o n Ti n Ch ng Vi n, Giai o n ào t o Ch ng Vi n, và n m n m u i Linh M c thu c th i k H u Ch ng Vi n.

CHƯƠNG VII

BỐI CẢNH HÓA ĐỒ TỎ THIÊN LIÊN CHO CÁC LINH MỤC VI T NAM T NG LAI

A. Trong Vĩ n Anh Giáo H i H c c a Vaticanô II

Trong khi u Giáo H i nào mà các ch ng sinh hôm nay c ào t o, và r i, h s thi hành tác v trong t ng lai? Ta có th nói ngay r ng ó là Giáo H i c a Vaticanô II: v i cái nhìn n ng ng m i và m t hi u bi t quân bình h n v nh ng hình th c khác nhau c a i s ng Kitô giáo: Giáo Dân, Tu S và Giáo S cùng v i nhau trong bình ng ph m giá, b sung, hài hoà và liên i v i nhau vì N c Thiên Chúa.

Giáo H i y c xem nh :

- **Giáo H i Hi p Thông**, hi p thông trong lòng Giáo H i: Tình huynh , ph c v l n nhau, vâng ph c l n nhau và hi p nh t trong a d ng gi a Giáo H i ph quát và Giáo H i a ph ng;
- **Giáo H i Truy n Giáo**, m ra v i th gi i: N c Thiên Chúa v t ra ngoài biên gi i Giáo H i, và Th n Khí v n luôn hi n di n trong Giáo H i, trong th gi i, trong các tôn giáo khác và xã h i. V i t cách là th a tác viên và ng i truy n t L i Chúa, Giáo H i là d u ch bí tích, là h t m m c a N c Tr i, theo cái nhìn cánh chung;

- **Dân Lành và Thiên Chúa:** Mọi người dù vì những gì của họ, nhưng không chỉ là những người thi thố, vẫn luôn trên hành trình về với Chúa Cha, trong Chúa Giêsu Kitô, để sống đời của Chúa Thánh Thần;
- **Giáo Hội Phụng Vụ:** Giáo Hội không phải ngoài hay song hành với nhân loại, nhưng có liên quan vào trong lịch sử nhân loại vì sự sống của trần gian, với thái độ khiêm nhường là để thờ phượng và hợp tác với con người trong việc xây dựng tình huynh đệ phổ quát.

Trong khi đó, thời gian hôm nay là thời gian của văn minh khoa học kỹ thuật, thời gian của những công nghệ tiên tiến, của các thành tựu văn hóa, của các nhu cầu tiên tiến cho người nghèo, người bệnh, người bị áp bức, và người thất nghiệp; thời gian của nền kinh tế thị trường đang làm trung tâm văn minh và nhân văn hóa duy vật và duy tiêu thụ.

Các linh mục trẻ lại sẽ chào đón và rời đi thi hành trách nhiệm trong nhân quan Giáo Hội này: mọi người thành phần của Giáo Hội đều kêu gọi nên thánh và tất cả các trách nhiệm; nên hình thành nên đức tin về Chúa Kitô linh mục, ngôn sứ và vị thánh, qua phép rửa tội và phép thêm sức; các thánh hiến vì sự sống, yêu mến, phục vụ và làm chứng cho tình yêu Thiên Chúa, trong sự hiệp nhất phổ quát và sự hiệp nhất, với lòng khiêm tốn và với ý thức về những yêu cầu của con người và những người Kitô hữu, không còn những thái độ và lối sống cũ nữa.²⁰⁰

B. Trong Văn Anh Truyền Giáo

²⁰⁰ Domingo Moraleda, "Lectures on Theology of the Forms of Christian Life in the Church"

1. Tính Khẩn Thi cấp của Việc Truyền Giáo và Giáo Hội Việt Nam Hôm Nay

Á Châu là cái nôi của các tôn giáo lớn trên thế giới. Tính thánh thiêng của các tôn giáo này đã trở thành những bí ẩn, bí ẩn là người Á Châu, trong số đó có những người, thậm chí các Kitô hữu, sử dụng những nghi thức hành cư nguy hiểm, suy niệm, và một số người trở thành những môn đệ của các tôn giáo này.

Trong bối cảnh này, chúng ta có nhu cầu khẩn thiết phải loan báo Tin Mừng,²⁰¹ bởi vì “hầu hết các linh mục và phụng vụ thì là những người quy nết những người ngoài Kitô hữu, những người thì không quan tâm và lòng căm ghét những người không Công giáo quanh họ,”²⁰² trong khi Thiên Chúa lại muốn cho chúng ta gian nan (x. Ga 3,16-17). Bản chất của tình yêu là chia sẻ, phong phú tràn trề của nó và đó chính là lý do tồn tại của sự chia sẻ. Chúa Giêsu là chia sẻ tình yêu tràn trề của Thiên Chúa cho nhân loại. Chúa Giêsu trao sự sống của Ngài cho Giáo Hội và Giáo Hội cũng làm chứng cho tình yêu đó của Thiên Chúa và tiếp thêm niềm tin trong Nước Thiên Chúa, như Công đồng Vaticanô II thúc đẩy chúng ta.

Nếu chúng ta hiểu thấu đáo ý nghĩa của Chúa Giêsu, chúng ta sẽ sống như Giáo Hội, chúng ta sẽ không gì khác hơn vì chúng ta sống trong vì chúng ta bị biến thành Kitô hữu: “Việc tân Phúc Âm hóa cần những người loan báo Tin Mừng mới... những người không lòng trắc ẩn và trao cho họ bánh

²⁰¹ H. GMVN, *Thần Học V* 2003, s. 2-9.

²⁰² “Today’s Seminarians Need Missionary and Real-Life Formation” (Bangkok, November 11, 2003), Ucanews.com/archives, truy cập ngày 25-12-2004.

s th t, bánh tình yêu, bánh s s ng.”²⁰³ N c Thiên Chúa bao g m m i ng i, m i th t o c a Thiên Chúa. Vì th “vi c tân Phúc Âm hoá chính là nhi m v thi t y u và c p bách c a H i Thánh.”²⁰⁴

Trong nhữn quan r ng rãi h n nh th , vi c ào t o thiêng liêng nh m m c ích giúp các linh m c t ng lai nh n th c c vi c t ào t o nên nh ng linh m c truy n giáo nhi t thành mà Giáo H i c n, không ch cho Giáo H i a ph ng Vi t Nam, nh ng còn cho các Giáo H i anh em t i Á Châu. Qu th c, “toàn th Giáo H i u là th a sai. Ngay c khi chúng ta ph c v t i chính giáo ph n mình, th a tác v c a chúng ta c ng ph i th m nhu n chỉ u kích truy n giáo.”²⁰⁵

2. Ngu n G c và M u M c: S V c a Chúa Giêsu

a. S V c a Chúa Giêsu tr c Ph c Sinh

Chúa Giêsu là nhà th a sai tr c tiên c Chúa Cha sai n. S v c a Chúa Giêsu m ra m t cu c canh tân. Ngài phá nh ng ranh gi i qua nhi u l i nói, d ngôn và hành ng c a Ngài. Tính ch t bao g m (inclusiveness) trong s v c a Chúa Gi êsu gây s ng s t! Ngài là ng i t n n móng cho s v v i Dân Ngo i. Nh ng nét quan tr ng trong s v c a Chúa Gi êsu là: Chúa Giêsu thi hành s v c a Ngài v i l i c u nguy n liên l và kinh nghi m sâu xa v Thiên Chúa, Cha c a Ngài; N c Thiên Chúa là trung tâm trong toàn b tác v c a Chúa Gi êsu và là trung tâm i v i s hi u bi t v chính s v c a Ngài; s v c a Chúa Gi êsu t tâm i m

²⁰³ Gioan Phaolô II, *Pastores Dabo Vobis...*, ibid., s 82.

²⁰⁴ Ibid., s 70.

²⁰⁵ Orlando B. Quevedo, *Gathered Around Jesus...*, ibid., tr. 41.

nivn conng i h n là nh ng nguyên t c và nghi th c.²⁰⁶

b. S V c a Chúa Giêsu sau Ph c Sinh

Sau khi s ng l i, Chúa Giêsu ti p t c bày t tình yêu c a Thiên Chúa cho m i ng i, khi Ngài hi n ra v i các môn và chào h b ng nh ng l i tr n an: “Bình an cho anh em!” Chúa Giêsu th i h i vào h , trao ban Chúa Thánh Th n cho h và sai h ra i ti p n i chính s v c a Ngài.

Kinh nghi m Ph c Sinh là trung tâm, không ch cho các môn c a Chúa Giêsu, nh ng còn cho t t c chúng ta, vì kinh nghi m này gi cho s v c a Chúa Giêsu luôn s ng ng. R i b th gian và lên v i Chúa Cha, gi ây Chúa Giêsu có th làm công vi c c a Ngài m i n i trên th gi i, b t c n i âu có các môn c a Ngài hi n di n. Là nh ng môn c a Chúa Giêsu, chúng ta có m t s i p tuy t p c a tình yêu Thiên Chúa s chia. Và tr c h t, ó không ph i là m t s i p b ng l i, mà là m t s i p t di n t qua cách s ng và cách hi n di n c a chúng ta. ây là s v v i mà chúng ta c c quy n chia s và làm ch ng, ây và bây gi .

c. B n Ch t c a Giáo H i là Truy n Giáo

T chính b n ch t, Giáo H i l hành là truy n giáo, vì Giáo H i c kh i ngu n t chính s v c a Chúa Con và c a Chúa Thánh Th n, theo úng thánh ý Chúa Cha, nh Công ng Vaticanô II nh n m nh (LG 4). V y t t c Dân Chúa u c m i g i canh tân n i tâm sâu xa v i ý th c s ng ng trách nhi m c a chính mình trong vi c truy n bá Tin M ng (AG 35): “Anh em hãy i kh p t ph ng thiên h , loan báo Tin M ng cho m i loài th t o” (Mc 16,15). Hành ng nhân danh và là hi n thân c a ng

²⁰⁶ Domingo Moraleda, “Lectures on An Introduction to Missiology of Consecrated Life”..., *ibid.*, tr. 11.

Cu Th , linh m c ph i c u mang trong tâm trí mình l i kêu g i c p thi t này và duy trì tinh th n truy n giáo theo l nh truy n c a Chúa Giêsu.

3. i Tho i, Con ng Thích H p S ng và Thi Hành S V Truy n Giáo

Theo quan i m c a Liên H i ng Giám M c Á Châu, con ng m i trong s hi n di n c a Giáo H i là con ng v i ba cu c i tho i: i tho i v i các n n v n hoá và các truy n th ng, i tho i v i các Tôn Giáo Khác và i tho i b ng cu c s ng v i ng i nghèo. Nh ng b i c nh Vi t Nam òi h i thêm m t chi u kích i tho i n a: i tho i v i ng i c ng s n.²⁰⁷ M c dù i u này xem ra có v khó kh n vì chính sách tôn giáo kh t khe c a ý th c h c ng s n, chúng ta tin t ng vào Thiên Chúa, ng là Ch c al ch s , Ngài s bi n i m i s vào úng th i c a nó. c trang b b ng i s ng n i tâm v ng ch c trong m i t ng quan g ng i v i Thiên Chúa, các linh m c d n thân vào th gi i c u th gi i và c c u cùng v i toàn th th gi i c t o thành.

4. Tr Nền Nh ng Th a Sai H ng Say và Hi u Qu

M i th i i có nh ng khía c nh tích c v và tiêu c c c a nó. Chúa Thánh Th n là tác gi c a m i cu c canh tân trong H i Thánh và trong th gi i. H ng t i m t cách th c hi n di n v và thi hành s v truy n giáo h u hi u trong th gi i ng i, các linh m c Vi t Nam²⁰⁸ ph i l ng nghe theo nh ng linh h ng c a Ngài. Tin r ng Chúa Thánh Th n luôn cùng làm vi c v i các ngài, các linh m c t d n thân vào công vi c Phúc Âm hoá, ý th c y v s v kh n c p c a mình (1 Cr 9,16). Nh ng các ngài c ng ý th c c nh ng

²⁰⁷ Xem “ i tho i v i ng i C ng s n.” Cu c i tho i c ng c o th th c hi n Trung Hoa, B c Tri u Ti ên và Cuba.

²⁰⁸ H GMVN, *Th M c V 2003*, s 7.

gi i h n con ng i c a mình v i nh ng y u u i và t i l i, luôn ghi nh trong tâm trí l i Thánh Phaolô: “Tôi b t thân th ph i ch u c c và ph c tùng, k o sau khi rao gi ng cho ng i khác, chính tôi l i b lo i” (1 Cr 9,27).

C. Trong Vi n nh C ng Tác V i Giáo Dân²⁰⁹

1. Quan Tâm M i, Cái Nhìn M i

Ch u nh h ng do quan ni m t i n Vaticanô v i s ng linh m c và i s ng tu trì, hàng giáo s th ng có m c c m t tôn i v i giáo dân. Nh ng ngày nay nhi u giáo dân gi i h n nhi u linh m c do c n b n giáo d c và ki n th c th n h c cao h n. Thách này mang n m t nhìn nh n rõ ràng: tuy n u c a Giáo H i, trong a h t các c s ng và s m nh, c ng nh trong nh ngh a (Dân Thiên Chúa, tham d vào ch c linh m c c a Chúa Kitô) và con s (99,80% giáo dân, mà ch 0,12% tu s và ch 0,08% th a tác viên ch c thánh),²¹⁰ ng i giáo dân cho th y m t óng góp i v i vi c th c hi n N c Thiên Chúa và công trình thánh hoá tr n gian t bên trong nh men. M i ng i ã ch u phép r a t i c kê u g i nên thánh, tùy theo vi c ph c v và th a tác v h p v i nh ng ân hu và tài n ng c a riêng mình. C giáo dân và giáo s u góp ph n vào Tri u i Thiên Chúa trong chi u kích cánh chung: ng i giáo dân nh n m nh cái hi n t i (cái ã có), trong khi hàng giáo s nh n m nh n cái t ng lai (cái ch a có).

²⁰⁹ Domingo Moraleda, “Lectures on Fundamental Ecclesiology: A Historical and Theological Reflection” tr. 4 -37.

²¹⁰ Domingo Moraleda, “Lectures Theology of the Forms of Christian Life in the Church” tr. 41 -73.

Việc xây dựng sự cộng tác làm việc giữa giáo dân-giáo sĩ là rất quan trọng và thông qua ba yếu tố chủ yếu: hiệp thông, hiệp tác trong sự sống và việc tạo o thích hiệp v thiêng liêng, tín lý và v n hoá. úng th , hình nh thích h p c a linh m c th k hai m i m t là b c th y luôn h c h i Chúa Kitô: ngài luôn ng hành v i con ng i úng n i mà h ang hi n dĩ n, l ng nghe h và r i chia s nh ng hi u bi t trong hành trình c a h . ó c ng là ng i ch a lành mà l i mang th ng tích nh Chúa Kitô: ngài có m i quy n n ng, nh ng l i hoàn toàn d dàng b t n th ng. B t ch c ng i ch a lành mang th ng tích, các linh m c và giáo dân bi t mình là ai n i c t lõi c a chính mình, b ng cách chia s chính mình v i Thiên Chúa và v i m i ng i, nam c ng nh n , trong nh ng m i t ng quan m t thi t, nh Chúa Giêsu, ng t ng có c b n bè nam và n .²¹¹

xúc ti n s h p tác giáo dân-giáo sĩ này, hàng giáo sĩ và giáo dân ph i:

- d n thân nhi u h n trong i s ng c a nhau v i s c m thông v i nhau sâu s c h n;
- chia s nh ng trách nhi m trong s hi u bi t, t do v à vi n nh Kitô giáo v i tình yêu chân th c c a nh ng ng i c ng tác v i nhau;
- c v s hi p thông v i ý th c v s hi n dĩ n c a ng i khác, v i s nhìn nh n nh ng tình tr ng khác nhau trong cu c s ng và ch p nh n ng i khác theo nh úng b n ch t c a h ;

²¹¹ Donna M. Hanson, "I invite you to Accompaniment," in Donald J. Goergen, ed., *Being A Priest Today* (Collegeville, Minnesota: The Liturgical Press, 1992), tr. 193-195.

- nâng phẩm chất vị công nhân toàn diện của giáo sĩ và giáo dân, trong đó chú ý kích thích liên hiệp các ngài tính công nhân phẩm cao.²¹²

2. Công Tác và Nhiệm Vụ của Giáo Dân Nói Chung

Công đồng Vaticanô II là một Lời Hiến Xuống mới về vị trí của Giáo Hội là hiệp thông, mà hàng giáo phẩm là trong lòng Dân Chúa, chứ không phải bên trên, và như huynh đệ, như anh em bình đẳng cam kết hiệp thông trên phép rửa tội (LG 30;32). Các mục tiêu nhìn nhận các chức năng và sự sống của giáo dân: công tác trong thế giới và sự sống của Giáo Hội; chia sẻ kinh nghiệm vì lợi ích của Giáo Hội trong tình thân ái hiệp thông; thi hành sự sống trong lãnh vực hôn nhân, gia đình, văn hoá, các công xã hội, kinh tế, chính trị, tình liên đới, công lý và hoà bình.²¹³ Văn chính yếu không phải là cạnh tranh giữa giáo sĩ và giáo dân, vì giáo sĩ và giáo dân có liên hệ với nhau và tùy thuộc lẫn nhau. Hiệp hiệp công đồng thay thế công đồng trong tâm trí, công đồng bên trên công đồng Nội Thiên Chúa.

Trong tình thân ái, linh mục phải cao sự công tác²¹⁴ về nhiệm vụ giáo dân, lắng nghe và đáp ứng linh nguyện mong ước của họ liên quan đến sự sống và sự sống linh mục, công đồng và công đồng cho

²¹² Ren T. Lagaya, "Sharing Our Spirituality and Charisms with the Laity," *Religious Life Asia* 2 (January-March, 2000): 56-68.

²¹³ Domingo Moraleda "Lectures on "Fundamental Ecclesiology: A Historical and Theological Reflection"..., *ibid*.

²¹⁴ Vaticanô, *Lumen Gentium*, chương 5; *Presbyterorum Ordinis*..., s. 9; Synod of Bishops 1971, *The Ministerial Priesthood*, 3: Relations between priests and laity; *Congregation for the Doctrine of the Faith, Letter to the Bishops of the Catholic Church on the Collaboration of Men and Women in the Church and in the World* (Rome, May 31, 2004) Zenit.org/english, truy cập ngày 29-9-2004.

vì c Phúc Âm hoá và vì ích chung c a Giáo H i và th gi i. Giáo dân mong i n i linh m c:

- canh tân và thánh hoá i s ng linh m c nh là chuy n quan tr ng nh t;
- i s ng thiêng liêng và c u nguy n c a linh m c nh là m u m c c ang i tín h u;
- linh m c ph i là hình nh c a Chúa Kitô và là m u m c cho i s ng c tín c ang i tín h u;
- Thiên Chúa ph i là m c ích tr c tiên và t i h u c a i s ng linh m c;
- m t linh m c luôn trung thành v i thánh ý Thiên Chúa s bi t cách gi quân bình trong các ho t ng thu c th a tác v c a mình, v t qua nh ng khó kh n và cám d mà ngài g p ph i trong i s ng h ng ngày;
- m i giáo s ph i yêu th ng t t c m i ng i và yêu th ng nhau nh là nh ng môn yêu th ng c a Chúa Kitô (Ga 13,1.34-35), và trung thành v i ch c linh m c cho n ch t;
- linh m c không kiêu c ng và c oán, nh ng khiêm t n ng v phía ng i nghèo, ng i ngoài l xã h i và ng i b áp b c;
- linh m c ph i luôn hi p thông g n g i v i tín h u và tránh m i hình th c c oán và qu n lý theo ki u dân ch , vì nh ng i u này d n t i t c hoá linh m c và giáo s hoá giáo dân;
- c Trinh M Maria ph i là m và m u m c cho linh m c và linh m c ph i ón nh n M vào cu c i mình, h c cách s ng khiêm nh ng, trong s ch và vâng ph c c a M , và tìm th y ni m vui và ngu n an i n i M ;

- Mong sao giáo dân có sự đóng góp trong việc giáo dục các chủng sinh.²¹⁵

3. Công Tác với Phấn, Nữ Giáo Dân và Nữ Tu

Nữ tu Sung-Hae Kim, SC, “than phiền” rằng việc tạo ra một linh mục hiện nay không tạo ra được những người tốt nghiệp mà thậm chí là toàn nam giới, không có những người tiếp xúc có ý nghĩa với phụ nữ, không có kinh nghiệm về phụ nữ như là những môn sinh của Chúa Kitô... Sau khi chịu chức, nhiều vị không chịu làm việc với phụ nữ, và đôi khi cảm thấy bất cần và các lãnh đạo phụ nữ do nghiêm trọng, nên phụ nữ ngày càng, thậm chí phân biệt đối xử và dùng ngôn ngữ mỉa mai. Một nghiên cứu kết luận rằng phân biệt giới tính với phụ nữ trong Giáo Hội còn lớn hơn ngoài xã hội.

Có lẽ tình trạng này, chúng ta nên thuê những người có kinh nghiệm, các nữ tu và giáo dân, để trong chủng viện hoặc những đơn vị tâm lý, các chủng sinh có thể tôn trọng, cao và hình thành một mô hình tích cực về phụ nữ, một quan niệm quân bình về phụ nữ, và có cách nhìn Thiên Chúa theo vị nữ nhũ của phụ nữ. Các linh mục hiện nay sẽ học hỏi từ những chị em tu trì và vì thế có xu hướng đi tới hai thái cực. Do đó, ngài mong rằng các chủng sinh cũng nên học hỏi từ những chị em tu sĩ sống thánh hiến trong bí quyết khoa Giáo Hội để chia sẻ thông tin. Họ sẽ biết lẫn nhau chính là chìa khóa. Và sau cùng chúng ta mong rằng

215 Fabiano Choi Hong-jun, “The Expectations of the Laity on Priestly Formation,” trong *Linh Mục Thiên Niên Kỷ Mới*, Hội Chủng Viện Hu (2000), tr. 245-262.

chúng ta nên làm b t c i u gì có th giáo d c các ch ng sinh, tu s và giáo dân, giúp h t p làm vi c v i nhau nh là nh ng c ng s viên bình ng, và tr nên nh ng nhân ch ng s ng ng c a Tin M ng.²¹⁶

4. Ki i M u ào T o ICLA

Ta có th nhìn nh n m t cách th ng th n r ng theo tâm th c t tôn c a nam gi i, cách nào ó, ng i ph n Á Châu b coi th ng, khinh mi t, bách h i và àn áp, không ch ngoài xã h i, do nh ng ng i bên ngoài, nh ng ngay trong chính gia ình, do cha, ch ng và anh em c a h . Và th t phi lý khi có s phân bi t i x , ng c ãi, b t công và àn áp mà ng i ph n ph i ch u ng ngay trong Giáo H i, Nhi m Th Chúa Kitô. Trong khi, do tinh th n xã h i phong ki n và c c u tôn ti, ng i Công giáo Á Châu quá tôn tr ng hàng giáo s , và th c t này làm cho các linh m c tr nên quan liêu và c oán, ít ra là v i m c c m t tôn.

Hì v ng r ng H c Vi n i S ng Thánh Hi n t i Á Châu (Institute for Consecrated Life in Asia – ICLA, Manila, Philippines), nh là m t d u ch m i m và tuy t v i c a Chúa Thánh Th n, là h c vi n chào ón các tu s nam n , linh m c, ch ng sinh và giáo dân t trên hai m i n c Á Châu, s t o ra nh ng c h i cho m t mô hình tích c c v n gi i, bi n chuy n t mô hình c i n, qua mô hình c a Vaticanô II và h u Vaticanô II, sang mô hình n quy n:²¹⁷ Bên c nh nh ng ph n có kh n ng, c tu s l n giáo dân, ang d y h c và

²¹⁶ Sung-Hae Kim, “The Threefold Dialogue and the Image of Woman: A Little Hope for the Priestly Formation from a Woman’s Perspective,” trong *Linh M c Thiên Niên K M i*, i Ch ng Vi n Hu (2000), tr. 263-279.

²¹⁷ Percy Bacani, “Lectures on Missionary Spirituality”

hàng đầu tinh thần, còn có nhiều nhân tố có trình độ cao hơn các sinh viên nam trong mặt sắc tính, và hành vi tôn trọng, cao và vì lợi ích chung.

Trong những ngày toàn và những hoạt động của ICLA cùng giúp cho các sinh viên thu được hai giá trị: học hỏi và chia sẻ, cùng sống và trách nhiệm, trong những ngày cùng nhau trong những tiếng thiêng liêng, cùng làm việc, cùng học tập, cùng vui chơi, cùng vui lòng, cùng tham gia tinh thần, và cùng hành động Thánh Thể, vì sự tôn trọng lẫn nhau, hiểu biết và khích lệ mang tính bình đẳng, vì quan niệm quân bình, những mối quan hệ hài hòa và trở nên thành, vì kinh nghiệm là những môn học của Chúa Kitô cùng làm chứng cho Tin Mừng. Những mối quan hệ trở nên thành và tôn trọng nhau giữa các nhà lãnh đạo ICLA (linh mục, nam tu, giáo dân nam và nữ) vì các sinh viên là mục tiêu và là bằng chứng rõ ràng về sự sống mà họ muốn sống và lãnh đạo, các vị Cha Giám mục và các vị linh mục, sự quan tâm nhiệt huyết, sự cảm thông sâu sắc, sự hiện diện gây an lòng, sự khích lệ tinh thần và tình yêu bền chặt vì mình.

Sự hiện diện của hàng mang tính giáo dục còn nhiều hơn chính là sự hướng dẫn. Mục tiêu của ICLA là một đóng góp hữu ích cho cuộc canh tân Giáo Hội, các vị là cho những người trẻ. Mọi người đều mong rằng mục tiêu của ICLA sẽ được nhân rộng, các thành viên và cộng đồng, ta có thể nhìn thấy một thế giới lại tiếp nhận các Giáo Hội Á Châu trong sự sống tâm Phúc Âm hoá, sự sống của Giáo Hội Á Châu cho Giáo Hội Á Châu.

5. Vị nhân và Nghĩa của FABC

Trong những ngày này, Liên Hội đồng Giám Mục Á Châu cũng khích lệ chúng ta. Các ngài tuyên bố rằng Thiên Chúa đã chọn một phần, các vị Trình Nữ Maria, làm mẹ Chúa Giêsu, qua

M , Thiên Chúa m c kh i giá tr và ph m giá c a ng i ph n . Chúng ta l y Chúa Giêsu làm m u m c cho chúng ta theo cách Ngài ón nh n và nhìn nh n thiên h ãng và ph m giá c a ph n , thái và s nh y c m c a ngài i v i ph n và lòng can m c a Ngài khi i x v i ph c n v i lòng tôn tr ãng và ph m giá b ãnh ãng.

Và r i, các ngài c mong r ãng vi c ào t o linh m c ph i bao g m:

- M t t ãng tác lành m nh v i ph n ;
- Hu n luy n s nh y b ãn v gi i t ãnh;
- c l i, gi i th ãnh l i và tái khám phá Sách Thánh bao g m c ãnh ãn quan ph n ;
- Các giáo trình th n h c và các giáo hu n c a c Giáo Hoàng v ph n ; S hi n di n c a các n giáo s và n sinh viên trong các ch ãng vi n.²¹⁸

D. Trong Vi n nh i Tho i

1. Thái và Ch o c a c Bênê itô XVI

Sau khi ã ra cái nhìn toàn c nh v tình tr ãng c a Giáo H i và c a th gi i, v i nhi u ãng ý th c h và m t suy t ãn ã t i l m l c, c Giáo Hoàng Bênê itô XVI gi i thi u ni m t ãn tr ãng thành và chín ch n vào Con Thiên Chúa, ãng là th c o t i h u và tiêu chu n, nh ã con ãng ãn ã t i n n t ãng i s ãng Kitô h u.²¹⁹

²¹⁸ “The Church in Asia in Solidarity with Women” Ucanews.com/html/fabc-papers/workshop_reports/ws03.html, truy c p ngày 19-3-2005.

²¹⁹ “Jesus Christ, the Measure of True Humanism...”, *ibid*.

Tiếp nối ngài ngài thích cho các Hội đồng Y²²⁰ chúng trình bày trước ngài trong việc cai quản và dẫn dắt Giáo Hội hoàn toàn: vâng theo những nguyên tắc của Chúa Thánh Thần, với lòng phó thác khiêm nhường cho sự quan phòng của Thiên Chúa, bởi theo những nguyên tắc này trong việc tiếp tục dẫn dắt thân thể Hội đồng Công đồng Vaticanô II, trong việc xây dựng sự hiệp thông trong lòng Hội Thánh, thì tiếp sự hiệp nhất giữa các Kitô hữu theo Chúa Kitô, làm sống lại sự Truyền Giáo, mở rộng sự tiếp xúc với toàn thể nhân loại và các tôn giáo khác, các nền văn minh và văn minh, và tuyên bố những nguyên tắc Công giáo sẵn lòng công tác vì sự phát triển xã hội và phẩm giá con người.

Và sau cùng, ngài nhắc lại những lời của Gioan Phaolô II “*nghe! Hãy mở rộng cửa cho Chúa Kitô!*”... Chúng tôi tình nguyện hiến dâng cho Ngài những gì chúng ta có thể: những tâm hồn, những sức lực và sự sống.”²²¹ Chúng ta hãy nhớ rằng trong những cơn khủng hoảng, chúng ta sẵn lòng chào đón các sinh linh mới của chúng ta, hãy đáp ứng theo nhu cầu của Thiên Chúa, hãy nghĩ đến những người khác.

2. **Thoiv Các Nền Văn Hoá**

Việc hình thành nền văn hoá, những mặt tích cực của Công đồng Vaticanô II nhằm mục đích, là một nhu cầu khẩn cấp vì sự Truyền Giáo. Vì thế Nam hôm nay. Hình thành nền văn hoá phải được nuôi dưỡng ngay trong lòng chúng ta. Việc này nhằm biến đổi nền văn minh của chúng ta thành nền Tin Mừng như sự tiếp nhận Tin Mừng và làm cho các nhà lãnh đạo thích ứng với nền văn hoá và môi trường sống của

²²⁰ “A Church That Has No Fear of the Future...”, *ibid.*

²²¹ “Do Not Be Afraid of Christ! ...”, *ibid.*

oàn chiên²²² nh Thánh Phaolô ã làm (1 Cr 9,23). H i nh p v n hoá là m t nhu c u kh n c p i v i s v c a các linh m c Vi t Nam. Nó làm cho ng i Vi t Nam d ãng ón nh n Tin M ñg và i u ch nh theo Tin M ñg các giá tr v n hoá phong phú và cao quý c a h : “Phúc Âm hoá và h i nh p v n hoá liên k t v i nhau m t cách t nhiên và m t thi t.”²²³ Các linh m c c kêu g i làm t ng tri n s nh y bén c a h i v i v n hoá, h có th h i nh p v n hoá công vi c tâm Phúc Âm hoá c a mình vì vinh quang Thiên Chúa, và n c u c a toàn th th gi i c t o thành.

Trong ti n trình h i nh p v n hoá, m i n n v n hoá ón nh n nh ng y u t tích c c t n n v n hoá khác và do ó c nên phong phú h n. Ví d , cu c g p g gi a n n v n hoá Vi t Nam và Tin M ñg c a Kitô giáo, Tin M ñg cao nhi u y u t v n hoá, và khám phá ra nh ng cách th c m i m ãi n t các giá tr Tin M ñg. V y ta có th nói r ng vi c h i nh p v n hoá c a Kitô giáo ph i t n n t ng trên m u nhi m Nh p Th . H i nh p v n hoá theo tinh th n nh th s làm cho các “Kitô h u b n a có kh n ng s ng theo nh ng giá tr v n hoá c a riêng h , không b méo mó, và ñng th i s ng theo nh ng giá tr c bi t c a Tin M ñg.”²²⁴

T ng tr i nghi m s thi t h i không th ph nh n do vi c Giáo H i bác b vi c th kính t tiên nhân danh vi c Phúc Âm hoá trong quá kh , Giáo H i a ph ñg Vi t Nam bu c ph i ãn thân không h ch m tr trong vi c h i nh p v n hoá. Nh ng trong hi n t i, vi c thi u nhân s thành th o, th i gian và thi n chí là nh ng tr

²²² Bruno Torpigiani, *Forming our Future Priests*..., *ibid.*, tr. 54.

²²³ Gioan Phaolô II, *Ecclesia in Asia*..., *ibid.*, s 21.

²²⁴ “Evangelization in Vietnam must stress ‘Triple’ Dialogue” (Ho Chi Minh City, May 31, 2002), Ucanews.com/archives, truy c p ngày 25-1-2004.

ng i chính cho vi c h i nh p v n hoá.²²⁵ Do v y, chúng ta ph i ý nhi u h n t i v n này trong công vi c ào t o linh m c: nh ng ng i loan báo Tin M ng bu c ph i “ t mình vào hoàn c nh c a ng i nghe, cho vi c loan báo c a mình thích ng v i trình và m c tr ng thành c a ng i nghe, và theo hình th c ngôn ng phù h p.”²²⁶ Nh t là ph i n l c c bi t h i nh p cái tinh th n, cái l i s ng, ch không ch v i cái hình th c bên ngoài.

3. i Tho i Liên Tôn

i tho i liên tôn, “nh là m t b n ph n và thách c a toàn th H i Thánh,”²²⁷ mu n nói t i vi c xem xét nh ng ng l i “c v s hi u bi t và làm phong phú l n nhau” trong ó các thành viên c a các truy n th ng tôn giáo khác nhau có th h c h i nhau v à h c h i v nhau, ng th i h c h i v chính mình nh n ra nh ng giá tr thiêng liêng và c u c a chính mình và tin vào s hi n di n c a Chúa Thánh Th n trong chính mình.

m c sâu xa nh t, i tho i liên tôn luôn là i tho i v n c u , b i vì cu c i tho i này tìm cách khám phá, làm sáng t , và hi u bi t h n nh ng d u ch th i i trong su t cu c i tho i mà Thiên Chúa duy trì v i nhân lo i.

M t cu c i tho i liên tôn chân thành và c i m là m t con ng t t cho s v truy n giáo t i Vi t Nam, m t t n c giàu các tôn giáo truy n th ng. Qua i tho i, chúng ta Thiên Chúa hi n di n gi a chúng ta, vì khi chúng ta t m ra v i ng i khác, chúng ta c ng t m ra v i Thiên Chúa. Vì th i tho i liên tôn là công

²²⁵ “Ancestor Veneration helps link Catholics with Vietnamese Mainstream” (November 9, 1999), Ucanews.com/archives, truy c p ngày 25-12-2004.

²²⁶ Gioan Phaolô II, *Ecclesia in Asia...*, ibid., s 20.

²²⁷ Ibid., s 31.

trình Thiên Chúa khát khao, mà tuy vậy không thể thi hành trong sự v loan báo Tin Mừng của Hội Thánh, sự này tìm ra cách đi nữa trong khi phục vụ các tín, sự thống trị của công bằng và phẩm giá con người.

Dù những hình thức các thể chế và các thể chế hiện tại của các cộng đồng tôn giáo khác biệt, cần biết rằng các cộng đồng tôn giáo (thái độ kính trọng và tín thác) phải luôn là một, các biểu tượng “các tín Kitô giáo trở nên thành và xác tín.”²²⁸ Các cộng đồng tôn giáo như thế khi các Kitô hữu trở nên tốt hơn và đáng hơn. Điều này cần được thực hiện cho các tín hữu thuộc các tôn giáo khác. Sự thống trị của chúng ta này chủ yếu là để phục vụ cho Tin Mừng của gieo xu và mọc lên.

Bởi thế, một chương trình huấn luyện phù hợp cho các linh mục trẻ lại là rất quan trọng. Các hội đồng toàn thể của Liên Hội đồng Giám Mục Á Châu (FABC) tại Sam Phran, Thái Lan, những người lãnh đạo các cộng đồng tôn giáo, như là một “cách thức hiện diện mới của Hội Thánh,” phải tiến sâu vào các nhà lãnh đạo của Giáo Hội tại Á Châu. Những người tham dự hội đồng như vậy nên nhìn nhận sự sống và những thành tựu của tôn giáo như là những trải nghiệm tốt trong việc theo đuổi các cộng đồng tôn giáo. Và hãy nhớ rằng vì các lý do nghe nhau, học hỏi nhau, khuyến khích nhau, cảm thông lẫn nhau, kính trọng và tín thác lẫn nhau như là điều kiện bổ sung giúp thống trị của các cộng đồng tôn giáo hiện tại của chúng ta sung mãn.²²⁹ Quả thực, “nếu ưu tiên mà chúng ta phải thoát khỏi là trái

²²⁸ Gioan Phaolô II, *Ecclesia in Asia...*

²²⁹ “Christian missionaries must explicitly proclaim Jesus Christ in Asia” (Thailand, January 18, 2000), Ucanews.com/archives, truy cập ngày 25-1-2004).

tim nh bé và h p hời c a chúng ta.”²³⁰

4. Hi n Di n v i Ng i Nghèo:

Thiên Chúa là ng u tiên ã u tiên ch n l a ng i nghèo. Qua Con Yêu D u c a Ngài, Thiên Chúa khai m c V ñ ng Qu c gi a ng i nghèo (x. Mt 5,3; 25,40). Và “khi tìm cách th ñ ng tí n nhân ph m con ng i, H i Thánh ch ñ ng t lòng yêu th ñ ng u ái dành cho ng i nghèo và ng i th p c bé mi ñ.”²³¹

Nghèo ói là m t s ph n i v i nhi u ng i Vi t Nam. Vì th , Giáo H i t i Vi t Nam ph i th c s là Giáo H i c a ng i nghèo, vì ng i nghèo, cho ng i nghèo và v i ng i nghèo “c trong l i nói và vi c làm” và trong cách “s ñ ng gi n d theo g ñ ng Chúa Giê-su.”²³² Các linh m c ph i s ñ ng lòng l ñ ng nghe ng i nghèo và ng i bên l xã h i, th c s là d u ch ch a lành c a tình yêu Thiên Chúa i v i h .

c H ñ g Y Paul Shan Kuo-hsi c mong r ñ ng “Tình yêu u ái và tình liên i v i ng i nghèo ph i c truy n t cho các ch ñ ng sinh và ph i bám r vào lòng h , h có th mang Tin M ñ ng cho ng i nghèo.” Và ngài g i ý r ñ ng “Các ch ñ ng sinh c n có kinh nghi m v m t s công vi c dãi gió d m s ñ ng trong cu c s ñ ng th c c a ng i nghèo, các th y có s c m th ñ ng sâu s c v i ng i nghèo, và s ñ ng m t cu c s ñ ng gi n d,” b i vì “trong m t xã h i thiên v v t ch t và h ñ ng th , cu c s ñ ng gi n d c a linh m c là m t b ñ ch ñ ng m nh m cho nh ñ ng giá tr Tin M ñ ng và là m t li u thu c gi i c h u hi u i v i tình tr ñ ng khó ch u c a th

²³⁰ “Evangelization in Vietnam must stress ‘Triple’ Dialogue”...
ibid.

²³¹ c Gioan Phaolô II, *Ecclesia in Asia...*, ibid., s 34.

²³² Ibid.

gi i hi n i.²³³

Ngày nay chúng ta có m t nh n th c m i m r ng ng i nghèo không ch nghèo, nh ng còn b áp b c, c v v t ch t l n tinh th n. H là nh ng n n nhân c a nh ng c c u kinh t và chính tr b t công, th m chí c nh ng c c u tôn tí và gia tr ng c a ki u t tôn trong gia ình, trong xã h i và trong H i Thánh, là n n nhân c a bóc l t, phân bi t i x và b o l c, c bi t là ph n và tr nh . Vì th , tham đ vào cu c u tranh c a ng i nghèo gi i phóng h là m t ph n không th thi u trong s v c a chúng ta: “H i Thánh ph i làm t t c nh ng gì có th v t qua nh ng s d nh th , hành ng vì l i ích c a nh ng ng i b bóc l t nhi u nh t y và tìm cách a nh ng ng i nh nh t n v i tình yêu c a Chúa Kitô.”²³⁴

Các linh m c th c s h ng v phía ng i nghèo và ng i thi u th n trong s v c a mình. Các ngài ph i giáo x mình đ n thân vào nhi u hình th c khác nhau trong vi c nâng ng i nghèo, các tr m cô i, nh ng ng i goá b a và s ng đ i m c bình th ng, nh m “giúp cho h bi t t giúp mình, h có th làm vi c nh m th ng ti n tình tr ng c a h và tr thành nh ng ng i loan báo Tin M ng cho chính n n v n hoá và xã h i c a h .”²³⁵

Chúng ta ph i nh n ra hình nh Chúa Kitô, ng ã t h y mình ra không n i ng i nghèo, và l ng nghe ti ng kêu c a Ngài qua ti ng kêu c a ng i nghèo, tin r ng nghèo kh có th mang tính c u , n u nh ó là m t s nghèo kh theo Tin M ng. T i Vi t Nam, ta có th xem xét, nh là m t khía c nh tích c c trong s quan

²³³ “Synod of Bishops-Special Assembly for Asia: Orientations on Priestly Formation,” trong *Linh M c Thiên Niên K M i ... ibid.*, tr. 45-46.

²³⁴ Gioan Phaolô II, *Ecclesia in Asia...*, *ibid.*, s 34.

²³⁵ *Ibid.*

phòng của Thiên Chúa, chính sách của nhà nước là áp dụng những nguyên tắc trên Giáo Hội và truyền thống của Giáo Hội, như thế các giáo sư, tu sĩ và giáo dân phải nhìn lại sứ mệnh của mình và tìm dò những cách thức mới sống vì người nghèo và vì những người sống niềm tin khác, thậm chí vì chính mình.²³⁶

5. **Thư viện Người Công Giáo**

Sống dưới chính sách Công giáo, Việt Nam có hoàn cảnh riêng của mình. Vì thế, nghiên cứu này chú ý nhìn nhận những thách thức của Người Công Giáo, trong đó bao hàm cả việc chào đón, cuộc sống và thách thức của các linh mục trẻ.

a. **Những Lý Do của Thư viện Người Công Giáo**

1) **Sự Sống của Chúa Giêsu và Sự Sống của Hội Thánh**

Thiên Chúa là người bắt đầu trong cuộc đời sống của Hội Thánh. Người kêu gọi tất cả sự sống của Chúa Giêsu. Người Chúa Cha trao phó, để sống và sống của Chúa Thánh Thần. Nhưng Thiên Chúa không lo ngại, và sự sống của Chúa Giêsu, cuộc sống là sự sống của Hội Thánh, là "mối sống bao gồm tất cả":²³⁷ sống vì người nghèo và người già, người bị áp bức và người bị áp bức, tội nhân và người ốm, làm tan biến sự tha hoá và phá hủy những bất công thù địch.

²³⁶ "Vietnam Church has Matured under Communist Rule" (Ho Chi Minh City, May 10, 2002), Ucanews.com/archives, truy cập ngày 3-11-2004.

²³⁷ Domingo Moraleda, "Lecture on An Introduction to Missiology of Consecrated Life"..., *ibid.*, tr. 10.

Công đồng Vaticanô II nhấn mạnh các chủ nghĩa sinh “cần tìm Chúa Kitô nơi... cần biết là người nghèo, các trẻ em, người bị nhốt, người tị nạn và người không tin.”²³⁸ Chúng ta không quên sứ điệp của ngài Công đồng Vaticanô II về Việt Nam và chúng ta có thể tiếp cận họ qua công đồng người, trong nhãn quan của sự sống của Hội Thánh.²³⁹

Thứ nhất, “hệ thống mối quan hệ chính quyền và các nhà lãnh đạo trong xã hội chúng ta theo ý thức Mác-xít. Vì thế, Hội Thánh tại Việt Nam cần kêu gọi người Kitô giáo như thế nào?”²⁴⁰ Vấn đề chính là phải theo kiểu người Kitô giáo nào? Nếu chúng ta hiểu người Kitô giáo là một thế hệ quan theo đúng mô hình “ad intra” (hướng vào trong) và “ad extra” (hướng ra ngoài) của Chúa Ba Ngôi, như là việc mang sự sống và phân phát và mang sự sống thông tin trao tặng, như là chia sẻ tình yêu Thiên Chúa và làm chứng về tình yêu Thiên Chúa cho mọi người, như là một nền tảng bền vững thì người Kitô giáo này thành một thế hệ Kitô giáo và huynh đệ, thì người Kitô giáo trở thành một nền tảng của Hội Thánh như là hạt giống, men, muối và ánh sáng của trần gian.

2) **Đời Hội Thánh và Tin Mừng**

Đó là người Chúa Giêsu Nadarét, Thiên Chúa thật và người thật, đã mang ơn cho nhân loại tình yêu mới mẻ chết trên thập giá của Ngài. Ngài khải sự sống mới cho nhân loại và sự sống mới của Thiên Chúa cho tất cả mọi người. Ngài chúc phúc cho người xây dựng hoà bình (Ga 16,33; Mt 5,9) và ra lệnh

²³⁸ Vaticanô II, *Optatam Totius...*, ibid., s. 8.

²³⁹ Gioan Phaolô II, *Redemptoris Missio...*, ibid., s. 44.

²⁴⁰ “Grassroots Exchange Will Lead to Useful Dialogue” (Hue, May 22, 2003), Ucanews.com/archives, truy cập ngày 29-9-2004.

ph i yêu th ng k thù (Mt 5,43-45). Chúng ta ph i góp ph n th c hi n nh ng vì n t ng hoà bình c a Isaia (Is 2,4). Th gi i ng th i c a chúng ta c tình yêu c u c a Thiên Chúa Cha khích l và m b o. Chúa Cha là ng “ ã sai Con Ngài n c u th gian” (1 Ga 4,14) cho th gian có “s s ng đ i dào” (Ga 10,10). Cu c i tho i c u này xu t phát t Thiên Chúa Cha n v i nhân lo i qua Chúa Con và quy n n ng Chúa Thánh Th n. Ch có m t cu c i tho i chân thành và tin t ng gi a m i thành ph n c a xã h i dân s m i có th t o nên m i hy v ng m i cho toàn th dân t c Vi t Nam.²⁴¹

3) nh H ng L ch S C a Nhân Lo i Trong Th i i Chúng Ta

Nhân lo i ã ch u ng quá nhi u các lo i chi n tranh: chi n tranh ý th c h và di t ch ng, chi n tranh th gi i, n i chi n và chi n tranh qu c gia, chi n tranh m máu gi a nh ng anh em cùng dòng máu, chi n tranh nóng v i bom h t nhân, chi n tranh l nh v i e do c a guyên t , chi n tranh kinh t , v.v...

Th t tuy t v i khi bi n k thù thành b n h u. M t bài hát Vi t Nam ca r ng: “K thù ta âu có ph i là ng i. Gi t ng i i thì ta v i ai? K thù ta, tên nó h n c m, tên nó là t hi m, tên nó là m t l ma.” Ta không th ti p t c cu c tàn sát c a chi n tranh. Nhân lo i ph i phá b xi ng xích b o l c và h n thù, và b t u cùng t n t i trong hoà bình và liên i, b ng i tho i và h p tác, b ng cách dùng m i nghiê n c u và m i ti n b xã h i và k thu t ph c v cho m tt ng lai t t ph n cho m i ng i.

²⁴¹ “The Church is Waiting for the Total Respect of its Autonomy” ..., *ibid.*

“Thế giới này của chúng ta có thể bị nếm: hoà bình là có thể, thậm chí nếu không có giao chiến và chiến tranh kéo dài.”²⁴² Lịch sử của chúng ta minh chứng thế giới có thể thay đổi (và phải thay đổi) bằng cách suy nghĩ và hành động, bằng những quyết định quan trọng về Thiên Chúa, về chính mình, về người khác và về thế giới, trong tình liên đới và yêu thương. Dù hoà giải các lập trường của các quốc gia thì có những mối thù xa xưa và những vấn đề trở ngại thì thật là khó,”²⁴³ nhưng “Thần Khí vẫn luôn dùng sự bất lực và yếu đuối của con người để thách thức tha nhân và hoà giải giữa các cá nhân, các gia đình và các cộng đồng.”²⁴⁴

4) Sự Bị Nếm Chuyền Nhảy Giữa Thiên Chúa và Các Mối Liên Hệ

Chúng ta phải suy nghĩ về quá khứ của lịch sử về niềm hy vọng: đó là sự bị nếm chuyền nhảy giữa Thiên Chúa và các mối liên hệ giữa Giáo Hội và Công Giáo, giữa Thiên Chúa và các mối quan tâm và liên hệ trong chính mình của chúng ta. Công giáo hiện nay, sự bị nếm chuyền nhảy diễn ra trên quan niệm về vai trò của Thông điệp Divini Redemptoris và Công Giáo Nghĩa Công Vô Thần,²⁴⁵ của Thiên Chúa và

²⁴² Gioan Phaolô II, “Message for First Easter of the Millennium” (Vatican City, April 15, 2001), Zenit.org/english, truy cập ngày 3-11-2004.

²⁴³ Gioan Phaolô II, *Le dialogue entre les cultures pour une civilisation de l'amour et de la paix* (Vatican, December 14, 2000), Zenit.org/english, truy cập ngày 25-1-2005.

²⁴⁴ “Statement of the seventh Bishops’ Institute for Interreligious Affairs on the Theology of Dialogue,” *in* *For All The People of Asia 1* (Quezon City: Claretian Publications 1997), tr. 311.

²⁴⁵ Pius XI, *Divini Redemptoris: On Atheistic Communism* (March 19, 1937).

1951 của các Giám Mục Đông Dương²⁴⁶ coi ch ngh a c ng s n nh là m i nguy hi m l n nh t c a th i i, hoàn toàn mâu thu n v i Công giáo, x u xa t b n ch t, nh ng ng i Công giáo tham gia ch ngh a c ng s n s b v tuy t thông; và i u này c l p l i trong Th M c V 1960 do các Giám Mục Miền Nam Vi t Nam,²⁴⁷ n tình th n i tho i và c ng tác c a Công ng Vaticanô II và s c ng tác lãnh m nh c a c Gioan Phaolô II.

V phía Ch Ngh a C ng S n, i u t ng t c ng di n ra, c bi t là v i nh ng chính sách perestroika và glasnost²⁴⁸ (canh tân và m ra công khai) c a Mikhail Gorbachev, c th c hi n Vi t Nam v i chính sách i M i c a Nguy n V n Linh, T ng Bí Th ng C ng S n; v i chuy n vi ng th m Vaticanô g n ây c a Phó Th T ng Vi t Nam, ông V Khoan, “nhân v t quan tr ng nh t c a Vi t Nam tr l i th m vi ng các ch c s c Rôma k t n m 1987.” Trong chuy n vi ng th m này, “hai bên ã ng ý v nhu c u t ng c ng h p tác gi a Giáo H i và Chính Ph , vì l i ích c a toàn xã h i Vi t Nam, bao g m c v n bình th ng hoá quan h ngo i giao.”²⁴⁹

b. Nh ng Tiêu Chí C a Cu c i Tho i Này

1) Khuy n Cáo C a c Gioan Phaolô II

²⁴⁶ *Pastoral Letter of Indochinese Bishops 1951*, Lavang.co.uk/TTMVLondon/GiaoHoiVietNam, truy c p ngày 25-12-2004.

²⁴⁷ H GMNVN, *Th M c V Mùa Chay 1960*.

²⁴⁸ Jay Rogers, “*The Downfall of Communism*,” [in forerunner.com/forerunner/X0658_Downfall_of_Communis.htm](http://forerunner.com/forerunner/X0658_Downfall_of_Communis.htm), truy c p ngày 25-1-2005.

²⁴⁹ “Historical Visit at Vatican of Vietnamese Vice-First Minister” (Vatican City, November 29, 2002), Zenit.org/english, truy c p ngày 25-1-2005.

c Giáo Hoàng Gioan Phaolô II ã c th hoá và b i c nh hoá nh ng nguyên t c ch o cho cu c i tho i này trong nh ng bài nói chuy n v i các Giám M c Vi t Nam.

Nh ng i u Ki n Tiên Quy t: c Tin M nh M , Hi p Nh t và Hi p Thông trong H i Thánh²⁵⁰

Trong bài nói chuy n vào ngày 17-6-1980, c Gioan Phaolô II ã nh c nh các Giám M c Vi t Nam v s v quan tr ng nh t là gi ng d y, b o v và nâng c tin c a ng bào mình. Ngài nói r ng cu c t i p xúc và i tho i v i nhà c m quy n dân s là cùng nhau tìm ki m l i ích c a t n c và H i Thánh t i Vi t Nam.²⁵¹

Trong bài nói chuy n ngày 11-12-1980, ngài nh n m nh n m i hi p nh t trong hàng giám m c nh là s b o m cho m i hi p nh t gi a các linh m c a ph n: hi p nh t v à hi p thông b ng lòng yêu m n và hành ng, b ng suy ngh và vi c làm trong H i Thánh là r t quan tr ng, b i vì th t phi lý là cu c i tho i trong lòng H i Thánh ôi khi còn khó kh n h n cu c i tho i v i bên ngoài. c Giáo Hoàng c mong r ng hàng Giám M c bi u l cho ng i khác th y các ngài yêu m n quê h ng n m c nào, và r ng tham d vào vi c th ng t i n t n c c ng là cách các ngài loan báo Tin M ng.²⁵²

²⁵⁰ Gioan Phaolô II, *Ecclesia in Asia...*, *ibid.*, s 25.

²⁵¹ Gioan Phaolô II, Speech to VBC, Vatican.va/holy_father/john_paul_ii/speeches/1980/june (Vatican, June 17, 1980), truy c p ngày 7-10-2004.

²⁵² Gioan Phaolô, Speech to VBC, Vatican.va/holy_father/john_paul_ii/speeches/1980/december (Vatican, December 11, 1980), truy c p ngày 7-10-2004.

Tôn Tr ng S c L p và T Qu n

Trong bài nói chuy n ngày 22-1-2002, c Gioan Phaolô II nh n m nh r ng “do nhi m v và th m quy n c a mình, H i Thánh không hoà mình, b ng b t c cách nào, vào c ng ng chính tr và không liên k t v i b t c h th ng chính tr nào”; r ng “c ng ng chính tr và H i Thánh c l p v i nhau và t qu n trong a h t c a m i bên;”²⁵³ “ c kêu g i v a chu toàn s v riêng bi t c a mình vì l i ích c a cùng m t dân t c, vì c ph c v c a c hai phía s còn h u hi u h n vì h còn th c hi n gi a h m t s c ng tác lành m nh.”²⁵⁴

Tôn Tr ng S Phát Tri n c a T Do Tôn Giáo

t i n hành “s c ng tác lành m nh” này, Giáo H i ch i n i c ng ng chính tr s tôn tr ng hoàn toàn tính c l p và t qu n c a Giáo H i. Chính s thi n vô giá là t do tôn giáo - c Công ng Vaticanô II, các Tuyên Ngôn và Công c Qu c T t thành v n - c ng c g i t i các cá nhân và các c ng ng tôn giáo. D a trên Tuyên Ngôn Dignitatis Humanae,²⁵⁵ c Giáo Hoàng miêu t chi ti t nh ng quy n t do tôn giáo i v i các cá nhân c ng nh c ng ng tôn giáo.²⁵⁶

²⁵³ “The Church is waiting for the Total Respect of its Autonomy ” (Vatican, January 22, 2002), Zenit.org/english, truy c p ngày 25-12-2004.

²⁵⁴ Vaticanô II, *Gaudium et Spes...*, ibid., s 76, c c Giáo Hoàng Gioan Phaolô II trích d n tron *Bài Nói Chuy n v i H GMVN* (22-1-2002).

²⁵⁵ Vaticanô II, *Dignitatis Humanae: Declaration on Religious Freedom* (December 7, 1965) in *Welcome to the Catholic Church*. CD-ROM. (Philippines: Harmony Media Inc.), s 4.

²⁵⁶ Gioan Phaolô II, “H i Thánh ch i s tôn tr ng hoàn toàn quy n T Qu n c a mình”..., ibid: “ i v i con ng i, t do tôn giáo b o m quy n tuyên x ng và th c hành tôn giáo c a mình mà không b c ng

Vi n nh M t T ng Lai T t p H n

V t ng lai c a Vi t Nam, c Gioan Phaolô II c mong r ng ng i tín h u ph i có kh n ng c h ng m t n n giáo d c kh d giúp h nên ch ng nhân trong i s ng xã h i, chính tr và kinh t , h có th “ m nhi m vai trò thu c v h trong i s ng và s v c a Dân Chúa, nh nh ng ch ng nhân c a Chúa Kitô, b t c n i âu mà h có th hi n di n;”²⁵⁷ r ng “m i thành ph n qu c gia u c liên k t nh m th ng ti n n v n minh tình th ng, t n n t ng trên nh ng giá tr ph quát là hoà bình, công lý, liên i và t do” và r ng c c y Kitô giáo làm phong phú nhi t tình tông và trao ban nh ng s c m nh m i công b Chúa Kitô, ng C u , Ngài ã n “ con ng i c s ng và s ng đ i dào” (Ga 10,10).

2) Thái C a Các Giám M c Vi t Nam

Trong Th M c V 1976, các Giám M c Vi t Nam nh n nh r ng cu c xung t gi a ni m tin Kitô giáo và h c thuy t Mác-xít là rõ ràng, nh ng ó không ph i là lý do nói r ng cu c i tho i và h p tác gi a nh ng ng i ph c v con ng i trong s m nh cá nhân và xã h i là không th di n ra. Và các ngài k t lu n

ép, quy n ón nh n m t n n giáo d c nh là i m kh i u các nguyên t c c tín c a mình, quy n i theo ng i tôn giáo và quy n a ra nh ng hành vi riêng t và công khai nh m đi n t m i liên h n i tâm n i k t h v i Thiên Chúa và anh em mình. i v i các c ng oàn tôn giáo, t do tôn giáo b o m nh ng quy n c n b n nh quy n t i u hành theo l i t tr ; quy n c hành mà không b gi i h n v i c th ph ng công khai; quy n công khai d y d c tín c a mình và bi u l b ng l i và b ng ch vi t; quy n nâng các thành viên trong vi c th c hành i s ng tôn giáo; quy n l a ch n, giáo d c, b nhi m và thuy n chuy n các ch c s c c a mình; quy n bày t s c m nh c bi t v h c thuy t xã h i c a mình; quy n xúc ti n nh ng sáng ki n trong các lãnh v c giáo d c, v n hoá, bác ái xã h i.”

²⁵⁷ Gioan Phaolô II, *Ecclesia in Asia...*, *ibid.*, s 45.

r ng c tin Kitô giáo không ph i là tr l c gây chia r ng i có tôn giáo và ng i không tôn giáo, c tin y c ng không ph i ch t ma túy em ng i Công giáo ra kh i th c t i tr n th . Trái l i, c tin d n chúng ta n v i con ng i và làm cho chúng ta có kh n ng ánh giá úng n các th c t i tr n th .²⁵⁸

V i lòng g n bó nh th v i cu c i tho i và h p tác, c nh ng khích l c a c Giáo Hoàng ng viên và soi sáng, các Giám M c Vi t Nam ã th ng th n trình lên các Nhà L p Pháp Vi t nam m t lá th ng nêu ra nh ng g i ý c a các ngài h ng n v i c xây d ng và phát tri n xã h i vì nhân v con ng i, nh là cùng ích c a b t c t ch c và c c u xã h i nào, theo ph m giá và các quy n c a h :

- Gi m thi u nh ng khi m khuy t xã h i hi n nay: tha hoá nhân v con ng i, h th ng b t công làm tha hoá con ng i, ví d c ch “xin cho” máy móc;
- Phát tri n các giá tr nhân b n làm cho con ng i tr nên nhân b n h n và s ng theo ph m giá con ng i c a mình, “nh là m t giá tr Tin M ng không th b khinh mi t m à không xúc ph m tr m tr ng n ng T o Hoá.”²⁵⁹ phát tri n nhân ph m con ng i, phát tri n xã h i và th ng ti n nhân v con ng i d a trên s th t, phát tri n tình liên i trong m i sinh ho t gia ình và xã h i, phát tri n nguyên t c

²⁵⁸ H GMNVN, *Th M c V 1976*, s 13.

²⁵⁹ Gioan Phaolô II, *Opening Address at the Puebla Conference* (January 28, 1979), III: Defender and Promotor of Human Dignity, in *Welcome to the Catholic Church CD-ROM*. Philippines: Harmony Media Inc.

phân quyền, phát triển nhân tính và lòng sùng kính công ích.”²⁶⁰

Ngoài ra, các Cha Chết Hierarchy Giám Mục Việt Nam cũng nói về Hierarchy Giám Mục Công Giáo Hoa Kỳ rằng vì c loãn báo Tin Mừng không tách rời sự sống thiêng liêng thì bất thể sự sống của cộng đồng. Đây là giáo huấn cốt lõi của các Giáo Phái II trong Ecclesia in Asia mà các Giám Mục Việt Nam đã đón nhận như là thách thức cho mình. Và ngài kết luận: “ hoàn thành sự sống yêu thương và phục vụ của Chúa Kitô tại Việt Nam, chúng tôi đang nỗ lực gia tăng nhân sự của huấn luyện không ngừng và thực hiện các giá trị truyền thống trong gia đình và xã hội.”²⁶¹

Và gần đây, Tuần Báo *France Catholique* cũng thu thập các phỏng vấn của Vietcatholic News về Hierarchy Y Giáo Phái Baotixita Phạm Minh Minh. Về câu hỏi tại sao các Giám Mục Việt Nam không dùng mô hình truyền giáo như những vị chính quyền, Hierarchy Y Mến trọng lời rao giảng Kitô hữu Việt Nam, trong cùng ngữ cảnh ngoài nước, có những thái khác nhau trong lãnh vực này. Về phía các Giám Mục, các ngài luôn khuyến khích Tin Mừng, nguồn ánh sáng, sự thiện và chân lý. Các ngài có trách nhiệm mang Tin Mừng đến cho dân chúng, mà các ngài phải yêu thương tất cả mọi người, bất kể họ là ai. Hierarchy Y Mến cũng nhắc tới các Giáo Phái II, về đã từng tuyên bố rằng con người duy nhất mà Hierarchy Thánh phải theo đuổi, cho dù thí nghiệm do hay gặp những khó khăn, là con người thiện hảo,

²⁶⁰ Hierarchy GMVN, “Open Letter to Legislative Leaders of Vietnam” (Hanoi, October 7-12, 2002), Vietcatholic.net, truy cập ngày 25-12-2004.

²⁶¹ Paul Nguyen van Hoa, *in Communion and Solidarity*, (Washington DC, November 2003), tr. 3.

con người của Vaticanô II. Nhờ thế, các Giám Mục không thể hành sự vì lợi ích mang tính hình thức, nhưng là thái độ sống đời.²⁶²

3) Sự Công Bằng Thông Qua FABC

Vì tình thế hiện tại và lòng cậy trông vào ân sủng Thiên Chúa, Liên Hội đồng Giám Mục Á Châu (FABC) tuyên bố rằng vì các lý do hiện tại và tương lai, sự sống đời giúp con người có khả năng tin vào tình yêu Thiên Chúa, dám mạo hiểm chịu đựng thử thách và hy sinh, thậm chí mất mát có vẻ tàn tạ; và giúp Chúa Kitô hoàn toàn khi thiếu mình ra không, bởi vì Chúa Thánh Thần hướng dẫn, “chúng ta có thể thành nên người của hy vọng xây dựng Nước Thiên Chúa.”²⁶³

c. Nguyên Lý của Thoải Thích Hợp với Nguyên Công Sơn

1) Nhìn Nhận Về Quy Định Dân Số

Không gì thoát khỏi khả năng quan phòng của Thiên Chúa, cho dù con người không thể hiểu được (Is 55,8). Quy định dân số “của Chúa trao ban và chính Ngài đặt ra” (Kn 6,3). Chính Chúa Giêsu đã trả lời Philatô rô: “Ngài không có quyền gì trên tôi, nếu Ngài ban cho ngài” (Ga 19,11); và Ngài nói với những người Phariseu: “Của Xêda, trả cho Xêda; của Thiên Chúa, trả cho Thiên Chúa” (Mt 22,21). Thánh Phêrô cũng dạy rằng (1 Pr 2,13-14).

²⁶² John Baptist Pham Minh Man, “Ecclesia Zenit: Vietnam,” in *France Catholique* 2978 (Mai 27, 2005), tr. 19.

²⁶³ “Statement of the Seventh Bishops’ Institute for Interreligious Affairs on the Theology of Dialogue,” in *For All the People of Asia* 1..., ibid., tr. 311.

Trong chi u h ng này, Chính Quy n và ng C ng S n là nh ng th c th không th ch i cãi, ã k t thuc chi n tranh và em l i hoà bình, th ng nh t và c l p cho toàn th t m Vi t Nam, cùng v i s óng góp c a toàn th dân chúng. Giáo H i Công Giáo và các Giáo H i thu c các tôn giáo khác c ng là nh ng th c th không th ch i cãi c, ph i c nhìn nh n và tôn tr ng. Ta ph i th ng th n th a nh n s nhìn nh n tích c c c a Hi n Pháp 1992 c a N c C ng Hoà Xã H i Ch Ngh a Vi t Nam và c mong r ng v i i tho i và cùng nhau làm vi c, Hi n Pháp s c em ra th c hi n:

Công dân có quy n t do tín ng ng và tôn giáo, theo ho c không theo m t tôn giáo nào. Các Tôn giáo u bình ng tr c pháp lu t. Nh ng n i th t c a các tín ng ng, tôn giáo c pháp lu t b o h . Không ai c xâm ph m t do tín ng ng, tôn giáo ho c l i d ng tín ng ng, tôn giáo làm trái pháp lu t và chính sách c a Nhà n c.²⁶⁴

Có chung cùng m t m c ích, các tôn giáo và c ng ng chính tr c “kêu g i hoàn thành s m nh riêng bi t c a mình vì l i ích c a dân t c, vì c ph c v c a h s h u hi u h n nhi u vì h s cùng nhau th c hi n m t s h p tác lành m nh.”²⁶⁵

2) **Bác B i Tho i M c Ý Th c H**

²⁶⁴ N c C ng Hoà Xã H i Ch Ngh a Vi t Nam, Hi n Pháp (Vi t Nam 1992) i u 70.

²⁶⁵ Vaticanô II, *Gaudium et Spes...*, ibid., s 76, c c Gioan Phaolô II trích d n trong *Bài Nói Chuy n v i H GMVN* (22-1- 2002).

T t h n là nên i tho i v i ng i c ng s n h n là ch ngh a c ng s n, v i con ng i h n là v i ý th c h , do có s khác bi t t n c n gi a Công Giáo v i ý th c h C ng S n. Ta ph i ch p nh n và tôn tr ng s khác bi t n i ng i khác; ón nh n cái tích c c và lo i b cái tiêu c c; cao và phát tri n nh ng giá tr c a m i phía. Ta không th ph nh n nh ng giá tr tích c c c a Ch Ngh a C ng S n trong k ho ch quan phòng c a Thiên Chúa i v i nhân lo i và i v i Dân Thiên Chúa.

Hãy th i gian và con ng i th nghi m các ý th c h . B t c h c thuy t nào không còn áp ng c nh ng khát v ng c a con ng i s b lo i b . ó là lý do c a s s p c a Ch Ngh a C ng S n sau m t th i gian th ng tr kéo dài g n m t th k . ó c ng là lý do b o c a nhi u Kitô h u trong th gi i phát tri n, các n c h u c ng s n ông Âu, th m chí trong các n c m i phát tri n thu c th gi i th ba.

ây là m t l i c nh báo nghiê m kh c thúc gi c Giáo H i có l a ch n u tiên cho ng i nghèo, ng i b áp b c, ng i b bóc l t và ng i b t ngoài l ; t t mình v phía nh ng ng i ói khát s th t, công lý, s kính tr ng, t do, hoà bình, nhân ph m con ng i, nhân ph m c a con cái Thiên Chúa, tình liên i và tình yêu; và t ó, h m h làm ch ng cho Thiên Chúa và N c Thiên Chúa, m t V ng Qu c bao g m t t c m i ng i.

3) i Tho i B ng Cu c S ng Và Hành ng V i Ng i C ng S n

“Cu c i tho i c b n nh t là cu c i tho i c a con tim và linh h n. Cu c i tho i này a t i i tho i v cu c

sống và hành động cùng nhau khốc liệt nhất mà xã hội.”²⁶⁶

Tiêu Việt Nam hôm nay, chúng tôi thích hợp với những ví dụ của Công Sơn là những Kitô giáo và những Kitô giáo Hành động:

- **Kitô giáo và văn hóa** xuyên ra ngoài những phạm vi sống trong tinh thần của mình và thân thiện, chia sẻ niềm vui và niềm tin, những nhân sinh và những niềm tin tâm của mình;²⁶⁷
- **Kitô giáo và hành động** chính trị của Kitô giáo và những Kitô giáo Sinh sản tác động phát triển toàn diện và vì cuộc giải phóng nhân loại.

Dựa trên các giáo huấn Tin Mừng của Công đồng Vaticanô II, về tinh thần của mình, những Kitô giáo, hòa giải và chấp nhận những khác biệt, các Giám mục Việt Nam đã nói trong Thông điệp 1980: “Là Hội Thánh trong lòng Dân tộc Việt Nam, chúng ta quy tâm gắn bó với văn minh Quốc gia, noi theo truyền thống Dân tộc, hòa mình vào cuộc sống hiện tại của đất nước.”²⁶⁸ Và trong Thông điệp 2001, các ngài viết: “yêu thương và phục vụ, trở lại ta phải tiếp tục những hành vi dân tộc, công minh, chia sẻ hy vọng và lo âu của dân tộc, trong tiến trình phát triển xã hội và thế giới.”²⁶⁹

²⁶⁶ “Dialogue between Faith and Cultures in Asia,” in *For All the Peoples of Asia 2* (Quezon City: The Claretian Publications, 1997), tr.25.

²⁶⁷ Gioan Phaolô II, *Ecclesia in Asia...*, ibid., s. 1.

²⁶⁸ H. GMVN, *Thông điệp 1980*, s. 9.

²⁶⁹ H. GMVN, *Thông điệp 2001*, s. 9.

4) **Đi Thiệp Mời Cách Làm Chứng Cho Tình Yêu Thiên Chúa**

Đi thiệp mời cá nhân công nhận đức tin, mời thành phần Giáo Hội Việt Nam làm chứng cho tình yêu Thiên Chúa và tình yêu gia đình và tình yêu tha nhân. Thái độ chính là một sự cảm nhận phá hủy khi gặp, nhưng Tình Yêu lại còn mạnh mẽ hơn: “Đức tin không nóng giận, không nuôi hận thù, không mừng khi thấy sự gian ác, nhưng vui khi thấy ý nghĩa chân thật. Đức tin không tự đắc, tin cậy người khác, hy vọng người khác, chứ không tự đắc” (1 Cr 13,5-7). Quả thật, “mối tình yêu mạnh mẽ hơn và tốt hơn mối tình yêu yếu đuối và sự ghen ghét vì lợi ích của tình yêu yếu... Nhưng đức tin của chúng ta mạnh mẽ, chúng ta sẽ không bỏ sự công lý của đức tin để chấp thuận.”²⁷⁰ Tình yêu sẽ biến đổi trong thế giới này, và hy vọng sẽ biến đổi ngay trong lòng Chúa Thánh Thần và gia đình người Công Giáo.

5) **Một Số Dữ Liệu Thống Kê**

Những con số thống kê năm 2003 cho biết: Giáo Hội địa phương Việt Nam có hai triệu linh mục giáo phận chia thành ba giáo phận, một triệu ở Bắc, một triệu ở Trung và một triệu ở Nam Việt Nam. 5.572.525 người Công giáo (6,69%) trong tổng dân số 79.347.431 người. Toàn thiên này của Thiên Chúa được thực hiện cho hai Hàng Y, 38 Giám Mục và Tổng Giám Mục, 2125 linh mục giáo phận, 432 linh mục dòng, và sự công tác của 1920 nam tu sĩ, 10337 nữ tu sĩ và 50272 giáo lý viên. Có 1085 chủng sinh đang theo học sáu chủng viện, 100 trong số 241 chủng sinh miễn trợ.

²⁷⁰ Antonio B. Lambino, “The Faith Dimension in Social -Political Involvement,” *in For Faith and Service* (Philippines, 1973-1982), tr. 103.

ã ch u ch c linh m c, và 1712 ch ng sinh còn trong danh sách ch
i.²⁷¹

d. Con ng Hy V ng ã c M Ra

Thiên Chúa luôn luôn úng. Ngài có th u n ng cong nên th ng và rút i u t t ra t i u x u. Bây gi ng i Công giáo có hi u bi t nhi u h n v ng i vô th n, ng i C ng S n và nh ng ng i theo các tôn giáo khác. Và chính quy n các c p c ng ã nh n ra s óng góp tích c c c a ng i Công giáo trong vi c ph c v xã h i, xây d ng t n c và oàn k t qu c gia. H n th n a, v i pháp l nh m i v tôn giáo, ban hành ngày 18-6-2004 và có hi u l c t ngày 15-11-2004,²⁷² (g m sáu ch ng và 41 i u), tình tr ng c a các tôn giáo t i Vi t Nam d n d n tr n ên t th n. Không ai có th ph nh n r ng, qua cu c i tho i b ng cu c s ng, b ng hành ng, và b ng vi c làm ch ng cho tình yêu Thiên Chúa, trong t n c, có nhi u i thay tích c c và nh ng bi n i t th n trong nhi u ph m vi, và m t s ng i c ng s n tr l i Công giáo, ít nh t là b ng con ng hôn nhân.

Con ng Hy V ng ã c m ra. Các linh m c t ng lai ph i ti p t c và th c hi n nh ng n l c c a nh ng ng i t i n nhi m, trong tình liên i và h p tác v i ng bào, trong Cách Th c H i n Di n M i c a H i Thánh t i Á Châu, v i b n cu c i tho i: i tho i v i các tôn giáo khác, v i các n n v n hoá, v i ng i nghèo và v i ng i c ng s n. Các ngài s cùng làm vi c v i ng i

²⁷¹ The Episcopal Conference of Vietnam, *Communion and Solidarity*..., ibid., tr. 5-6.

²⁷² “New Ordinance on Religion Shows Government Changing to More Open Stance” (Ho Chi Minh City, September 7, 2004), Ucanews.com/archives/english, truy c p ngày 19-3-2005.

khác xây dựng thành trì di sản, nhưng không bao giờ ảnh hưởng đến nền văn hóa dân tộc trên trái đất.

Vì tình yêu Thiên Chúa và vì tác động của Chúa Thánh Thần, chúng ta trông mong có một tương lai tốt đẹp hơn cho nước Việt Nam và Hội Thánh tại Việt Nam: “Mỗi thành phần trong quốc gia đều liên kết với nhau bằng tình thân ái và lòng tin tưởng, công lý, liên đới và tơn giáo.”²⁷³

Mới đây, chính quyền Việt Nam và các nhà lãnh đạo Hội Thánh Công giáo đã phụng dưỡng lòng biết ơn đóng góp của Giáo hoàng Phaolô II đối với việc cải thiện tình hình quan hệ Vaticanô – Việt Nam và bày tỏ hy vọng rằng sự tin cậy còn tiếp tục. Các phái đoàn Vaticanô đã tiến hành 12 cuộc đàm phán làm việc chính thức với các quan chức Việt Nam kể từ cuộc gặp mặt năm 1989, và điều này đã giúp ích cho Giáo Hội địa phương và nước. Việt tinh thần thiện chí trong đàm phán và một thái độ tôn trọng lẫn nhau, hai bên có thể đạt được những thành quả tích cực, hy vọng rằng chính quyền Việt Nam và Tòa Thánh sẽ thiết lập quan hệ ngoại giao trong tương lai gần.²⁷⁴

²⁷³ “The Church is waiting for the Total Respect of its Autonomy”..., *ibid.*

²⁷⁴ “Government, Church Leaders Recognize Pope's Contributions to Vatican-Vietnam Relations” (Hanoi, April 8, 2005), Ucanews.com/archives/english, truy cập ngày 27-7-2005.

CHƯƠNG VIII

GIAI O N TI N CH NG VI N TH NG TI N, TH M TRA VÀ ÓN NH N

A. C ng Tác H u Hi u C p Giáo Ph n

1. Giai o n Chu n B Các ng Sinh Gia Nh p Ch ng vi n

Vì c ào t o linh m c, c bi t là ào t o v m t thiêng liêng, là i u ki n thi t y u các ng sinh có th c ch p nh n vào ch ng vi n. ào t o toàn đi n òi h i ch ng sinh tr ng thành v nhân cách, tri th c và hi u bi t, c ng nh tr ng thành v i s ng thiêng liêng n a. Vì th , Thánh b Giáo đ c Công giáo ngh : “Trong giai o n chu n b gia nh p Ch ng vi n, c n l u tâm tr c nh t n ào t o v m t thiêng liêng.”²⁷⁵

Giai o n chu n b này có th th c hi n tr c và m t n i nào ó ngoài ch ng vi n. Do ó, U Ban ng i Giáo ph n c n ph i n ng ng và tiên phong. U Ban này không nh ng thông báo cho các thanh niên thích h p cho ch c linh m c bi t i u này, mà còn khuy n khích các linh m c Giáo ph n quan tâm h n t i các thanh niên c k là nh ng ng sinh thích h p.

²⁷⁵ CCE, *Spiritual Formation in Seminaries* ..., *ibid.*, p. 24

U Ban n g i c n ón nh n, nuôi d ãng và vun tr ãng n g i kh đ c a các thanh niên này. y ban ph i cung c p cho h các ch ãng trình giúp h phân nh n g i c a mình. U Ban này c ãng ph i nh n nh, ánh giá và tuy n ch n các thanh niên xem ra x ãng áng là ãng viên cho ch c linh m c.

Vi c nh n nh và ánh giá bao g m: i s ãng c u nguy n, th c hành c tin, thái c a ãng sinh i v i gi i tính và s c thân,²⁷⁶ trình v n hoá và phát tri n nh c ách n a. C ãng c n tìm hi u xem ãng sinh có b m c ãng n tr giáo lu t nào không.

a. Cam K t Kh i u C a ãng Sinh

Lai l ch c a t ãng ãng sinh là c n thi t và h u ích bi t rõ h n m i quan tâm duy nh t c a anh. ãng sinh s c yêu c u vi t m t b n t thu t và tr l i cho b n câu h i “**T V n ti n t i ch c linh m c**”²⁷⁷ liên quan t i nh ãng i u ki n bên ngoài, nh ãng i u ki n t nhiên, và nh ãng i u ki n thiêng liêng. Hai đ li u (b n t thu t và b n tr l i) trên s là nh ãng thông tin r t quan tr ãng giúp ích cho U Ban n G i và cho các nhà ào t o. B i vì trong xã h i ngày nay có nhi u th l a l c và gian l n,²⁷⁸ nên th t là th n tr ãng khi yêu c u ãng i thanh niên cam oan nh ãng i u anh ta nói ra là úng v i s th t. Anh ta c ãng nên bi t r ãng vi c xuyê n t c s th t s thành

²⁷⁶ CCE, A guide to Formation in Priestly Celibacy (Rome, 1974), pp.7-75

²⁷⁷ Xem ph l c A : B n Câu H i T V n.

²⁷⁸ “Honesty in Seminary Admission Exams despite Government Restriction on Numbers” ... ibid.

c b t ch i ho c sa th i.²⁷⁹ i u này nh n m nh r ng vi c anh cam k t là m t trong b n y ut c n thi t c u thành n kêu g i c a anh (ng i, c mu n, cam k t và s v).

b. D Ki n Cá Nhân C a ng Sinh

Các ng sinh s c ph ng v n v các lãnh v c: quá trình gia ình và cá nhân, trình v n hoá, s c kho , i s ng c tín, cách s ng, tính đ c và các m i liên h , quan ni m xã h i, kinh nghi m v lãnh o và quy n l c, phân nh n g i và quá trình làm vi c. H c ng s c yêu c u tr i qua m t cu c ki m tra s c kho t ng quát và tr c nghi m tâm lý.

i v i m t s ng i, m t th i gian ch a kh i b nh và tham v n tâm lý là c n thi t, tr c khi c nh n vào Ch ng vi n.²⁸⁰ Lãnh v c i s ng tình c m c ng c n c kh o sát và ch a lành, vì nó có th là nguyên nhân t o nên nh ng quanh co tâm lý, có khi kéo dài su t c cu c i. Nh ng gánh n ng n i tâm c ng c n c quan tâm ng sinh có th tháo g và gi i quy t chúng, nh s giúp c a v linh h ng.²⁸¹

Nh ng v c v n khác có th giúp t c m t hi u bi t t th n v các ng sinh, trong b i c nh v n hoá và nhân cách c a h . Ng i c trao trách nhi m nh n nh n g i c ng nên t i gia ình ng sinh th m h i qua ó n m b t c m t khía c nh khác trong chính hoàn c nh riêng c a h . V này c ng có th n th m n i , n i làm vi c, hay t i giáo

²⁷⁹ Ibid.

²⁸⁰ Kathy Bryant, “The Screening Process for the Archdiocese of Los Angeles,” Zenit.org/english, truy c p ngày 7.10.2004.

²⁸¹ FABC– Paper No. 92d-7th Plenary Assembly, Workshop Discussion, Appendix II : *Spiritual Direction, Emphasis on an Asian Approach*, Ucanews.com/archives, truy c p ngày 7.10.2004.

x mà ng sinh ang giúp xem các ho t ng, thái ng x , các m i liên h và s t ng tác... c a h th nào. N u ng sinh ã gia nh p vào m t dòng tu hay ch ng vi n nào ó, thì U Ban n G i nên vi t th t i các c s ó xin h cho bi t thêm thông tin l ng nh v ng sinh y. M t cu c vi ng th m nh th th ng r t hi u qu .

c. S D n Thân Không Th Thi u C a Giám M c Giáo Ph n

V i di n th nh t c a Chúa Kitô trong vi c ào t o linh m c chính là Giám M c giáo ph n. Vi c Ngài g i m t ng sinh c coi là d u ch ích th c ti ng g i bên trong c a Chúa Thánh Th n. Ngài c ng hi n m t óng góp n n t ng trong vi c ào t o linh m c: giúp c ng ng ch ng vi n, th m tra và khích l các ng sinh.²⁸²

Th t v y, khi m t thanh niên nam liên h v i m t Giáo ph n v ng i c a mình, thì c ng sinh l n v i di n Giáo ph n cùng tìm ki m m t i u duy nh t, ó là: phân nh ý Chúa và th c thi ý Ngài. T ây, m t m i t ng quan tín nhi m gi a hai bên s c thi t l p: m i ng i tin c y nhau cách t do và chân th t. phân nh c th t t t, c hai u c n nh ng thông tin thích áng mà hai bên có c .

Nh ng ch Giám M c m i nên ti m ti n th m v n ng viên kh d anh vén m cho bi t nh ng n i th m kín c a anh. Ngài s th ng xuyên g p t ng ng viên bi t thêm nh ng thông tin liên quan t i ng viên ó. Nh th , ngài s

²⁸² John Paul II, *Pastores Dabo Vobis*, no. 65

h p tác ch t ch v i t ng ng sinh b ng cách giúp anh chu toàn trách nhi m mình c ào t o t t cho tác v linh m c tr c khi c th phong. Th t v y, “Ch ng vì n là con ng i trong m t Giám M c, b i vì qua ch ng vì n Giám M c th y c t ng lai c a Giáo H i.”²⁸³

Ngày t u, v i di n Giáo ph n nên gi i thích cho ng sinh kh đ ó bi t r ng có n g i ngh a là c kêu gi b i chính Thiên Chúa. ng sinh s c khích l ch p nh n t t c nh ng gì Chúa mu n, và ch a c lòng mình ngh t i vi c ch u ch c, cho n khi rõ ràng r ng Chúa qu th t kêu gi anh lên ch c linh m c. Vi c này c n m t c ng tác c i m và m nh m gi a t ng Giáo ph n v i i Ch ng Vi n, ngõ h u các linh m c t ng lai c ào t o cách h u hi u.

B. ánh Giá Và Thanh L c Nh n Vào Ch ng Vi n

a. Hoàn C nh Gia ình²⁸⁴

“B n ph n nuôi d ng n g i thu c v toàn th c ng ng kitô h u.... Nh ng óng góp l n nh t thu c v gia ình, c kích ho t nh tinh th n c tin, c ái và lòng o c... Gia ình c k nh ch ng vì n u tiên.”²⁸⁵

T i Vi t Nam, gia ình có nh h ng r t l n t i nhân cách c a m i con ng i, nh h ng t i vi c i theo và th c

²⁸³ “Vocation Crisis: Often the Result of the Weakening of Faith” (Vatican City, March 4, 2002), Zenit. Org/english, truy c p ngày 7.10.2004.

²⁸⁴ FABC – Paper No. 92d, 7 th Plenary Assembly, Workshop Discussion, Appendix I. 1 : *Pre-Seminary Preparation*, Ucanews.com/archives, truy c p ngày 7.10.2004.

²⁸⁵ Vatican II, *Optatam Totius* ..., ibid., no. 2

hành m t tôn giáo hay m t n g i. Ng i Vi t Nam r t cao giá tr c a gia ình, vì gia ình nh m t th gi i thu nh bao g m 3 th h : ông bà, cha m và con cái. M c dù có nh ng cách bi t gi a các th h nh ng các thành viên trong cùng m t gia ình v n luôn có m t tình c m sâu s c g n bó v i nhau.

Gia ình óng vai trò tr l c r t quan tr ng giúp cho ng viên ngày m t tr ng thành h n. Có nhi u nhân t giúp anh l n lên: M i liên h m t thi t v i cha m nâng cao c n tính nhân v c a anh. M i t ng quan lành m nh v i nh ng ng i khác phái trong gia ình và nh ng ng i h hàng s giúp ng viên ý th c h n v tính đ c c a mình, h u phát tri n các m i t ng quan xã h i c a chính anh. i u ó cung ng cho anh m t s n nh tình c m c n ph i có cho i s ng linh m c. Nh ng ho t ng trong và ngoài gia ình thách th c ng sinh v t qua nh ng cái mình thích hay không thích, và làm cho i s ng tông t ng lai c a anh tr thành m t th c t , ch không ch là m t m m ng c a tu i tr .

Vi c c u nguy n và chia s ni m tin trong gia ình giúp ng sinh âm r sâu trong i s ng thiêng liêng. Là ch ng ví n u tiên, gia ình gi vai trò sinh t trong vì c ào t o ch ng sinh. Cu c h p hàng n m c a i di n các gia ình ch ng sinh nh n m nh n t m quan tr ng và s óng góp tích c c c a gia ình i v i ch ng ví n.²⁸⁶

b. S c Kho Th Lý Và Tâm Lý

Nhi u y u t liên quan t i ng sinh c n c xem xét: ó là s c kh e th lý và tâm lý. S c kho là m t v n ph c t p trong nhi u ph ng di n c a m t con ng i. ó có th là

²⁸⁶ Orlando B. Quevedo, *Gathered Around Jesus ...* *ibid.*, tr. 181

m t t ng tác gi a nh ng y u t th lý, tâm lý và tình c m c a con ng i, k c “nh ng khi m khuy t di truy n có th .”²⁸⁷ Nh ng b nh tâm lý có th cho th y nh ng xung t mãnh li t bên trong con ng i. C n b nh c n c ánh giá và ch a tr . Xung t tâm lý c n c l ng giá và gi i quy t nh các ph ng ti n tâm lý và phân nh thiêng liêng.

ng sinh ph i có kh n ng tri th c thích áng, có thói quen h c h i t t và m t ng l c m nh m i v i các môn h c trong ch ng vi n, vì n u lúc nào c ng ph i i phó v i vi c h c thì vi c ào t o thiêng liêng s b gi i h n và không hi u q a.²⁸⁸ Vì l ó, t t c m i ng sinh u ph i ki m tra s c kho và nh ng ai b phát hi n mang b nh siêu vi gan B, b nh ph i hay b nh hen suy n thì không c nh n vào ch ng vi n, vì các ch ng sinh ó s s m b bê vi c h c do b nh ho n.²⁸⁹ Kh n ng tri th c c ng có th b nh h ng do hoàn c nh s ng c a gia ình, nh ng m i quan h xã h i, s n nh tình c m, tr ng thái bu n r u, vv...

c. i S ng Thiêng Liêng Và Luân Lý

C n b n i s ng Kitô giáo là trách nhi m và m i quan tâm c a c ng sinh l n v i dĩ n Giáo ph n. C m t “c n b n i s ng Kitô giáo” nh c ta n nhu c u c a i s ng c u nguy n, s quen thu c v i Kinh Thánh, i s ng bí tích n ng

²⁸⁷ Vatican II, *Optatam Totius* ..., *ibid.*, no.6.

²⁸⁸ Venancio S. Calpotura, “Discernment of Motives: the Foundation of Seminary Formation,” in *the Road to Emmaus: A Journal on the Formation Ministry*, tr. 9-10

²⁸⁹ “Government Allows Record Recruitment for Ha Noi Seminary” (Ha Noi, July 14, 2004), Ucanews.com/english/archives, truy c p ngày 29.7.2005.

m nh i v i quy n bính và kh n ng lãnh o? V i di n Giáo ph n c ng nên xem xét ng sinh ch p nh n, i phó và liên h v i th c t th nào.²⁹⁰ Li u ng sinh có phán oán t t, có l ng tri, h t tâm trí vào công vi c và óc hài h c không ?

Vì vi c linh h ng là v n thu c tòa trong, cha linh h ng không c yêu c u ánh giá hay b t ng sinh. Vi c nh n nh n g i trong giai o n này là m t y u t quan tr ng i t i quy t nh cho ng sinh vào ch ng vi n hay không. Nh ng vi c quy t nh còn đ a trên nhi u y u t khác n a. Tuy nhiên, v i di n Giáo ph n c n ti p t c h p tác v i ban giám c ch ng vi n cho n khi t t i m t quy t nh thích h p.

C. Phân nh n G i

a. Hai Y u T Giúp Nh n nh n G i

1) Ý ngay lành

Tr c h t là “*ý ngay lành*” và ý ngay lành này ph i qui chi u vào l ch s n kêu g i c a Chúa trong cu c i c a m i ng i. Ý ngay lành này có th c rõ nét đ n đ n qua c u trúc:

- Kh i u là l i kêu g i c a Chúa;
- L i áp tr ti ng Chúa;
- Cam k t i theo chính c Kitô;
- S bi n i nhân cách c a ng sinh cho i s ng siêu vi t c th c hi n nh Chúa Thánh Th n;

²⁹⁰ Edward Carter, *Spirituality for Modern Man* (Notre Dame, Indiana: Fides Publishers, Inc., 1971), p. 182

- Cuộc cùng là thi hành sự sống : hiện thân phước và tha nhân.

2) **ng L c Thúc ý Ý H ng**

Thần là “ng l c thúc ý ng sinh th ng t n tr thành linh m c ph c v Dân Chúa.” Xem xét ng l c thúc ý ý h ng này giúp chúng ta n m rõ n i dung và s c n ng ng trong ý h ng c a ng sinh mu n t n lên ch c linh m c:

- *Ý h ng cam k t, ng l c lý t* ng khi n ng sinh có kh n ng áp l i t n g Chúa g i, nh hoa qu c a Chúa Thánh Th n trong cu c i anh;
- *Ý h ng ph n v c n m t s* phân nh c n th n gi a s s n sàng b mình và s ch tìm ki n toàn chính mình;
- *Ý h ng a v* tìm th ng t n b n thân che l p s b t n c n b n trong i s ng ho c *Ý h ng tr n thóat* nh m tìm ki m s che ch t cu c s ng tu trì. Nh ng ng sinh có nh ng ý h ng th này th ng không có n g i ích th c, b i vì h thi u tr ng thành nhân cách và s d dàng t b ho c ph n b i s v c n b n c a mình. Chúng ta nên khéo léo khuyên h tìm m t ng s ng n i nào khác thì t h n.

b. Cam K t T Bi n i Và Cam K t Cho S V

Chúng ta c n ph i ý th c v nhi u nhân t trong ng l c ng i c a ng sinh và phân tích nh ng ng l i anh đ n thân ph c v tha nhân, bao g m c vì c anh trung thành v i l i cam k t, ng a là trách nhi m c a anh. M t nhà phân nh bén nh y có th tr c giác ngay c ý mu n ph c v tha nhân c a ng sinh nh th nào. N u ng sinh có ý h ng a v (linh

m c là ng i luôn c tôn ph c, kính tr ng và có a v quan tr ng trong xã h i) là ng c u tiên trong vì c tìm ki m ch c Linh m c, thì hãy khéo léo khuyên anh nên tìm m t l i s ng khác.

Nhi m v c a v i di n Giáo ph n v i s ng ng i c a ng sinh th t là r ng l n và quan tr ng. Ngài c n giúp ng sinh ý th c rõ nhi u ng l c ang có m t n i anh, ng th i giúp anh th y c s xung kh c nhau gi a các ng l c y. ng l c nào phù h p v i ch c linh m c se c dùng th ng ti n ng s . ng l c nào không phù h p v i ch c linh m c ph i lo i b hay bi n i. N u không làm c nh v y, ng s s c m i ra i.

CHƯƠNG IX

**GIẢI O N CH NG VI N
ÀO T O VÀ T ÀO T O THIÊN LIÊNG**

A. Chương Trình Tổng Quát Trong Tiến Trình Đào Tạo Cử Nhân Công Nghệ Vi N.

Hu h t các i Ch ng Vi n t i Vi t Nam u chia ch ng trình ào t o ch ng vi n làm hai giai o n. Tr c tiên là giai o n tri t h c, giai o n này kéo dài 2 n m ho c 3 n m tu theo m i ch ng vi n. Cu i giai o n tri t h c, ch ng sinh c ánh giá có th c g i i th c t p m c v t i m i giáo ph n.

Ti p theo là giai o n th n h c, giai o n này c ng c chia làm hai n a. Sau hai n m u giai o n th n h c, ch ng sinh có th c g i t i m t giáo x trong vòng m t n m có c nhi u kinh nghi m m c v c a Linh m c. Vi c phân chia th i gian nh th này thu n ti n cho ba cu c nh n nh quan tr ng v ch ng sinh. Nh n nh th nh t x y ra sau hai n m u giai o n th n h c. Nh n nh th hai x y ra sau khi ã i th c t p m c v (n m giúp x) tr v . Và nh n nh th ba s x y ra trong hai n m ti p theo c a giai o n th n h c chu n b lãnh ch c linh m c.²⁹¹

²⁹¹ Xem Ph l c A: ánh Giá và T ánh Giá.

Vì c ào t o thiêng liêng nh m n con ng i toàn di n và làm cho ng i linh m c t ng lai có th t t i s tr ng thành nhân b n, tr ng thành trong i s ng kitô giáo và tr ng thành trong i s ng linh m c. Vì th , ch ng sinh ph i c ào luy n v i i s ng th nh c kiên v ng, tinh th n c u nguy n, tinh th n kh ch , c vâng l i ích th c và tr ng thành, tinh th n khó nghèo Phúc âm và khi t t nh vì N c Tr i. Ch ng sinh c ng ph i h c và th c hành nh ng nhân c nhân b n và xã h i v n c dân chúng ng ng v ng và c ái òi h i, ch ng h n: lòng thành th t, ý ni m v c công b ng, trung thành gi l i h a, l ch thi p và tín c n, tinh th n ph c v và d n thân, kh n ng làm vi c chung, có trách nhi m, v.v...

Ng i ta nh n m nh n s t ng tác gi a vi c ào t o nhân b n và ào t o thiêng liêng. Vì c ào t o nhân b n cho ng sinh c b t u v i s tr giúp c a gia ình và x o tr c khi anh vào Ch ng vi n. Vì c ào t o nhân b n không ch em l i l ích cho ng sinh trong th i gian h c t i ch ng vi n mà còn có m t nh h ng sâu xa n s v t ng lai c a anh n a. Nó tùy thu c ph n l n vào s tr ng thành, s quân bình tâm lý và s c m nh c a ý chí c a ng sinh. Vì th , vi c ào t o nhân b n luôn ph i hòa quy n v i ào t o thiêng liêng.

B. ào T o Thiêng Liêng

1. Chu n M c C a ào T o Thiêng Liêng.

Vì c ào t o thiêng liêng thích h p nh m giúp các linh m c t ng lai tái khám phá c n tính c a mình, t “b th ” n tham gia, t ng i rao gi ng c i n n ng i mang trong mình các m u nhi m, t ki u cách n c n s v h p tác, t linh o an vi n n linh o s ng thánh gi a tr n th , t

việc cứu giúp các linh hồn và việc giải thoát con người,²⁹² tất cả mọi người.

a. Công Vụ Cá Nhân

Linh mục của chúng sinh triu mang chi u kích Chúa Ba Ngôi và lý Chúa Kitô làm trung tâm, gắn bó cá nhân với Ngài, và hoạt động và chiêm niệm, cam kết sống vì cứu người mà Thánh Thể là trung tâm chính, noi gương các Maria, canh tân chính sống nội tâm và bên ngoài mình, sống kết quả, sống sống, sống quân bình nhân cách (thiên thiêng, tâm lý và giải trí).

b. Công Vụ Giáo Hội Và Truyền Giáo

Linh mục của linh mục triu mang đức tính: giáo hội, mục vụ và tông đồ, tinh thần hiệp thông, tập thể tính linh mục, năng lực và giáo huấn của Hội Thánh, sẵn sàng áp dụng các đức tính để đi tác động của Chúa, lãnh đạo noi theo thập giá, thảnh thơi và truyền giáo, liên đới với người nghèo hèn bé nhỏ, giải thoát và các nhân văn hoá, với những niềm tin khác, với những người không tin, với người vô thần và cộng đồng, thảnh thơi công bằng xã hội, hoà bình, quý trọng con người, với niềm tình thương và sự sống, mở ra với thế giới những không thu hẹp thảnh thơi.²⁹³

C. Việc Linh Mục

²⁹² Donald B. Cozzens, *The Changing Face of the Priesthood: A Reflection on the Priest's Crisis of Soul* (Collêville, Minnesota: The Liturgical Press, 2000), pp. 6-8

²⁹³ Orlando B. Quevedo, *Gathered Around Jesus ...*, *ibid.*, pp. 197-198

1. **nh Ngh a**

Linh h ng là m t công tác m c v c bi t nh m giúp ch ng sinh l n lên trong t ng quan v i Chúa Cha, c i m áp l i Chúa Kitô và s n sàng Chúa Thánh Th n h ng d n, ngõ h u bi t phân nh ng i c a mình và chu n b cho s v linh m c trong Giáo H i.²⁹⁴

- Linh h ng là m t ti n trình tr ng thành liên nhâ n v , qua ó ti ng g i c a Chúa c l ng nghe và áp l i trong c tin.
- Linh h ng nh m nuôi d ng m t con tim phân nh can m ang tìm khám phá t c ý Chúa.
- Linh h ng tr c h t liên h v i s tr ng thành toàn dĩ n trong c tin, trong khi i m t k p th i v i các v n và kh ng ho ng. Nói cách khác, vì c linh h ng kích thích c tin phát tri n.
- Vì c linh h ng s h u hi u khi s tr ng thành c bi u l rõ nét trong s gia t ng tình th ng, lòng trung thành và s ch m sóc y trách nhi m.
- Vì c linh h ng cung c p m t b u khí yêu th ng vô i u ki n. Môi tr ng này r p khuôn v i b u khí c u nguy n. Tiên vàn ó là công vi c c a Chúa Thánh Th n, và v linh h ng ph i h c bi t làm cho d dàng, ch không c n tr ho t ng c a n thánh.
- Dù có tính cách liên nhâ n v , vì c linh h ng mang chi u kích c ng ng và Giáo H i r t cao. Nó nuôi d ng vi n nh toàn c u và cánh chung, n i t i l n siêu vi t.

2. **Nh ng Nguyên T c Chung**

²⁹⁴ *Program of Spiritual Formation* (Menlo Park, California: St. Patrick's Seminary, 1996), p.13

- Việc linh hướng thường nhằm những mục đích sau:
- Giúp chúng sinh biết sống tận tâm quan tâm thì tốt vì Chúa;
 - Giúp chúng sinh biết trực tiếp tham dự vào Chúa và lắng nghe những gì Ngài chỉ dạy;
 - Giúp chúng sinh sống thân mật vì Chúa và biết tìm kiếm sự sống của Ngài;
 - Giúp chúng sinh biết nhận ra và biết sống những kinh nghiệm thật trong tâm quan tâm vì Thiên Chúa: kinh nghiệm sống đời sống vì việc linh hướng cũng giống như thể chấp nhận việc sống của chúng;
 - Giúp chúng sinh biết lưu tâm mà đáp lại tình Chúa mà ngày càng sống thân mật vì Ngài hơn, và sống những hậu quả của mối quan hệ;
 - Giúp chúng sinh biết luôn tự mình trở về Chúa bằng cách sống đời sống và sự sống của mình;
 - Giúp chúng sinh ý thức trách nhiệm của mình duy trì và phát huy trong ánh sáng của Chúa Thánh Thần, vốn là linh hướng đích thực;
 - Giúp chúng sinh tìm kiếm con đường mà Chúa mời gọi, chính là phù hợp ý Chúa, vì ý thức và tận dụng tâm.²⁹⁵

Chúng ta nhận ra rằng những người hướng dẫn phải biết sống trong mối quan hệ. Những tài liệu luận phải đáp ứng các nhu cầu của người hướng dẫn. Một chương trình đào tạo tốt nhất phải giúp người sinh viên nhận ra những nhu cầu của họ, trong sự tôn trọng sự linh mục trong

²⁹⁵ Judette A. Gallares, "Lectures on Perspectives for Spiritual Direction and Discernment"

Giáo Hội. Vì thế, một bản câu hỏi gợi ý²⁹⁶ của ngành nghề mà một chủng tộc thuộc họ trong các lĩnh vực.

3. Ba Vấn đề Chính và Quy tắc

Trong giai đoạn đầu tiên của Chiến tranh Việt Nam, ngành sinh viên giúp ý thức và làm thế nào trở lại với bản sắc bản mang tính quy tắc như một người học để thoát khỏi cho cuộc chiến. Nhưng bản này không có “giới quy tắc,” chúng sẽ như những cách khác nhau của anh, mà họ quyết là một kỹ thuật học:

- **Biết Mình**

Tự biết mình là yếu tố quan trọng của sinh viên trở thành. Sau những năm học ở trường, có lẽ sinh viên hiểu về mình là ai, vị trí của họ trong xã hội và những gì họ muốn. Nhưng không có những thứ rõ ràng về mình này, sinh viên có khuynh hướng tự cao về mình bằng sự phòng vệ. Sự kiên quyết của sinh viên không trở lại với chính mình biết mình là ai, gì thích thì sao có quá nhiều không trở thành hay tác động giá trị của các kỹ thuật, ngay cả với các lĩnh vực mà họ chọn.

- **Vấn đề Thân Thể và Tính Đức**

Là sinh viên tốt nghiệp ở trường, nhiều sinh viên có thể đã có những yêu cầu trong thời gian học ở trường; vấn đề thân thể và tính đức trở nên có thể. Chiến tranh sẽ xây dựng một lối sống khác nhau về cách hiểu các lợi ích quy tắc cho những chiến lược của họ. Chiến tranh sẽ khiến họ trở lại với tự do. Họ phải học và làm việc và tham gia vào các chiến lược này, liên quan đến tình hình của họ. Nhưng

²⁹⁶ Xem Phụ lục A: Bản Câu Hỏi Gợi Ý Thức.

a h t này không c tr c di n và gi i quy t, nh ng v t l n này s tr l i v i h , ngay c sau khi ã th phong linh m c. Giáo H i mu n tránh i u ó, nh ng ti n trình khó kh n y c n có th i gian và nh ng c g ng chân thành. Trong “Truy n Ki u,”²⁹⁷ Nguy n Du di n t “đ u lia ngó ý còn v ng t lòng,” ngh a là “tuy ã chia tay, s g n bó đ u đàng v n còn.”

• Quy n Bính

Quy n bính qu là m t c n cám đ , c bi t trong b i c nh v n hoá t p trung quy n bính c a Vi t Nam, do nh h ng c a Kh ng Giáo và quy n bính ph m tr t c a o Công giáo. Th t là ích l i cho các ch ng sinh khi c i m t v i nh ng g ng m t quy n bính khác nhau, nh ó h có c h i xác nh và i u khi n t do c a mình, h u làm phát tri n m t thái lành m nh i v i quy n bính. Kh n ng t o th quân bình gi a ph c tùng và t l p n m chính c vâng l i. Vi c linh h ng ph i giúp ch ng sinh bi t nh n ra, i di n và gi i quy t các v n này, h u tránh c các v n v quy n bính có th n ra sau này, gây nên các m i liên h c ng th ng v i Giám m c và giáo dân. Ngoài ra, ng i ta c ng mu n v t th ng ba lo i tùng ph c (quy n ph c, lý ph c và tâm ph c). S kính tr ng thái quá i v i các linh m c và ch ng sinh c a giáo dân Vi t Nam có th gây c cho h tr nên c tài và quan liêu, hách đ ch.

4. ánh Giá ng L c N i Tâm

V linh h ng s giúp ch ng sinh phân tích và ánh giá hai y u t này:

a. Tính H p Đ n C a n G i

²⁹⁷ C tác gi và tác ph m u r t danh ti ng Vi t Nam, và dân chúng nh thu c lòng r t nhi u.

Thiên Chúa có thể nói gián tiếp về việc chúng sinh qua Kinh Thánh, qua Giáo Hội, qua gia đình và qua những nhu cầu cá nhân của chúng con ngày nay. Ngài có thể trực tiếp ánh sáng cho chúng con tìm và làm cho sự sống của chúng con trở nên thành công của những kẻ đau khổ. Những hình thức này phải được phân biệt qua việc linh hướng nhằm mục đích chúng sinh áp dụng các khía cạnh thiêng liêng và tông đồ của một cam kết đối nhân thân phục vụ Giáo Hội;

b. Bi u L C Th C a Ý H ãng Ngay Lành

Tâm lý học tâm là một công cụ tốt cho quý thầy làm linh mục. Việc linh hướng phải giúp chúng sinh khám phá ra những gì Thiên Chúa thực sự kêu gọi anh trở thành và thực hiện. Áp dụng từ đó của anh sẽ là một lối sống cam kết của anh và ông sẽ xác định những đóng góp quan trọng trong số bạn, khi anh có thể bày tỏ ý hướng ngay lành mục đích làm linh mục.

Trong năm tháng tiếp theo và hai năm tiếp theo của cuộc đời, chúng sinh phải tìm kiếm những nhu cầu của Chúa mục đích anh quy tụ thành linh mục. Theo Thánh Ignatio, chúng sinh phải hiểu rõ sâu xa những gì mà mình cần những gì mà mình cần. Anh phải giúp tìm kiếm cách thức chính mình, cũng như ông là một cá nhân, ngõ hầu anh thấy được anh phải làm gì trong cái gì. Chúng sinh phải đánh giá lợi ích của Chúa và sự đáp trả của anh có một cam kết sâu xa hơn. Anh cũng phải tiến hành một thân của anh, cũng như một sự sống của một linh mục tri thức, qua việc anh gặp Chúa Giêsu Kitô, ông là nguyên thủ và cùng đích của mình (x. Ga 15, 16).

Sau khi đã chú ý lắng nghe và bị phân tâm và khiêm tốn, và linh hồn có thể khám phá được những tình hình của Chúa Giêsu hay không. Nếu có, ngài xác nhận cho anh tình trạng của anh, hy vọng và hạnh phúc, mặc dù anh sẽ gặp những khó khăn và thậm chí trong cuộc sống hành động của anh. Nếu không, ngài nên gợi ý cho anh những sự sống trong bình an, đồng thời bắt theo con đường Chúa Giêsu đi và anh đi về phía hạnh phúc.

D. Những Sự Sống Của Người và Những Sự Sống Nội Tâm

1. Những Sự Sống Của Người và Những Sự Sống Nội Tâm

Yếu tố quan trọng nhất trong việc tạo ra những sự sống nội tâm là của người, vì việc của người nuôi dưỡng những sự sống nội tâm.

Trở lại vào Chương 1, các chứng nhân đã nêu kinh nghiệm về những sự sống nội tâm Kitô giáo: của người cá nhân, của người cùng cộng đồng và của người trong phụng vụ. Họ đã khám phá ra những sự sống nội tâm và những cách khác nhau, tùy theo sự khác biệt trong hành trình và sự đa dạng của các trào lưu trong Giáo Hội Công giáo.²⁹⁸ Như thế, ít nhất chỉ những sự sống nội tâm mới là những sự sống nội tâm và sự sống nội tâm trong việc của người (x. Rm 8, 26). Do đó, việc huấn luyện của người, vốn là cách biệt của sự sống nội tâm và sự sống nội tâm của chúng ta với Chúa, sẽ không bao giờ kết thúc. Những sự sống nội tâm giúp chúng ta sống những sự sống nội tâm với Chúa. Vì vậy, những sự sống nội tâm

²⁹⁸ Jose Cristo Rey Paredes, "Lectures on Holy Spirit in Life and Mission of the Church and Consecrated Life"

tâm này là i u ki n không th thi u c a m i cu c canh tân hi u qu c a H i Thánh.²⁹⁹

Theo truyền thống, vì c hu n luy n c u nguy n là i t ng c quan tâm c bi t, đ a trên hai bàn tỉ c L i Chúa và Thánh Th .³⁰⁰ Vì c ào t o này l u ý n tâm th c ng th i, tâm lý o c c a ch ng sinh, cách th c h s ng i tín h u và c mu n tr thành linh m c. Vì c ào t o này nh m giúp ch ng sinh thanh luy n và s a ch a cách th c c u nguy n c a h , ng th i h c l i c u nguy n tông và m c v cho s v mai ngày c a h .

M t quan ni m tiên quy t và ích th c ph i có là cách c u nguy n c a linh m c trì u khác v i cách c u nguy n c a linh m c dòng. Linh m c trì u c u nguy n b ng s v c a mình b t c gì nào và b t c âu. G ng m u c a h là chính Chúa Giêsu, ng luôn s ng thân m t v i Chúa Cha: Chúa Giêsu c u nguy n v i Chúa Cha, lúc n i hoang v ng hay khi gi a ám ông dân chúng, lúc ban ngày hay su t êm khuya, sáng s m tinh s ng hay mu n màng lúc êm v , lúc vui m ng vì phép l hay khi au kh n i v n Giêtsimani, ho c trên th p giá trong gi t n n. Linh m c trì u c u nguy n theo ng l i ó và trong s hi n di n c a Chúa.

Vì th , ch ng sinh ph i h c thi t l p m t k lu t cho mình, trong c hai chi u kích c a i s ng c u nguy n, cá nhân c ng nh c ng oàn. Anh n m gi k lu t y, c trong

²⁹⁹ “No effective Reform without Interior Renewal” (Vatican City, April 2, 2004), Zenith.org/english, truy c p ngày 3.11. 2004.

³⁰⁰ Vatican II, Dei Verbum: Dogmatic Constitution on Divine Revelation (November 18, 1965), s 21.

thì gian ang h c ch ng vì n, và su t cu c i linh m c c a anh trong t ng lai. H u h t các linh m c r i b ch c linh m c là vì ã sao lãng hay b bê không c u nguy n n a. H thi hành s v nh là công ch c v y.

Vì c hu n luy n c u nguy n ph i c th c hi n t ng tác v i vi c ào t o th n h c, trong các khía c nh a d ng c a nó, i s ng c ng oàn, ph ng v , khai tâm ti m ti n vào s v và i s ng linh m c, b ng khoa s ph m phù h p v i nh ng con ng i, n i ch n, th i gian và th c hành khác nhau.³⁰¹

Vì th , c Gioan Phaolô II ã nh c nh các linh m c ph i l y Chúa Giêsu làm trung tâm i s ng và luôn k t h p m t thi t v i Chúa b ng c u nguy n, suy ni m cá nhân hàng ngày, Ph ng v các Gi Kinh và Thánh Th . R i Ngai k t lu n : “N u anh em y Chúa, anh em s là nh ng tông ích th c c a công cu c truy n giáo m i, vì không ai có th cho cái mà h không có trong tâm h n.”³⁰²

2. Ba c Tính c a C u Nguy n:

a. L i C u Nguy n Kitô Giáo³⁰³

L i c u nguy n Kitô giáo giúp chúng ta khám phá và g p g Thiên Chúa, ng làm cho ý h ng phàm nhân c siêu thoát. ó là m t d n thân cá nhân c a con ng i áp tr l i m i g i c a Thiên Chúa trong m i phút giây, nh Chúa Thánh Th n tr giúp (x. Rm 8,26). L i c u nguy n Kitô giáo

³⁰¹ Compagnie des Prêtre de Saint-Sulpice, *La Formation des futurs Prêtre à la Prière* (Paris, Janvier 2003), p. 8

³⁰² John Paull II, “Jesus Must Always Be the Center of Your Life” (Vatican, May 2, 2004), *Zenit.org/english*, truy c p ngày 25.0.2005.

³⁰³ *La Formation des Futurs Prêtres à la Prière ...*, *ibid.*, pp.9 -10

c ộng hóa v i l i c u nguy n c a c Kitô, ồng mang l y c loài ng i và dâng chính mình lên Chúa Cha.

Trong hi p thông v i H i Thánh, m i ng i c m i g i ca ng i Thiên Chúa n i các thánh, chiêm ng m m u nhi m thánh ý Chúa, nài xin thoát kh i nh ng lo âu phi n mu n, gi v ng ni m tin, bi t r ng m i ng i trên th gian u ph i gánh ch u cùng m t n i th ng kh ; c u xin n c u , xác tín r ng Thiên Chúa mu n m i ng i c r i; hi n dâng chính mình và t t c nhân lo i, nh công vi c c a Chúa Thánh Th n; n n n th ng h i (x. 1 Ga 1, 9); và cùng v i m i loài th t o, tôn th ng T o Hóa.

Sau Chúa Kitô, c Maria là m u g ng v i s ng c u nguy n c a m i tín h u. M ã ca ng i nh ng k công c a Chúa, ón nh n m u nhi m c u và gi v ng c tín s ng ng, c d i chân Th p Giá. M h ng c u b u cho các tín h u và tr thành g ng m u cho các linh m c trong i s ng c u nguy n. Th t v y, Tông Hu n Pastores Dabo Vobis d y: “M i chi u kích c a vi c ào t o linh m c u có th qui chi u v c Maria ... Nh g ng m u và l i chuy n c u c a Ng i, c Trinh N luôn t nh th c d òi theo s phát tri n các ng i và i s ng linh m c trong H i Thánh.”³⁰⁴

b. L i C u Nguy n Tông ³⁰⁵

Nh ho t ng, ng i môn c Kitô loan báo Tin M ng và khai m c N c Thiên Chúa. Nh c u nguy n, ng i môn nh n ra và làm ch ng r ng N c Tr i là m t quà t ng c a Thiên Chúa, và ân hu y ph i c kh n kho n

³⁰⁴ Vatican II, Pastores Dabo Vobis ... ibid., no. 82

³⁰⁵ *La Formation des Furturs Prêtre à la Prière* ..., ibid., pp.11-12

nài xin b ng l i c u nguy n. Chính Chúa Giê-su ã d y các môn c a Ngài ph i c u nguy n cho N c Thiên Chúa ng n (x. Mt 6, 9-10).

Công ng Vaticanô II khuyên d y ng i Kitô h u chúng ta c n ý sâu xa h n t i nh ng khía c nh tông . M c ích c a vi c tông là làm cho ng i khác nh n b i t và yêu m n Thiên Chúa, ng không ng ng qui t m i ng i t kh p muôn ph ng. Nh th , chi u kích tông thu c v kinh nguy n kitô giáo. Không th có i ngh ch và phân r gi a c u nguy n và hành ng. Hành ng là n i ng i ta hao t n nhi u s c l c, có khi n c n ki t; còn c u nguy n là n i con ng i tái n p l i n ng l ng. L i c u nguy n tông b o m và ghi nh n xác tín r ng N c Thiên Chúa n không tùy thu c hành ng c a con ng i, nh ng l thu c vào hành ng c a Thiên Chúa.

Vì th , vi c ào t o s ng i tông và ào t o c u nguy n không th tách r i nhau c. Khi linh m c xác tín h n r ng mình ph i ký thác cho Chúa Thánh Th n tr thành d ng c m m m i trong tay Thiên Chúa cho ho t ng tông , lúc y ngài s xác tín h n v nhu c u c a l i c u nguy n. Ngài s hi u r ng c u nguy n không ph i la m t b n ph n ph i chu toàn, nh ng là m i t ng quan c n thi t v i chính Thiên Chúa, Tác Nhân Chính Y u c a vi c N c Tr i n. Ngài s giao phó chính mình cho ho t ng c a Chúa Thánh Th n, ý th c rõ ràng h n các d u hi u c th c a N c Tr i ang n và làm cho các d u hi u ó đ dàng tr nên ch t li u chiêm ng m.

c. L i C u Nguy n M c V ³⁰⁶

³⁰⁶ La Formation des Furturs Prêtre à la Prière ..., ibid.,pp.13

L i c u nguy n m c v là m t trong nh ng b n ph n c a ng i m c t , c khi giáo dân tham gia vào các trách nhi m m c v này. Nh ng ai lãnh nh n trách nhi m ph c v c ng oàn s mang l y c ng oàn y vào trong l i c u nguy n c a mình.

Hoa trái c a công tác m c v không ph i là k t qu c a s c con ng i, c a t ch c p và linh ho t t t, nh ng là do công vi c c a Chúa Thánh Th n, ng ho t ng cách nhi m m u trong c ng oàn và trong t ng thành viên c a c ng oàn y.

Các m c t ph i Chúa Thánh Th n h ng d n chính h , có th thì các ho t ng c a h m i là c a Ngài. H c ng ph i xin Chúa làm công vi c c a Ngài trong c ng oàn: m lòng h cho ho t ng c a Ngài v i tinh th n tông .

Lo i c u nguy n này liên quan n s v c a toàn th H i Thánh, nh ng c bi t cho nh ng ai, do nhi m v , có trách nhi m i v i c ng ng Giáo H i. Trách nhi m n ày xu t hi n rõ nét n i s v ch t a Bí tích Thánh Th và c hành Ph ng V các Gi Kinh. i v i v m c t , vi c c u nguy n cho dân chúng là m t ph n trong toàn b trách nhi m m c v c a ngài, m t ngh a v th ng xuyên ích th c, “*m t m i n trong s v*.”³⁰⁷

L i c u nguy n m c v là m t hình th c c a vi c th c thi c ái m c t và c a tình yêu c Kitô dành cho H i

³⁰⁷ Mgr E. Marcus, “La prière des prêtre: une dette de ministère,” *in Bulletin de Saint-Sulpice* 8 (1982), quoted by *La Formation des Futurs Prêtres à la Prière* p. 13

Thánh và h t th y m i ng i. Vì th , l i c u nguy n m c v nh m n toàn th nhân lo i mà Chúa Kitô ã hi n mình ch u ch t, ch không ch gi i h n vào c ng oàn ã c t p h p.

3. Ph ng Ti n S Ph m Trong Vi c Hu n Luy n C u Nguy n

a. Các Trách Nhi m

Trách nhi m u tiên c a vi c c u nguy n thu c v H i Thánh. Các nhà hu n luy n nh n lãnh trách nhi m h ng d n vi c c u nguy n c a c ng oàn, quan tâm n s tham d c a c c ng oàn và c a t ng ng i. Các ngài c ng ph i ý th c giúp c ng oàn Ch ng vi n và m i ch ng sinh i vào tinh th n c a kinh nguy n ph ng v , ngõ h u ai n y u có tâm th c Giáo H i, h n là coi ó nh nh ng th c hành hay nh ng a thích cá nhân.

D u v y, không có i ngh ch gi a c u nguy n cá nhân và c u nguy n c ng ng, b i vì b t c bu i c u nguy n c ng ng nào c ng òi h i m i thành ph n tham d , và b t c l i c u nguy n cá nhân nào c ng u là s kéo dài c a kinh nguy n ph ng v và u h ng t i kinh nguy n ph ng v . Nh ng c u nguy n c ng ng không ch n gi n là t ng s nh ng l i c u nguy n cá nhân. M i ng i u có trách nhi m v ph m ch t kitô và Giáo H i c a l i c u nguy n cá nhân c ng nh c a l i c u nguy n c a c ng oàn mình: s hi p nh t c a các con tim ang c u nguy n (x. Cv 2, 46). Và l i c u nguy n c ng ng nâng l i c u nguy n cá nhân: s khích l nh n c t l i c u nguy n c ng ng s giúp m i ng i v t qua nh ng th thách và nh ng khó kh n mà m i ng i không th tránh kh i trong cu c s ng, ch ng sinh c ng nh linh m c.

b. **Nh ợng N i Ch ợn**

Vi c linh h ợng là m t ch ợc ợn, n i ợ, v i t i n t ợng và t ợdo, m i ch ợng sinh c ợ th ợn ợi s ợng c u nguy n c a anh, v ợp h m ch t kit ợ và Gi ợo H i c a l i c u nguy n ợ, ki m ch ợng t i n ki ợn tr i c a vi c anh cam k t c u nguy n c ợng ợng c ợng nh ợ c u nguy n c ợ nh ợn, ợc b i t trong vi c nguy n ợ m .

Vi c linh h ợng c ợng là n i h u n l u y n c u nguy n, v i n i ợ ợ ch ợng sinh c ợ th ợn ợ nh ợng kh ợ kh ợn, nh ợng t i n b ợ hay th t l ợi, chi n ợ u và ni m vui ợ c a m i n h khi c u nguy n. Trong chi u h ợng này, v ợ linh h ợng c ợ th ợn ợ gi ợp ng ợ i ch ợng sinh, b ợ x ợ y ch ợn n ợn, t i m ra hay t i m l i ợ c con ợng c u nguy n, b ợng c ợch kh ợm ph ợ ra và th ợ nghi m nh ợng ph ợng ph ợp th ợch h ợ p nh t s n s ợng n ợng ợng anh và làm cho anh t i n b ợ th ợ c s ợ trong vi c c u nguy n c ợ nh ợn.

V ợ linh h ợng c ợng ph ợi làm cho ợi s ợng c u nguy n h i nh p ho ợn t ợn v ợo ợi s ợng thi ợng li ợng, nh ợ ợ m i ch ợng sinh c ợng ngày c ợng h c ợ c làm sao ợc ra ý ngh ợa thi ợng li ợng c a c ợc b i n c ợ trong c u c s ợng, ch ợng h n nh ợ l i m i g i c ợ nh ợn ph ợi ho ợn c i, vi c lo ợn b ợo T i n M ợng và t i n h i p thi ợng h u y n h ợ ...

c. **C ợc Th ợ i Kh ợc**

ợ ợ là ợi u r t quan tr ợng: gi ợp ch ợng sinh ý th ợ c s ợu x a r ợng ợi s ợng thi ợng li ợng kh ợng th ợ ch ợn g i n g i n l i c v ợo nh ợng th ợ i kh ợc ợc b i t d ợn h ợ cho vi c ợc k i n h c u nguy n, nh ợng th ợ i g i c u nguy n ph ợi m ợ r ợng ra trong t ợn b ợ c u c s ợng. Ng ợi ta ph ợn b i t c u nguy n ợc h u và c u nguy n li ợn l . G i c u nguy n ợc h u là ch ợ d ợn h ợ cho vi c

c u nguy n mà thôi, không làm chi khác. Còn c u nguy n liên l là c u nguy n trong khi làm b t c vì c gì.

Nh th , c u nguy n góp ph n vào s th ng nh t i s ng n g i c a ch ng sinh, dù ôi khi cu c s ng n g i ó g p ph i nh ng khó kh n và th thách. Các ph ng di n khác nhau c a công cu c ào t o ph i c t p h p nh m t i vì c th ng nh t i s ng, c kích ho t b i c ái m c t c a ng Ch n Chiên Lành. T t c m i ng i u c m i g i giúp l n nhau ón nh n t Chúa C u Th s phong phú nhi m m u c a cu c s ng hi n dâng cho Chúa Kitô v à cho tha nhân.

4. S Thinh L ng: i u Ki n Thi t Y u Cho i S ng N i Tâm

a. Ý Ngh a và M c ích c a Thinh L ng

S thing l ng không th b chia tách bên ngoài và bên trong c.³⁰⁸ Thinh l ng bên ngoài v à là hy sinh hãm mình v à là ph ng ti n b o m s yên t nh c a tâm h n, h i tâm và s ng thân m t v i Thiên Chúa.

Thinh l ng n i tâm là s bình an c a linh h n, ngh a là n l c ki m soát các am mê, ki m ch nh ng t ng t ng vi n vông, lo âu, kích ng thái quá hay nh ng suy s p chán nãn. Nh ng tâm h n tìm ki m s thánh thi n ph i luy n t p có s bình an y: n u không có thói quen t p luy n nh v y, thì c ng ch ng có thói quen t p ngh n s hi n di n c a

³⁰⁸ CCE, *Spiritual Formation in Seminaries ...*, *ibid.*, pp.10 -12

Chúa.³⁰⁹ Thinh l ng n i tâm là thái sâu xa c a linh h n tìm ki m m i s t Thiên Chúa và hoàn toàn qui h ng v Ngài.

Thinh l ng n i tâm c n n và nuôi d ng thinh l ng bên ngoài, trong khi thinh l ng b ngoài ph c v cho m c tiêu c a thinh l ng n i tâm. Vì th , lu t s ng c a Ch ng vì n ph i coi thinh l ng bên ngoài nh là u tiên, vì âu thinh l ng bên ngoài không hi n h u thì thinh l ng n i tâm c ng v ng m t.³¹⁰

b. Giá Tr c a Thinh L ng³¹¹

“Trong b i c nh n ào và máy ng nh c a xã h i chúng ta, thinh l ng là b u khí thiêng liêng và s ng còn c m nh n s hi n di n c a Thiên Chúa.”³¹² Do ó, vi c ào t o thiêng liêng òi h i s thinh l ng c a m i ng i trong cu c s ng h ng ngày, trong i s ng ph ng v , và trong nh ng đ p c bi t c a nh ng ngày t nh tâm hay c m phòng. Nh s thinh l ng, ng i ch ng sinh bi t ch c a mình tr c m t Chúa, ng th i t l lòng khiêm t n và kh n ng l ng nghe c a anh khi Chúa nói.

Nh s thinh l ng c a thân xác, c a trí óc và con tim, anh m i có th t t i s hi p nh t và hi p thông v i Chúa: “Hãy l ng thinh và hãy bi t r ng Ta là Thiên Chúa” (Tv 46, 10). Nh th , “vi c tìm ki m thân m t v i Chúa th c s bao

³⁰⁹ Donald Attwater, *A Catholic Dictionary* (New York : The Macmillan Company, 1958), p. 462

³¹⁰ CCE, *Spiritual Formation in Seminaries ...*, *ibid.*, p.13

³¹¹ St. Patrick’s Seminary, *Program of Spiritual Formation ...* *ibid.*, pp.21-22

³¹² John Paull II, *Pastores Dabo Vobis ...* *ibid.*, n.47

hàm nhu c u sinh t v thnh l ng c a toàn th con ng i.”³¹³
 S thnh l ng này không ph i là m t không gian tr ng r ng, b i vì Thiên Chúa luôn có ó l p y. Nhi m v quan tr ng nh t là ph i ý th c r ng ta luôn trong s hi n di n c a Chúa và không th tách kh i Ngài.

c. Nh ng Thách c a Thnh L ng³¹⁴

Thnh l ng là m t trong nh ng thách l n nh t trong i s ng con ng i. M t s ng i tìm ki m s thnh l ng, nh ng nhi u ng i khác l i làm m i cách tránh nó. Nh ng thnh l ng h tr l i nói, chu n b l i nói và làm cho l i nói nên phong phú. N u không có thnh l ng thì có l ch ng có ngôn ng . L i nói c n thi t vì là ph ng ti n thông tin. Ngồi L i, chìm sâu trong m u nhi m l ng thnh c a Thiên Chúa r i gi i thích và thông truy n Thiên Chúa cho con ng i. òi h i c a thnh l ng và l i nói ph i c cân b ng.

Vì th , v n ki n ào *T o Thiêng Liêng Trong Ch ng Vi n* mô t rõ “*thnh l ng n i tâm*” - “*thnh l ng bên ngoài*”, và òi h i thnh l ng n i tâm nh là b u khí úng n c a vi c giáo d c t ng quát.³¹⁵ c Gioan Phaolô II c mong r ng “ch ng vì n ph i là n i c a thnh l ng, là nhà c u nguy n, n i ó Chúa ti p t c qui t các môn riêng ra, h s ng cái

³¹³ Paul VI, *Evangelica Testification: Apostolic Exhortation on the Renewal of Religious Life*, (June 29, 1971) s 46.

³¹⁴ St. Patrick’s Seminary, Program of Spiritual Formation ... *ibid.*, pp.20-21

³¹⁵ CCE, *Spiritual Formation in Seminaries* ..., *ibid.*, p.14

kinh nghi m m nh m c a s g p g và chiêm ni m.”³¹⁶ Thỉnh l ng là m t thách cho b t c ai mu n s ng th t ý ý th c, ch m chú, c nh giác và hoàn toàn h ng v Thiên Chúa. M i ng i c n nhìn th y và tìm ra c nh ng c h i kh d cho thỉnh l ng và em chúng vào trong cu c s ng mình.

**d. Nh ng Ph ng Ti n Thu n L i Cho Vi c Gi
Thỉnh L ng**³¹⁷

+ Thỉnh L ng trong Ph ng V

Thỉnh l ng luôn là m t ph n c a vi c th ph ng. Ta nên dùng kinh nguy n c ng ng d y v thỉnh l ng. Ph ng v cung c p nhi u c h i thỉnh l ng: Ng ng ngh m t kho ng th i gian thích h p sau m i bài c; ngh ch c lát suy ni m sau bài gi ng, hay sau l i kêu m i “chúng ta dâng l i c u nguy n.” Sau hi p l , nên dành m t th i gian thỉnh l ng.

Trong Ph ng v các Gi Kinh c ng có nhi u đ p thỉnh l ng: Sau vinh t ng ca và tr c i p ca c a thánh v nh k ti p, m t chút ng ng ngh c ng oàn suy ni m v thánh v ó; sau bài c L i Chúa và tr c x ng áp, m t lúc thỉnh l ng h p lý suy ni m.

Chúng ta ch ch m r i i vào thỉnh l ng sâu l ng khi chúng ta ý th c s hi n di n bí n c a Thiên Chúa. C u nguy n tr thành s k t h p nh ng lúc thỉnh l ng và l i nói

³¹⁶ John Paull II, “Future Priests should be devoted to Silence and Prayer” (Vatican, March 18, 2002), Zenit.org/english, truy c p ngày 3.11.2004

³¹⁷ Spiritual Formation in Seminaries ..., ibid., pp. 23 -24

trong một thái độ chiêm niệm, và sống thiêng liêng
 ngay với Chúa Kitô trong Thiên Chúa.³¹⁸

+ **Thỉnh Lắng Trong Nhà**

Thật là quan trọng khi nhận ra rằng có nhiều môi trường khác nhau trong nhà: Tiếng trẻ, sân chơi, phòng ngủ và phòng khách cách mạng sinh là những nơi thích hợp chuyên văn. Tuy nhiên, các hành lang trên lầu và các phòng cách mạng sinh thì nên kiên nhẫn vì nói chuyện. Mọi người đều phải cẩn trọng khi làm xáo trộn thỉnh lắng của người khác. Radio, máy nghe băng, Tivi, âm nhạc trao đổi... phải được chú ý bởi vì chúng chiếm niệm, và nên phù hợp cho sống cộng đồng và hoạt động. Không đòi hỏi thỉnh lắng tuy nhiên, nhưng cuộc trao đổi phải có giá trị thực.

+ **Thỉnh Lắng trong Những Ngày Chăm Phòng hay Tĩnh Tâm**

Sống thiêng liêng và sự trở thành thiêng liêng cần nhận ra khi thỉnh lắng trở thành một phần của sống cộng đồng. Các cuộc tĩnh tâm dành cho việc cầu nguyện và bí ẩn thiêng liêng là những cách thức để thử nghiệm sự thỉnh lắng.

Những ngày chăm phòng và tĩnh tâm là những kinh nghiệm cần nhận ra trong việc tìm kiếm những người sống cộng đồng và đức tin. Chúng sinh sản nên khám phá ra những người kiên nhẫn sống cộng đồng ích lợi trong những ngày và sống thiêng liêng của mình.

³¹⁸ Gordon S. Wakefield, *The Westminster Dictionary of Christian Spirituality* (Quezon City: The Claretian Publications 1980), pp. 354-355

Những ngày cảm phòng và tình tâm còn là dịp lý
 lý sự cho thế xác, cho trí khôn và linh hồn. Cảm cảm
 thế dĩ dĩ khi sống tình lý trong nhà, người ta càng dĩ
 vào những giai đoạn tình lý dài lâu hơn. Tình lý không
 có nghĩa là không nói. Do đó, người tình tâm nên
 khuyến khích lời bày tỏ những cảm xúc bên ngoài.
 Những thứ làm cho mình mất sự tình lý bên ngoài như báo
 chí, truyền thanh, truyền hình ... Tuy những bị mắc kẹt ra
 trên thế giới là một phần của sự sống của chúng ta
 không cần phải quá chuyên môn đem vào hết mọi
 cảm giác vào tình lý và càng thế thì sự sống chiêm
 niệm, chúng ta càng có thể nghe tiếng Chúa và những âm
 thanh khác nhau và mới.

Thật là quan trọng khi nhận ra rằng tình tâm là thế
 gian nâng cao ý thức. Người tình tâm cần vượt trí "là" hơn là
 "làm." Sự chú tâm sự thức bằng cách thức cho biết thế
 thế lý nghe. Merton nói rằng một truyền thông cao nhất
 không phải là truyền thông như là hệ thống. Vì thế, trong
 tình lý, trong không gian thế lý nói, người tình tâm có
 thể trở nên mất với Chúa. Nhiệm vụ thế thức là phải thuyết
 thế thế ngay cả giữa các sự biến và xô xao, chúng
 ta vẫn có thể thế thế trở nên mất với Chúa. Thái
 chiêm niệm này là thích hợp, không như trong thế thế, mà còn thế
 dài trong sự thế thế thế thế. Thái thế thế này có thể
 còn sinh hoa kết quả dĩ dĩ dĩ dĩ dĩ.

5. Những Hình Thức Của Sự Sống

a. Liên Quan Đến Sự Sống

1) Sự Sống

Trong s c l nh *Ch c V* và *i S ng Linh M c*, Cong ng Vaticanô II nêu rõ: “Nhi m v u tiên c a linh m c là rao gi ng Tin M ng c a Thiên Chúa cho m i ng i,”³¹⁹ Kitô h u c ng nh không ph i là kitô h u; và Tông Hu n *Pastores Dabo Vobis* (Nh ng m c t nh lòng mong c) kh ng nh “Linh m c tr c tiên ph i là th a tác viên c a L i Chúa.”³²⁰ L ng th c u tiên nuôi d ng i s ng thiêng liêng c a linh m c là L i Chúa (x. Mt 4,4). Ai gi L i Chúa thì s ng trong Chúa và tình yêu c a Chúa c tr n h o n i ng i y (x 1Ga 2,5-6); và ng i y s an toàn i trên chính l n cùng Chúa Cha (x. Ga 14,6). L i Chúa ban s s ng i i (x. Ga 6, 68).

Suy ni m, s ng và rao truy n L i Chúa là b n ph n và s v c a m i ng i kitô h u, nh ng còn h n th , ó là s v tiên quy t c a linh m c (x. 1 Cr 9, 16). Chính L i Chúa làm cho i s ng và s v c a linh m c c tr i n n và sinh hoa k t trái d i dào trong ch ng trình c u c a thánh ý Chúa (x. Is 55,10-11), vì L i Chúa khám phá ra i u bí n trong linh h n, ch t v n, s a ch a, hoán c i, i m i và thánh hoá con ng i, v i “m t tâm h n m i và m t tinh th n m i” (x. Ezk 18,31), b ng cách làm cho i s ng và hành ng c a con ng i c th m nhu n nh ng giá tr Phúc Âm.

2) **Lectio Divina**

Ngày nay ng i ta tái khám phá ra giá tr và hi u qu c a vi c u n c và c u nguy n Thánh Kinh, quen g i là Lectio Divina. Nhi u linh m c và giáo dân làm ch ng r ng h ã tìm c ngu n l ng th c nuôi d ng i

³¹⁹ Vatican II, *Presbyterorum Ordinis* ..., *ibid.*, no. 4.

³²⁰ John Paull II, *Pastores Dabo Vobis* ... *ibid.*, n.26

sống thiêng liêng trong việc cầu nguyện và suy gẫm Lời Chúa hàng ngày hay hàng tuần. Bằng cách tập luyện cầu nguyện mình dần dần sẽ nhận được Lời Chúa, ngài ta biến thái thành cầu nguyện môn lòng nghe, cầu nguyện tôi tớ vâng lời, cầu nguyện Con nết thi hành thánh ý của Cha. Lời Chúa là niềm vui cái nhìn của chúng ta về mọi sự. Lời Chúa soi sáng trí khôn, mang lại niềm tin, niềm tin cậy và yêu, thanh tịnh và niềm vui tình yêu.

Trong chương vi này, Lectio Divina được cho sáng kiến của chương sinh, việc giúp cầu nguyện linh thiêng. Khoa chú giải Thánh Kinh và Lectio Divina là hai bước tiếp theo: qua việc chú giải Thánh Kinh, ngài ta học làm sao thực sự cảm nhận bản văn và việc chú ý và khách quan, trong khi Lectio Divina giúp lên lòng khao khát học toàn bộ Kinh Thánh khám phá và sống mỗi ngày một thanh sạch phong phú tiếp tục của Lời Chúa.

3) Phụng vụ Các Giờ Kinh

Phụng vụ Các Giờ Kinh là linh kiện của ngày nay của Hội Thánh. Như người xưa và cấu trúc của nó không ngừng biến đổi con tim và ý tưởng chúng ta về Chúa, ngài là nguồn niềm tin hời hợt. Việc tìm kiếm ngài, nguyện cầu của việc cầu hành cầu nguyện Phụng vụ các Giờ Kinh là cầu cho mình biết lối đi cách máy móc hiện tại, thì quên đi tâm hóa ý thức phong phú của linh kinh này. Như người xưa cầu riêng Thiên vâng này còn khó khăn hơn, song đây là cái thông thường trong việc sống của các linh mục trước sau khi chịu chức.

Vì thế, trong các buổi giảng dạy linh thiêng, ngài ta phải lưu ý “trở nên nghiêm túc” các chương sinh trong những ngày nghỉ và thì giờ gian thanh tịnh của mình: Sống xa chương vi này, linh kiện ít nhất mình, đâu là chỗ dành cho Kinh Nhật Tụng? Khuyến khích các linh mục trở lại trung thành với Phụng vụ các Giờ Kinh

c nhìn nhận nh là m t b n ph n, ho c ngh h th c hành c ng ng thì ch a . C n làm cho h có th hi u rõ s phong phú và ý ngh a c a vi c th c hành này, ngō h u h m nh n nó nh m t b n ph n quan tr ng c a s v t ng lai c a h , trong s hi u bi t và xác tín.

4) Nguy n G m

Nguy n g m cá nhân h ng ngày là m t th c hành c i n trong các ch ng vi n. Các ch ng sinh c khuy n khích và giúp do c d y cho bi t nhi u ph ng pháp nguy n g m c a nhi u tr ng phái linh o khác nhau. H có th i sâu vào m t ph ng pháp thích h p và khám phá ra cách th c riêng c a mình nguy n g m, v t quá các ph ng pháp trên.

Hình th c c u nguy n b ng trí khôn này là m t cu c tìm ki m y và sâu xa s hi n đi n và ho t ng c a Thiên Chúa, nh c m c kh i n i các b n v n h c. H em h t trí t ng t ng, tình c m, trí khôn và ý mu n chiêm ng m nh ng l i nói và vi c làm c a Chúa Giêsu trong Tin M ng. Nh ng khám phá nh th d n t i nh ng bi n i trong thái n i tâm và các ng l c, nh h ng n cách ng x và làm phong phú m i t ng quan c a h v i Chúa (x. Lc 24,32).

Vi c nguy n g m c h ng d n b i các nhà ào t o có th giúp nh ng ng i b t u i vào th c hành nguy n g m và làm cho h có th t do ch p nh n m t cách th c c th v t qua các giai o n c a th i gian c u nguy n này. Th i gian t nh tâm và c m phòng là nh ng th i kh c c ân t p luy n th c hành nguy n g m. Nh vào b u khí l ng nghe, trao i và khích l c a các bu i g p linh h ng, ch ng sinh có th

nói và ánh giá nh ng ni m vui và nh ng khó kh n h g p ph i, nh p và nh ng khám phá ã th c hi n. i s ng nhóm c ng là n i trao i và chia s h u ích.

Nguy n g m ph i là th i gian và n i ch n không gì có th thay th . Nó là m t ni m vui và m t tr c nghi m lòng trung thành v i Chúa, trong s hi n di n y yêu th ng c a Ngài. S khô khan không th tránh kh i và sa m c là nh ng cu c t p luy n t t kh i dính bén các o t ng cho r ng mình tr c ti p n m b t c Chúa.

Sau cùng, nguy n g m là n i ti p nh n và tái khám phá Thiên Chúa, ng không ng ng t hi n mình cho nh ng ai h ng tìm ki m Ngài. Nh vì c nguy n g m h ng ngày, ng i ta hi p thông v i Chúa và kín múc c ngh l c ph c v tha nhân.

5) c Sách Thiêng Liêng

Cùng v i Lectio Divina, ph i k n th c hành c u n sách thiêng liêng c a các Giáo ph , có th làm quen trong c tin s i p Tin M ng c các ch ng nhân s ng ng chuy n t i và phiên d ch. Vì c c sách thiêng liêng c coi là su i ngu n r t giá tr giúp ch ng sinh l n lên trong t ng quan v i Thiên Chúa và v n d ng cho các cu c g p linh h ng. c sách thiêng liêng là m t con ng c tin c chia s trong kinh nghi m c a ng i khác.

i u quan tr ng là s ng làm sao. T t h n là c ít o n r i d ng l i suy g m, thay vì c nhi u trang mà không cho nh ng i u ã c giúp mình t ng quan thân m t v i Chúa. Các sách thiêng liêng c th i hay hi n i u có th giúp chúng ta l n lên trong i s ng thiêng liêng m i ngày.

ì u quan tr ñg không ph ì là c m t b n v n, nh ñg là tìm ra t b n v n y cái giúp phát tri n m i t ñg quan c a m t con ñg ì v ì Thiên Chúa.

b. Bi u T ñg và Nghi Th c

1) Bí Tích Thánh Th

Thánh Th là “ngu n su ì và chóp nh c a ì s ñg Kitô h u, ñg th ì là trung tâm c a t t c ì s ñg ch ñg vi n.”³²¹ Nh Thánh L , t t c và t ñg ñg ì tham d vào l i c u ñguy ñ c a Chúa Kitô. Thánh L không ph ì là m t l i áp tr cá nhân ì v ì tình yêu c a Chúa Cha, nh ñg là ì d ñg vô t ñ c a nh ñg l i c u kh n, ca khen và dâng hi ñ c a Chúa Kitô. “Thánh Th ñ i k t tr ì v ì t, ô m l y và th m nhu ñ t t c t o thành.”³²² ì u thi t y u là h c cho bi t làm sao c Chúa Kitô “b t l y”, nên m t v ì Ngài, nh ó tr ñ v n ì s ñg chúng ta là m t le v t.

Do ó, c hành cách x ñg áng theo úng lu t ph ñg v thôi ch a , c ñ ph ì có m ì hi p thông tâm h ñ, ñg h a là s tham d s ñg ñg c a t t c m ñ ñg ì. Trong ch ñg vi n, ñg ñh ñ u hình th c khác nhau là ì u t t: t ñ v i c “v ñg M ñnh Thánh Chúa” ñg ñ ñg ñ ñ v ñ c “th ph ñg” th ñg xuyên, nh “ ê m th ph ñg”, “Gi Thánh”, “ch u Thánh Th liên t c”... Chúa Kitô c tôn th d ì d u ch khiêm t ñ c a m ñ ñg bánh là ñg ã t hi ñ chính m ñnh v ñh c u cho Chúa Cha và ã tr ñ ñ ñ ñg th c cho tín h u. V ñ c tôn

³²¹ CCE, Ratio Fundamentalìs Institutionìs Sacerdotalis..., ibid., no. 52.

³²² John Paul II, *Ecclesia de Eucharistia*, n. 8 in *Celebrating the Eucharist with Mary : A Guidebook* (Metro Manila, Philippines: Assisi Development Foundation, Inc., 2005) p. 56

th Thánh Th th ng xuyên giúp canh tân và xây d ng các c ng oàn Giáo H i trên kh p th gi i. Vì c tôn th này mang l i nhi u ngh l c và h ng say cho các nhà truy n giáo, vì Thánh Th là d u ch th ng xuyên c a tình yêu Thiên Chúa.³²³

2) Bí Tích Sám H i

Vi c c hành Bí Tích H i Sám luôn là m t c hành ph ng v , ngay c v i hình th c riêng t c a nó. Qu th , th c hành bí tích sám h i là m t y u t trong i s ng c u nguy n c a c hai ng i, ng i x ng thú l n ng i nghe x ng thú. Trong ch ng vi n, các v linh h ng luôn là th a tác viên th ng xuyên c a bí tích này. Các ngài không ch khuy n khích các ch ng sinh u n th c hành bí tích này, mà còn giúp h hi u bi t t t h n và c hành nghiêm túc, vì bí tích này c ng là “m t t p luy n tuy t v i v nhân c, n t i... là tr ng tu c không th thay th , là m t s tr giúp th c s trên con ng thánh hóa và linh h ng.”³²⁴

3) Lòng Sùng Kính c Maria

a s ch ng sinh u t phát có lòng sùng kính c Maria v i con tim chân thành. Trách nhi m c a các nhà hu n luy n là giúp h bi t s ng lòng tôn sùng y m t cách sâu xa. Lòng tôn sùng ích th c c Trinh N Maria c c tr ng qua thái s ng n s và khiêm t n theo g ng c a Ngài. Lòng sùng kính này c phát sinh t vi c chiêm ng m

³²³ “Eucharist is the Permanent Sign of God’s Love (Vatican City, April 12, 2001), Zenit.org/english, truy c p ngày 25.12.2004)

³²⁴ John Paul II, “Future Priests Should Be Devoted to Silence and Prayer” (Vatican, March 18, 2002), Zenit.org/english, truy c p ngày 3.11.2004)

m u nhi m Ngôi L i Nh p Th . Lòng sùng kính này h ãng đ n s ng i n i tâm và vi c dâng hi n i mình theo g ãng m u c a c Maria, trong l M Dâng Minh. Ng i ta s không th quên t lên hàng u chi u kích truy n giáo c a lòng sùng kính c M .

Cách ãng gi n, vô s t n h u ã a thích vi c l n h t mân côi nh là ph ãng th k t hi p v i Chúa qua kinh nguy n. Chu i mân côi là b n tóm l c c a Phúc Âm. C u nguy n chu i mân côi là tham đ vào i s ng và s v c a Chúa C u Th và M Ng i, ãng ã tr nên m c a hàng linh m c cách c bi t. M đ n d t m i ng i n v i Chúa Giêsu và Chúa Giêsu s a h t i Chúa Cha. ãy h n là hành trình c tin ch c ch n theo g ãng c Trinh N Maria.

6. Nh ãng Cách C u Nguy n C a Ng i Á Châu Và Vi t Nam

a. T Nh ãng Kinh Nghi m C u Nguy n Trong Quá Kh

Ng i ta co g ãng t p trung vào c hai cách, c u nguy n c ãng ãng và c u nguy n cá nhân. Vì th xác có th tr nên c ãng th ãng, s chú tâm b phân tán và dao ãng, ng i ta có th dùng Kinh Thánh, các bài hát, c kinh, l n chu i c u nguy n và suy g m. Ng i ta c m nh n c m i t ãng quan t t v i Chúa, nh ãng ôi khi c ãng b chia trí, ôi khi r t c ãng th ãng và m t m i, và th ãng làm theo thói quen nh b n ph n ph i làm. V i c u nguy n cá nhân, c bi t là c u nguy n thỉnh l ãng và suy g m trong tâm trí, nhi u s chia trí chỉ m l y u óc và c n tr c u nguy n. Nhi u lúc ãng i ta k t thúc gi c u nguy n v i khô khan tr ãng r ãng, quên i r ãng n u tình th n có i ãu ãu thì thân xác v n luôn có ó tr c m t Chúa.

b. n C u Nguy n Trong B i C nh C a Á Châu ³²⁵

Khám phá ra s h i n di n c a Thiên Chúa h ng s ng: Cách th c tín Lão giáo, Kh ng giáo và Ph t giáo t a t nh tòa sen t ng ni m có th giúp chúng ta tái khám phá các hình th c chiêm ni m c a c u nguy n trong truy n th ng kitô giáo và h i nh p chúng, b ng cách h ng chúng ta chú ý h n n a t i t th thân xác khi chúng ta c u nguy n.³²⁶ Các th c hành Zen hay Yoga có th c dùng giúp ch ng sinh làm quen v i ý th c s h i n di n c a Chúa. ó là m t c m nh n chính mình nh m t toàn th tinh-th n-thân-xác trong t ng quan v i Chúa. D n d n ng i ta s c th c thói quen ý th c, b ng cách t p s ng s h i n di n c a Chúa, ngh a là th ng xuyên h ng chú ý c a mình v s h i n di n y yêu th ng và s ng ng c a Chúa trong và quanh mình. Th i gian thnh l ng c a nh ng ngày t nh tâm hay c m phòng c ng h i n nh ng c h i thu n l i phát tri n s ý th c này m t m c sâu h n.

M t cách t t các ch ng sinh kh i u là h b ra 15 ho c 20 phút, hay lâu h n n u h mu n, t o m t t th th gi n b ng cách ki m soát h i th (hít vào và th ra th t sâu); ng th i t y b kh i u óc b t c b n r n hay suy ngh nào, và chìm sâu trong s h i n di n c a Chúa trong và quanh ho.

³²⁵ Marcelino Fonts, “Lectures on Prayer in Asian Context”

³²⁶ Sung-Hae Kim, “The Threefold Dialogue and the Image of Woman: A Little Hope for the Priestly Formation from a Woman’s Perspective”, trong *Linh M c Thiên Niên K M i*, i Ch ng Vi n Hu (2000), trang 274.

Sau một lúc, họ cứ như thế đi vào một cuộc làm thơ im lặng, sâu lắng vì Chúa đang hiện diện, và bắt đầu cái gì đang chờ đợi trong tâm hồn họ lúc đó. Có lẽ họ chẳng có gì để nói mà chỉ thích ngồi lắng nghe Chúa. Giây phút thanh tịnh này thật bình an và thoải mái. Nếu tiếp tục mỗi ngày, họ sẽ khám phá rằng đời sống nên càng ngày càng chú tâm vào Chúa hơn, và rằng họ đang lên trong hiểu biết, nhận biết và yêu thương vì tình yêu của Ngài xung quanh.³²⁷

c. Ích Lợi của Cách Cuộc Nguyện Á Châu

Các tôn giáo Á Châu ghi nhận nhiều cách thức cuộc nguyện: thiền định và thức tỉnh trong con người vào cuộc nguyện: thức xác, trí khôn, con tim, trí nhớ, trí tưởng tượng, hình thức, thể chất thân xác và ngay cả môi trường bên ngoài được sử dụng cho việc cuộc nguyện, và ngài ta gọi đó là “thân xác cuộc nguyện.” Phương pháp này nâng cao phẩm chất của cuộc nguyện, cũng như phẩm chất của ngài.

- Việc thức tỉnh lắng nghe này làm cho sinh động dâng hiến vào tiếp xúc và hiệp thông với Chúa. Sự thức tỉnh này giúp họ mở rộng lòng và “phổ cập” cho Chúa họ tin. Thái độ như thế này mang lại sự thanh tịnh nội tâm cần thiết cho việc cuộc nguyện, như lời của Lạy Chúa Kitô và Chúa Thánh Thần ánh sáng và bình an.
- Việc hành thiền giảm bớt nên bình an nội tâm và sự hài hòa làm cho tiến trình cuộc nguyện được dâng, trong khi việc hành thiền trung cao là lợi ích cho việc sống cuộc nguyện. Nhờ thế có thể giúp gia

³²⁷ St. Patrick's Seminary, *Program of Spiritual Formation*
Ibid., p.26

t ng s chú ý, t p trung và ý th c, là nh ng cái làm cho t n trình c u nguy n c a con ng i c d dàng.³²⁸

d. C u Nguy n T p Trung Và Ni m Vui Thiêng Liêng

Các b c th y Zen hay Yoga có th c u nguy n (suy ni m và chiêm ni m) liên t c nhi u gi . H c u nguy n b ng tâm trí hay chính xác h n là b ng cách t p trung t t ng.³²⁹

ây là m t hình th c c u nguy n r t n gi n, th ng không dùng l i nói (c u nguy n b ng l i). i vào c u nguy n t p trung, ta ph i mình hoàn toàn l thu c vào Chúa và cho tình yêu c a Chúa Thánh Th n chi ph i. Hãy l n xu ng trong sâu th m cõi lòng, n i ó Thiên Chúa ang th c hi n nh ng i u k đi u; và hãy m lòng cho Chúa Thánh Th n ang c ng trong ta.

Ph ng pháp c a c u nguy n t p trung là:

- Ng i yên l ng, t th tho i mái và th giãn;

³²⁸ Marcelino Fonts, “Lectures on Prayer in Asian Context” ..., ibid. “T p th gi n b ng cách: Hít d ng khí vào th t sâu qua m i cho c ng y b ng, r i chuy n qua huy t an i n, y ra to àn thân t i t n chân t k tíc / ng gân th th t. Xong l i rút thán khí v qua huy t an i n y ra ngoài qua mi ng. Trong khi ó tâm trí ki m soát ng i c a h i th . Còn ý ngh thì ngh r ng Chúa Thánh Th n i vào thánh hóa và rút b nh ng x u xa qu quá kh i lòng trí và thân xác ta. Khi hít vào, ta c ng có th ngh là mình ón nh n t t c nh ng gì là tích c c; còn th ra là lo i b t t c nh ng gì là tiêu c ct b t c âu mà n. V i cách này, ta t p gi tâm h n tr ng thái thanh th n, nh kinh Yataka d y ‘Con hãy gi tâm nh t: trên t, ng i ta ra d u ng t d u chua, d u cay d u ng, d u s ch d u d , t v n m t m c th n nhiên, t không gi n, t không th ng’.” (Tác gi m i thêm vào).

³²⁹ Malen Java, “Lectures on Retreat Direction Seminar”

- ☐ Ngh ng i trong lòng khao khát Chúa;
- ☐ H ng vào trung tâm b n ngã c a mình;
- ☐ Trong yên l ng, ý th c s hi n di n c a Chúa và bình an h p th tình yêu c a Ngài.³³⁰

Ngày nay, nhi u ng i công giáo h c theo ph ng pháp c u nguy n này. Các nhà ào t o có th th c hành và d y ch ng sinh áp d ng ph ng pháp này trong i s ng c u nguy n c a h . N u kiên trì t p luy n thì ngày qua ngày, c u nguy n t p trung s giúp h i vào hi p thông v i Chúa m c sâu th m nh t c a chính h . H s c m th y bình an h n và càng ao c m i t ng quan yêu th ng này v i Chúa. H s c thúc y tìm ki m s k t hi p chiêm ni m sâu xa h n n a, mà b t c ng i s ng i dâng hi n nào c ng u c m i g i.

N u nguy n g m c mô t nh l i c u nguy n c a tâm trí tìm bi n i con tim, thì chiêm ni m là l i c u nguy n c a con tim s bi n i tâm trí. C u nguy n t p trung có th giúp nh ng ng i tìm ki m Chúa kinh nghi m c l i ích tuy t v i này. Thay vì dùng nhi u l i, ta có th b t u c u nguy n t p trung b ng cách ch n m t l i thôi: m t l i thánh thiêng mang m t ý ngh a c bi t, có th là m t danh hi u c a Chúa, hay m t l i rút ra t Thánh Kinh.

Sau khi ã n nh c t th tho i mái và th giã c u nguy n, hãy nh p th nh nhàng và u n, hãy nh m m t l i và nói lên trong thnh l ng l i thánh thiêng ó, chú tâm vào s hi n di n c a Chúa và bi u l lòng ng thu n c a mình cho ho t ng c a Ngài n i b n thân mình. Khi nh ng t

³³⁰ Cenacle Team, “Lectures on Group Spiritual Accompaniment”

t ng hay c m nh n, nh ng hình nh và k ni m n i lên làm chia trí, hãy nh nhàng quay tr l i v i l i thánh thiêng ó và nó chi m l nh hi n tr ng c a ý th c. Không c n ph i làm gì nhi u h n th . Không có gì c bi t ph n u hay b t c k t qu rõ ràng nào t cho c. Khi th i gi c u nguy n ã h t, t sâu th m cu c i tho i thịnh l ng v i Chúa, hãy t t tr v cùng th gi i bên ngoài và nh ng ho t ng th ng nh t c a mình.³³¹

e. V t Qua Nh ng Khó Kh n và Kiên Trì Trong i S ng C u Nguy n³³²

Ng i ta ph i nh c các ch ng sinh nh nh ng th c t này: H có th g p nhi u khó kh n trong su t hành trình c u nguy n c a mình. C u nguy n không ch g m toàn nh ng kinh nghi m vui m ng và thích thú. Khô khan và t m t i c ng là m t ph n thi t y u trong quá trình tr ng thành và bi n i. T bi t mình không ph i luôn luôn là m t kinh nghi m vui thích, nh ng thông th ng là m t quá trình au n c a s ch p nh n chính mình c ch a lành. H ph i h c s ng khiêm nh ng, siêu thoát, t b và quên mình chi n u ch ng l i tính kiêu c ng t mẫn v i t t c nh ng s c kháng c ti m n c a nó. Ch v i lòng khiêm t n và s c i m v i n Chúa, h m i có th ng u trong cu c chi n u này.

Cách c u nguy n Á Châu này thúc y tr n v n con ng i vào trong m i t ng quan v i Chúa và làm bi n i con ng i cách l n lao trong m i chi u kích (th lý, tâm lý và

³³¹ Malen Java, “Lectures on Retreat Direction Seminar”..., ibid.

³³² Marcelino Fonts, “Lectures on Prayer in Asi an Context” ..., ibid.

thiên liêng): Siêu nhiên không phá hủy tự nhiên, nhưng thiên nhiên tự nhiên. Vì vậy, một khi áp dụng cách thức hành động nghe, thì gì n và tập trung, ngài ta càng trở nên ý thức hơn mình là ai và phải làm gì, không chỉ trong lịch sử của người n mà còn trong lịch sử hàng ngày của mình n a.

7. Thành Ng i Lãnh o C u Nguy n

a. H c Làm Sao Ch S C u Nguy n

“Linh m c ch có thể huấn luyện ngài khác trong trình của người n của Chúa Giêsu, n u chính Ngài đã huấn luyện trong trình đó và tập thể của ngài s ào luyện này.”³³³ Một khía cạnh cần biết trong chi tiết kích thích của của người n là vì chính của người n, phụng vụ và các bí tích, chính là Bí tích Thánh Thể.

Các chủng sinh luân phiên với các nhà đào tạo trong việc hướng dẫn ngài Kinh Sáng và ngài Kinh Chiếu. Nhưng chính ngài này cũng góp phần cho ngài kinh nghiệm hàng ngày của linh m c. Một trong những vai trò của ngài chính là giúp ngài đoàn kết của người n, bằng cách làm cho ngài đoàn kết với ngài vào trong chính mục đích của ngài hành. Tất cả những tác viên khác của ngài hành phụng vụ có vai trò của ngài, nhưng vai trò của linh m c có tầm quan trọng hàng đầu. Sự hiện diện, nhưng ngài suy niệm và phẩm chất các bài giảng của ngài mang tính thúc giục quy tâm.

Tuy nhiên, linh m c chính ngài đôi khi có cảm giác mình không thể của người n sống ngài. Ngài thường bị chi phối bởi tiến trình của ngài, bởi ngài chỉ biết ngài của ngài và

³³³ John Paul II, *Pastores Dabo Vobis* Ibid., no. 47

b i nh ng ph n ng c a c ng oàn. ôi khi ngài c m th y không hài lòng.

Vì th , các linh m c t ng lai c n ph i c chu n b cho l i kinh ph ng v mà h s ch s , v ph ng di n k thu t c ng nh ph ng di n thiêng liêng, h s ng nh ng gì h nói và th y. N u c chu n b th c s , v ch s s c m th y t do h n c u nguy n và qui t l i c u nguy n c a c ng oàn lên Chúa. V ch s luôn nói “chúng ta:” ngài không th c u nguy n gì ng h t nh các thành viên khác c a c ng oàn c u nguy n, h v n không có m t trách nhi m c bi t gì. Ngài ph i h ng d n c ng oàn c u nguy n, b ng c ch và l i nói, và ngài c u nguy n nhân danh toàn th c ng oàn. V ch s ph i chú tâm n nh ng lúc suy ni m trong ph ng v , úng theo nghi th c. Nh th , khi v ch s c u nguy n trong vai trò c a mình và úng theo vai trò c a mình, ngài s c u nguy n cách cá nhân.

Trong th i gian ch ng vi n, vi c hu n luy n ph ng v ph i cung ng cho ch ng sinh m t s chu n b t t cho vi c c hành, không ch v m t k thu t, mà nh t là v m t thiêng liêng. Ph i quan tâm cho các ch ng sinh có c h i lên ti ng trong c hành ph ng v (ch ng h n vào lúc b t u Thánh L). Vi c ó khi n h c g ng giúp c ng oàn i vào c u nguy n. Trong vi c th c thi s v c a mình, các phó t c ch s bí tích Thánh T y, bí tích Hôn Ph i và nghi th c An Táng. ng quên ti p t c ng hành giúp h khám phá ra ph n v c a h .

b. H c H ng D n Dân Chúa Trong Hành Trình Thiêng Liêng c a H

Các ngài sinh linh m c ph i chu n b chính h tr thành Thày d y L i Chúa, Th a tác viên Bí tích, và Ng i Lãnh o C ng oàn. Nói cách khác, h ph i h c làm sao h ng d n c ng oàn Dân Chúa trong i s ng thiêng liêng, c bi t trong vi c linh h ng. Trong lãnh v c này, ta ph i i u ch nh l i quan ni m cho r ng m i linh m c u có th tr thành v linh h ng, vì ngày nay vi c linh h ng và x ng t i có th tách bi t nhau. Nh ng ai mu n và c c t c làm linh h ng ph i c Chúa Thánh Th n kêu g i và ph i c ào t o k l ng. Do ó, t t c các ch ng sinh, nh t là các thầy trong n m phó t , ph i h c ngh thu t và k n ng làm linh h ng.³³⁴

E. C C u C a Vi c ào T o Thiêng Liêng

1. Vi c ào T o và Toà Trong/Toà Ngoài³³⁵

a. nh Ngh a T Ng

“Toà” là m t t g c Latinh và là m t thu t ng lu t pháp, có ngh a là m t n i công c ng mà ó s công b ng c xác l p. Trong quá kh , ng i ta phân bi t *toà trong* nh n i phán x l ng tâm c a m t ng i và *toà ngoài* nh toà án c a ng i i, ch ng h n nh chính quy n hay công an. Trong vi c bi n phân n g i, toà c quan ni m nh “quy n” phê phán n g i c a m t ch ng sinh h ng t i ch c linh m c.

ây c ng có hai m c , toà ngoài và toà trong, nh ng i t ng c a phê phán không hoàn toàn nh nhau, tùy theo t ng toà.

³³⁴ Xem Ph l c “ ng sinh h c tr thành v linh h ng t t.”

³³⁵ Bernard Pitaud, “L’Ecole Francaise et La Protection du Sujet: For Interne et For Externe dans les Seminaries”, Le Supplément, (Septembre 2002), no. 222.

b. Toà Trong

Khi nói về toà trong, người ta có ý nói về việc phán xét trong lòng tâm cá nhân sinh. Anh quy định trình diễn về Hi Thánh trở thành một linh mục, vì anh cảm thấy Chúa Giê. Chính anh phân định những cái anh, để sinh động về linh hồn. Việc này theo sau một thời gian suy nghĩ chín chắn, đó, theo sự phán đoán cá nhân mình, anh đánh giá rằng anh có khả năng phục vụ Hi Thánh như một linh mục. Việc suy nghĩ này có liên hành động hình thức một phân định thiêng liêng về một khách quan cá nhân và duy nhất cá nhân, qua đó tôi về một linh hồn. Chính vì linh hồn mà việc phân định hoàn tất.

Mặc dù toà trong là lòng tâm cá nhân sinh, nhưng không có nghĩa là linh hồn không có vai trò gì trong tiến trình này. Thế nhưng về linh hồn đi vào trong tiến trình này bằng cách cá nhân ý kiến riêng làm sao ngài kinh nghiệm về cá nhân sinh về Chúa Giê. Linh hồn có lý mạnh mẽ can thiệp, nhưng ngài cảm thấy ngài không làm một công việc nghiêm trọng. Nhưng trong một trình độ, cá nhân sinh không thể bỏ phí làm gì, ngài trình bày những nguyên tắc là đánh giá, phán đoán, và quy định cá nhân. Sự hiện hữu của toà trong về cá nhân thì trong nhu cầu của Chúa Giê một con người. Quyển này, toà trong là niềm tin cá nhân sinh niềm tin lý tưởng, một cách cá nhân tâm và đạo, qua bất cứ con người nào mà niềm tin lý tưởng.

c. Toà Ngoài

Toà ngoài là quy định và phê phán cá nhân khác hẳn là cá nhân sinh. Trong trình độ đánh giá một thanh niên có thích hợp về chức linh mục hay không, trách nhiệm

cao nh t thu c v Giám M c. Trách nhi m này th ng c ngài u cho nh ng ng i thích h p. T i Vi t Nam, ó là nh ng thành viên thu c h i ng ch ng vi n. H i ng này ph i phán quy t m t thanh niên có thích h p hay không tr thành linh m c. Trong ti n trình ánh giá cu i cùng, h i ng s gi i thi u ng viên lên Giám M c xin ngài phong ch c.

2. Ti n Trình và S T ng Tác Gi a Hai Tòa

a. Khác Bi t Nh ng B Túc Cho Nhau

Toà trong óng vai trò b túc, nh ng l i hoàn toàn khác bi t v i toà ngoài. Th t v y, i u mà v linh h ng khám phá v ch ng sinh toà trong s không c tí t l ra toà ngoài. D ki n này có cùng m t qui ch nh c a toà gi i t i.³³⁶ i u này không ch b o v ch ng sinh, mà còn c ng hi n cho anh s tín nhi m và tin t ng r ng i u gì anh ã b c l tòa trong v n c gi kín.

Trong quá trình phân nh ng i, m i quan tâm c a c hai ng i, ch ng sinh và v linh h ng, là l i ích c a H i Thánh. Ch ng sinh không tìm phân nh ý riêng hay c v ng cá nhân c a mình. úng h n, anh tìm khám phá ý mu n c a Chúa cho anh, b ng cách phân tích các kh n ng và ng l c c a anh i v i nh ng k v ng và nhu c u c a H i Thánh. Do ó, toà trong, v linh h ng không ch là ng i th ng l ng nghe, song ngài ph i s n lòng và có kh n ng thách và i u, khi s vi c òi h i, giúp ch ng sinh tr i qua m t ti n trình phân nh ng i ích th c.

³³⁶ St. Patrick's Seminary, *The Mentoring and Advising of Seminarians* (Menlo Park, California: St.Patrick's Seminary, 2001), pp.37 - 38

Thông thường ở toà ngoài, vị Giám đốc chủng viện có trách nhiệm hàng đầu trong việc đánh giá tính thích hợp hay không của chủng sinh với chức linh mục. Vì thế, ngài không thể đóng một vai trò nào ở toà trong. Sự hiểu biết có được về chủng sinh ở toà ngoài đều do nhận xét của nhiều nhà đào tạo. Vì toà ngoài không trực tiếp nghiên cứu sâu vào nội tâm của chủng sinh, nên sự hiểu biết có được thường có một mức độ chắc chắn khác và ít hơn sự chắc chắn có được ở toà trong.

Một câu hỏi căn bản là: Người này có được Chúa kêu gọi không? Tất cả các nhận xét đều nhằm trả lời câu hỏi này. Trong khi tìm trả lời câu hỏi này, các nhà đào tạo sẽ thừa nhận với tất cả khiêm tốn rằng Chúa kêu gọi người yếu đuối để làm xấu hổ kẻ hùng mạnh! (x. 1Cr 1, 26-29). Không phải Giáo Hội kêu gọi ứng sinh, nhưng là chính Thiên Chúa. Vai trò của Giáo Hội là đánh giá lời kêu gọi ấy và rồi chấp nhận ứng sinh với vui mừng và tạ ơn Thiên Chúa.

b. Th c Hành Chuyên Biệt

Vị linh hướng không bao giờ được nói về những người ngài tháp tùng, không nói với hội đồng và cũng chẳng nói riêng với ai ngoài hội đồng, không được lên tiếng đề kết án mà cũng chẳng được lên tiếng để bảo vệ: ngài phải im lặng khi hội đồng nói về người thụ hưởng của mình. Chỉ vị Bề Trên nói lại cho chủng sinh ý kiến của hội đồng và đại diện cho hội đồng chủng viện bên cạnh Giám Mục. Một cách rõ ràng, sự bảo mật này là bảo đảm cho tự do nội tâm của chủng sinh. Nhưng vị linh hướng có thể nghe trong hội đồng những quan điểm khác quan điểm của ngài về người thụ hưởng của ngài. Như thế, vị linh hướng có thể được thông tin về những yếu tố khác, nhờ đó ngài sẽ phân định tốt hơn phán đoán của ngài và

chọn lựa sự giúp đỡ thích hợp mà ngài có thể mang lại cho người thụ hưởng của ngài.

Toà ngoài sẽ hình thành phán quyết của mình về các chủng sinh từ sự hiểu biết trong việc tháp tùng hằng ngày của tiến trình đào tạo, bởi vì cuộc sống hằng ngày mạc khải trọn vẹn tất cả con người. Như thế, cả hai toà trong và toà ngoài không đối nghịch nhau, nhưng bổ túc cho nhau để phục vụ một công việc của Hội Thánh.

c. Khác Biệt

Rõ ràng vì có hai toà cùng trong một tiến trình phân định ơn gọi, nên luôn có khả năng là kết quả không đồng ý được với nhau.

Một danger, có thể xảy ra là một người đã tự trình diện với Giáo Hội như một người đã được kêu gọi, nhưng anh lại nhận thấy rằng cảm thức được gọi của anh là sai lầm. Thế mà, vị giám đốc và hội đồng có thể đã đi tới quyết định rằng người này rất xứng đáng và có khả năng theo đuổi việc chuẩn bị chịu chức linh mục. Trong trường hợp này, vị giám đốc và hội đồng chỉ có thể chấp nhận sự chân thành trong nhận định mới của người đó, tin tưởng rằng Chúa sẽ sử dụng anh cách tốt lành cho lợi ích của Giáo Hội.

Trường hợp khác biệt thứ hai không dễ giải quyết. Đó là trường hợp khi vị giám đốc và hội đồng đều đồng ý rằng, trong thời gian này, không nên cho chủng sinh này tiếp tục ở trong chủng viện nữa, trong khi đó anh ta lại xác tín rằng anh được Chúa kêu gọi làm linh mục. Tiến trình phân định ơn gọi và những quyết định của chủng sinh này không thể phủ nhận. Tuy nhiên, căn bản của quyết định tòa ngoài phải được giải

thích cho ứng sinh, để anh có thể cố gắng hiểu và chấp nhận quyết định đã được đưa ra ở tòa ngoài.

Tòa ngoài có thể đồng ý rằng chủng sinh này có một đặc tính, hay một thái độ có thể làm thiệt hại việc anh thực thi phận vụ với tư cách linh mục, nhưng có thể sửa chữa được. Trong trường hợp này, nên yêu cầu ứng sinh rời khỏi chủng viện và ra sống ở ngoài chủng viện cho tới khi vấn đề đã được sửa chữa. Như thế, cánh cửa chủng viện không hoàn toàn đóng lại đối với anh. Anh được khuyến khích tiếp tục tương quan linh hướng, ngõ hầu khám phá ra Chúa kêu gọi anh thế nào để phục vụ Hội Thánh Chúa và Dân Người.

Thông thường hơn, tòa ngoài đạt tới một quyết định rằng người nọ quả thực không thích hợp để được chấp nhận là ứng sinh linh mục. Chắc chắn điều đó phải được giải thích cho anh cách tế nhị và tình cảm. Ở Việt Nam, quyết định rời khỏi chủng viện chịu ảnh hưởng sâu xa bởi gia đình và áp lực của xã hội, cũng như bởi cảm thức xấu hổ, ân nghĩa và tình bạn bè. Chủng viện nên hướng dẫn anh làm một chọn lựa đúng đắn và giúp họ vượt qua các khó khăn. Trong việc này, Giám Mục nên ủng hộ quyết định của chủng viện.³³⁷

F. Nhiệm Tác Nhân ào T o

1. Công oàn Giáo D c

³³⁷ CBCP, The Philippine Program of Priestly Formation 1972 ...
ibid., p.48

“Việc đào tạo linh mục được hiệu quả nhất ở trong cộng đoàn, được hiểu như một mạng lưới hữu cơ của mối tương quan liên nhân vị.”³³⁸ Vì thế, chủng viện phải được quan niệm như một cộng đoàn giáo dục,³³⁹ nơi mà chủng sinh được hướng dẫn “không chỉ tới chức linh mục, song còn khám phá và sống đời sống của Chúa Giêsu.”³⁴⁰

Cộng đoàn giáo dục này gắn liền với việc thực thi tập thể trách nhiệm của các nhà đào tạo trước tiên. Nó cũng mời gọi các chủng sinh đảm nhận trách nhiệm hàng đầu của việc đào tạo chính họ, và cộng tác vào việc đào tạo các bạn của họ, nhờ đời sống chung của chủng viện.³⁴¹ Yếu tố căn bản của việc đào tạo linh mục là kiến tạo bầu khí kiên định, trước sau như một, thích hợp cho việc phát triển tâm lý và thiêng liêng. Sự thật và tính đơn sơ trong mối tương quan dẫn đến việc chỉ bảo lẫn nhau, chấp nhận lẫn nhau, ý thức chung về lợi ích chung và niềm vui chung trong việc tìm kiếm và phục vụ Chúa.

Những nhóm nhỏ công hiến nhiều cơ hội chia sẻ đức tin, kiếm điểm đời sống và kinh nghiệm cầu nguyện sẽ góp phần làm phát triển cộng đoàn giáo dục ấy. Cộng đoàn giáo dục này cũng mở ra với các cơ chế cộng đoàn của Giáo Hội địa

³³⁸ National Conference of Catholic Bishops United States of America (NCCB), *The Program of Priestly Formation* (Washington DC: United States Catholic Conference, Third Edition, 1982), p.31

³³⁹ John Paul II, *Pastores Dabo Vobis* Ibid.,no.60,66

³⁴⁰ Honorato C. Castigador, “We’ve on ly Just Begun”, in *Gathered around Jesus* (Manila Philippines : University of Santo Tomas Central Seminary 2004), p.254.

³⁴¹ Society of Priests of Saint-Sulpice, *The Constitutions 1982* (Paris: The Society of Priests of Saint-Sulpice, 2003), art.14

phương, nơi mà các ứng sinh sẽ lãnh nhận được kinh nghiệm mục vụ phục vụ đoàn chiên Chúa. Những kinh nghiệm về Giáo Hội này lớn hơn kinh nghiệm mà cộng đoàn chủng viện cống hiến cho họ. Các kinh nghiệm ấy sẽ đào tạo ý thức mục vụ và tinh thần tông đồ của chủng sinh, đồng thời giúp họ khám phá ra cách cụ thể tính cấp bách của việc loan báo Tin Mừng, ý nghĩa và những đòi hỏi của cuộc đời họ, được trọn vẹn hiến dâng cho việc phục vụ Dân Chúa. Nhưng những kinh nghiệm ấy chỉ sinh hoa kết quả nhờ một suy tư thần học và tu đức được các nhà đào tạo tốt gọi lên và hướng dẫn.³⁴²

2. Chính ng Sinh³⁴³

Việc đào tạo sẽ mất đi hiệu quả của nó, nếu nó không bao hàm sự tham gia cá nhân của ứng sinh, nghĩa là sự tự đào tạo của anh. Chính vì thế, Đức Gioan Phaolo II đã nhắc nhở rằng chính ứng sinh là nhân tố cần thiết và không thể thay thế được trong việc đào tạo của chính anh: “Tự đào tạo là tối quan trọng trong tất cả mọi công cuộc đào tạo, kể cả đào tạo linh mục. Không ai có thể thay thế chúng ta trong sự tự do có trách nhiệm mà chúng ta có được như là những nhân vị độc đáo.”³⁴⁴

Vâng, tự đào tạo là yếu tố quyết định đưa tới thành công trong việc đào tạo thiêng liêng. Mặc dù Chúa Thánh Thần là tác nhân tuyệt hảo trong việc đào tạo này, ứng sinh phải hoàn toàn tự do đón nhận tác động định hình Ngài. Cũng thế, hoạt động của các nhà đào tạo khác nhau sẽ chỉ “trở nên

³⁴² Hội Xuân Bích, *Đào T o Linh M c: Ngu n Canh Tân Giáo H i*, Đại Chủng Viện Huế (1995), trang 198-199

³⁴³ CCE, *Ratio Fundamentalis Institutionis Sacerdotalis*,...ibid, no. 39-43

³⁴⁴ John Paul II, *Pastores Dabo Vobis* Ibid.,no.69

thực sự và đầy đủ hiệu quả, nếu ứng sinh này công hiến sự cộng tác chân thành và xác tín của chính anh vào công cuộc đào tạo này.”³⁴⁵

Quan niệm Á Châu “không thầy đố mày làm nên” ngày nay đã được thay đổi: nếu không có sự thực hành của trò thì những giáo điều và lý thuyết của thầy chỉ là những lời hoa mỹ thôi. Điều rất quan trọng là việc đào tạo phải cung cấp cho ứng sinh cách suy nghĩ mới, cách sống mới, cách hành động mới, cách yêu thương mới và cách làm chứng mới cho Tin Mừng. Nhưng điều còn quan trọng hơn nữa là việc tự đào tạo này phải đem sự hiểu biết hữu ích đó ra thực hiện. Sự cộng tác chặt chẽ giữa hai phía, đào tạo và tự đào tạo, là điều kiện tiên quyết cho mọi thành công, và dĩ nhiên với ơn Chúa nữa. Vì thế, Pastores Dabo Vobis đòi hỏi: “Các ứng sinh linh mục phải hết sức ý thức chuẩn bị chính mình để đón nhận ơn Chúa và đem ra thực hành, biết rằng Giáo Hội và thế giới đang rất cần đến họ.”³⁴⁶

3. Các Nhà ào T o³⁴⁷

a. Chúa Giêsu, G ng M u Cua Nhà ào T o

Để đồng hành với chủng sinh và giúp họ trở nên linh mục đích thực, các nhà đào tạo phải là những người đầu tiên bước theo mẫu gương hoàn hảo là Chúa Giêsu, Đấng đã dạy dỗ với ví dụ cụ thể bằng cách rửa chân cho các môn đệ (x. Ga 13,12-15). Ngài yêu thương họ và đối xử với họ như bạn hữu. Ngài sống với họ và đồng hành với họ trên hành trình

³⁴⁵ Ibid.

³⁴⁶ John Paul II, *Pastores Dabo Vobis* Ibid.,no.82

³⁴⁷ CCE, *RFIS*,...ibid, no. 32-38

trưởng thành đức tin và thiêng liêng bằng tình yêu thương, kiên nhẫn, sẵn sàng, và sự tận tâm của Ngài. Ngài biết rõ họ từng người một: tính tình, phẩm chất và những điểm yếu của họ. Ngài bao dung trước sự yếu đuối, khuyết điểm, những tham vọng trần thế, cứng đầu cứng cổ, yếu lòng tin và chậm hiểu mầu nhiệm Nước Trời của họ, và Ngài kiên nhẫn chờ đợi sự giáo dục bổ túc của Chúa Thánh Thần cho họ (x. Ga 16,12). Ngài cầu nguyện cho họ và trao họ cho Cha trên trời gìn giữ và bảo vệ (x. Ga 17,15).

Vâng, không ai có thể cho điều mình không có. Để đào tạo chủng sinh trở thành linh mục, các nhà đào tạo phải luôn qui chiếu về Chúa Giêsu và trở nên đồng hình đồng dạng với Chúa Giêsu là mẫu gương vĩnh cửu của mọi linh mục, hôm qua, hôm nay và mãi mãi.³⁴⁸ Họ phải trở nên những chứng nhân đích thực của Chúa Giêsu, đôi khi cả chứng tá câm nín bằng cuộc sống. Những ai dấn thân vào công cuộc đào tạo, nhất là đào tạo thiêng liêng, phải được liên tục cập nhật và đào tạo. Sự hiện diện đồng hành và chứng tá của các nhà đào tạo phải được gia tăng vì lợi ích của chủng sinh. Các ngài nên tỏ lòng yêu thương hơn đối với họ, như các bậc cha mẹ vốn làm khi nuôi lớn con cái, trong vai trò cố vấn hay hướng dẫn vì sự phát triển toàn diện của họ.

b. Vai Trò và S H i p N h t c a i N g ào T o

Đội ngũ đào tạo phải thực hiện thực hành trách nhiệm tập thể, cùng với sự cộng tác của các ứng sinh, của hàng giáo sĩ giáo phận, và của các thành viên khác của cộng đoàn Kitô, vì sự phát triển toàn diện của các ứng sinh linh mục.

³⁴⁸ FABC, 7th Plenary Assembly, Workshop Discussion : Spiritual Direction, Emphasis on an Asian Approach, Paper No. 92d, Appendix II

Những Chấn Động Liên Quan Với Chức Các Nhà Đào Tạo Cho Công Việc Quả quyết rằng việc chọn lựa và đào tạo các nhà giáo dục, ngay cả khi họ rất giỏi, là “không đủ, nếu họ không có khả năng thiết lập ‘đội ngũ giảng dạy’ thực sự và thích hợp, mà mọi thành viên đều hợp nhất tinh thần và cộng tác huynh đệ.”³⁴⁹ Họ phải cùng với các ứng sinh xây dựng một cộng đồng giáo dục bằng việc chia sẻ đời sống và đối thoại chân thành.

Cộng đồng giáo dục này cho phép sự đồng trách nhiệm, đổi chất khi cần thiết, phân định và đánh giá tốt hơn các ơn gọi, qua việc tiếp xúc cá nhân, gương sáng và linh hướng đều đặn. Việc tham dự các cuộc họp của hội đồng chủng viện biểu lộ rõ nét trách nhiệm tập thể này.³⁵⁰ Tất cả các nhà đào tạo làm việc chung với nhau dưới sự lãnh đạo của vị giám đốc, bắt nhịp với những thực tại của Giáo Hội và của thế giới.

Các ngài phải đào sâu các nguyên tắc của đời sống thiêng liêng và sự hiểu biết tâm lý cần thiết cho vai trò hướng dẫn và cố vấn. **T do thiêng liêng** của ứng sinh là một mối quan tâm lớn hơn, được nhấn mạnh bởi một sự phân biệt rõ ràng về trách nhiệm giữa toà trong và toà ngoài. Sự hiệp nhất với Chúa Kitô là khuôn mẫu của việc thống nhất đời sống của các ngài và những khía cạnh đào tạo khác nhau (nhân bản, thiêng liêng, tri thức, cộng đồng và mục vụ). Các ngài nên làm cho chính mình trở nên dễ dàng cho những ai đến với các ngài để xưng tội và linh hướng. Vai trò quan trọng nhất của các

³⁴⁹ CCE, Directives Concerning the Preparation of Seminary Educators (Rome, 1993), no. 11

³⁵⁰ Society of Priests of Saint-Sulpice, The Constitutions 1982..., *ibid.*, arts. 10-26

ngài là đào tạo nơi chùng sinh lòng quý trọng và yêu thích sự thật, óc phê bình thực sự với sự sáng suốt, quân bình và khiêm tốn.

Các ngài phải phát huy khả năng giảng dạy và cập nhật hoá kiến thức của mình bằng việc cải tiến phương pháp, cùng thực hiện những cập nhật cần thiết đối với những nhu cầu hiện tại của Giáo Hội, giữa một thế giới đang đổi thay nhanh chóng, trong sự trung thành với Mạc Khải và Huấn Quyền.

c. C n Nh ng Nhà ào T o Có Ph m Ch t

Phẩm chất và đức tính của các nhà đào tạo là hết sức quan trọng. Họ phải là những con người của đời sống cầu nguyện sâu xa, khiêm tốn và khôn ngoan. Họ cần “được tuyển chọn giữa những người ưu tú, được chuẩn bị kỹ lưỡng bởi một nền giáo lý vững chắc, một kinh nghiệm mục vụ thích hợp, được huấn luyện đặc biệt về thiêng liêng và sư phạm.”³⁵¹

Đức Gioan Phaolô II đã ký thác cho các Giám Mục “trách nhiệm nặng nề đào tạo những người sẽ được giao phó nhiệm vụ giáo dục các linh mục tương lai.”³⁵² Ngài còn căn dặn rằng “họ cần nhận được một đào tạo chuyên biệt chú trọng về linh đạo linh mục, nghệ thuật linh hướng, và những khía cạnh khác của nhiệm vụ khó khăn và tế nhị đang chờ đợi họ trong việc giáo dục các linh mục tương lai.”³⁵³

³⁵¹ Vatican II, *Optatam Totius* ..., ibid.,no.4

³⁵² John Paul II, *Pastores Dabo Vobis* ..., ibid., no.66; CCE, *Directives Concerning the Preparation of Seminary Educators* ...ibid..., no. 1

³⁵³ John Paul II, *Ecclesia in Asia* ... ibid., no. 43

4. V Linh H ng

a. Vai Trò Thi t Y u c a Chúa Thánh Th n

Chúa Thánh Thần luôn hoạt động trong Hội Thánh, trong thế giới và trong từng con người. Mỗi người phải để cho Chúa Thánh Thần hướng dẫn và nắn đúc con tim, tình cảm và đời sống nội tâm của mình ngõ hầu sống giống như Đức Giêsu Nagiaret đã sống: là sự kéo dài của Đức Giêsu trong lịch sử và hoàn toàn hiến mình cho Thiên Chúa như của lễ toàn thiêu.³⁵⁴ Sức mạnh của Chúa Thánh Thần luôn luôn “có đó để soi sáng, tăng sức và hoàn thiện sứ vụ của chúng ta.”³⁵⁵

Đào tạo thiêng liêng là công việc của Chúa Thánh Thần và Ngài là vị linh hướng đích thực. Vị linh hướng chỉ là dụng cụ của Chúa Thánh Thần: vị linh hướng hướng dẫn chúng sinh, nhưng chính ngài cũng được hướng dẫn bởi Chúa Thánh Thần và vị đồng hành thiêng liêng của ngài. Chỉ có Chúa Thánh Thần mới biết đầy đủ và có thể biến đổi một con người: “Bất cứ sự thay đổi đích thực và bền lâu nào cũng đều chỉ đến từ Chúa Thánh Thần, Đấng hoạt động trực tiếp trên dân chúng và trong mọi hoàn cảnh.”³⁵⁶ Ngài sẽ soi sáng cho chúng ta vào lúc thích hợp những gì phải nói và nói thế nào (x. Mt 10,19-20). Nhưng, “một thừa tác viên được hướng dẫn tốt của Chúa (họ có thể là giáo sĩ, tu sĩ hoặc giáo dân), sẽ hướng dẫn người khác

³⁵⁴ Domingo Moraleda, “Lectures on Theology of the Forms of Christian Life in The Church”

³⁵⁵ Synod of Bishop 1971, *the Ministerial Priesthood* (November 30, 1971).

³⁵⁶ Amelia Vasquez, “Fidelity in Vowed Life: Religious Life,” *Religious Life Asia* 5 (1-3,2003): 52

cách hữu hiệu trong hành trình thiêng liêng.”³⁵⁷ Nếu vị linh hướng luôn luôn “ngoan ngoãn vâng theo những linh hứng của Chúa Thánh Thần,”³⁵⁸ người có thể làm việc cùng với Ngài: “Thánh Thần và chúng tôi” (Cv 15,28).

b. Vai Trò Quan Trọng của Vị Linh Hướng

Các vị linh hướng phải là những người có khả năng hiểu được hoạt động của Thánh Thần Thiên Chúa nơi những người thụ hướng và giúp họ “phân định các đường lối Chúa.”³⁵⁹ Họ phải là những chứng nhân bằng chính con người và toàn bộ đời sống đức tin - nhân bản của họ để người được đào tạo lắng nghe và tuân giữ.³⁶⁰ Họ phải khơi dậy lòng tin nhiệm nơi người thụ hướng bởi thái độ đón tiếp niềm nở và chân thành, đồng thời nuôi dưỡng một tinh thần tin cậy nhờ sự cẩn mật của họ, có thể thì những người thụ hướng mới có thể tự do nói lên những trăn trở riêng tư, đặc biệt trong lãnh vực giới tính.

Các vị linh hướng phải cập nhật các kỹ năng linh hướng, những hiểu biết về tâm sinh lý, khả năng tư vấn và các đề tài thích hợp khác để có thể nâng cao chuyên môn của mình: “những khám phá của khoa tâm lý học, những gợi ý từ y học hiện đại và những điều tra về xã hội học, được áp dụng

³⁵⁷ FABC, Seventh Plenary Assembly, Workshop Discussion : Spiritual Direction, Emphasis on an Asian Approach ... ibid. no.2

³⁵⁸ “A Church That Has No Fear of the Future”...,ibid.no.2

³⁵⁹ CCE, Spiritual Formation in Seminaries ... ibid., p.20

³⁶⁰ FABC, Seventh Plenary Assembly, Workshop Discussion : Spiritual Direction, Emphasis on an Asian Approach ... ibid.

vào bối cảnh nền tảng của con người, đều rất hữu ích.”³⁶¹ Họ có thể rút ra được một chương trình linh hướng có hệ thống và dễ hiểu qua con đường trao đổi với các đồng nghiệp. Họ nên tham dự các khoá bồi dưỡng định kỳ dành cho các vị linh hướng, cả hai hạng, vừa huấn luyện các vị linh hướng mới, vừa cập nhật hoá cho các vị linh hướng cũ, nhờ đó khả năng của họ có thể tiến bộ liên tục hầu đáp ứng nhu cầu của người thụ hướng. Thật là lợi ích khi thỉnh thoảng có cuộc tĩnh tâm dành riêng cho các vị linh hướng thuộc các chủng viện khác nhau.³⁶²

c. Nguyên Tắc Khi Cần Thay Vị Linh Hướng

Có thể xảy ra trường hợp thiếu hoặc mất tín nhiệm, thì “việc đổi linh hướng là luôn có thể và đôi khi đáng ao ước nữa.”³⁶³ Chúng sinh có thể đề nghị trước. Đôi khi, vị linh hướng sẽ yêu cầu chúng sinh đi linh hướng với người khác, bởi vì ngài nghĩ rằng ngài sẽ không thể tiếp tục trách nhiệm nữa.”³⁶⁴

Vì lợi ích của người thụ hướng, những nguyên tắc sau đây giúp anh phân định xem có nên hay không tiếp tục gặp một vị linh hướng cá biệt. Anh hãy thận trọng xem xét các động lực khiến anh muốn thay đổi vị linh hướng của anh: Có phải do mâu thuẫn cá nhân không? Có phải anh muốn thoát khỏi bị

³⁶¹ FABC, Seventh Plenary Assembly, Workshop Discussion : Spiritual Direction, Emphasis on an Asian Approach ... ibid.

³⁶² FABC, “Seminar for Rectors and Spiritual Directors of Asian Seminaries at Seoul, Korea 1999”, in *For all Peoples of Asia 3* (Quezon : The Claretian Publication, 2003), p. 25

³⁶³ Compagnie des Prêtres de Saint-Sulpice, *Former des Prêtres Aujourd'hui* (France: Compagnie des Prêtres de Saint-Sulpice, 1992)

³⁶⁴ Ibid., p.33

thách đố? Có phải anh đang phóng chiếu những đức tính tiêu cực như hách dịch, vô cảm, thiếu thông cảm và hiểu biết lên vị linh hướng của anh ? Có những mong đợi không thực tiễn chẳng? Có phải vì vị linh hướng từ chối cung cấp thêm ảo tưởng của anh ? Anh cần tranh luận với vị linh hướng về những khó khăn mà anh đang trải nghiệm trong giao tế? Anh có tiếp tục nhận được ích lợi thiêng liêng từ việc hướng dẫn này không? Có vị linh hướng khác mà anh bị lôi cuốn chẳng? Đó là những lý do?

Người thụ hướng cần phải có đủ thời gian để suy nghĩ về toàn bộ vấn đề trước khi đưa ra một quyết định. Anh không nên vội vã, nhưng nên bàn hỏi vấn đề này với một người trung lập. Có phải đó là sự chần chừ tự nhiên, vì sự hướng dẫn tìm kiếm đã được thực hiện? Liệu đây có phải là thời gian để thay đổi vì hoàn cảnh của người thụ hướng hay của vị linh hướng, hoặc của cả hai?: thay đổi sự bổ nhiệm, chuyển sang giai đoạn huấn luyện khác? Hay còn những việc khác xem ra gặp phải trên đường tương quan linh hướng như: thời gian, lòng tin nhiệm, hấp dẫn giới tính, đổ vỡ giá trị?³⁶⁵

5. V Giám c và H i ng

Ratio Fundamentalis Institutionis Sacerdotalis khuyến Giám Mục bổ nhiệm vị giám đốc “sau khi tham khảo cẩn thận.”³⁶⁶ Như là trung tâm của chủng viện, vị giám đốc phải là mẫu mực đức tin và bác ái trong sứ vụ và đời sống linh mục, với một viễn ảnh rõ ràng về Giáo Hội của tương lai. Ngài phải được cập nhật cách triệt để và quen thuộc với những văn kiện

³⁶⁵ Judette A. Gallares, “Lectures on Perspectives for Spiritual Direction and Discernment”

³⁶⁶ CCE, *Spiritual Formation in Seminaries* ... ibid., no.28-30

của Giáo Hội liên quan tới việc đào tạo linh mục. Ngài cũng phải rõ ràng về khoa Giáo hội học của Giáo Hội và có khả năng xây dựng một đội ngũ đào tạo hiệp nhất và làm việc cho một viễn ảnh chung của chủng viện. Ngài phải vô tư, không thiên vị và có thể đưa ra những quyết định đúng đắn và công bằng.

Ngài cũng nên liên kết với các vị giám đốc và các nhà đào tạo thuộc các chủng viện khác ở Việt Nam cũng như ở các nước Á châu, trong tinh thần của một cuộc trao đổi huynh đệ và hiệu quả. Ngài cần can đảm và thận trọng trong việc tuyển chọn các ứng sinh, lúc chiêu sinh cũng như trong thời gian đào tạo, nhấn mạnh đến chất lượng hơn số lượng. Ngài nên có một sự hiện diện hữu hiệu trong chủng viện. Sự chia sẻ đời sống hằng ngày trong chủng viện, tính đều đặn và gương sáng của ngài là hết sức quan trọng đối với chủng sinh. Ngài nên soạn thảo một chương trình cho các linh mục mới chịu chức trong vòng năm năm đầu tiên sau khi thụ phong, với sự chấp thuận và giúp đỡ của Giám Mục.³⁶⁷

6. Nhóm Nh Các B n ng Môn

Ngày nay người ta nhấn mạnh nhiều đến tính năng động của nhóm đào tạo. Dưới Ban Giám Đốc, một Ban Đại Diện, được anh em bạn bầu lên, tham gia vào việc điều hành chủng viện. Cộng đoàn chủng viện được phân chia thành nhiều

³⁶⁷ Seminar for Rectors and Spiritual Directors of Asian Seminaries at Seoul, Korea 1999”, in *For all Peoples of Asia 3* ...,ibid.pp.24-25

nhóm nhỏ, nhằm thăng tiến việc làm việc nhóm và đời sống cộng đoàn.³⁶⁸

Các nhóm nhỏ chủng sinh được hình thành theo các trình độ khác nhau hoặc theo năm đào tạo. Một người trong ban đào tạo được chỉ định làm linh hoạt viên của nhóm, để duy trì thể quân bình giữa đời sống cấp nhóm và đời sống cấp chủng viện. Phải nhấn đến cả hai, các cá nhân và nhóm, như một toàn thể, ngõ hầu bảo đảm được sự trưởng thành của cả hai, cá nhân và tập thể.

Đời sống trong nhóm gồm có những lúc cầu nguyện, gặp gỡ hàng tuần về một đề tài thuộc đời sống thiêng liêng (chia sẻ đức tin), những giờ giải trí, các hoạt động mục vụ, trách nhiệm phụng vụ và các dịch vụ hàng ngày.³⁶⁹ “Sự tương tác trong những nhóm như thế giúp phát triển sự tin tưởng lẫn nhau, truyền thông và chia sẻ, góp phần xây dựng một cộng đoàn đúng nghĩa.”³⁷⁰

Nhóm nhỏ này có thể trở thành một nhóm bạn thân có thể dễ dàng thực hành việc “chỉ bảo huynh đệ.”³⁷¹ Thường người ta không dám sửa lỗi người khác, phần vì con người ai cũng yếu đuối và bất toàn, phần vì tế nhị hay sợ phản ứng tiêu

³⁶⁸ “Seminary Formation Program should meet Needs of Church, Society” (Nha Trang, October 19, 1999), Ucanews. Com/archives, truy cập ngày 3.11. 2004.

³⁶⁹ Đây là một sự phạm thực hành của hầu hết các Chủng viện Việt Nam.

³⁷⁰ NCCB, *the Program of Priestly Formation* ... *ibid.*, p.33

³⁷¹ Matthew 18, 15-17; Luke 17,3; John 8,17; 1 Timothy 5,19; 2 Corinthians 13,1

cực từ phía người kia, hay ít nhất để tránh hiểu lầm nhau, mâu thuẫn và xung đột có thể có. Vậy, cách tốt hơn và dễ hơn là mọi người đồng ý thỏa thuận với nhau rằng “nếu một người trong nhóm thấy người khác có lỗi, thì người này sẽ nói với người đó về lỗi ấy.”

Trong bối cảnh cuộc gặp gỡ hàng tuần chia sẻ Phúc Âm và kiểm điểm đời sống, mỗi người có thể góp ý phản hồi cho người khác và giúp nhau tiến bộ hơn trong tiến trình đào tạo chủng viện và tự đào tạo, hy vọng tiến tới “tình huynh đệ bí tích” của chức linh mục (x.Tv 133, 1). Tiến trình này đòi hỏi phải có ý ngay lành, sự sẵn sàng để thay đổi, lòng can đảm, tình bác ái, và nhất là ơn Chúa.

Trong cấp độ đời sống nhóm này, mỗi người phải học biết chăm chú lắng nghe và cho người khác ý kiến phản hồi cách thích hợp. Mỗi người cũng phải học biết chấp nhận chính mình và chấp nhận người khác: càng biết nhìn nhận lỗi lầm, thiếu sót, giới hạn, yếu đuối và bất lực của mình, ta càng trở nên khiêm tốn hơn; càng biết chấp nhận những bất lợi đó của người khác, ta càng trở nên độ lượng và cảm thông hơn.

Đời sống nhóm giúp mỗi thành viên khám phá và phát triển những tài năng, tài năng tự nhiên và tài năng đạt được từ kinh nghiệm cuộc sống. Mọi người đều được Thiên Chúa kêu gọi và trao cho một số ân huệ để mở rộng Nước Thiên Chúa. Mỗi người có trách nhiệm tìm biết và phát triển nhưng ân huệ ấy. Chẳng ai sở hữu được mọi ân huệ của Thiên Chúa, nhưng những ân huệ cần thiết cho sứ mạng luôn hiện diện trong cộng đoàn, và cộng đoàn là nơi cần thiết để nhận ra các ân huệ của mỗi thành viên (x. 1Cr 12-14).

Tuy nhiên, nhiều khi người ta phải chịu đựng những khó khăn và xung đột do ý niệm sai lầm hoặc đặt không đúng chỗ đức khiêm nhường, sợ hãi, ghen tị hay thèm muốn ân huệ của người khác (x. Gal 5,26). Nếu biết chú ý tới những khác biệt của tha nhân, đánh giá sự độc đáo của người khác với sự hiểu biết tích cực, coi những xung đột chỉ là một phần cần thiết trong tiến trình sáng tạo, chứ không phải là vấn đề, thì mọi sự sẽ được giải quyết, cộng đoàn sẽ tiến triển tốt đẹp,³⁷² và sứ mạng loan báo Tin Mừng của Hội Thánh sẽ được hiệu quả hơn (Gal 6,2).

7. Môi Tr ờ ng Th ực T ập M ục V

“Bốn phận nuôi dưỡng các ơn gọi thuộc về toàn thể cộng đồng Kitô.”³⁷³ Do đó, “toàn thể Dân Chúa phải cầu nguyện và làm việc không mệt mỏi cho các ơn gọi linh mục.”³⁷⁴ Giáo xứ nhà quê của chủng sinh hay giáo xứ mà chủng sinh được gửi tới giúp theo chương trình kỳ hè hoặc thực tập mục vụ là môi trường cần thiết và lý tưởng để mở rộng việc tự đào tạo của chủng sinh, cũng như việc đào tạo linh mục của Hội Thánh.

Trong suốt thời gian nghỉ ở môi trường này, chủng sinh tham gia vào đời sống và sứ vụ của các linh mục, được bao nhiêu tốt bấy nhiêu. Các ngài có cơ hội để biết, làm việc với và trở nên một phần trong việc đào tạo chủng sinh, mà một ngày

³⁷² Marites Maranan, “Lectures on Theology of Communion and the Religious Community”

³⁷³ Vatican II, *Optatam Totius* ..., *ibid.*, no.2

³⁷⁴ John Paul II, *Pastores Dabo Vobis*, *ibid.*, no.82

kia họ sẽ hội nhập với các ngài trong sứ vụ linh mục. Môi trường này sẽ cung ứng cho chúng sinh nhiều cơ hội thuận lợi:

- Anh em kinh nghiệm và tham dự vào sứ vụ giáo xứ;
- Anh em phát triển sứ mạng cụ thể ngay trong bối cảnh sứ mạng giáo xứ, vì đó sẽ là cụ thể sứ mạng của anh em sau này;
- Anh em học hỏi từ cha mẹ mà anh em sống với ngài như người thân;
- Anh em làm quen với nhiều giáo xứ khác nhau trong Giáo phận;
- Anh em như người giữ kỷ luật và kinh nghiệm trong công việc vào hành trình, trong những hoàn cảnh thực tế;
- Anh em kinh nghiệm cụ thể của nhà xứ.³⁷⁵

Chúng tôi trình bày tóm tắt về các công việc của Việt Nam bao gồm một số hai năm thực tiễn về sứ vụ giáo xứ. Việc thực tiễn này tùy theo yêu cầu của công việc và nhu cầu của giáo phận.³⁷⁶ Ngoài ra, việc thực tiễn này mang lại những lợi ích sau:

- Sẽ hình thành nên hình thức các công việc sinh viên trong giáo xứ sẽ tăng tiến về phát triển các ngài;
- Qua việc thực tiễn và công tác với giáo dân, công việc sinh viên có thể hình thành nên một môi trường tốt đẹp: “học

³⁷⁵ Charlotte Diocese, *Norms for Seminarians : Program for Priestly Formation (North Carolina, USA: Charlotte Diocese, 2004)*, pp.7-8

³⁷⁶ “Deficient Spiritual Formation among Seminarians Tackled at Formators’ Meeting” ..., *ibid.*

bi t giáo dân chi n u và s ng th nào là m t chu n b tuy t v i cho s v c a anh sau này.”³⁷⁷

Sau sáu m i sáu n m tu i i và ba m i b n n m làm linh m c, ng i vi t nh n th y r ng có s t ng tác r t h u ích gi a giáo s và giáo dân, và ng i c tr giúp, nâng và ào luy n r t nhi u b i các giáo dân c trao phó cho ng i ch m sóc m c v . Th t v y, n u chúng ta h i ý ki n giáo dân và l ng nghe ý ki n ph n h i c a h , chúng ta s bi t th c hi n làm sao các thay i c n thi t trong i s ng và s v c a mình, ng th i bi t làm sao áp ng th c s nhu c u c a giáo dân.”³⁷⁸

Cha x (ho c V n phòng ng i c a Giáo ph n) s g i v ch ng vi n m t b n nh n xét góp thêm vào h s ào t o c a ch ng sinh. ôi khi n u các ngài chia s v i ch ng sinh s ánh giá c a các ngài tr c khi g i v ch ng vi n s có ích h n. Vì n u có gì sai ho c hi u l m, ch ng sinh có th bàn c i ho c gi i thích v n c gi i quy t, th a mãn ích l i ào t o trong chân lý và tình th ng: “cây lau b d p, Ng i không n b gậy, tim èn leo lét khói, Ng i không n t t i. Ngài s làm cho công lý xu t hi n trong chân lý” (Is 42, 3).

³⁷⁷ NCCB, *the Program of Priestly Formation ...* ibid., p.60

³⁷⁸ “Seminary Formation Program should Meet Needs of Church and Society” ... ibid.

G. Ánh Giá và Giám Thị Học Vụ

Việc đào tạo linh mục là một tiến trình chu đáo và nghiêm túc của Giáo Hội Công giáo theo bản chất kích thích: nhân bản, thiêng liêng, trí tuệ và mục vụ. Việc đào tạo này nhằm giúp chủng sinh trưởng thành và cung cấp một ánh giá xác thực và hữu ích cho vị Giám Mục giám sát chủng sinh: “Tiếp cận với tâm của Chúa Thánh Thần để nhìn nhận những tình huống thích hợp để vị Giám Mục giám sát.”³⁷⁹ Mục đích của việc nhận xét hàng năm là giúp chủng sinh tự suy nghĩ và ánh giá, nhớ, trong cái nhìn xác thực về chính mình, anh có thể thay đổi gì cần phải thay đổi và lên kế hoạch để vị giám sát viên chi phối.³⁸⁰

Đức Giáo hoàng Phaolô II cao: “Tính thích hợp của chủng sinh, trên hết, nhằm nhận định tình trạng nguy hiểm, sự thiếu hụt sâu xa giáo lý căn bản, khả năng sống tình huynh đệ và các sống thân.”³⁸¹ Vì thế, bên cạnh các cuộc họp thường xuyên của hội đồng chủng vụ để nhận xét chủng sinh, Liên Hội Giám Mục Á Châu mong muốn rằng vị giám sát viên nhận xét này cũng bao gồm việc ánh giá cá nhân, các bài giảng, các nhân viên và những người giám sát chủng sinh thi hành sự vụ

³⁷⁹ John Paul II, *Pastores Dabo Vobis*, *ibid.*, no.65

³⁸⁰ St. Patrick Seminary, *The Mentoring and Advising of Seminarians*... *ibid.*, p.1

³⁸¹ John Paul II, *Pastores Dabo Vobis*, *ibid.*, no.66

cho.³⁸² Đây nh n m nh n ánh giá hàng n m c a h i ng ch ng vi n và t ánh giá hàng n m c a chính ch ng sinh.

1. Ti n Trình ánh Giá Hàng N m c a H i ng Ch ng Vi n

Th nh tho ng, Giám M c hay i di n c a Ngài và các linh m c giáo ph n khác d n thân vào công cu c ào t o c ng c m i tham d bu i h p nh n xét c a h i ng ch ng vi n. M i ng i ph i tôn tr ng ch t ch ph n v c a toà trong và toà ngoài. Các giá tr và k n ng c ánh giá d a trên giáo hu n c a H i Thánh và n n ào t o c a ch ng vi n. Các lãnh v c khác nhau c a vi c ánh giá là:

- Tr ng thành nhân b n;
- i s ng xã h i (c ng oàn) và nh ng k n ng t ng tác liên nhân v ;
- Tr ng thành thiêng liêng c di n t b i cam k t d n thân c u nguy n và s ng thân ph n môn (discipleship);
- S s n sàng m c t cho s v công c ng ph c v H i Thánh, hi p thông v i c Thánh Cha, Giám M c Giáo ph n, linh m c oàn giáo ph n, các th a tác viên giáo dân trong Giáo h i và v i các tín h u Kitô;
- Hi u bi t sâu xa th n h c và ch p nh n giáo hu n c a H i Thánh v c tin và luân lý;
- Lòng yêu m n L i Chúa và nh ng d u ch kh n ng rao gi ng L i Chúa cho ng i khác;
- Lòng sùng kính Bí tích Thánh Th và c Maria;

³⁸² FABC, Seminary Formation for Priesthood in Asia : Workshop 4, Ucanews.com/fabc-papers/workshop-report, truy c p ngày 7.10. 2004

- S n sàng n m gi i s ng c thân, tính n s Tin M ng, và c ái m c t ;
- S n sàng thi hành s v trong cu c s ng ang thay i c a Giáo H i và Th Gi i t i giáo ph n mình, nh t là c m th c liên i v i ng i nghèo, v i n n nhân c a b t công và tôn tr ng s s ng;
- M i quan tâm t i i k t và Liên l c liên tôn;
- K n ng lãnh o, bao g m s s n sàng và các k n ng c n thi t cho h p tác s v ;
- S n sàng ch p nh n trách nhi m ti p t c ào t o linh m c.³⁸³

Nh “nh ng th a tác viên h p lu t c a H i Thánh c trao trách nhi m phán oán tính thích h p c a các ng sinh,”³⁸⁴ H i ng ch ng vi n b phi u trong bu i ánh giá cu i cùng. Phi u b u có nhi u lo i: kh ng nh, kh ng nh có ghi chú, tiêu c c và lo i. Lo i “*kh ng nh có ghi chú*” có ngh a là còn có khi m khuy t c n ph i s a ch a và trau đ i thêm. N u là phi u lo i thì nên gi i thích.³⁸⁵ Nên nh m giáo d c h n là lo i b . Giáo d c nh m bi n i ng i x u thành ng i t t và ng i t t thành ng i t t h n, phó thác cho quy n n ng c a n Chúa: i v i con ng i thì không th , nh ng v i Thiên Chúa thì m i s u có th .

2. T ánh Giá Hàng N m c a Ch ng Sinh

³⁸³ St. Patrick Seminary, *The Mentoring and Advising of Seminarians...* ibid.,p.1

³⁸⁴ Vatican II, *Optatam Totius ...* ibid., no.2

³⁸⁵ NCCB, Program of Priestly Formation (Washington DC: United States Catholic Conference, 1982), p.101

y xa h n vi c t ào t o, m i ch ng sinh c yêu c u trình bày m t d -án-m t-n m- i-s ng-cá-nhân c a mình, d i s h ng d n c a ng i c v n/linh h ng. D án này xem xét các t i m n ng c th c a m i ng sinh, c ng nh nh ng khuy n cáo c a h i ng ánh giá nh k c a ch ng vi n. ánh giá c a h i ng s tr nên rõ ràng h n, khi h i ng có th ánh giá n l c c bi t và s t i n b ch ng sinh so v i d án s ng này.

C n c vào d án s ng liên quan n vi c ào t o c a ch ng vi n này, cu i m i n m h c hàn lâm c a th i k ào t o, ch ng sinh s vi t có ch n l c, chính xác, th c t và ng n g n b n t ánh giá c a mình v thái ng x , v nh ng i m m nh và v nh ng lãnh v c c bi t có t i n b trong n m h c v a qua. Ch ng sinh s vi t ít nh t ba l n b n t ánh giá này vào ba th i i m quan tr ng trong t i n trình ào t o:³⁸⁶

- Cu i phân khoa tri t h c;
- Sau n m th c t p m c v , còn c g i là n m giúp x hay “n m th ”;
- N m th n h c cu i chu n b th phong linh m c.³⁸⁷

3. ánh Giá Chung Cu c và Gi i Thi u Ch u Ch c

H i ng ch ng vi n và t t c các nhà ào t o c g ng hi u bi t y v t ng ch ng sinh giáo d c anh và giúp anh phát huy n l c t ào t o c a anh. Các ngài góp ph n vào

³⁸⁶ Xem Ph l c A: T ánh giá c a ch ng sinh.

³⁸⁷ St. Patrick's Seminary, The Mentoring and advising of Seminarrians..., *ibid.*, pp. 25-35

công vi c chung c a Giáo H i, b ng vi c ánh giá cu i cùng và gi i thi u ng sinh lên ch u ch c linh m c.

B n ánh giá này nh n m nh nh ng lanh v c ch y u: tr ng thành thiêng liêng, k t qu các môn h c, ti n b trong lãnh v c giáo d c và t ng tác xã h i v i các b n ng môn, các nhà ào t o và nh ng ng i khác. “Khoa tâm lý giáo d c ng th i cung cap nhi u k thu t ánh giá cách thích h p h n s phát tri n th c s c a sinh viên.”³⁸⁸

Vì n toà Gi i T i và bí m t c a vi c linh h ng, v linh h ng b ràng bu c b i toà trong và do ó, không c bàn c i khi ánh giá và nh n xét v tính thích h p c a ch ng sinh trong vi c ch u ch c linh m c. Còn các v khác ã t ng tác làm vi c v i ch ng sinh cách công c ng và toà ngoài nên b òi bu c tham d ti n trình ánh giá này, vì ó là trách nhi m ã c trao phó cho các ngài.³⁸⁹

Ngay t u, ch ng vi n c n s c ng tác c a Giáo ph n trong vi c chu n b ch ng sinh i vào ti n trình ào t o ch ng vi n. Bâ y gi , h i ng ch ng vi n c ch i, không nh ng báo cáo cho Giám M c bi t thái ng x bên ngoài c a ch ng sinh (nh ng gì anh nói và làm, và anh t c nh ng òi h i hàn lâm nh th nào), mà còn ánh giá anh xét nh m t ng sinh và n p cho Giám M c ngh phong ch c cho anh.

Nh ng trong c m th c Giáo H i, ng i ta không đ ng l i ó. Ch ng vi n có th báo cáo cho Giám M c v các

³⁸⁸ NCCB, The Program of Priesrly Formation ... ibid.,p.52

³⁸⁹ NCCB, The Program of Priesrly Formation ... ibid., pp.37 -38

khuyh h ng c bi t, nh ng kh n ng và c tính c a ng sinh n a, ngõ h u giúp Giám M c “dùng” và b nh i m anh phù h p v i các ân hu Chúa ban cho anh và các nhu c u c a H i Thánh.³⁹⁰

Ch ng vi n c ng có th g i ý và ngh Giám M c cho phép m t s ng sinh y xa vi c h c h n n a “h u có th c ng hi n cho Giáo H i nh ng m c t b én nh y v i các nhu c u thiêng liêng hi n nay,”³⁹¹ b i vì không ph i b t c linh m c nào c ng có th tr thành nhà ào t o, nh t là linh h ng. ây là s chu n b các ng i k v thích h p c a Giáo H i.³⁹² N u vi c ào t o ch ng sinh là u tiên hàng u c a H i Thánh, thì các Giám M c nên ch n nh ng linh m c u tú c hu n luy n thành các nhà ào t o t ng lai trong ch ng vi n c a các ngài.

4. ng Sinh Không Thích H p v i Ch c Linh M c

Trong n kêu g i t i ch c linh m c c a m t ng sinh, ta ph i phân bi t hai y u t : c mu n và s thích h p. Lòng c mu n thu c bình di n tình c m, trong khi s thích h p òi h i ph m ch t và kh n ng. M t thanh niên có th r t mu n tr thành linh m c, nh ng anh l i không ph m ch t và kh n ng khi n anh có th làm m t linh m c x ng áng. Vì th , toà ngoài ph i phán oán tính thích h p này, ngõ h u ón nh n hay t ch i m t ng sinh. Còn toà trong, lòng c mu n ph i

³⁹⁰ CBCP, *The Philippine Program of Priestly Formation 1972 ...* ibid., p.88

³⁹¹ CCE, *Directives Concerning the Preparation of Seminary Educators ...* ibid., p.37

³⁹² Vatican II, *Presbyterum Ordinis ...* ibid., no. 19

c xét xem có phù hợp với đức mục đích của Chúa Thánh Thần không. Vì thế này giao phó ông sinh cho họ để ông của Chúa Thánh Thần và sự tiếp nhận ông nghe những gì ông nói với anh em ngoài. Tòa ngoài ông phải tìm biết những đức của họ để ông của Chúa Thánh Thần trong sứ mạng ông sinh.

Ông sinh nào bắt phát hiện là không thích hợp, vì khi mà khuy t th lý, quân bình tâm lý hay luân lý, thì nên nhanh chóng đưa anh ra khỏi con đường theo đuổi những linh mục. Cả hai phía, các nhà đào tạo và ông sinh, không có phép nuôi dưỡng những hy vọng hời hợt và những ông t ông nguy hiểm. Ông không ai có thể phớt lờ những thánh sự thay thế cho những khi mà khuy t t nhiên.³⁹³

Tuy nhiên, ông biết rằng cho ông sinh không thích hợp ra khỏi một cách tôn trọng, bằng cách nhậm nhậm và sự không thích hợp với chức linh mục hiện là những khi mà khuy t thay đổi. Không phải tất cả những ông ai vào chức vị này như thể thì trở thành linh mục: “Nhưng ông biết rằng, những ông ít ông biết về chức này thôi.”³⁹⁴

Ông biết rằng phải ghi ý cho anh một thể hiện mới, trong niềm tin tưởng ông của Chúa sử dụng anh cách tốt đẹp cho lợi ích của Giáo Hội, nên áp dụng những ông ai đã lãnh nhận Chúa và Giáo Hội của Ngài, qua những ông mới thánh của ông t trong chức vị này. Các chức ông sinh này của ông là kho tàng của Giáo Hội, họ sẽ ông tác vào công cụ của ông t các bên ông môn của họ cách này hay cách

³⁹³ Paul VI, *Sacerdotalis Caelibatus: Priestly Celibacy* (June 24, 1967), no. 64.

³⁹⁴ Matthew 22: 14.

khác. Họ cũng góp phần tích cực và hiệu quả vào sứ mạng và sự phát triển của Giáo Hội.³⁹⁵

³⁹⁵ “Ex-Seminarians Find Active Roles in Church Life” (Ho Chi Minh City, March 16, 1999), Ucanews.com/archives, truy cập ngày 7.10.2004.

CH NG X

**GIAI O NH UCH NG VI N - N MN M U
TIÊN TRONG S V LINH M C: NH NG M I
T NG QUAN HÀI HOÀ, QUÂN BÌNH VÀ TR NG
THÀNH TRONG IS NG VÀ S V LINH M C.**

B ng vi c gi i thi u ng sinh lên ch c linh m c, ch ng vi n ã hoàn t t giai o n ào t o kh i u c a mình, nh ng vi c ào t o linh m c không đ ng l i ây. Vi c ào t o linh m c ph i c ti p t c, b ng vi c ào t o th ng xuyên trong su t cu c i c a linh m c. Vi c ào t o ch ng vi n ch cho bi t ph i làm sao và s ng th nào. Nh ng bây gi trong s v m c v , chính v linh m c tr b t u làm và s ng i linh m c và s v linh m c c a mình. Càng s ng i linh m c càng tr nên linh m c t t h n và ích th c là linh m c.

Theo Pastores Dabo Vobis, b n ch t và s v linh m c không th c xác nh, n u không có nh ng t ng quan b t ngu n t Chúa Ba Ngôi, c kéo dài trong s hi p thông c a H i Thánh và c a toàn th nhân lo i.³⁹⁶

M c ích quan tr ng nh t c a vi c ào t o thiêng liêng th ng xuyên trong su t n m n m u tiên này là giúp v tân linh m c chu toàn s v mình trong niềm vui và trung kiên hy v ng, ý th c, ch p nh n và v t th ng nh ng chỉ n u thiêng liêng, b ng vi c th ng ti n các m i t ng quan hài hòa, quân

³⁹⁶ John Paul II, *Pastores Dabo Vobis* ... ibid., no. 12

bình và trở nên thành vì Chúa, vì chính mình, vì người khác và vì thiên nhiên.

Nhưng mặt quan này đã có bổn phận và nuôi dưỡng ngay từ từ trong hành trình của họ trong cộng đồng. Ngày qua ngày, các quan này có ích lợi và phát triển tốt đẹp thì mới có thể “thu nạp mùa xuân gió.” Nhìn thẳng vào những hoàn cảnh thực tế mà linh mục trở nên thân vào nhà là áp dụng thích hợp, ngài đã sẵn lòng “canh tân và nuôi dưỡng chúng cách hữu hiệu.”³⁹⁷ Vì lý do đó, Giáo hoàng Phaolô II đã nói rằng vì các linh mục “ủng hộ và quân bình”³⁹⁸ là bổn phận của họ.

A. Nhiệm vụ và Nhu cầu của Linh mục

1. Nhiệm vụ Không Mong đợi

Giáo sư Orlando B. Quevedo (Philippines) nhận thấy rằng ngay sau khi thụ phong, các linh mục trẻ đã bỏ cầu nguyện, Sách Nhật Tụng, Nguyên Gẫm riêng, xét mình hàng ngày và lần chuỗi Mân côi. Ngài buồn rầu kết luận: “linh mục trẻ bỏ cầu nguyện và những sùng kính đạo đức là những cái đã giúp ngài giữ được ơn gọi sống động trong chủng viện, và cũng chính những thứ đó sẽ còn giúp ngài bền đỗ trong chức vụ linh mục.”³⁹⁹

³⁹⁷ Vatican II, *Optatam Totius* ..., *ibid.*, no. 22

³⁹⁸ “Balanced Formation Will Help Avoid Future Scandals” (Vatican, February 6, 2004), Zenit.org/english, truy cập ngày 2.5. 2005.

³⁹⁹ Orlando B. Quevedo, “Pastoral Priorities of the Church in the Philippines and their Implications to Seminary Formation”, in *Gathered Around Jesus* *Ibid.*, p. 43

Đâu là lý do khiến đời sống thiêng liêng của các linh mục trẻ sa sút và đưa đến hậu quả không đáng mong đợi như vậy? Một cách nào đó, điều này chứng tỏ họ còn yếu kém và không trưởng thành đủ trong một đời sống thiêng liêng sâu xa. Chúng ta không thể không biết đến tình cảnh này của con người và của Hội Thánh... và cũng không thể khám phá thấy hết được những hình thức khác nhau của cơn “khủng hoảng” mà các linh mục ngày nay đang phải chịu đựng: thiếu vâng lời và khó nghèo, lơ là việc linh hướng và xưng tội (luôn luôn sẵn đó nhưng họ không dùng), không ưu tiên cho đời sống cầu nguyện, thiếu tương quan thân mật với Giám mục và linh mục đoàn, thiếu liên đới và hợp tác làm việc chung, nhưng chỉ thích thi hành sứ vụ cách cá nhân, thiếu tín nhiệm và tin tưởng lẫn nhau, quá tự tin, kiêu căng, lừa dối, có vấn đề về đức trong sạch, thiếu trách nhiệm bản thân trong việc tự đào tạo và phát triển đời sống thiêng liêng.⁴⁰⁰

Ngoài ra, Bộ Giáo Sĩ cũng mô tả những yếu tố nản lòng này: “thói quen đơn điệu, căng thẳng thể xác vì quá nhiều việc, mệt mỏi tâm lý gây nên do đấu tranh chống lại hiểu lầm và định kiến.”⁴⁰¹ Và Bộ đề nghị một giải pháp: “cần phải đưa ra vài lời khuyên cho một chương trình đào tạo thường xuyên thích hợp có thể giúp các linh mục sống ơn gọi của mình cách vui tươi và trách nhiệm.”⁴⁰²

⁴⁰⁰ FABC Paper n. 92e, *Consultation Meeting on Continuing Education of the Clergy* : Seventh Plenary Assembly – Workshop Discussion Guide, (Nov. 30- Dec. 2, 1993), Ucanews.com/html/fabc-papers/fabc-O.htm, truy cập ngày 3.11. 2004.

⁴⁰¹ Congregation for the Clergy, *Directory on the Ministry and Life of Priests* (January 31, 1994) số 83.

⁴⁰² *Ibid.*, Introduction.

2. Nhiệm Vụ Cơ Bản Và Thành Quả Của Hội Thánh

Đáp lại các vấn đề đó, các thẩm quyền Giáo Hội nhấn mạnh việc đào tạo thường xuyên. Thật vậy, *S. V. và i. ng. Linh Mục* dành trọn chương III (các số từ 69-92) để nói về việc đào tạo thường xuyên này, như “một bổn phận và quyền lợi chính đáng của linh mục... và của Hội Thánh”, phù hợp với “mục đích cơ bản của sự trưởng thành trong đời sống thiêng liêng,”⁴⁰³ mà “không ai có thể thay thế được linh mục trong việc canh chừng chính mình” (x. 1 Tm 4, 16).⁴⁰⁴

Trong khi đó Tông Huấn *Pastores Dabo Vobis* cũng dành trọn chương VI (các số 70-82) để nói về việc đào tạo thường xuyên này của linh mục, như “sự tiếp tục tự nhiên và tuyệt đối cần thiết của tiến trình xây dựng nhân cách của linh mục, vốn đã được khởi sự và phát triển từ trong chủng viện.”⁴⁰⁵

Còn *Optatam Totius* khuyến cáo rằng “việc đào tạo linh mục, nhất là trong bối cảnh của xã hội hiện đại, cần phải được tiếp tục và hoàn thiện hoá sau khi đã hoàn tất chương trình đào tạo trong chủng viện.”⁴⁰⁶

Ngoài ra, *Ratio Fundamentalis Institutionis Sacerdotalis* (chương XVII, số 100-101) mô tả việc đào tạo

⁴⁰³ Ibid., nos. 72, 82

⁴⁰⁴ Ibid., no. 87

⁴⁰⁵ John Paul II, *Pastores Dabo Vobis*, ibid., no. 71

⁴⁰⁶ Vatican II, *Optatam Totius*, ibid., no. 22

hậu chủng viện: “cách riêng trong những năm đầu tiên sau khi chịu chức để các linh mục mới ra trường có thể được trang bị tốt hơn, ngõ hầu họ có thể gánh vác và hoàn thiện các bổn phận của người tông đồ.”⁴⁰⁷

Và Tông Huấn *Ecclesia in Asia* mở ra một hướng rộng lớn: “Để phục vụ Hội Thánh như ý Đức Kitô, các Giám mục và linh mục cần một đào tạo chắc chắn và thường xuyên, có thể cung ứng những cơ hội khả thể cho một cuộc canh tân thiêng liêng và mục vụ.”⁴⁰⁸

Liên Hội Đồng Giám Mục Á Châu đã thực hiện lời khuyên này sớm nhất, qua cuộc hội thảo số 5 mang tựa đề “đào tạo tiếp tục cho các linh mục Á Châu.”⁴⁰⁹

Cuốn *Gathered Around Jesus* quan niệm rằng đó là một cuộc khủng hoảng về đời sống thiêng liêng và đưa ra một phương dược chữa trị, với ơn Chúa:

a. C p Cá Nhân

Kỷ luật tự giác và nỗ lực cá nhân, vào sâu trung tâm nhân cách con người, dành thời gian để xét mình, coi trọng đời sống cầu nguyện và dành giờ để chiêm ngắm, phân định rõ ràng căn tính của mình, ngay thẳng với chính mình, thành thật trong ơn gọi, giản dị trong cuộc sống, cầu nguyện và làm việc không ngừng.

⁴⁰⁷ CCE, *Ratio Fundamentalis Institutionis Sacerdotalis*...., *ibid.*, no. 100

⁴⁰⁸ John Paul II, *Ecclesia in Asia* ..., *ibid.*, no. 43

⁴⁰⁹ FABC Paper 92e, *Consultation Meeting on Continuing Formation for Priesthood in Asia* ... *ibid.*

b. C p Giáo H i

Nhìn lại nơi chúng ta đã xuất phát, chọn những con người có tinh thần siêu nhiên làm ứng viên linh mục, tìm thứ linh đạo phù hợp với cá tính của mỗi người, linh đạo này nên thúc đẩy và mở ra với thế giới, tiếp tục đào tạo thiêng liêng và lớn lên nhờ một cuộc đào luyện thiêng liêng quân bình, các khía cạnh nhân bản và đào tạo thiêng liêng phải là một, thần học về đời sống độc thân, sự hiện diện của vai trò gương mẫu, linh đạo về hiệp thông, dấn thân vào cộng đoàn giáo xứ cầu nguyện, phân định cộng đoàn và chấp nhận, ý thức về hoàn cảnh và khả năng trực diện với chúng, hệ thống hỗ trợ và tình huynh đệ bí tích, Giám mục phải thiết lập tương quan cá nhân với các linh mục của mình.⁴¹⁰

3. Trách Nhi m và óng Góp c a Ch ng Vi n

Chúng viện không muốn bị kêu trách là “đem con bỏ chợ.” Chúng viện nên đồng hành với những người mới ra trường ít nhất là trong năm năm đầu tiên làm linh mục, với tiến trình này: “Dạy cho người ta làm, giúp người ta làm, để cho người ta làm, cuối cùng rút lui, nhiệm vụ đã hoàn tất.” Nhưng các nhà đào tạo của chúng viện phải cộng tác với Giám Mục và linh mục đoàn của ngài trong việc đào tạo thường xuyên, nhằm định hướng lại lối sống của hàng giáo sĩ, với một quân bình thiêng liêng và tâm lý vững chắc.⁴¹¹

Mặc dù việc đào tạo thường xuyên là sự nối tiếp việc đào tạo trong chúng viện, nhưng nó không phải là lặp lại

⁴¹⁰ “Spiritual Formation”: Group Discussions, *in Gathered Around Jesus ...* ibid., pp.198-200

⁴¹¹ Vicente Cajilig, “Continuing Formation for Priesthood in Asia”, *Rogate Ergo Asia: The Catholic Magazine on Vocations* 5 (July-September, 2004): 9-25.

những kiến thức đã học, mà nó mang một nội dung mới và phương pháp mới, vì đây được coi là một tiến trình áp dụng và cập nhật hoá và thay đổi.⁴¹² Trong khía cạnh thực hành, việc thực tập này nhằm mục đích giúp linh mục trẻ biết thực hành và suy nghĩ về kinh nghiệm của mình như là thừa tác viên bí tích, giảng dạy, khuyên răn và thăm viếng; ôn lại giáo lý với cách thức đặc biệt, nhấn mạnh các vấn đề luân lý và các trường hợp thuộc toà giải tội; nhìn thẳng vào và suy nghĩ về các kinh nghiệm mục vụ, sức khỏe và đời sống tình cảm, về giới tính và tâm lý: “Mọi yếu tố đều phải phù hợp với mục đích căn bản của sự trưởng thành trong đời sống thiêng liêng.”⁴¹³

Thật vậy, khi còn là chủng sinh, họ học và biết rất rõ phải cử hành bí tích như thế nào, nhưng đó mới chỉ là lý thuyết; bây giờ là linh mục, họ cử hành chính những bí tích ấy với nội lực và kinh nghiệm của mình. Thật rất khác nhau, nên họ cần sự đồng hành của các nhà đào tạo giúp họ hội nhập và sống đời sống bí tích của họ, với đường lối cá nhân, tự do và ý thức, trong đời sống hiệp thông, yêu thương, cảm nhận và thái độ của Đức Kitô,⁴¹⁴ theo sự hướng dẫn của Chúa Thánh Thần. Linh mục càng sống đời linh mục của mình thì càng trở nên linh mục đích thực.

Mới đây, Tổng trưởng Bộ Giáo sĩ, Đức Hồng Y Castrillon Hoyos mở một khoá tranh luận Thần Học Truyền Thông bàn về “Đào tạo thường xuyên cho giáo sĩ” và coi đây như một bổn phận và quyền lợi của Hội Thánh hoàn vũ, cũng

⁴¹² John Paul II, *Pastores Dabo Vobis* ..., ibid., no. 71

⁴¹³ Congregation for the Clergy, *Directory on the Ministry and Life of Priests* ... ibid., no. 82

⁴¹⁴ Ibid., no.72

như của mỗi linh mục. Đào tạo thường xuyên của linh mục là một lời mời gọi tiếp tục hoán cải và thánh hoá, một cuộc tái khám phá hàng ngày cái nhu cầu tuyệt đối của sự thánh thiện cá nhân của linh mục, cũng như nhu cầu thiết yếu của đời sống và sự trưởng thành của Dân Chúa, vì họ có quyền nhìn thấy và gặp được chính Đức Kitô nơi linh mục.⁴¹⁵

B. Nh ợng T ạo ợng Quan và Tr ợng Giúp

1. T ạo ợng Quan V ị Chính Mình

Trước hết, các linh mục mới phải luôn ý thức về căn tính của mình (tôi là ai?) trong mọi chiều kích của một đời sống quân bình và trưởng thành (nhân bản, thiêng liêng, giới tính và tâm lý). Họ phải cố gắng để luôn trung thành với lời cam kết và sứ vụ của mình, bởi vì “các linh mục sẽ đạt tới sự thánh thiện trong con đường riêng biệt của mình bằng cách thi thành sứ vụ của mình cách chân thành và không mệt mỏi trong Thần Khí của Đức Kitô,”⁴¹⁶ đặc biệt là trong đời sống cầu nguyện: cầu nguyện thế nào thì sống thế ấy, và sống thế nào thì cầu nguyện như vậy. Hầu hết các linh mục rời bỏ chức linh mục đều là những vị đã bỏ đời sống cầu nguyện. Vì thế, Chúa Giêsu đã nhắc nhở “hãy tỉnh thức và cầu nguyện ... tỉnh thần thì hăng hái nhưng bản tính nhân loại thì yếu đuối” (x. Mc 14, 38; Mt 26,41).

Họ có thể cảm thấy an ủi và chán nản trong cầu nguyện. Vì thế, họ phải ý thức rằng họ cầu nguyện không phải để thoả mãn những gì họ sẽ nhận được, nhưng để tìm gặp Chúa, mà Chúa thì đôi khi được thấy trong sự trần trụi và

⁴¹⁵ “Need for Ongoing Priestly Formation Underlined” Zenit.org/english (Vatican, July 5, 2005), truy cập ngày 23.7. 2005.

⁴¹⁶ Vatican II, *Presbyterorum Ordinis* ..., *ibid.*, no. 13

không ích kỷ. Không ai biết được lúc nào Chúa đến. Thái độ chờ đợi trong cầu nguyện phải là thái độ ý thức và tinh tảo. Vì thế, Tân Ước đã nhiều lần nhắc nhở kiên trì trong cầu nguyện. Họ phải trung thành với thời gian mà chính họ đã ấn định cho việc cầu nguyện: luôn trung thành với lời cầu nguyện hằng ngày và kiên trì trong suốt thời gian cầu nguyện. Điều này dẫn đến một lời cầu nguyện sâu xa. Họ cũng nên kiên trì tìm gặp gỡ với Chúa ở bất cứ nơi nào và vào bất cứ lúc nào. Vị linh hướng vốn hiểu họ có thể giúp họ và trấn an họ những lúc khó khăn và hoang mang trong tương quan của họ với Chúa.⁴¹⁷

3. T ng Quan V i Ng i Khác

a. T ng Quan v i Giám M c B n Quy n

Trong vương quốc này của Thiên Chúa, người ta kể đến trước hết mối tương quan của linh mục với Giám Mục của mình.⁴¹⁸ “Một cách bí tích, linh mục đi vào hiệp thông với Giám mục và các linh mục khác để phục vụ Dân Chúa.”⁴¹⁹ Đức Gioan Phaolô II đã khuyên các Giám Mục Việt Nam hãy luôn gần gũi hơn với các linh mục, quan tâm tới đời sống hàng ngày của họ để nâng đỡ họ và đồng hành cùng họ, nhất là khi họ gặp thử thách vì thi hành sứ vụ; cung cấp cho họ một sự đào tạo thiêng liêng thích nghi với những thách đố trong việc truyền giáo mà họ phải đối diện.⁴²⁰ Chương trình đào tạo linh mục của Giáo Hội Philippines năm 1972 đưa ra đề nghị rằng

⁴¹⁷ Marcelino Fonts, “Lectures on Prayer in Asian Context” ..., ibid.

⁴¹⁸ Vatican II, *Presbyterorum Ordinis* ..., ibid., no. 7

⁴¹⁹ John Paul II, *Pastores Dabo Vobis* ..., ibid., no. 12

⁴²⁰ “The Church is waiting for the Total Respect of its Autonomy”... ibid.

các Giám mục nên đi bước trước trong cuộc đối thoại thân hữu và thường xuyên với các linh mục trẻ, để họ có thể cởi mở và chân thành bàn cãi cách riêng tư, với sự hướng dẫn từ phụ của Giám Mục, về công việc, thành công và thất bại, kế hoạch và vấn đề, và về đời sống thiêng liêng của họ nữa.⁴²¹

Với sự hiểu biết đầy yêu thương và sự trợ giúp từ phụ của Giám mục, linh mục sẽ đứng vững trong mọi hoàn cảnh, bởi vì mọi cuộc khủng hoảng đều đến từ cuộc khủng hoảng quyền bính. Thái độ của các linh mục đối với Giám Mục phải là hợp tác, vâng lời, tình bạn, và nhìn thấy nơi ngài một người cha thực sự và vâng phục ngài với tất cả kính trọng. Sự vâng lời càng đến từ con tim (không phải bởi quyền lực hay lý lẽ), thì mối tương quan giữa Giám mục và linh mục càng trở nên gắn gũi và rồi mọi sự đều tốt đẹp.⁴²²

b. T ng Quan Gi a Linh M c V i Nhau

Mối tương quan và đối thoại của một “tình huynh đệ bí tích”⁴²³ giữa các linh mục già và linh mục trẻ có thể đưa tới hiểu biết lẫn nhau và cùng nhau giải quyết các vấn đề và khó khăn trong sứ vụ linh mục của họ.⁴²⁴ Sắc lệnh về *S v và i s ng linh m c* đã mô tả rõ ràng: Các linh mục nhiều tuổi hãy đón nhận những linh mục trẻ như những người em thực sự

⁴²¹ CBCP, *The Philippine Program of Priestly Formation 1972 ...* ibid, p.99

⁴²² Synod of Bishops 1971, *The Ministerial Priesthood*, part two, II: *Priests in the communion of the Church: 1. Relations between priests and bishop.*

⁴²³ Vatican II, *Presbyterorum Ordinis ...*, ibid., no. 8

⁴²⁴ CBCP, *The Philippine Program of Priestly Formation 1972 ...* ibid, p.99

Các linh mục cũng phải dẫn dắt giáo dân đi đến hiệp nhất, sự thật và công ích, hoà giải những khác biệt về tâm thức để không ai cảm thấy mình xa lạ ở trong cộng đoàn tín hữu.

Còn về phía mình, giáo dân phải nhận biết bốn phận đối với các linh mục của mình, và bằng chia sẻ ân cần, họ giúp các ngài bằng lời cầu nguyện và công việc, ngõ hầu các ngài có thể sẵn sàng vượt qua những khó khăn mà chu toàn sứ vụ cách hiệu quả hơn.⁴²⁷

d. T ng Quan V i Ph N : Tr L c Hay Là V n Cho Cu c S ng Và S V C a Linh M c?

Theo sách Sáng Thế (St 2, 18-24) và theo quan niệm Á Đông về Âm-Dương,⁴²⁸ người nam và người nữ rất gắn bó nhau, hấp dẫn nhau và bổ túc cho nhau. Người nam không thể là một con người nếu không có người nữ và ngược lại. Điều này đã khởi sự ở trong gia đình và ngay từ thời niên thiếu: người nam và người nữ bổ túc cho nhau và sự sống, cả nhân bản và thiêng liêng, vẫn tiếp tục trải ra và phát triển.

⁴²⁷ *Presbyterorum Ordinis* ..., ibid., no. 9; Synod of Bishops 1971, *The Ministerial Priesthood*, part two, II.3 : *Relations between priests and laity*

⁴²⁸ Thiên Chúa đã dựng nên con người có nam có nữ. Biểu tượng Âm-Dương chứa đựng tất cả triết lý về cuộc sống con người. Vòng tròn mô tả tính phổ quát của âm dương. Phần màu đen tượng trưng cho Âm, còn phần màu trắng tượng trưng cho Dương. Âm Dương tách biệt nhau, không phải bằng một đường thẳng, song bởi một đường cong hòa điệu và mềm mại. Do đó, tất cả những gì tiến tới, hoạt động và sáng là dương, còn những gì lùi lại, tiếp nhận và tối là âm. Dương tượng trưng cho trời, ngày, mặt trời, đàn ông, lửa, hành động, sức mạnh, niềm vui. Ngược lại, Âm tượng trưng cho đất, đêm, mặt trăng, đàn bà, nước, nghỉ ngơi, yếu đuối, đau khổ.

Sự việc cũng như thế với các linh mục và phụ nữ, nữ tu hay nữ giáo dân. Trong những mối tương quan này, có nhiều phương diện của cuộc sống thật ý nghĩa và đẹp đẽ và có nhiều công việc thật tuyệt vời. Tuy nhiên, họ không luôn luôn là trợ lực, nhưng lắm khi cũng là vấn đề và sa lầy không lối thoát,⁴²⁹ cho một số linh mục.

Mọi thân xác đều mang giới tính. Quà tặng độc thân của linh mục có thể bị nguy hiểm, nhất là khi một người nam đơn độc ở với một người nữ đơn độc lâu giờ trong một nơi cửa khóa chặt, mà không có bất cứ khoảng cách nào, cùng với những biên giới cần thiết về thể lý, tâm lý và thiêng liêng. Va, vì một người đàn bà, một số linh mục đã từ bỏ thừa tác vụ, nhất là trong bối cảnh hiện nay của nền văn minh lấy cái tôi làm trọng tâm, vật chất, hưởng thụ, khoái lạc, phim con heo và nhục dục.

Vì thế, đời sống độc thân linh mục cần được bảo vệ cách ý thức bằng việc đặc biệt giữ cảnh giác cảm xúc và toàn bộ cách cư xử của mình, với ý thức rằng “chúng ta gìn giữ kho tàng ấy trong những chiếc bình sành” để vỡ (2 Cr 4,7). “Cách thực tế, một lối sống phù hợp với chức linh mục không thể được phát triển, nếu chúng sinh dấn thân vào một mối quan hệ độc hữu với một phụ nữ.”⁴³⁰

Đối diện với những vấn đề này, người ta được thúc đẩy thiết lập một mối tương quan trưởng thành, lành mạnh, hài hoà

⁴²⁹ John Baptist Pham Minh Man, *Tâm Lý N Gi i và Ch c N ng M c T c a Linh M c*, Ho Chi Minh City (2003), trang 7.

⁴³⁰ CBCP, *The Philippine Program of Priestly Formation 1972 ...* ibid, p.58

và quân bình giữa cả hai phái. Các chủng sinh tốt nghiệp có thể tự hỏi về quan niệm của mình đối với người khác phái, về cách quan hệ với phụ nữ và về những ảnh hưởng ho tương của họ thế nào? Họ có mối quan hệ riêng biệt nào với một số phụ nữ hay với một số phụ nữ sống đời thánh hiến không? Đây là nguyên nhân của mối quan hệ này? Có cảm nhận gì hay triệu chứng nào đáng nghi không ?

e. T ng Quan V i Các N Tu: Ph i Khôn Ngoan Và T nh Th c

Đối với các nữ tu, kể cả các nữ giáo dân tình nguyện và tông đồ, linh mục phải giữ trong trí óc và tâm hồn sự lệ thuộc của họ và chính sự lệ thuộc của mình đối với Chúa, và “trả cho Thiên Chúa những gì thuộc về Thiên Chúa” (x. Mc 12,17). Linh mục cũng phải tôn trọng các nữ tu vì họ là “những cộng tác viên - chứ không phải những thuộc hạ hay người giúp việc - luôn sống trong sự bổ túc, hài hoà và liên đới.”⁴³¹

Nhưng, vì với lý tưởng chung là dâng hiến trọn vẹn đời sống cho Chúa và Dân Chúa như là những cộng tác viên, người ta có thể có mối tương quan thân mật, bằng sự cởi mở tâm sự cho nhau, bằng sự hiểu nhau và chia sẻ sứ vụ, những thành công cũng như những khó khăn, tin tưởng nhau, cảm thông với nhau, dịu dàng và ân cần chăm sóc. Chính từ sự thân mật này, một cảm nhận “yêu thương” có thể dễ dàng phát sinh

⁴³¹ Domingo Moraleda, “Lectures on Theology of the Forms of Christian Life in the Church”

và phát triển, rồi tình trạng có thể trở nên nguy hiểm hơn, với những hình thức được bộc lộ ra như muốn chiếm hữu, ghen tuông, và muốn độc quyền. Linh mục đừng quên lời khuyên của Chúa Giêsu (x. Mt 26,41; Mc 14,38): là những con người thánh hiến, nhưng họ vẫn không thôi là những con người với những yếu đuối nhân loại.

Các linh mục cũng phải ý thức rằng sự thân mật là nhu cầu của con người, nhưng sự thân mật trong đời sống độc thân không cần (và không được) được biểu lộ có tính cách phái tính và đồng hóa với hoạt động truyền sinh.

Sự thân mật độc thân có mức độ thích hợp của nó. Chính mức độ riêng biệt này cung ứng cho họ đủ tự do để yêu thương mọi người và không vượt qua các giới hạn của nó. Họ có thể khuôn đúc mối tương quan nam nữ của họ theo gương mẫu đời sống của Chúa Ba Ngôi và kêu xin Chúa ban can đảm để thắng tiến, vượt thắng và thánh hoá “tiếng gọi nhân loại” này, ngõ hầu giúp nhau sống và chu toàn những gì đã cam kết trong ơn gọi và sứ vụ của mỗi người.

Để dễ dàng thực hiện điều đó, họ phải biết tôn trọng nơi chốn, thời gian, khoảng cách và giới hạn cần thiết, về thể lý cũng như tâm lý, của các cuộc gặp gỡ. Họ phải rõ ràng và thành thật với chính mình, với người khác và với Thiên Chúa, bởi vì sự “hẹn hò” yêu thương thường được che giấu dưới những có hợp pháp và xứng đáng của các công tác và hoạt động mục vụ, nhưng “thực tế đó là những nghiêng chiều nguy hiểm của con tim.”⁴³² Thật vậy, “bất cứ linh đạo đích thực nào cũng phải nghiêm khắc và mạnh mẽ, đòi hỏi thường xuyên

⁴³² Paul VI, *Sacerdotalis Caelibatus* Ibid., no. 77

cảnh giác và thức tỉnh.”⁴³³ Vì thế, mô hình đào tạo của ICLA với môi trường hỗn hợp có thể là một chuyển tiếp tốt và thích hợp từ mô hình cũ tách biệt thế giới đàn ông và thế giới đàn bà, sang một nếp sống gần gũi, thân mật và tự nhiên như hiện nay.

Trong hoàn cảnh tế nhị này, sự hiện diện yêu thương và đời sống cộng đoàn sẽ mang lại sự trợ giúp cần thiết. Bởi tình bạn dâng hiến và nhiệt tình, mỗi người có thể là sự trợ giúp lớn lao cho người khác, trong việc soi sáng và khích lệ lẫn nhau, khi phải chịu đựng những hoàn cảnh nguy hại khác nhau, cũng như sự lây nhiễm một thứ tinh thần thế tục nào đó.⁴³⁴ Người ta cũng không được quên nhu cầu cầu nguyện, khổ chế, ăn chay và chiêm niệm: “Người ta không thể đi theo con đường khó nếu không có một thứ khổ chế đặc biệt.”⁴³⁵

Nhưng trên hết, mỗi người phải tin rằng tình yêu của Thiên Chúa lớn hơn tình yêu nhân loại (một tình yêu lớn hơn vượt thắng tình yêu nhỏ hơn và những hấp dẫn của nó); rằng chỉ có Thiên Chúa mới làm thoả mãn được con tim chúng ta và chúng ta thế nào thì Ngài yêu thương chúng ta thế ấy, và Ngài yêu thương chúng ta cho đến tan cùng; và rằng chúng ta đã “chọn phần tốt hơn.”⁴³⁶ Chúa luôn hiện diện trong cuộc đời chúng ta như là “người canh giữ”, như là “bóng mát” của cột

⁴³³ Amelia Vasquez, “Fidelity in Vowed Life : Religious Life” *Religious Life Asia* 5 (1-3, 2003): 53

⁴³⁴ Paul VI, *Sacerdotalis Caelibatus* Ibid., no. 97

⁴³⁵ CBCP, *The Philippine Program of Priestly Formation 1972 ...* ibid, p.58

⁴³⁶ Paul VI, *Sacerdotalis Caelibatus* Ibid., no. 74

mây ban ngày và cột lửa ban đêm để soi đường trong sa mạc, và như là “cánh tay uy quyền” của người bảo vệ.⁴³⁷

f. Tìm Hiểu Công Việc Của Thiên Thần Quan Trữ

1) Linh Mục Trong Thiên Chức Quan Vi Mô Và Chăm Em Chị Mình

Mối quan hệ đầu tiên và cơ bản nhất của linh mục với các phụ nữ phải kể cụ thể là mối quan hệ với chính mẹ và chị em của mình. Mẹ của ngài là người phụ nữ mà ngài đã nhận được sự sống, và nhờ mẹ mà ngài có được ơn kêu gọi. Sự dịu dàng và chăm sóc yêu thương của tình mẹ nâng đỡ và bảo vệ ngài, giúp ngài lớn lên trong đời sống nhân bản cũng như đời sống thiêng liêng. Mẹ và chị em luôn tiếp tục đồng hành với ngài, với tình yêu thương, cầu nguyện, với chăm sóc canh phòng nhưng đầy kính trọng. Một linh mục tốt luôn giữ mối liên hệ mật thiết với mẹ và các chị em mình, đặc biệt trong thời gian dao động tình cảm và bị cám dỗ.

2) Hãy Tìm Hiểu Về Các Công Bà Nội Là Mẹ Mình, và Về Các Thi Sĩ Nữ Giới Mình Yêu Thương Trong Sách” (1 Tm 5,2):

Từ thời niên thiếu về sau, linh mục nào cũng đều đã gặp gỡ các thiếu nữ và đàn bà, trong hàng xóm láng giềng hay tại trường phổ thông, và đại học. Để sống hồng ân

⁴³⁷ Benedict XVI, “God’s Loving Protection”: Commentary of Psalm 120 (Vatican City, May 4, 2005), Zenit.org/english, truy cập ngày 18.6.2005.

quí giá là đời sống độc thân vì Nước Trời trong con đường trưởng thành và trong sáng, điều xem ra đặc biệt quan trọng là linh mục phải phát triển cách sâu xa trong chính mình, hình ảnh của các phụ nữ như mẹ và chị em mình, với cùng một lòng yêu thương và kính trọng như đối với mẹ và chị em mình.

Trong thời đại hôm nay, linh mục phải biết “khám phá ra phẩm giá và ơn gọi của phụ nữ trong Giáo Hội và trong thế giới.”⁴³⁸ Sự thăng tiến này làm cho người nam và người nữ cảm thấy bình đẳng và biết tôn trọng nhau trong mọi khía cạnh. Nhưng, Đức Phaolô VI cũng nhắc Dân Chúa trách nhiệm của họ là cầu nguyện và chân thành trợ giúp các linh mục vượt qua mọi nỗi khó khăn, tận tình yêu thương các ngài với tình con thảo và sẵn sàng cộng tác với các ngài, với kính trọng và tế nhị dè giữ, khích lệ và an ủi, vì các ngài là những người hoàn toàn tận hiến cho Chúa Kitô và Giáo Hội.⁴³⁹

3) Nhìn Vào Cách ng X C a Chúa Giêsu Và M i T ng Quan Hải Hoà C a Ngài V i Ph N

Phúc Âm cho chúng ta biết rằng thái độ ứng xử của Chúa Giêsu mang lại tự do và hòa điệu giữa Ngài và các phụ nữ. Chúng ta hãy xem vài khuôn mặt chính:

- M Maria, ng i mà Ngài ã t lòng yêu th ng c a m t ng i con và h t lòng kính tr ng vâng ph c; và M ã tr nên b n i chi u m t thi t c a Ngài trong vi c l ng nghe và th c thi ý Chúa;

⁴³⁸ John Paul II, “Behold your Mother: Letter to Priests for Holy Thursday 1988” (March 25, 1988) no. 5; *Mulieris Dignitatem on the Dignity and Vocation of Women* (August 15, 1988).

⁴³⁹ Paul VI, *Sacerdotalis Caelibatus* Ibid., no. 96.

- Mattha và Maria Bethania n i mà Chúa th ã ng ghé qua trong cu c hành trình truy n giáo; và Ngài ã tr ãn r t g n g i v i h ;
- Ng i ph n x Samaria, c hoán c i và i m i, ã gi i thi u Chúa Giêsu cho dân chúng v n không bi t n c n tính ích th c c a Ngài;
- Maria Madalena, ng i c c u s ng và hoàn toàn bi n i nh Chúa Giêsu; cô ã th y Chúa Ph c Sinh và nh n lãnh tr c ti p t Ngài s v loan báo s s ng l i;
- Ng i ph n vô danh mà Chúa ã d y cho bi t h nh phúc l n lao là l ng nghe và th c hành l i Chúa;
- Các con gái thành Giêrusalem ã theo Chúa trên con ng thánh giá.

Linh m c c n h c t Chúa Giêsu, là Th y và Ch c a mình, cách th c quan h và ng x th nào cho úng m c v i các ph n .

3. T ãng Quan V i Thiên Nhiên

Trong th i o c sinh h c c a chúng ta hôm nay,⁴⁴⁰ linh m c c n thi t l p m t m i t ãng quan lành m nh v i toàn th th gi i c t o thành, n i mà Chúa Thánh Th n h ng ho t ãng. “Thiên Chúa trong t t c ” là l i hi u n n t ãng c a m i t ãng quan gi a Thiên Chúa và th t o.⁴⁴¹ Thiên Chúa không ngoài th t o và Ngài ti p t c sáng t o, canh tân t o v t c a Ngài cho n ki n toàn viên mãn theo k ho ch yêu th ãng c a Ngài (2 Cr 5,19; 1 Cr 8,6; Eph 1,3-14; Cl 1,15-29;

⁴⁴⁰ John Paul II, *Ecclesia in Asia*, ibid., no. 41

⁴⁴¹ Prisco Cajés, “Lectures on Mission Spirituality and Environment” 1st Semester 2004-2005, ICLA, Quezon City

Ga 1,1-3; Kh 21,5), và c u chu c nó (Rm 8,19). Chúng ta c kêu g i tham đ vào công trình sáng t o này c a Thiên Chúa (St 1, 28) nh m t trách nhi m tôn giáo. Th t v y, i s ng thiêng liêng là toàn th cu c s ng c s ng trong Th n Khí, nên khi ch m sóc th t o, chúng ta c ng làm cho trách nhi m này hoà nh p vào chính i s ng thiêng liêng c a chúng ta.

chu toàn i s ng và s v linh m c c a mình, linh m c ph i nhìn vào i s ng và giáo hu n c a Chúa Giêsu liên quan t i t o v t: h t gi ng, hoa c , chim tr i, cá bi n, cây nho, v n t c, cánh ng, mùa g t, sa m c, núi non, v.v.... Chúa Giêsu c Th n Khí h ng d n và Ngài th ng ra i vào sáng s m tinh s ng hay mu n màng khi tr i ã t i, ngay c gi a êm khuya thanh v ng, m t mình, vào sa m c hay lên núi, ó s m ng và s hi p thông thân m t c a Ngài v i Chúa Cha c th thách, kh ng nh và c ng c (x. Mc 6,31).

Linh m c nên tìm th giãn trong các môi tr ng thiên nhiên, nuôi d ng i s ng thiêng liêng và gia t ng hi p thông thân m t v i Thiên Chúa, b ng cách cho trí óc và con tim ng ng m và th ng th c v p c a t o v t. Ngài có th dành th i gian suy ng m và c u nguy n ngay trên b bi n lúc r ng ông lên hay khi hoàng hôn xu ng, d i ánh tr ng sao d u mát ban êm gi a cánh ng bao la bát ngát hay trong r ng sâu gi a mùa hè Ngài có th l ng nghe ti ng sóng v c a i d ng, ti ng reo c a su i, c a cây c i, c a chim chóc, c a hoa c nh là nghe th y Chúa Thánh Th n⁴⁴² nói trong trí khôn, trong con tim và trong linh h n v y.

⁴⁴² John Paul II, *Ecclesia in Asia*, ibid., no. 15

Ngài s c m nh n r s h i n di n thân tình c a Thiên Chúa n i thiên nhiên, ng th i ngài c m nh n c s cao c c a Chúa và s th p hèn c a mình. Ngài s h c th c hành s ng khiêm nh ng trong t ng quan v i Thiên Chúa, v i tha nhân và v i t o thành. Ngài c ng th c hành th giã thân th nh nh p c a h i th : Khi hít vào, ngài t ng t ng r ng n ng l c c a Chúa Thánh Th n ang chuy n v ào trong mình ngài ch a lành, thánh hoá và t ng thêm s c m nh, và trong khi th ra l i t ng t ng r ng Chúa Thánh Th n ang y nh ng i u x u ra kh i cu c s ng mình. M t tinh th n lành m nh trong m t thân th tráng ki n. N u chúng ta bi t vun tr ng và b o v thiên nhiên, thì thiên nhiên s b o v và t ng s c l c cho chúng ta.⁴⁴³

C. T ng Quan V i Thiên Chúa và S Tr Giúp

1. Chúa Giêsu Nadarét, ng T i Chúa Cha

Nhì m v c t y u c a i s ng và s v linh m c là ph i tr nên hoàn toàn ng hình ng d ng v i Chúa Giêsu, là con ng d n t i Chúa Cha, i m n cu i cùng và v nh c u c a cu c l hành tr n th c a m i ng i: “Nguy n danh Cha c sáng, N c Cha tr n, ý Cha th h i n d i t c ng nh trên tr i.” V i tinh th n c tin, ta c m th y và nh n bi t s h i n di n yêu th ng c a Thiên Chúa kh p m i n i; ng th i t i p t c s ng s h i p thông thân m t v i Chúa Ba Ngôi, c mô t là S S ng, S Th t và Tình Yêu trong c hai t i n trình “h ng n i” và “h ng ngo i” (ad intra – ad extra), b i vì Chúa mu n chia s s sung mãn c a s s ng, chân lý và tình yêu c a Ngài cho m i ng i. N u linh m c y Chúa, ngài s

⁴⁴³ Ibid., no.41

là tông đ i c h th c c a vi c Tân Phúc Âm hóa, b i vì không ai có th cho ng i khác cái mà mình không có.⁴⁴⁴

Trong i s ng c thân c a mình, linh m c c m nh n s cô n và l m khi cô n th c s , và ôi khi s cô n è n ng trên con ng i c a ngài. S nghi ng , k , ghen ghét hay thi u thông c m t phía anh em linh m c ng nghi p c a ngài (k c t Giám M c) có th làm gia tr ng n i th t v ng và cô n.⁴⁴⁵

Trong tr ng h p này, m i t ng quan m t thi t v i Chúa Giêsu Nagiaret s là ph ng đ c ch a lành tuy t v i và v n n ng cho ngài: “Ta luôn cùng con.” Qu th t, Chúa Giêsu i tr c chúng ta n cùng Chúa Cha và Ngài m i g i chúng ta i theo Ngài.” S cô n c a linh m c không ph i là s tr ng r ng và ngài c ng không cô c vì ng C u Th luôn v i ngài. Chúa Giêsu c ng v y, trong nh ng gi phút bi th m nh t c a cu c th ng khó, Ngài ã cô n và b b r i, vì Ngài luôn s ng hi p thông m t thi t v i Chúa Cha và luôn tìm theo ý Chúa Cha.

Linh m c c ng ph i ý th c chia s kinh nghi m bi th m c a c Kitô, ng ã m ra cho ngài nh ng i u bí n thâm sâu nh t c a n i bu n và ni m vui. Là ng i môn , linh m c không th l n h n Th y mình, là ng ã tuy n ch n và sai ngài i c. Trong tình thân m t và ân s ng c a Chúa, linh m c s tìm c s c m nh c n thi t c a Th n Khí y lui nh ng u phi n và chi n th ng s ng ã lòng, tin t ng Chúa

⁴⁴⁴ John Paul II, “Jesus Must Always Be the Center of Your Life”..., *ibid.*

⁴⁴⁵ Paul VI, *Sacerdotalis Caelibatus* *Ibid.*, no. 59

Giêsu sáng hiên di n: “L y Chúa, xin hãy l i v i chúng con vì tr i ã v chi u” (Lc 24,29).

2. Thánh Th , Chúa Giêsu L ãng Th c Hi n Di n

Bí Tích Thánh Th là “Ngu n su i và t t nh c a i s ng và s v c a Hi Thánh.”⁴⁴⁶ Vì th , Thánh Th ph i là trung tâm i m i s ng và s v c a linh m c, b i vì có m t m i t ãng quan r t g n g i gi a vi c c hành Thánh Th và vi c rao gi ãng c Kitô.⁴⁴⁷ Theo nh ãng gì Chúa Giêsu ã nói và ã làm (Lc 22, 14-20) trong b a Ti c Ly, khi Ngài thi t l p Bí tích Thánh Th ã linh m c tái hi n và c hành nhân danh và b ãng chính con ãng i Chúa Kitô, i s ãng thiêng liêng c a linh m c có th l n lên d ãn và d ãn a ngài t i “tr ãn và s ãng nh m t Kitô Khác trong m i hoàn c nh s ãng c a mình.”⁴⁴⁸ Và “các sinh ho t c a i s ãng hàng ngày c a ngài s th c s mang ý ãng a và chi u kích Thánh Th .”⁴⁴⁹

Tr c h t, m t vi c xét mình t t⁴⁵⁰ (1 Cr 11,27-29) s giúp linh m c ý th c r ãng ngài b t x ãng và ph i c y d a vào s tr giúp c a Thiên Chúa và c n c Giáo H i b khuy t cho (“Ecclesia supplet”). i u này giúp ngài s ãng y chi u

⁴⁴⁶ The Theme of the next Ordinary Assembly of Synod of Bishops at Vatican October 2-29,2005.

⁴⁴⁷ “Source and Summit of Our Being and Action” (Vatican City, June 10, 2004), Zenit.org/english, truy c p ãng 25.0.2005.

⁴⁴⁸ Congregation of the Clergy, *The Priest and the Third Christian Millennium* ... *ibid.*, Conclusion.

⁴⁴⁹ John Paul II, *Ecclesia de Eucharistia*, n. 31 *in* Celebrating the Eucharist with Mary : A Guidebook (Metro Manila, Philippines: Assisi Development Foundation, Inc., 2005), p. 70

⁴⁵⁰ Vatican II, *Presbyterorum Ordinis* ... *ibid.*, no. 18

kích H i Thánh, trong c ng tác và hi p thông v i m i thành ph n c a H i Thánh, là Thân Th c Kitô.⁴⁵¹ Thiên Chúa t l m u nhi m ý nh c a Ngài trong ph ng v L i Chúa mà linh m c ph i bi t liên k t v i các th c t i c a c u c s ng, ngồ h u c s ng và bi n i b i chính L i y. Ngài ph i công b L i Chúa và Thánh Ý Chúa mà ngài ã tin và ang s ng. Nh ó, tín h u c ng c thúc y suy g m và hành ng cách thích áng, ng th i c bi n i và hoán c i.

Chúa Giêsu t nguy n n p mình và ch p nh n cái ch t. Linh m c c ng nh r ng mình ã t nguy n nh n l y quã t ng quý giá là ch c linh m c, trong ni m h ng say, h nh phúc và bi t n. Và hi n nay ngài s n sàng th a “xin vâng” theo thánh ý Chúa, ôi khi ch m rãi, nh ng v i ý th c và bình an.

Chúa Giêsu b bánh và chúc phúc cho bánh. Linh m c ph i ngh r ng Chúa Giêsu c ng c m l y ngài và chúc phúc cho ngài, khi Chúa kêu g i và tuy n ch n ngài gi a nhi u ng i khác t t h n ngài. Linh m c ph i t n Chúa và có l ph i hét lên vui m ng và h nh phúc, vì tình yêu vô i u ki n Chúa dành cho ngài và vì may m n c a ngài. c gì linh m c không bao gi s b c m l y và chúc phúc, b i Chúa và b i oàn chiên c trao phó cho ngài ch m sóc m c v , k c qua nh ng gánh n ng, nh ng khó kh n trong i s ng và s v linh m c c a mình.⁴⁵²

⁴⁵¹ Domingo Moraleda, “Lectures on Fundamental Ecclesiolo gy: A Historical and Theological Reflection”

⁴⁵² M t l i truy n kh u c a ng i Vi t nam Công giáo nói r ng trong th i k b t o, Vua T c ã ra l nh cho lính cai ng c nghiêm c m các ng i Công giáo mang vào tù cho các ng o c a h nh ng mi ng bánh tr ng tr ng, tròn tròn, nho nh (ó là Mình Thánh Chúa), vì nh ng

Chúa Giêsu bẻ bánh trao cho các môn đệ:

luôn trung thành giữ lấy cam kết với Chúa và với Hội Thánh, đôi khi linh mục cảm thấy cô đơn và con tim bẽ bàng vì hi vọng lớn và đau khổ, vì sự cô đơn và những chỉ dẫn nội tâm chông lỉnh ngược chiều mục đích nhân loại và các công việc: thân xác ngài trở nên mệt mỏi thân xác Thánh Thể (bẻ bánh và trao cho người ta) như thân xác Chúa Giêsu vậy. Những ngài hiểu ý nghĩa của việc này bẻ bánh vì Thiên Chúa và vì tha nhân. Nhận lấy bánh bẻ bánh, ngài phân phát trao ban và ban bố Dân Chúa, hoàn thiện công việc ngài. Ý thức rằng ngài không dám tin cậy mình cho nên chỉ tin cậy Chúa Giêsu, ngài sẵn sàng hiến dâng thân thể, sức khỏe, công việc, hạnh phúc, niềm vui, công việc đau khổ và buồn phiền.... Tất cả những thứ đó ngài là cuộc sống và là chính công việc ngài.

Máu Chúa Giêsu đổ ra vì mission. Máu các thánh đổ ra vì Chúa và vì Nước Trời có một linh hồn. Máu của linh mục đổ ra cách này hay cách khác, mỗi ngày, từng giọt một, qua trách nhiệm và bổn phận của mình. Như Thánh Phaolô, mỗi ngày, ngài hoàn toàn tin cậy thân xác mình cuộc đời này của Kitô vì phần rỗi nhân loại. Bánh và rượu dâng lên thánh lễ của linh mục Chúa biến thành Mình và Máu Chúa Kitô. Nếu linh mục biết dâng chính mình, những cảm xúc và tình yêu, những vất vả, những bổn phận lo lắng và hạnh phúc.... thì thánh lễ của Chúa cũng biến đổi chúng thành những gì tốt đẹp hơn. Linh mục biết, nếu ngài dâng những khuyt từ niềm tin và tình yêu, Chúa sẽ thanh tẩy và thánh hoá ngài, bởi vì chúng có thể gì quá nặng nề thì Chúa không thanh tẩy được!

mission bánh đó làm cho họ không sợ hãi, trau dồi, đau khổ, ngay cả cái chết, và luôn trung thành với đức tin vào Thiên Chúa và Hội Thánh.

Trong vi c c hành này, linh m c c ng c m i g i
s ng và làm ch ng cho s hi p nh t c a H i Thánh. S
 hi p nh t này là ngu n m ch và b ng ch ng h u hi u cho s
 v loan báo Tin M ng c a H i Thánh.⁴⁵³

Cu i cùng, nh vi c c hành thánh lễ mỗi ngày, linh
 m c s “hi u h n s c m nh bi n i c a Bí tích Thánh Th và
 tìm th y n i m u nhi m này s can m và ngu n s c m nh i
 theo Chúa Giêsu và ph c v Ngài n i tha nhân.”⁴⁵⁴ Ngài s kín
 mức d i dào ngu n s c m nh này t Bí tích Thánh Th , c
 c hành trong thánh lễ mỗi ngày và c th ph ng n i Nhà
 Ch u m i khi n vi ng Thánh Th ,⁴⁵⁵ nh chính Chúa Giêsu
 m i g i “hãy n v i Ta, h i nh ng ai ang v t v và gánh
 n ng, Ta s b s c cho các ng i” (Mt 11,28).

Chúa Giêsu Thánh Th s n p l i n ng l ng và t ng
 thêm nhi t huy t tông cho linh m c, b ng vi c ti p t c kíc
 ho t ngày s ng và y ngài v i ni m hy v ng v ng ch c.⁴⁵⁶
 “Bí tích Thánh Th là d u ch th ng h ng c a tình yêu Thiên
 Chúa, m t tình yêu nâng hành trình c a chúng ta ti n v
 hi p thông tr n v n v i Chúa Cha, qua Chúa Con, trong Chúa
 Thánh Th n. ây là th tình yêu v t th ng trái tim con
 ng i.” ó c ng là lý do t i sao c Gioan Phaolô II ã m ra
 “N m Thánh Th ” v i c mong r ng H i Thánh “kh i u l i

⁴⁵³ John Paul II, *Ecclesia de Eucharistia*, nos. 34-36 *in*
Celebrating the Eucharist with Mary Ibid., pp.71-78

⁴⁵⁴ John Paul II, “*Source and Summit of Our Being and Action*”
 Ibid.

⁴⁵⁵ Vatican II, *Presbyterorum Ordinis* Ibid., no.18

⁴⁵⁶ John Paul II, *Ecclesia de Eucharistia*, *ibid*, no. 1, p.52

từ Chúa Kitô.”⁴⁵⁷ Ngài chia sẻ với cảm xúc sâu xa chúng ta đức tin của chính ngài nơi Bí Tích Thánh Thể như là phương tiện đồng hành và tăng sức mạnh cho chúng ta.⁴⁵⁸

3. M Chúa Giêsu, Mẹ của Linh Mục⁴⁵⁹

Đức Trinh Nữ Maria là Mẹ Đấng Cứu Thế. Mẹ hướng dẫn chúng ta tới Chúa Giêsu, Đấng đưa chúng ta đến với Chúa Cha.⁴⁶⁰ Mẹ chỉ cho chúng ta con đường hiệp thông trọn vẹn với Thiên Chúa, bởi vì mẹ là người phụ nữ được Thiên Chúa tuyển chọn để thực hiện chương trình cứu độ của Ngài với tư cách là người đồng tham dự vào những biến cố tột đỉnh trong lịch sử cứu độ.

Mẹ cũng được kêu cầu như Mẹ của Hội Thánh và Mẹ của linh mục theo một đường lối đặc biệt, khi trên thập giá, vào lúc tột đỉnh của sứ mạng cứu độ nhân loại, Chúa Giêsu đã trao phó Mẹ mình cho Gioan và ký thác Gioan cho Mẹ (Ga 19, 26-27): “Chúng ta cũng hãy đón nhận Đức Maria như Mẹ vào trong nhà nội tâm của chức linh mục của chúng ta.”⁴⁶¹ Được sự che chở và hướng dẫn từ mẫu của Mẹ nâng đỡ và tăng sức

⁴⁵⁷ John Paul II, “Church’s Program Is to Start Afresh From Christ” (Vatican City, June 13, 2004), Zenit.org/english, truy cập ngày 25.01.2005

⁴⁵⁸ John Paul II, *Ecclesia de Eucharistia*, no. 59 in *Celebrating the Eucharist with Mary* Ibid., p.85

⁴⁵⁹ Vatican II, *Optatam Totius* ... ibid., no.8; John Paul II, *Pastores Dabo Vobis* ... ibid., no.82; *Ecclesia in Asia* ...,ibid.,no.51; and CCE, *Spiritual Formation in Seminaries* ... ibid., II.4

⁴⁶⁰ “Mary guides our steps to meet the Lord” (Vatican City, December 8, 2000), Zenit.org/english, truy cập ngày 7.10. 2004.

⁴⁶¹ John Paul II, “Behold your Mother”: Letter to Priests (March 25,1988), no.6

mạnh, linh mục có thể nhìn thấy mọi mối tương quan và các giai đoạn đời sống và sứ vụ linh mục của mình, bằng đôi mắt mới, bằng trái tim và trí não mới, và luôn bước đi trên con đường thánh thiện.⁴⁶²

Linh mục cần tăng cường lòng sùng kính Đức Mẹ. Sự hiện diện từ mẫu của Mẹ luôn là sự nâng đỡ cho ngài. Trái tim Đức Maria, vừa của người nữ trinh vừa của người mẹ, đã luôn theo sát Đức Giêsu Con Mẹ, bây giờ vẫn tiếp tục đồng hành cùng linh mục, một Kitô khác.

Ngay từ lúc khởi đầu sứ vụ, Đức Gioan Phaolô II đã trao phó mỗi linh mục cho Đức Mẹ và mong muốn rằng mọi linh mục đều trao phó chính mình cho Đức Mẹ và hướng về Mẹ với một tình yêu và niềm hy vọng đặc biệt. Bằng kinh nghiệm của mình, Ngài đã viết lên điều ấy trong bức thư gửi các Linh mục *Novo Incipiente Nostro*.⁴⁶³ Ngài nguyện ước: “Nguyện xin Đức Maria, Đấng mà tôi mời gọi anh em hãy luôn nuôi dưỡng lòng sùng kính con thảo với Người, đồng hành với anh em và che chở anh em liên lĩ.”⁴⁶⁴ Đức Benedictô XVI mới đây thúc chúng ta: “Tôi khuyên anh em hãy vào trường Đức Maria để học biết yêu thương và bước theo Đức Kitô trên hết mọi sự.”⁴⁶⁵

⁴⁶² John Paul II, Address at First General Audience of 2004 (Vatican City, January 7, 2004), Zenit.org/english, truy cập ngày 19.03.2005

⁴⁶³ John Paul II, *Novo Incipiente Nostro* (Letter to Priests), (April 6, 1979), số 11.

⁴⁶⁴ John Paul II, “Jesus Must Always Be the Center of Your Life” Ibid.

⁴⁶⁵ Benedict XVI, “God’s Loving Protection” Ibid.

Thật vậy, trong trường của Đức Maria, chúng ta học để đặt Đức Kitô vào chỗ nhất trong đời sống chúng ta và học để hướng tư tưởng và hành động của chúng ta theo Ngài: “Người bảo gì thì anh em hãy làm theo.” Đúng vậy, nơi trường của Mẹ, chúng ta học biết lắng, biết lắng nghe và phục vụ, đó là những điểm mấu chốt của đời sống người môn đệ. Đức Maria sẽ giúp chúng ta tiến sâu vào mối tương quan nhân vị và đích thực hơn với Chúa Giêsu để ta yêu mến Ngài và làm cho Ngài được yêu mến. Vâng, qua việc chiêm ngắm và lắng nghe Đức Maria, chúng ta sẽ hiểu hơn sức mạnh biến đổi của Bí tích Thánh Thể và tìm lại được niềm an ủi và nguồn sức mạnh để bước theo Chúa Kitô và phục vụ Ngài trong anh chị em.⁴⁶⁶

Liên quan đến sự độc thân linh mục đang “bị thế giới của thời đại chúng ta nghi ngờ giá trị và cho là không thể giữ được,”⁴⁶⁷ Đức Phaolô VI cậy dựa vào lòng sùng kính nồng nhiệt và tỏa sáng nơi Trinh Nữ Maria. Lòng đạo đức này của linh mục sẽ mang ngài “đến nguồn suối của đời sống thiêng liêng đích thực mà chỉ nó mới là nền tảng vững chắc cho giữ luật độc thân.”⁴⁶⁸

Vâng, “sự chọn lựa độc thân linh mục của chúng ta cần được đặt nơi trái tim Mẹ. Chúng ta phải chạy đến cùng Mẹ, khi

⁴⁶⁶ John Paul II, “*Source and Summit of Our Being and Action*”
Ibid.

⁴⁶⁷ Paul VI, *Sacerdotalis Caelibatus* ... ibid., no. 1

⁴⁶⁸ Paul VI, *Sacerdotalis Caelibatus*, no. 75

chúng ta gặp khó khăn trên con đường đã chọn.”⁴⁶⁹ Là trinh nữ và là mẹ, Đức Maria hiểu rất rõ linh mục cần gì nơi phụ nữ, giáo dân cũng như nữ tu, và Mẹ biết làm thế nào để giữ cho linh mục được trung thành với lời cam kết của mình. Linh mục sẽ tìm được ả náu an toàn nơi Đức Maria, người Mẹ trên trời của ngài. Mẹ sẽ giúp linh mục thăng hoa trái tim và con mắt, để nhìn thấy Mẹ ở trong và qua những người con gái của Thiên Chúa xung quanh ngài. Linh mục kêu xin Mẹ bảo vệ và biến đổi những ai thân thiết với ngài, như Thánh Phaolô đã khuyên nhủ (x. 1Tm 5,2).

“Linh mục sẽ không thiếu sự chở che, nâng đỡ của Đức Trinh Nữ, Mẹ của Chúa Giêsu.”⁴⁷⁰ Nhờ lời chuyển cầu của Mẹ, Chúa Thánh Thần sẽ gìn giữ sự độc thân trong trắng của linh mục như Ngài đã làm cho Đức Maria và Thánh Giuse.⁴⁷¹ Vì thế, cuối bức Tông Thư của ngài, Đức Phaolô VI đã khuyên nhủ: “Anh em hãy hướng con mắt và trái tim, với niềm tín thác được đổi mới và lòng cậy trông con thảo, về Mẹ rất yêu dấu của Chúa Giêsu và Mẹ của Hội Thánh, và hãy kêu xin sự cầu bầu vạn năng và hiền mẫu của Mẹ cho chức linh mục Công giáo.”⁴⁷²

⁴⁶⁹ John Paul II, “Behold your Mother”: Letter to Priests For Holy Thursday (1988) ..., *ibid.*, no.5

⁴⁷⁰ Paul VI, *Sacerdotalis Caelibatus* ... *ibid.*, no. 59

⁴⁷¹ Jose Cristo Rey Paredes, “Lectures on Mariology : Mary in Mission and Spirituality”

⁴⁷² Paul VI, *Sacerdotalis Caelibatus* ... *ibid.*, no. 98a

Có một việc thật đơn giản nhưng rất quan trọng của lòng sùng kính Đức Maria là lần chuỗi Mân côi,⁴⁷³ một bản Phúc Âm tóm tắt. Các linh mục trẻ của Việt Nam nên giữ sống động thói quen lần chuỗi Mân côi của các cha già và hãy khuyến khích giáo dân của mình, trẻ cũng như già, lần chuỗi một mình khi đi đường tới trường học, tới công sở, hoặc lần chuỗi chung với người khác, theo nhóm hay hội đoàn trong giáo xứ, đặc biệt là lần chuỗi tại nhà, trong gia đình, vì chuỗi mân côi sẽ đốt nóng và làm mạnh thêm mỗi giây ràng buộc giữa các thành viên trong gia đình. Lời cầu nguyện này sẽ giúp chúng ta được mạnh mẽ hơn trong đức tin, bền vững hơn trong đức ái, được niềm vui và kiên trì trong niềm hy vọng.⁴⁷⁴

Theo gương mẫu và theo kinh nghiệm của Đức Gioan Phaolô II, mỗi linh mục nên tận hiến bản thân cho Đức Maria với lòng tin tưởng yêu mến, tìm trú ẩn nơi sự che chở của Mẹ, biết rằng trong lúc khó khăn mình cũng không cô đơn, vì Mẹ sẽ nâng đỡ ủi an bằng sự dịu dàng từ mẫu của Mẹ. Chính Đức Gioan Phaolô II đã tận hiến cho Đức Maria “Totus Tuus - con là tất cả của Mẹ”⁴⁷⁵ và ngài chia sẻ: “Suốt cuộc đời tôi, tôi đã cảm nghiệm rõ sự hiện diện đầy yêu thương của Mẹ của Chúa chúng ta. Đức Maria đồng hành với tôi mọi ngày để giúp tôi

⁴⁷³ Paul VI, *Marialis Cultus: Devotion to the Blessed Virgin Mary* (February 2, 1974), part three : “Observations on Two Exercises of Piety : The Angelus and the Rosary”

⁴⁷⁴ John Paul II, “Behold, Your Mother : Message for 18 th World Youth Day” (Vatican City, March 19, 2003), Zenit.org/english, truy cập ngày 21.10. 2004.

⁴⁷⁵ “Last Will and Testament of Pope John Paul II”, Zenit.org/english (Vatican City, April 7, 2005), truy cập ngày 26.7. 2005.

chu toàn sứ vụ là người kế vị Thánh Phêrô.”⁴⁷⁶ Tác giả tập sách này đã mất mẹ sớm từ thời niên thiếu cũng kinh nghiệm được sự bảo vệ và hướng dẫn đầy yêu thương của Đức Mẹ Lavang⁴⁷⁷ cho đời linh mục của mình, và người ước mong rằng tất cả các bạn linh mục đều có được kinh nghiệm kết quả điễm phúc như vậy.

⁴⁷⁶ John Paul II, “Behold, Your Mother” ... *ibid.*

⁴⁷⁷ Dưới thời Phong Trào Văn Thân, các người Việt Nam Công giáo phải chịu bách hại đẫm máu. Đức Trinh Nữ Maria đã hiện ra tại Lavang năm 1789 để giúp đỡ giáo dân vượt thắng cơn đau khổ vì Đạo, và rồi Ngài được tôn kính dưới danh hiệu “Đức Mẹ Lavang.” Trong Hội Nghị năm 1980 tại Hà Nội, Hội Đồng Giám Mục Việt Nam đã công nhận Lavang như là Trung Tâm Thánh Mẫu Toàn Quốc. Đức Mẹ Lavang được tôn kính và yêu mến, không phải chỉ bởi các người Việt Nam Công giáo, mà ngay cả những người không Công giáo và tín đồ của các tôn giáo khác (EA., n.15). Đức Gioan Phaolô II nhắc đến Mẹ Lavang nhiều lần và giao phó Giáo Hội Việt Nam cho lời bầu cử của Mẹ. Ở đâu có người Việt Nam Công giáo sinh sống, ở đó có Mẹ Lavang hiện diện: như người môn đệ yêu dấu, họ luôn mang Mẹ Lavang cùng đi với họ.

K T L U N

Cuối cùng người nghiên cứu muốn kết thúc công việc với một bản tóm lược các khám phá và đề nghị thực hành.

I. NH NG KHÁM PHÁ

A. B i C nh N n T ng, Thách và C H i Kh D Trong Vi c ào T o Thiêng Liêng Vi t Nam

1. B i C nh L ch S Th i Phong Ki n

Những hiểu lầm về việc thờ cúng tổ tiên đã gây ra những phản ứng tiêu cực từ cả phía người dân Việt Nam lẫn các nhà truyền giáo ngoại quốc. Điều này dẫn đến một lời khẳng định “theo Đạo là bỏ Ông Bà,” và hậu quả là Đạo Công giáo bị loại trừ và các Kitô hữu đã bị bách hại dưới thời Phong kiến nhà Nguyễn.

2. B i C nh L ch S Th i C ng S n

Trước năm 1975, có sự đối đầu đố kỵ giữa Giáo Hội Công Giáo và Chủ nghĩa Cộng sản vì ý thức hệ hữu thần và vô thần. Sau năm 1975, mối tương quan đã chuyển hướng và đi tới hiểu nhau và cộng tác với nhau. Nhưng những hạn chế về tôn giáo, tính phức tạp của tâm thức văn hoá, những ảnh hưởng của toàn cầu hoá với nền văn hóa duy vật và hưởng thụ đã làm cản trở sự phát triển thiêng liêng và việc rao giảng Tin Mừng của Hội Thánh.

B. Liên Quan T i Giáo Hu n c a H i Thánh

1. Ch D n N i B t c a H i Thánh Hoàn V

Hội thánh coi việc đào tạo linh mục như một nhiệm vụ sống còn của mình và luôn ưu tiên cho việc đào tạo thiêng liêng. Rất nhiều văn kiện đã được ban hành để hướng dẫn, nhằm mục đích giúp cho các linh mục tương lai trở nên đồng hình đồng dạng với Chúa Giêsu Kitô. Một số những văn kiện nền tảng nhất cần kể đến là: *Optatam Totius, Presbyterorum Ordinis, Pastores Dabo Vobis, Ratio Fundamentalis Institutionis Sacerdotalis, Spiritual Formation in Seminaries, và Church in Asia.*

2. H ng i Và Nh ng Ch D n C Th C a H i Thánh a Ph ng

Liên Hội Đồng Giám Mục Á Châu và Hội Đồng Giám Mục Việt Nam đã đưa ra hướng đi và những chỉ dẫn cụ thể để áp dụng Giáo huấn của Hội Thánh hoàn vũ vào hoàn cảnh của từng Giáo Hội địa phương, với mục đích trình bày Đức Giêsu Nadarét trong viễn tượng Kitô học theo chiều từ dưới đi lên: gần gũi, dễ hiểu và dễ chấp nhận bởi người Á Châu. Các Giám Mục mong muốn đào tạo các linh mục tương lai trở thành những thừa tác viên vừa là Công giáo đích thực vừa là người Á Châu đích thực, trong chiều hướng hội nhập văn hoá, sử dụng những gì là chân thực và tốt đẹp trong truyền thống và văn hoá Á Châu vào việc loan báo Tin Mừng và canh tân Hội Thánh .

3. Hòa Nh p Giáo Hu n c a H i Thánh

Tính hỗ tương và lệ thuộc lẫn nhau giữa thừa tác viên và cộng đoàn được nhấn mạnh: chức linh mục thừa tác là để phục vụ cộng đoàn, và trong cộng đoàn này, linh mục phải

đóng vai trò ngôn sứ. Kiểu mẫu linh mục nhằm đào tạo phải là một con người vừa thấm nhuần thiêng liêng vừa thấm nhuần nhân bản, một hình ảnh sống động của Đức Giêsu Nadarét, được cắm rễ sâu trong kinh nghiệm thập giá và tình yêu say đắm cho Chúa và cho nhân loại, kiên quyết dấn thân vào đời sống và chức vụ linh mục, luôn hiệp thông và trung thành gắn bó với Hội Thánh, dưới sự hướng dẫn của Chúa Thánh Thần. Linh mục sẽ được nâng đỡ và nuôi dưỡng bởi cả hai phương tiện vừa tự nhiên vừa siêu nhiên, bởi sự trung thành với đời sống linh mục của mình và bởi việc đào tạo thường xuyên hòa quyện với những mối tương quan hài hoà, quân bình và trưởng thành.

4. B i C nh Hóa Vi c ào T o Thiêng Liêng

Việc đào tạo thiêng liêng cho các linh mục tương lai sẽ hữu hiệu và đáp ứng đúng lòng mong đợi của Hội Thánh và thế giới ngày mai, nếu nó được thực hiện trong viễn ảnh của Giáo Hội học của Công Đồng Vatican II, của Truyền giáo, của Cộng tác với Giáo dân, và của Đối Thoại: đối thoại với các nền văn hoá, với các tôn giáo khác, với người nghèo, và cách riêng trong bối cảnh xã hội Việt nam hôm nay, đối thoại với những người cộng sản nữa.

5. Nh ng Y u T c Bi t Giúp Ch ng Sinh Tr Thành Th a Tác Viên H u Hi u

1. ào T o Thiêng Liêng Trong Giai o n Ti n Ch ng Vi n

Việc chuẩn bị các ứng sinh thích hợp là nhiệm vụ hàng đầu của cộng đoàn Giáo phận, trong đó phải kể đến sự dấn thân không thể thiếu của Giám Mục Bản Quyền. Sự chuẩn

bị nhắm đến việc tiếp nhận các ứng sinh vào chủng viện, qua việc phân định, nhận xét, đánh giá, tuyển chọn và khai tâm họ đi vào sự cam kết khởi đầu tiến trình tự biến đổi và cam kết với sứ vụ. Việc đào tạo ở chủng viện tùy thuộc vào phẩm chất của các ứng sinh đã được nhận vào.

2. Giai o n ào T o và T ào T o Thiêng Liêng Ch ng Vi n

a. ào T o Thiêng Liêng

Đào tạo thiêng liêng thích hợp và toàn diện phải quyện vào với đào tạo nhân bản, để chủng sinh đạt tới sự trưởng thành cần thiết về nhân bản, về đời sống Kitô v à linh mục. Trong tiến trình đào tạo này, việc linh hướng chiếm một chỗ rất quan trọng. Việc linh hướng nhằm giúp chủng sinh kinh nghiệm về Chúa và sự hiện diện của Ngài, khám phá ra đường lối Chúa kêu gọi và đáp lại với tự do nội tâm, dẫn thân đi theo và sống tương quan thân mật với Chúa, nhận rõ trách nhiệm của mình và phát triển nó dưới sự hướng dẫn của Chúa Thánh Thần.

b. i S ng C u Nguy n và i S ng N i Tâm

Cầu nguyện là yếu tố quan trọng nhất của đời sống thiêng liêng, được nuôi dưỡng và thăng tiến nhờ sự thánh lặng bên trong cũng như bên ngoài, nhờ Lời Chúa và Thánh Thể. Các chủng sinh được khích lệ áp dụng những cách cầu nguyện theo kiểu Á Châu, chẳng hạn như cầu nguyện tập trung và cầu nguyện thân thể. Họ cũng được đòi hỏi chủ tọa và hướng dẫn các buổi cầu nguyện chung của cộng đoàn chủng viện. Đây là cách tốt nhất để họ trở thành người hướng dẫn cầu nguyện cho đoàn chiêm tương lai.

c. C u Trúc c a Vi c ào T o Thiêng Liêng

Tương tác giữa toà trong và toà ngoài bảo đảm tự do nội tâm cho chủng sinh. Trong việc đào tạo thiêng liêng, một công việc vừa nhân loại vừa thần linh, Chúa Thánh Thần luôn giữ vai trò cốt yếu và Đức Giêsu Nadarét là mẫu gương tối cao của mọi nhà đào tạo, vốn là những dụng cụ trong bàn tay Thiên Chúa. Các tác nhân đào tạo khác là hội đồng chủng viện, cộng đoàn giáo dục, môi trường thực tập mục vụ, và nhóm nhỏ các bạn đồng môn. Nhưng tác nhân không thể thay thế được là chính chủng sinh, vì nếu không có tự do đào tạo thì việc đào tạo sẽ mất hết hiệu quả mong đợi của nó.

d. ánh Giá và Gi i Thi u Cho Ch u Ch c

Việc lượng giá của chủng viện và tự đánh giá của ứng sinh là bắt buộc và phải đi đôi với nhau trong suốt tiến trình đào tạo, đặc biệt là trong thời gian giới thiệu ứng sinh cho chịu chức linh mục.

3. N m N m u Tiên Làm Linh M c c a Thi K H u Ch ng Vi n

Việc chịu chức linh mục khép lại giai đoạn đào tạo chủng viện, nhưng lại mở ra một giai đoạn mới, giai đoạn đào tạo thường xuyên kéo dài suốt đời của linh mục. Các linh mục trẻ tự trải nghiệm mình giữa cái học có tính cách lý thuyết và sự thực hành trong các thực tại của đời sống sứ vụ của họ. Giai đoạn đào tạo này nhằm mục đích giúp họ chu toàn cách trung thành và vui tươi sứ vụ của họ trong những hoàn cảnh khác nhau, chấp nhận và vượt thắng những chiến đấu và cám dỗ cả bên trong lẫn bên ngoài.

Những mối tương quan tốt lành, hài hoà, quân bình và trưởng thành, được điều chỉnh và thăng tiến mỗi ngày, với chính mình, với thiên nhiên, với tha nhân, đặc biệt với những

người khác phái là những phương tiện nhân loại. Tương quan thân mật với Thiên Chúa, sự trung thành với cam kết của mình, với đời sống cầu nguyện và với sứ vụ, long tôn sùng kiên trì và nhiệt thành với Chúa Giêsu Thánh Thể và Mẹ Maria là những phương tiện siêu nhiên. Những phương tiện tự nhiên và siêu nhiên này sẽ thực sự là bảo đảm cho sự thành công và lòng trung thành của họ.

II. NH NG NGH TH C HÀNH

A. Liên Quan T i B i C nh và Các Thách

1. Hi u úng n v vi c th kính t tiên

Hiểu đúng đắn về việc thờ kính tổ tiên sẽ là cách tiếp cận hay nhất và là con đường tốt nhất để hiệp nhất mọi tầng lớp dân chúng Việt nam. Giáo Hội nên giải thích, hội nhập văn hóa và thực hành việc thờ kính tổ tiên trong đời sống và sứ vụ của mình. Đây sẽ là một đóng góp hợp pháp và hữu hiệu cho sứ vụ Tân Phúc Âm hóa của Giáo Hội;

2. i xa h n các y u t v n hoá và tâm th c

Việc đào tạo thiêng liêng nên giúp các linh mục tương lai đi xa hơn các yếu tố văn hoá và tâm thức, để đào sâu và củng cố nền tảng Thánh Kinh của chức linh mục như là tôi tớ phục vụ, đồng hình đồng dạng với chức linh mục tôi tớ phục vụ của Đức Kitô, qua nếp sống giản dị, nghèo khó, hiệp nhất, đối thoại và cầu nguyện;

3. S v loan báo Tin M ñg

Nhằm sứ vụ loan báo Tin Mừng, các linh mục Việt Nam tương lai nên tiếp tục quan điểm tích cực của các lãnh đạo Giáo Hội của mình: sống hiệp thông mạnh mẽ trong lòng

Giáo Hội, vượt qua những khó khăn và hạn chế, đứng về phía người nghèo, đối thoại và cộng tác với tất cả đồng bào để xây dựng và phát triển quốc gia, chuẩn bị đất tốt cho hạt giống Tin Mừng, noi gương Đức Giêsu Nadarét, dưới sự hướng dẫn của Chúa Thánh Thần.

B. Liên Quan t i Giáo Hu n c a H i Thánh

1. Th c Thi Giáo Hu n c a Giáo H i

Công đồng Vatican II, như một lễ Hiện Xuống Mới, đã đưa Hội Thánh tới cuộc đổi mới tuyệt vời và mở rộng sự vụ của Hội Thánh cho toàn thế giới. Việc đào tạo linh mục không bao giờ thiếu sự hướng dẫn của Hội Thánh, qua những văn kiện căn bản của Huấn Quyền. Tư tưởng hướng dẫn hành động. Đừng để giáo huấn của Hội Thánh không được biết đến, và cũng đừng để giáo huấn ấy chỉ ở lại nơi những lời hoa mỹ. Nhưng, hãy đọc, đọc đi đọc lại, “nhai đi nhai lại” và đem giáo huấn ấy đi vào thực hành.

2. H ng i và nh ng ch d n c th

Liên Hội Đồng Giám Mục Á Châu và Hội Đồng Giám Mục Việt Nam trình bày những hướng đi và những chỉ dẫn cụ thể, áp dụng giáo huấn của Hội Thánh hoàn vũ vào bối cảnh địa phương của mình. Chúng ta phải nghiêm túc đưa chúng vào hành động, nếu muốn việc đào tạo linh mục được thích đáng và các linh mục tương lai đáp ứng cách hữu hiệu các thực tại khác nhau của Giáo Hội và của Xã Hội, hầu xây dựng Nước Thiên Chúa.

C. B i C nh Hóa Vi c ào T o Thiêng Liêng

Việc đào tạo thiêng liêng cho các linh mục tương lai sẽ hữu hiệu và đáp ứng đúng lòng mong đợi của Hội Thánh và

thế giới ngày mai, nếu việc đào tạo này được thực hiện trong viễn ảnh của Giáo Hội học của Công Đồng Vatican II, của viễn ảnh Truyền Giáo, của Cộng Tác với Giáo Dân, và của Đối Thoại: đối thoại với các nền văn hoá, với các tôn giáo khác, với người nghèo, và cách riêng trong bối cảnh xã hội Việt nam hôm nay, đối thoại với những người cộng sản.

D. Nhiệm Vụ Tổng Thể Của Các Linh Mục Giúp Các Sinh Viên Thành Nhiệm Vụ Của Các Tác Viên Hội Nữ

1. Chuẩn Bị Các Sinh Viên Có Phẩm Chất

Vì việc đào tạo thiêng liêng toàn diện trong chủng viện tùy thuộc vào phẩm chất của các ứng sinh được nhận vào chủng viện và việc đào tạo linh mục là bổn phận của toàn thể Hội Thánh, Cộng đồng Giáo phận nên dành một sự cộng tác lớn hơn trong việc chuẩn bị của mình trước khi gửi họ vào chủng viện.

2. Nuôi Dưỡng Các Ứng Sinh Cầu Nguyện và Nội Tâm

Đời sống cầu nguyện và đời sống nội tâm làm phong phú và nuôi dưỡng đời sống và sứ vụ linh mục. Do đó, các ứng sinh không chỉ học triết học, thần học, các khoa học xã hội và nhân văn, nhưng họ cũng nên cố gắng cầu nguyện và chiêm ngắm trong và qua các đòi hỏi học đường này.

3. Phấn Đấu Các Ứng Sinh Các Kỹ Thuật Thay

Các linh mục tương lai sẽ thi hành sứ vụ trong một thế giới đang thay đổi của nền văn minh khoa học kỹ thuật, của chủ nghĩa tục hoá, của thần học giải phóng, của việc đề cao phẩm giá phụ nữ. Vì thế, việc tự đào tạo phải được nhấn mạnh và thực hành nhiều hơn; nó sẽ giúp họ được trưởng thành trong suy nghĩ, trong việc tự mình quyết định và hành động, cũng như trong mọi lãnh vực đời sống;

4. Th ng Ti n Các T ng Quan và H p Tác

Các linh mục tương lai phải làm việc trong sự hợp tác với mọi người trong Giáo Hội cũng như ngoài xã hội. Vì thế, họ cần được đào tạo thích hợp và phải tự mình điều chỉnh và thăng tiến các mối tương quan hài hoà, quân bình và trưởng thành với Thiên Chúa, với chính mình, với thiên nhiên và với người khác, nam cũng như nữ, giáo dân hay tu sĩ. Như một dấu chỉ của Chúa Thánh Thần, mô hình đào tạo trong môi trường hỗn hợp của Học Viện Đời Sống Thánh Hiến tại Á Châu có thể là một khuôn mẫu rất tốt và thích hợp. Hãy đến mà xem. Hãy cố gắng hoàn thiện nó và áp dụng.

PH TR NG

A. VI CT ÀO T OC A CH NG SINH

I. B N C U H IT V N⁴⁷⁸

a. Nh ng i u Ki n Bên Ngoài

(1) Môi Tr ng Xã H i

N ỏ trạng của người dân ở quê hương tôi hay của những người hàng xóm với gia đình tôi là gì? Họ thực hành đạo thế nào? Họ có ảnh hưởng tốt hay xấu đến ơn gọi của tôi? Đặc biệt là tình bằng hữu của bà con họ hàng đối với gia đình tôi và với cá nhân tôi thế nào? Họ nghĩ thế nào về ơn gọi của tôi? Trong gia đình tôi hay trong những người bà con họ hàng có ai sống đời thánh hiến không? Đây là ảnh hưởng và mối tương quan giữa tôi và những anh em cùng lớp? Tôi có quan hệ đặc biệt nào với ai không?

(2) Gia ình Tôi

Sức khỏe của ông bà tôi, cha mẹ tôi, anh chị em tôi thế nào? Họ quan niệm thế nào và đối xử làm sao với ơn gọi của tôi, tích cực hay tiêu cực? Họ có cho phép tôi tự do chọn lựa, hay bắt tôi chịu áp lực của họ? Ai trong gia đình tôi là người có tầm ảnh hưởng quan trọng và tích cực nhất đối với ơn gọi của tôi? Cảm nghĩ của tôi về gia đình: quan tâm, gắn bó, thờ ơ lạnh nhạt, thất vọng? Tại sa? Mối tương quan đặc biệt

⁴⁷⁸ Giúp đỡ thực hành cho các chủng sinh ở Đại chủng viện Huế.

của tôi với gia đình sẽ là gì, nhất là sau khi đã thụ phong linh mục?

(3) T ư ơ ̣ng Quan V ị Các Linh M ục Quen Bi ết

Đâu là ảnh hưởng thiêng liêng của Cha Bảo trợ đối với tôi? Ngài có thường xuyên liên lạc, giúp đỡ tài chính cho tôi không? Đâu là điểm tích cực mà tôi học được nơi ngài? Ngài có ảnh hưởng gì tiêu cực trên đời sống tôi không? Mối tương quan của tôi với cha xứ trong suốt năm học ở trường, nhất là trong những ngày nghỉ hè là gì? Mối tương quan giữa Cha xứ với gia đình tôi là gì? Khi được người khác khen hay chê thì thái độ của tôi là gì? Đời sống tu và việc tông đồ của cha xứ có ảnh hưởng gì đến ơn gọi của tôi? Tôi có quen biết cách đặc biệt nào với một số Cha khác không? Đâu là lý do của sự quen biết này và nó có ảnh hưởng gì đến tôi, về mặt thiêng liêng hay kinh tế? Tôi có tương quan dễ dàng và tốt lành với nhiều Cha trong Giáo phận tôi không, nhất là với các cha trẻ?

(4) T ư ơ ̣ng Quan V ị Ng ười Khác Phái

Quan niệm của tôi về người khác phái là gì? Đâu là cách tôi giữ mối liên lạc với người khác phái? Tôi có mối quan hệ gần gũi với ai trong số những người nữ sống đời thánh hiến không? Đâu là nguyên nhân của mối tương quan này? Đâu là cách tôi giữ liên lạc với cô ấy? Có gì đáng quan tâm hay dấu hiệu gì đáng đặt dấu hỏi không? Mọi người đều mang bản tính nhân loại và có giới tính.

b. Nh ững i ểu Ki ến T ự Nhiên

(1) S ự Kho ả C ả Tôi

Sức khoẻ của gia đình tôi thế nào? Có bệnh di truyền nào không? Tôi có lo lắng gì về bệnh tật trong tương lai không? Tôi gìn giữ sức khoẻ bằng cách nào? Đây là nhịp độ ăn uống, ngủ nghỉ và làm việc của tôi trong thời gian học đều đặn cũng như trong thời thi cử?

(2) Tính Tình Cảm của Tôi

Tôi có thể mô tả tính tình của tôi thế nào: cảm xúc hay vô cảm, hoạt động hay không hoạt động? Tôi có đầu óc hẹp hòi hay cởi mở, có điều độ ngăn nắp hay lộn xộn bừa bãi? Tôi lạc quan hay bi quan, nhút nhát hay liều lĩnh, khiêm tốn hay kiêu hãnh, chăm chỉ hay lười biếng, có óc tổ chức hay làm theo hứng?

(3) Trí Khôn của Tôi

Trí khôn của tôi thế nào: xuất sắc, rất tốt, tốt hay kém? Kết quả học tập của tôi thế nào? Có tình trạng đặc biệt nào ảnh hưởng tới trí khôn của tôi không? Tôi có phương pháp nào để luyện trí nhớ và trí hiểu không? Tôi thích học thuộc lòng hay thích suy tư, phân tích hay tổng hợp?

(4) Năng Khiếu và Khả Năng của Tôi

Trong học tập, trong nghệ thuật và hoạt động, năng khiếu đặc biệt của tôi là gì? Đây là điểm yếu của tôi trong những lãnh vực này? Tại sao? Đây là cách tôi vun trồng và nâng cao năng khiếu của tôi?

c. Những Vấn đề Thiên Linh

(1) Tình Thiên Mệnh

Ơn gọi của tôi đã lớn lên và phát triển thế nào? Bây giờ ra sao? Tại sao tôi lại chọn đời linh mục? Tôi có luôn suy nghĩ về ơn gọi của tôi không? Có gì cản trở không? Làm thế

nào để vượt qua? Tôi có lạc quan và hy vọng không, hay lại bi quan và thất vọng về tình trạng hiện tại của tôi? Tại sao? Tôi tự nguyện theo đuổi ơn gọi hay có áp lực nào không? Đây là cách đặc biệt để gìn giữ và phát huy tinh thần tự hiến của tôi, bây giờ và trong tương lai ?

(2) Tinh Thần Trách Nhiệm

Tôi chu toàn bổn phận vì Chúa và vì muốn đời sống ơn gọi được chắc chắn hơn hay chỉ vì luật, vì ý bề trên, hay vì lòng tự trọng với anh em cùng lớp? Phương pháp học của tôi là gì? Tôi học tất cả các môn hay chỉ học những môn ưa thích? Cách tôi học ở lớp, ở nhà là gì? Cách tôi làm bài thi và đọc sách vở là gì? Tôi tận dụng tối đa thời gian hay lãng phí nó? Quan điểm của tôi về luật lệ là gì? Tôi thường hay vi phạm điều nào? Công tác của tôi trong chủng viện là gì và đây là cách tôi thi hành công tác ấy?

(3) Tinh Thần Sống Thiêng Liêng

Tôi có tin rằng đời sống thiêng liêng là tối quan trọng đối với chủng sinh và linh mục không? Tình trạng hiện nay về đời sống thiêng liêng của tôi là gì và đây là những cố gắng? Tôi có thói quen dâng ngày mới cho Chúa không? Đời sống cầu nguyện của tôi thế nào? Tôi có cầu nguyện đều đặn trong những kỳ nghỉ không? Tôi tham dự thánh lễ, chuẩn bị rước lễ và cảm ơn sau rước lễ thế nào? Tôi có nhận thấy rõ Thánh Thể là trung tâm đời sống của mọi Kitô hữu, nhất là của những người sống đời thánh hiến không? Tôi có tập đọc sách thiêng liêng, nhất là Kinh Thánh cách đều đặn, ngay cả trong kỳ nghỉ hè không? Tôi có viếng Chúa Giêsu Thánh Thể, thường xuyên xét mình để chuẩn bị tâm hồn lãnh nhận Bí tích Hoà giải không? Lòng sùng kính Đức Mẹ của tôi thế nào: có lần chuỗi, suy niệm và bắt chước Mẹ không? Vai trò của Đức

Mẹ trong đời sống ơn gọi của tôi là gì? Mối liên hệ của tôi với các thánh và các linh hồn là gì ?

(4) **Tinh Thần Đức Tin**

Cách tôi nhìn các sự kiện trong đời sống tôi và trong xã hội là gì, có nhìn với tinh thần đức tin hay không? Tôi có thường phải đối diện với những cám dỗ về đức tin không: mức độ thế nào và phản ứng của tôi làm sao? Những thái độ sống đức tin của tôi: trong nhà thờ, trong khi cử hành phụng vụ, khi cầu nguyện trong lớp học là gì?

(5) **Tinh Thần Cộng Tác**

Tôi cảm thấy dễ hay khó khi quan hệ với mọi người bằng sự cởi mở, đối thoại, trợ giúp và hợp tác? Tại sao? Đây là những cố gắng phải vượt qua? Đời sống chung và tình bạn hữu của tôi thế nào: thiện cảm hay ác cảm? Tương quan với bề trên, với cha linh hướng và với các nhà đào tạo khác: có dễ dàng tiếp xúc và cởi mở đón nhận những gợi ý của các ngài với lòng biết ơn hay không? Tôi có biết rằng tinh thần cộng tác là yếu tố cần thiết trong việc gìn giữ và xây dựng đời sống thánh hiến không?

(6) **Tinh Thần Vâng Phục**

Tôi có suy nghĩ gì về tự do, về quyền bính và vâng phục trong Hội Thánh? Tôi vâng lời cha mẹ và anh chị em thế nào? Và sự vâng phục của tôi đối với các bề trên ra sao? Tôi không hài lòng với họ về điểm nào?

(7) **Tinh Thần Nghèo Khó**

Quan niệm của tôi về nghèo khó là gì? Tôi có tập và sống khó nghèo không? Tình trạng kinh tế của tôi: giàu có hay túng bần; cách tôi kiếm tiền và tiêu tiền là gì? Tôi có tính

sở hàng tháng, hàng năm không? Của cải của tôi: dư dật, đầy đủ hay thiếu thốn? Tôi có thích dùng những đồ sang trọng không? Tôi có coi của chung như của riêng mình không?

(8) **Tinh Th n Thanh Khi t**

Tôi có tôn trọng và hiểu rằng sự trong sạch trong đời sống linh mục là một hiển tế, từ bỏ chính mình, dành tình yêu cho Chúa và cho các linh hồn không? Tôi có hiểu rằng sự trong sạch và độc thân linh mục là khó khăn và cần ơn Chúa (đời sống cầu nguyện) và cần cố gắng liên lĩ (khổ chế và hy sinh) không? Tôi có tránh những dịp cám dỗ: báo chí, phim ảnh, quan hệ và những lời nói không? Tôi có thường xuyên bị cám dỗ trong tư tưởng không? Cách tôi chiến đấu chống lại nó là gì, luôn thắng trận hay bại trận? Tôi có tìm ra phương pháp nào để sống trong sạch không? Tôi có suy nghĩ tích cực hay tiêu cực về giá trị đời sống trong sạch của linh mục? Quan niệm của tôi về hôn nhân, về tình yêu đôi lứa và về giới tính là gì? Tôi nghĩ gì về cơn khủng hoảng hiện nay của một số linh mục?

(9) **Tinh Th n Ph ng V**

Tinh thần phụng vụ lúc này của tôi thế nào? Tôi có ý thức rằng phụng vụ là trung tâm đời sống của Hội Thánh và của đời sống của những người sống đời thánh hiến không? Tôi tham dự thánh lễ và các bí tích khác thế nào? Tôi có khao khát và cố gắng tham dự vào các hoạt động phụng vụ: giúp lễ, châu Thánh Thể, tập những bài hát phụng vụ, cầu nguyện hằng ngày?

(10) **Tinh th n M c V**

Tôi có ý thức rằng công tác mục vụ là nhiệm vụ hàng đầu trong sứ vụ quản xứ của linh mục không? Tôi có tập

trung tất cả những công việc hiện tại của mình để chuẩn bị cho các công tác mục vụ tương lai không? Tôi đã chuẩn bị cho việc dạy giáo lý và cho sứ vụ Lời Chúa thế nào? Tôi có thăm viếng các gia đình, nhất là thăm những người nghèo khó và đau yếu không? Tôi có thể sống đúng mục và làm việc có trách nhiệm với những người già cả, với thanh niên, với trẻ em và hết lòng cộng tác chân thành không? Hướng mục vụ của tôi được gọi hứng từ tinh thần của công đồng Vatican II là gì? Điều gì tôi thích: nhận nhiệm vụ nơi thôn quê hay chốn đô thị, là giáo sư hay cha xứ? Tôi có nhận định gì về đời sống mục vụ của hàng giáo sĩ hiện nay: ưu điểm và khuyết điểm, mặt tích cực và mặt tiêu cực?

(11) **Tinh Thần Lao Động Chân Tay**

Tôi có ý thức giá trị của lao động chân tay không? Hay tôi bị miễn cưỡng làm việc? Tinh thần lao động của tôi là gì khi tôi tham gia vào các hoạt động lao động chân tay trong cộng đoàn?

II. B N CÂU H I GÂY Ý TH C

Hầu hết các văn kiện mới đây viết về việc linh hướng đều nhấn mạnh rằng người thụ hướng phải chủ động trong quan hệ với vị linh hướng. Lịch gặp gỡ và đề tài thảo luận phải đáp ứng được với nhu cầu của người thụ hướng. Một điều cũng rất quan trọng là phải biết rằng có những “mô hình linh hướng.” Một chương trình đào tạo được chỉ định giúp ứng sinh thực hiện một quyết định đặc biệt với lòng kính trọng đối với sứ vụ chức thánh trong Giáo Hội. Vị linh hướng cũng phải tích cực làm cho việc đào tạo thiêng liêng của người thụ hướng

được dễ dàng. Vì thế, bản câu hỏi gây ý thức này được đề nghị như một chỉ dẫn để thảo luận trong các buổi gặp linh hướng.

a. Những Câu Hỏi Tổng Quát

Điều gì đang xảy ra trong đời sống tôi? Tôi đang nghĩ gì và quan tâm gì đến điều đó? Có điều gì đang xảy ra trong kinh nghiệm của tôi về Thiên Chúa? Tôi có gặp được Chúa trong cầu nguyện, trong đời sống hằng ngày, trong những tương quan, trong khi làm việc, lúc rảnh rỗi và khi đọc sách không? Thiên Chúa đang mời gọi tôi lớn lên và thẳng tiến thế nào? Tôi đang đáp trả làm sao? Với tôi, Đức Giêsu là ai? Những giá trị nào nơi Đức Kitô thúc đẩy tôi?

b. Những Vấn Đề Chính

Tôi là ai, trong hiện tại và trong quá khứ? Những tài năng và những giới hạn của tôi là gì? Tôi làm chủ thể xác và tinh thần của tôi thế nào?

Tôi quan niệm thế nào về Thiên Chúa, Ngài có là tất cả cho tôi không? Tôi dùng những danh xưng nào dành cho Chúa? Cách cầu nguyện nào tôi thích nhất? Nhịp sống và khuôn mẫu đời sống tôi là gì? Thời giờ cầu nguyện riêng và cầu nguyện trong phụng vụ của tôi thế nào? Tôi kinh nghiệm thế nào về lời mời gọi hoán cải? Tôi đã tìm đến việc hoà giải thế nào?

Kinh nghiệm của tôi về cái đẹp là gì? Kinh nghiệm của tôi về tình yêu là gì? Tôi đã tập tành nhân đức thế nào? Tôi kinh nghiệm về những hồng ân Chúa Thánh Thần thế nào? Cái nhìn của tôi về Hội Thánh thế nào? Tôi là thành phần thân thể Đức Kitô thế nào?

Hiện nay tôi đang nghĩ gì về ơn gọi của mình? Tôi đã thể hiện sự dấn thân cho ơn gọi thế nào? Tôi có sống tinh thần nghèo khó, với sự giản dị về vật chất? Đây là sự dấn thân của tôi cho công bằng xã hội?

Tôi có sống thanh khiết không? Điều gì khiến tôi tin rằng tôi có thể giữ được lời cam kết sống độc thân? Tôi có bày tỏ tình cảm một cách thích đáng không? Tôi làm thế nào để đương đầu với cô đơn? Tôi có tìm kiếm sự thanh lặng và yên tĩnh một mình không?

Tôi hiểu gì về đức vâng lời? Tôi đã dùng quyền thế nào? Tôi hiểu gì về sứ vụ hợp tác? Điều gì cho thấy sự phát triển trong sứ vụ mục tử của tôi? Tôi dự tính áp dụng những kinh nghiệm mục vụ nào?

Tôi có sử dụng kiến thức thần học như là phương tiện để sống trưởng thành trong đời sống thiêng liêng không? Tôi đang đọc sách gì để thăng tiến đời sống thiêng liêng của tôi? Tôi có kinh nghiệm gì qua các kỳ tĩnh tâm? Kinh nghiệm về linh hướng thế nào? Cái gì có thể làm cho kinh nghiệm linh hướng thêm lợi ích hơn? Tôi hội nhập thế nào những gợi ý nhận được trong khi linh hướng? Tôi có dự phòng những đề tài đặc biệt cho lần gặp linh hướng sắp tới không?

c. Những dấu hiệu khác

Tôi có khởi đầu và kết thúc cuộc gặp bằng một lời cầu nguyện không? Có cử hành bí tích Hoà giải không? Có đề nghị hay xem xét về việc tư vấn tâm lý, hay suy nghĩ gì về những cuộc gặp gỡ như vậy không?

III. CHUNG SINH TẬP ĐÁNH GIÁ

a. Tập Đánh Giá Trong Năm Học Chính Quy của Giai Đoạn Đào Tạo Công Việc

Trong việc tự đánh giá này, chúng sinh phải làm nổi bật mục đích, thách thức quan trọng và thành quả ý nghĩa nhất trong năm học, để so sánh rút ưu khuyết điểm hầu sự tiến bộ được khẳng định từng bước, trong suốt quá trình đào tạo và tự đào tạo.

1) Đào Tạo Nhân Bản và Thiêng Liêng Trong Công Đoàn

Trước hết, chúng sinh sẽ viết về việc đào tạo bản thân và thiêng liêng trong công đoàn: Tôi có ăn uống điều độ, ngủ nghỉ đầy đủ, thể dục và lưu tâm tới nhu cầu sức khỏe không? Tôi đánh giá thế nào về các kỹ năng xã hội của tôi? Tôi có gặp Cha linh hướng đều đặn và thấy có lợi ích không? Tôi có đem những đề tài, những mẫu gương, những sự kiện xảy ra để nói trong những buổi gặp linh hướng không? Tôi có cởi mở đón nhận những lời bình phẩm, góp ý, sửa dạy và hướng dẫn không? Những hình thức cầu nguyện và sùng kính nào nâng đỡ tôi? Trong những đường lối nào tôi đã lớn lên về mặt thiêng liêng trong năm học này? Tôi đặt mục tiêu gì để thăng tiến đời sống thiêng liêng? Tôi làm gì để lớn lên trong sự hiểu biết đức tin Công giáo? Tôi đã sống đời độc thân đích thực chưa? Tôi có sống giản dị không? Tôi có liên đới với người nghèo và quan tâm tới công bằng không?

2) Đào Tạo Tri Thức

Thứ hai, chúng sinh sẽ viết về việc học hành của mình trong năm: Tôi có chuẩn bị bài học, trung thành dự giờ

lớp và nộp bài đúng hạn không? Tôi học để sống hay chỉ để thoả mãn các đòi hỏi của nhà trường? Tôi đánh giá thế nào về khả năng học hành của tôi? Tôi có biết xin sự trợ giúp trong việc học mỗi khi cần không? Tôi có góp phần tạo bầu khí tốt trong lớp học không? Tôi có thảo luận các đề tài nghiên cứu ngoài giờ học không?

3) Phân nh n G i

Thứ ba, Chúng sinh sẽ viết về sự phân định ơn gọi của mình: Tôi có suy nghĩ và bàn luận các kinh nghiệm của tôi như là một chủng sinh không? Tôi làm gì trong đời sống hàng ngày để chuẩn bị cho sứ vụ linh mục mai ngày của tôi? Lãnh vực nghiên cứu, học hành tác động thế nào đến hành trình chủng viện của tôi? Những yếu tố khiến tôi vào chủng viện đã thay đổi hay vẫn như cũ? Hãy giải thích. Phẩm chất cầu nguyện, các mối tương quan và thái độ đối với Giáo Hội, học hành và phục vụ ảnh hưởng thế nào tới quyết định của tôi để tiếp tục hành trình ơn gọi của tôi trong chủng viện?

4)K t Lu n C a Vi c T ánh Giá

Cuối cùng, chủng sinh sẽ kết luận việc tự lượng giá của mình: Đánh giá chung cho năm học vừa qua với tôi là gì? Bao gồm cả những biến cố ý nghĩa hay những thay đổi có ảnh hưởng lớn đối với tôi trong năm nay: vấn đề sức khoẻ, vấn đề gia đình, những thụt lùi quan trọng, những tiến bộ ý nghĩa; những người quan trọng như các giáo sư, thầy hướng dẫn, bạn bè, và những người khác nữa, đã ảnh hưởng thế nào đến đời sống, thái độ sống và hành động của tôi?

b. ng Sinh T ánh Giá Sau N m Th c T p M c V

1) Chi u Kích Cá Nhân

Tôi có trung thành với những giờ cầu nguyện cá nhân và cầu nguyện phụng vụ không? Nhất là tôi có trung thành với Thánh Lễ và Phụng vụ các Giờ Kinh không? Tình trạng sức khoẻ của tôi hiện nay thế nào? Tôi cho trình độ nghị lực của tôi cao hay thấp? Người khác có đồng ý như vậy không? Tôi có thường xuyên dùng loại thuốc chữa bệnh nào không? Tôi dùng loại thể dục nào? Tôi có nghĩ là sẽ tiếp tục loại thể dục đó trong đời sống sứ vụ không? Tôi có dành đủ thời gian cho những giờ giải trí không? Tôi làm gì vào buổi chiều và những ngày nghỉ? Tôi có nói “Không” được với những lời ru rê bên ngoài khi cần không?

2) Trong T ng Quan V i Ng i Khác

Tôi có gặp Cha linh hướng đều đặn không? Tôi có làm việc tốt với các vị trong hội đồng giáo xứ và các hội đoàn không? Tôi có gặp khó khăn nào trong khi sống ở nhà xứ không? Làm thế nào để giải quyết những khó khăn ấy? Tôi hiền và sống thế nào cho phù hợp với đời sống độc thân trưởng thành sâu xa? Ngoài trách nhiệm giáo xứ, tôi sống các mối tương quan cá nhân thế nào? Tôi kinh nghiệm được lợi ích gì khi gặp gỡ nhóm giáo dân hỗ trợ? Trong chủng viện và trong lãnh vực học hành, cái gì chứng tỏ tôi là người đưa ra sáng kiến và lãnh đạo?

3) Cho S V T ng Lai

Những điểm mạnh nào tôi đã khám phá ra là tôi có? Vị hướng dẫn đã đề nghị tôi phải tập trung vào lãnh vực nào để đạt hiệu quả sau khi chịu chức? Tôi có biết rõ về Giáo phận mình không? Trong lãnh vực giáo dục, tôi đã làm được gì nhiều cho Giáo phận chưa? Những khía cạnh đặc biệt nào của giáo phận mà tôi thấy cách tích cực là cơ hội giúp làm phong

phú kinh nghiệm thừa tác? Những khía cạnh nào đáng đặt vấn đề mà tôi có thể thấy?

4) Vấn đề Sống đời Độc thân

Những vấn nạn nào tôi đang tự hỏi về sự sẵn sàng của tôi đối với sống đời độc thân? Tôi thấy điều gì là khó khăn nhất đối với tôi trong việc cam kết sống đời độc thân? Tôi đã bàn hỏi vấn đề này với Cha linh hướng chưa? Sự cam kết này có giá trị cụ thể nào đối với tôi? Hình ảnh hiện tại của tôi về giới tính và sự độc thân thực tiễn như thế nào? Tôi có thảo luận vấn đề độc thân, giới tính, cách sống của linh mục với bạn bè cùng chí hướng không? Tôi đã làm gì để gia tăng sự hiểu biết và đánh giá về sự độc thân? Tôi liên kết đời độc thân với việc tập thể dục, cầu nguyện, đời sống giản dị, tình bạn hữu và sự vâng phục thế nào? Tôi có thấy nhu cầu của những giới hạn lành mạnh trong tương quan với người khác không? Tôi có sống giản dị không?

Đâu là quan điểm của tôi về quan niệm về phụ nữ trong Giáo Hội hôm nay? Những quan niệm này có giá trị vững chắc không? Làm thế nào để quan hệ tốt với phụ nữ, về mặt xã hội cũng như nghề nghiệp? Tôi có làm việc gần gũi với phụ nữ trên cấp độ bình đẳng, chẳng hạn như ban phục vụ giáo xứ? Cái gì tôi cho là một cách làm việc lý tưởng trong tương quan giữa tôi, là một cha xứ, và những người phụ nữ trong giáo xứ? Tôi có nhắm đến một nhóm hỗ trợ nào để giúp tôi trong khi thi hành sứ vụ không?

5) Hình thức Linh Mục

Tôi cảm thấy đã được chuẩn bị thế nào để đón nhận chức linh mục cho tốt? Tôi có nhận thấy những điểm mạnh và những điểm yếu của tôi là gì không? Tôi có dự tính làm gì cụ

thể để khắc phục những điểm yếu này? Tôi nghĩ mình còn cần lưu ý đến những điều gì nữa để chuẩn bị cho sứ vụ? Tôi có nghĩ rằng tôi sẽ trở nên một linh mục tốt không? Tôi có nghĩ mình sẽ là một linh mục hạnh phúc khi làm tròn bổn phận của cha xứ hàng ngày không? Tôi mong đợi gì nơi tôi như là một cha xứ? Tôi hiểu và thấy thế nào quyền giáo huấn trong Hội Thánh? Tôi có thẩm quyền giáo huấn của Hội Thánh để rồi có thể trở thành thầy dạy thực thụ không? Tôi có hiểu và có thể trình bày đúng đắn những tín điều của Hội Thánh có liên quan tới công bằng xã hội, tới các vấn đề luân lý và những vấn đề thuộc trật tự và kỷ luật của Hội Thánh không?

Đánh giá chung cho năm học vừa qua với tôi là gì? Bao gồm cả những biến cố ý nghĩa hay những thay đổi có ảnh hưởng lớn đối với tôi trong năm nay: vấn đề sức khỏe, vấn đề gia đình, những bước thụt lùi quan trọng và những tiến bộ đáng kể.

c. **ng Sinh Tánh Giá Vào Năm Th n H c Cu i Cùng**

Việc tự đánh giá của chúng sinh phải cụ thể, thực tế, chọn lọc, ngắn gọn và nhấn mạnh đến những lãnh vực tiến bộ, nhận thức mới, và tóm tắt những gì anh hiểu được chính mình.

1) Chu n B c G i Ch u Ch c

Tôi có những dự tính gì cho cá nhân mình trong năm học này về các lãnh vực thiêng liêng, tri thức, nhân bản và đời sống cộng đoàn? Tôi đang đạt tới những dự tính đó bằng cách nào? Tương quan cá nhân của tôi với Đức Kitô và với Hội Thánh thế nào? Đây là dấu chỉ bên ngoài trong đời sống tôi cho thấy rằng tôi đang được mời gọi đón nhận chức thánh? Tôi

có hiểu thật rõ ràng ơn gọi của tôi mang tính “Hội Thánh” không? Sứ vụ linh mục có ý nghĩa gì đối với tôi? Tôi hiểu và đón nhận các giáo huấn của Hội Thánh thế nào? Tôi có những kế hoạch nào để tự đào tạo mình theo những giáo huấn này? Tôi làm chứng thế nào cho sự cam kết gắn bó với đời sống cầu nguyện cá nhân? Trong những lãnh vực đặc biệt của đời sống cầu nguyện thì lãnh vực nào tôi mong muốn thăng tiến nhất? Lòng trung thành của tôi với Lời Chúa, với Chúa Giêsu Thánh Thể và với Đức Maria thế nào? Tôi thực hành Phụng vụ các Giờ Kinh thế nào? Tôi cam kết gắn bó với giáo phận tôi thế nào?

2) V S c Thân Su t i, i S ng Gi n D và c Công B ng

Tôi đáp ứng nhu cầu tình bạn và sự thân mật thế nào? Đây là những giá trị tích cực mà sự độc thân đã có và sẽ có trong đời sống tôi? Tôi hiểu thế nào về sự cam kết suốt đời mà tôi sẽ thực hiện đối với đức vâng lời và sự giản dị trong cuộc sống? Tôi đã sống đức vâng phục và sự giản dị như thế nào? Tôi có ý định thăng tiến cả hai khía cạnh ấy bằng đường lối đặc biệt nào không? Tôi có kế hoạch nào để tiếp tục lớn lên trong sự hiểu biết cách thực tiễn những điểm mạnh cũng như những điểm yếu của tôi? Hiện nay tôi đang có kế hoạch gì cho sứ vụ linh mục của tôi? Đây là mục đích để tôi sống sự giản dị Phúc Âm, để duy trì một cảm thức liên đới và mối quan tâm tới người nghèo và những nạn nhân của bất công?

3) Lòng Nhi t Thành Tông

Tôi có làm gì cách đặc biệt để đẩy mạnh sự dân thân của Hội Thánh vì hoà bình, công bằng và bảo vệ mạng sống con người không? Tôi có tìm thấy thách đố đặc biệt gì trong lãnh vực này không? Đây là những kỹ năng và thái độ mà tôi

đã phát triển hầu có thể phục vụ trong bối cảnh một giáo xứ đa văn hoá? Tôi đang chuẩn bị cho những thách đố nào của sứ vụ đa văn hoá trong Giáo phận tôi? Những tiến bộ nào tôi muốn nhấn mạnh trong lãnh vực này? Làm thế nào để thực hiện? Tôi có khả năng công bố và rao giảng Thánh Kinh trong cộng đoàn phụng vụ không? Tôi đã lớn lên thế nào trong kỹ năng mục vụ và sự bén nhạy trong việc hướng dẫn người khác cầu nguyện? Đây là thái độ và ý thức tôi đã phát triển liên quan đến chiều kích đại kết của sứ vụ Hội Thánh? Môn thần học đã giúp ích gì cho tôi trong cuộc sống? Tôi có kế hoạch nào để tiếp tục học thần học sau thụ phong linh mục không? Khía cạnh nào trong sứ vụ mục tử lôi cuốn tôi nhất? Kỹ năng mục vụ đặc biệt nào đã được phát huy tốt nơi tôi? Kỹ năng nào cần phải phát triển hơn nữa?

4) N i Tâm Hóa ào T o Ch ng Vi n

Những đường lối đặc biệt nào tôi đã dùng để thi thố khả năng lãnh đạo trong nhiều phương diện của cuộc sống? Việc thực tập lãnh đạo hiện nay của tôi liên quan như thế nào tới việc lãnh đạo mục vụ trong một giáo xứ, trong những tương quan cá nhân của tôi và trong đời sống cộng đoàn? Tôi chú ý thế nào về phương diện thiêng liêng và thực tiễn để hội nhập làm thành viên của linh mục đoàn Giáo phận? Và những đường lối khả dĩ cho các linh mục mới chịu chức được tăng cường tình huynh đệ đích thực?

B. NG SINH H C TR THÀNH M T V LINH H NG T T

I. Vị c Linh H ng và Phân nh Thiêng Liêng⁴⁷⁹

Trong tiến trình đào tạo ứng sinh lên chức linh mục, thực hành hài hoà giữa toà trong và toà ngoài rất quan trọng. Yếu tố quan trọng nhất nơi toà trong là ứng sinh hoàn toàn được tự do để chọn lựa cả cuộc đời đáp lại lời kêu mời của Chúa, qua tiếng gọi của Hội Thánh. Nhưng ở toà trong này, vai trò phân định thiêng liêng và việc linh hướng nắm phần chủ chốt. Những phân định và linh hướng này giúp ứng sinh có một lương tâm trưởng thành để chọn lựa và quyết định hợp với đức tin và trách nhiệm. Nói cách khác, tiến trình này cần có vị linh hướng tốt, có kỹ năng và được đào tạo kỹ càng. Đây là một sứ vụ hết sức quan trọng, tế nhị và khó khăn. Ngài phải nhận ra vai trò của Chúa Thánh Thần và phải cậy dựa vào Chúa Thánh Thần. Ngài phải luôn luôn tiếp tục học hỏi, tiêu hóa và thực hành các kỹ năng cần thiết trong lãnh vực này hầu có thể đáp ứng cho những người đang chuẩn bị lên chức linh mục. Ngài sẽ cố gắng làm hết sức mình, tin tưởng rằng Chúa sẽ làm phần còn lại.

II. Phân nh Thiêng Liêng Là Gì ?

Theo cách hiểu thông thường, phân định là nhận thức rõ ràng, nhờ trí năng, để phân biệt, để nhận ra như là tách biệt và khác biệt, hầu phân biệt và phê phán các sự việc cách chính xác, nhờ đó mà thấy rõ cái gì là tốt nhất cho Chúa và chọn lựa thích hợp, để đời sống con người được sống trong các chọn lựa

⁴⁷⁹ Judette Gallares, Handout “Perspectives for Spiritual Direction and Discernment”

của Chúa, kể cả nghe được tiếng thì thầm của Chúa Thánh Thần đang hiện diện trong mỗi người.

Ta không được quên mấy điều kiện hàng đầu của việc phân định:

- M t s khao khát tìm kiếm Chúa, nh n bi t và yêu m n Chúa, xác tín r ng Chúa là ng m c kh i và phán d y b ng m t ngôn ng mà ta có th hi u c.
- V phía ng i th h ng, anh c n kh n ng và s s n lòng trình bày kinh nghi m s ng c a anh v i v linh h ng.
- Vi c phân nh không th th c hi n c n u không có m t i s ng c u nguy n. Nói cách khác, c tin và l i c u nguy n u c òi h i v c hai phía, v linh h ng và ng i th h ng, s ng trong s quan phòng c a Thiên Chúa, nh là m t Thiên Chúa “s ng ng” ích thân hòa nh p và quan tâm n h , m t Thiên Chúa mu n m c kh i cho h các u tiên c a Ngài liên quan n nh ng l a ch n mà h ang i di n.

Vi c phân nh này x y ra trong cu c s ng hàng ngày và trong nh ng lúc quan tr ng ph i l y quy t nh. Phân nh là n l c hay ti n trình l ng nghe c mu n c a Chúa trong chính mình; là nh n ra r ng mình c m i g i làm i u t t nh t cho Chúa và tha nhân. Ta c n phân nh, b i vì trong cùng m t lúc, ta có th nghe nhi u ti ng nói bên trong, nhi u l i m i m c, ra l nh, ám ch làm nh h ng t i nh ng ch n l a và thái ng x c a ta.

III. Linh H ng Là Gì?

Linh h ́ng là m t công tác m c v ́c bi t cung c p cho ch ng sinh s tr giúp l n lên trong t ́ng quan v i Thiên Chúa, b ng cách c i m ́p l i Th n Khí c Kitô và Ngài h ́ng d n, h u phân nh n g i và chu n b cho th a tác v ́ng linh m c trong H i thánh.

Vic linh h ́ng nh n m nh:

- Giúp ch ng sinh s ng t ́ng quan v i Thiên Chúa: “Thiên Chúa là ai i v i tôi và tôi là ai i v i Thiên Chúa?”
- Giúp ch ng sinh tr c ti p nói v i Chúa và l ́ng nghe i u Chúa mu n truy n ́t qua m i t ́ng quan g i a Chúa và ch ng sinh.
- Giúp ch ng sinh d n thân vào t ́ng quan v i Chúa và i tho i v i Ngài: l ́ng nghe và tr l i v i Chúa là ng ang truy n thông chính mình.
- Giúp ch ng sinh nh n bi t và s ng kinh nghi m hi n t i trong t ́ng quan v i Thiên Chúa: kinh nghi m tôn giáo c n cho vic linh h ́ng gi ng nh th c ph m c n cho vic n un ́ng v y.
- Giúp ch ng sinh chú ý và ́p l i Chúa ang ích thân truy n thông chính mình cho anh, l n lên trong tình thân m t v i Chúa và s ng nh ng h u qu c a m i t ́ng quan này.
- Giúp ch ng sinh t mình trong s hi n di n c a Chúa v i t t c con ng i và su t c cu c i anh.
- Giúp ch ng sinh ý th c trách nhi m cá nhân c a mình, n m gi ́ và phát tri n nó trong ánh sáng c a Chúa Thánh Th n, v n là v linh h ́ng ích th c.
- Giúp ch ng sinh tìm th y ́ng l i Chúa kêu g i anh và ch n l a phù h p v i ý Chúa, v i ý th c và t ́đo l ́ng tâm.

a. T m Quan Tr ng C a Phân nh Thi êng Li êng Và Linh H ãng.

M i ng i u bi t r ng quy t nh d t khóat c a to à trong n kh p v i l ãng tâm c a ãng sinh. i u này c n ào t o m t l ãng tâm tr ãng thành và v ãng linh h ãng ph i d ãng ph n trong ó. Vi c ãng linh h ãng và ph n nh thi êng li êng r t t nh và khó kh n i v i con ng i trong vi c ãng hành ch ãng sinh trên ãng t i Chúa. Ho t ãng này bao g m m i chi u kích c a i s ãng, nh ân b n và thi êng li êng, t nh i ên và si êu nh i ên.

ây là ãng thu t c a m i ãng thu t. Làm sao i vào th gi i n i tâm c a ch ãng sinh khám phá c Chúa kê u g i h , t các v n th c t i s ãng c a h trong t ãng quan v i Chúa và tha nh ân? Làm sao phân nh c i u Chúa nói v i ch ãng sinh qua v ãng linh h ãng? Làm sao bi t c ý Chúa cho v ãng linh h ãng qua các ch ãng sinh c ãng hành? Làm sao giúp ãng sinh quy t nh cu c i h v i ý th c, hi u bi t, tr ãng thành và t do n i tâm?

V i ãng kinh nghi m c a mình trong quá kh , là ãng i th h ãng hay là v ãng linh h ãng, ai c ãng nh n th y r ãng ãng linh h ãng là công vi c c a Chúa, r ãng v ãng linh h ãng ích th c là chính Chúa Th ánh Th n, và r ãng t t c các v ãng linh h ãng ch là nh ãng d ãng c c a Chúa Th ánh Th n. Ch Thi ên Chúa m i bi t y m t con ng i; ch Thi ên Chúa m i có th làm thay i, bi n i t ãng c con ng i ó. Tuy nh i ên, không th thi u v ãng linh h ãng c, và v ãng linh h ãng có k n ãng và ào t o k l ãng thì t th n.

b. Ba M i T ãng Quan Trong Linh H ãng

Trong công việc của thiên linh và nhân loại này, điều ưu tiên phải nhận mạnh tập trung vào ba chi tiết hay ba mặt tiếp xúc quan:

1) **Tiếp Xúc Quan Giữa Thiên Linh Với Chúa**

Quan niệm tiên quyết là nhận biết tiếp xúc Chúa Thánh Thần là vấn đề linh thiêng ích thế. Thiên linh tiếp xúc giúp chúng ta tiến lên trong tiến độ niềm tin, phát triển mặt tiếp xúc quan cá nhân thân mật sâu xa với Chúa, phân biệt và nhận ra điều gì Chúa mang lại cho chúng ta trong hoàn cảnh cụ thể này? Vấn đề linh thiêng giúp chúng ta biết cách gì để nhận biết tiếp xúc hay chính xác là tiếp xúc thân mật với Chúa.

2) **Mặt Tiếp Xúc Quan Giữa Chúa và Vấn Đề Linh Hoán**

Vấn đề linh hoán cần làm quen với những kinh nghiệm mà chúng ta gặp trong đời sống thiêng liêng: tập trung lắng nghe Chúa, ngài cảm nhận Chúa Thánh Thần hướng dẫn và nói qua ngài vào những lúc quyết định. Vấn đề mà chúng ta cần biết là giác ngộ trong đời sống cụ thể, ngài cảm nhận được điều gì mà chúng ta nhìn thấy Chúa Thánh Thần trong cuộc đời mình, như thế ngài sẽ làm thế nào để chúng ta liên lạc, tập trung và có thể trở nên khuôn mẫu cho người khác. Mặt tiếp xúc quan với Chúa giúp ngài duy trì thế quân bình của sự cảm nhận tâm lý và thiêng liêng cần cho việc linh hoán. Chúa có thể dùng tất cả công việc của vấn đề linh hoán làm cho người khác tiếp xúc quan với Chúa.

3) **Tiếp Xúc Quan Giữa Thiên Linh Với Vấn Đề Linh Hoán**

Vai trò của cha linh thiêng rất quan trọng. Mặt tiếp xúc quan sinh phải có cha linh thiêng, chính xác trong các nhà thờ tôn giáo trên thế gian. Mặt tiếp xúc quan này luôn thu hút và toả trong, nghĩa là tính bí mật luôn có ở mọi nơi.

Chúa Thánh Th n h ng đ n m i ng i theo m t ng l i r t c bi t. C v linh h ng l n ng i th h ng u ph i khám phá ra ng l i y. V linh h ng ph i giúp ng i th h ng t mình khám phá ra ng l i mà Chúa kêu g i anh và i u ch nh i s ng anh theo úng ý Chúa mu n cho anh.

V linh h ng giúp ng sinh theo u i l i m i g i tr thành môn c Giêsu và nên linh m c trong Giáo H i c a Ngài. L i c u nguy n và i s ng c a H i Thánh c ng là m t ngu n ào t o thiêng liêng cho ch ng sinh. i u ki n c n b n trong vi c linh h ng là tính c i m và thành th t c a ng i th h ng trong khi i tho i v i v linh h ng. Ng i th h ng ph i mang n trong t ng quan này s s n lòng nói lên s th t v chính mình, và m t s c i m khi n anh tr nên trong su t.

V ph n mình, ch ng sinh c m i g i ch n cho mình m t v linh h ng, c giúp nhìn th y rõ ràng, sâu xa h n, và gi i thích lòng anh khao khát Chúa và s tr ng thành thiêng liêng, trong ánh sáng c tin. Anh s k l i l ch s i anh mà không phê phán, v i nh ng y u t : nh ng ng i quan tr ng, các ho t ng anh đ n thân, nh ng n i ch n, bi n c , kinh nghi m thân xác, nh ng c m xúc tái i tái l i, nh ng gi c m quan tr ng, nh ng g i h ng và nh ng ý t ng m i, nh ng kinh nghi m tôn giáo và i s ng c u nguy n. Anh s nói cách c i m và thành th t, trong s b c l h t ng, v i lòng qu ng i và can m l ng nghe, suy g m trong thnh l ng b trong l n b ngoài, xác tín r ng Chúa Thánh Th n h ng đ n anh qua v linh h ng.

V linh h ng ph i hi n di n và ng c m v i ng i th h ng, trong s b c l h t ng; ch m chú l ng nghe anh

vì lòng kiên nhẫn, can đảm và yên lặng; óm nhón câu chuyện
 cuộc đời hay chính con người của anh, cách không phê phán,
 nhàn nhã hay tiên kiển; hình ảnh câu hỏi hờ hững và i tho
 khng nh các giá trị của anh, biệt anh đang âu trên
 hành trình thiêng liêng, ngõ hầu phân nh và xác nh con
 người Chúa Thánh Thần dẫn dắt anh; con người hiên cho anh
 nhng gợi ý suy nghĩ và cứu nguy n.

IV. Nhng Nguyên Tắc Linh Hng

Linh hng là một tiến trình liên nhân v trong ó l i
 m i g i c a Chúa c l ng nghe và áp tr trong c tin.
 Linh hng nh m nuôi dưỡng một trái tim phân nh can m
 tìm khám phá và chu toàn ý Chúa. Tiên vắn, vì c linh hng
 liên quan n s tr ng thành toàn đ n trong c tin, i phó
 úng lúc v i các v n và khng ho ng. Nó th c h u hi u khi
 s tr ng thành c bi u l trong s gia t ng tình yêu, lòng
 trung thành và m i quan tâm y trách nhi m. Vì c linh hng
 nên đ n ra trong b u khí yêu th ng vô i u ki n. Môi tr ng
 này nh hình b u khí cứu nguy n. ây qu là công vì c c a
 Chúa Thánh Thần và v linh hng ph i h c t o s đ dàng,
 ch không c n tr ho t ng c a ân s ng. Nó kích thích c
 tin phát triển. Dù là t ng quan liên nhân v , vì c linh hng
 ch a ng chỉ u kích c ng oàn và Giáo h i cao . Nó nuôi
 l n vì n nh toàn c u và cánh chung, n i t i và siêu vi t.

V. Nội Dung và Tiến Trình Các Buổi Giảng Linh Hướng⁴⁸⁰

Những yêu cầu dưới đây có thể giúp chúng sinh và linh hướng dần thân vào mối quan hệ này:

- a. **Lắng Nghe:** Người hướng dẫn lắng nghe cẩn thận và phát triển các mối quan hệ cá nhân với Thiên Chúa và Đức Kitô, khi anh bắt đầu câu chuyện cá nhân cho linh hướng. Linh hướng lắng nghe câu chuyện cá nhân, tìm giúp anh hiểu và làm sáng tỏ với Thiên Chúa đang chờ đợi anh.
- b. **Chú Tâm vào Hình ảnh Thiên Chúa:** Mô hình và hình ảnh cá nhân thiêng liêng cá nhân tác động sâu xa bởi hình ảnh Thiên Chúa cá nhân. Kinh Thánh khai mở cho chúng ta Thiên Chúa cá nhân của Giêsu, và trong Thánh Thần, với Thiên Chúa cá nhân toàn Giáo Hội. Linh hướng giúp chúng sinh trong nhiệm vụ cá nhân này.
- c. **Giúp Làm Sáng Tạo Kinh Nghiệm:** Linh hướng giúp người sinh suy nghĩ và khám phá chi tiết kích động giáo trong những kinh nghiệm cá nhân, như bí ẩn hiện diện và tiếng nói cá nhân Thiên Chúa trong những kinh nghiệm cá nhân.
- d. **Nhận Ra và Làm Sáng Tạo Hình Thức Giá Trị:** Người hướng dẫn nhận ra các làm việc cá nhân lên trong mối quan

⁴⁸⁰ Shaun McCarty, "On Entering Spiritual Direction," in Kevin G. Culligan, *Spiritual Direction: Contemporary Readings* (New York: Living Flame Press, 1983), p. 105-110

vì Chúa và vì tha nhân. Nhiệm vụ quan trọng trong cuộc đời là vì nhân và các giá trị Tin Mừng mà ngài thiết lập: nâng phước Phúc âm, sẵn sàng khi cần tình yêu thương, quan tâm tới công bằng xã hội nhằm thúc đẩy kích thích các cuộc vì cớ rao giảng Tin Mừng.

- e. **Khẩn Nh và Thách** : V linh hướng khẩn và giúp ngài thiết lập dùng tài năng Chúa ban phước vì Chúa và tha nhân. Ngài cần giúp anh chấp nhận thách thức của lòng tin cậy Chúa và làm cho ngài tin tưởng lòng tin cậy.
- f. **Giáo Huấn và Hình** : V linh hướng chỉ đạo và giúp ngài thiết lập hình các yếu tố khác nhau trong cuộc đời anh quanh trung tâm là chính Thiên Chúa.
- g. **Trách Nhiệm**: V linh hướng giúp ngài thiết lập tránh những sai lầm trong việc đánh giá và giám sát tập trung giá bao nhiêu công việc hàng ngày và những nhiệm vụ quan trọng.
- h. **Trợ Giúp Trong Lúc Khó Khăn**: Mối lo lắng lúc nào cũng có mặt trong hành trình thiêng liêng của chúng ta. Vì linh hướng có thể cung cấp những tín hiệu chính mình qua các giai đoạn sống trong suốt cuộc đời.
- i. **Cứu Nguy**: Cứu nguy là sự sống và di sản mà ngài quan tâm của chúng ta vì Chúa.

VI. Các c Tính c a V Linh H ãng T t.

Theo M Têrêsa Avila,⁴⁸¹ m t v linh h ãng t t ph i c ào t o k l ãng và thành th o, v i n n ào t o v ãng ch c v th n h c và kinh nghi m c u nguy n cao (c u nguy n yên t nh, c u nguy n nhi m hi p), b i vì m ã ph i au kh r t nhi u trong tay nh ãng ng i h c hành n a v i.

V linh h ãng ph i có ki n th c v ãng ch c v th n h c, v linh o và v Kinh Thánh, m t ít hi u bi t c n b n v k n ãng t v n, quen thu c các v n tâm lý và tâm th n. Ngài nên có cái nhìn quân bình trong kinh nghi m c u nguy n và ý th c r ãng chán nãn trong c u nguy n là có th có, ãng th i nên bi t phân bi t các an i và chán nãn t các kinh nghi m ích th c v Chúa. Ngài c ãng nên quan tâm th c s v s tho i mái c a ãng i th h ãng.

Trong khi ó, thánh Gioan Thánh Giá ⁴⁸² nh n m nh r ãng v linh h ãng ph i giúp ãng i th h ãng l ãng nghe Chúa Thánh Th n, ãng là ãng i h ãng d n chính ãng làm vi c n i ãng i th h ãng. Chính Th n Khí Chúa Giêsu là trung tâm c a i s ãng thiêng liêng và c a vi c linh h ãng. V linh h ãng thành th o nên giúp ãng i th h ãng c i m hoàn toàn cho ho t ãng ben trong c a Chúa, s n sàng thay i ý ki n và cu c s ãng.

⁴⁸¹ Aulie M. Douglas, *Handbook for Spiritual Director*, (Bandra Mumbai : St Paul, 2002), pp.16-22

⁴⁸² Aulie M. Douglas, *Handbook for Spiritual Director*, (Bandra Mumbai : St Paul, 2002), pp.22-25

V linh h ãng ph i ngoan ngoãn nghe theo nh ãng g ì Chúa Thánh Th ãn ang làm n i ãng i th h ãng, h u có th ã kh ãng ãnh và xác ãnh n vi c Chúa Thánh Th ãn làm ó. Ngài c ãng d y cho ãng i th h ãng làm sao áp d ãng L i Chúa vào hoàn c ãnh c th ã và c bi t c a cu c s ãng m i ãng; ãng th i bi t quan tâm ãnh ãng g ì Thiên Chúa ãng h ãn là ãnh ãng g ì con ãng i ãng. Thiên Chúa có th ã hành ãng tr c ti p, ãnh ãng Ngài thích d y con ãng i qua con ãng i h ãn, ch ãng h ãn ãnh tr ãng h p Saolô (x. Cv 9, 1-19). Thánh Gioan Thánh giá ãng quan i m v i thánh Têrêsa Avila ãng v linh h ãng c ãn c ào t o, nh y c m, tín c ãn, có kinh ãng m trong ãi s ãng c u ãng y ãn và k ãi ãn th c ch c ch ãn v ãm lý th c ãnh.

Tóm l i, ãnh ãng c tính c a m t v linh h ãng t t là: M t con ãng i có trí phán óán lành m ãnh và l ãng trí t t, t tin ã kh i d y lòng tín ãnh m n i ãng i khác. M t v linh h ãng t t kinh ãng m Th ãn Khí và m ãr ãng kinh ãng m y qua vi c quan sát kinh ãng m c a ãng i khác. Ngài khiêm t ãn t p vi c d ãi s h ãng d ãn c a ãng i có k ãn ãng. Ngài có s ã tr ãng thành cá ãnh ãn trong c u ãng y ãn và xác tín t m quan tr ãng c a c u ãng y ãn. Ngài luôn luôn c p ãnh ãn hoá vi c h c v i tinh th ãn c u ti ãn. Ngài s ãn sàng ch t v ãn và c ãng s ãn sàng c ch t v ãn ãn a. Ngài có kh ãn ãng kh ích l ã và thúc y ãng i khác. Ngài là m t ãng i bi t ch m chú l ãng nghe v i lòng thi ãn c m, khiêm t ãn và yêu th ãng. Ngài có kh ãn ãng s ãng thành th t v i chính ãnh ãn và v i ãng i khác, v i kh ãn ãng g ây tín ãnh m n i ãng i khác.

VII. ãnh ãng G ì V Linh H ãng Ph i Trách? ⁴⁸³

⁴⁸³ Judette Gallares, “Handout Perspectives for Spiritual Direction and Discernment”

M t v linh h ng t t không áp t giá tr lên ng i th h ng, nh ng ph i rõ ràng v i nh ng giá tr quan tr ng. Ngài nh c l i nh ng giá tr y, nh ng ng i th h ng t do, ngổ h u anh có th ch n l a m t giá tr cho mình cách t do.

M t v linh h ng t t không gài b y ng i th h ng, nh ng r t th ng th n v i anh. Ngài ng c tr thành ng i gi i quy t v n . Ngài không b t ng i th h ng ph i ch u th m v n. Ngài không c ch ng mình i u gì ó v i ng i th h ng mà ngài bi t r ng anh không s n sàng ch p nh n vào lúc ó. Ngài không s thình l ng, b i vì tho i mái thình l ng ch ng t r ng mình ang c m th y d ch u.

M t v linh h ng t t không nh m n m c ích c ng nh c: “Tôi mu n h ng d n nó và a nó i l i này.” Ngài không lên án ng i th h ng. Ngài không nên quá b c l hay n kh p v i ng i vô c m. Ngài không nên v i vàng ch nh s a t t c nh ng quan ni m sai l m ngay l p t c. Ngài không l i d ng ng i khác th a măn nhu c u c a riêng mình. Ngài không k v ng quá nhi u vi c ngay m t l n. Ngài không b o m cho ng i th h ng cách quá nhanh chóng, vì thái này làm cho anh b l thu c. Ngài không nên v i v tr l i nh ng v n n n c a ng i th h ng. ôi khi nên g i tr l i câu h i: “ ây là m t câu h i hay.”

VIII. Nh ng Gì V Linh H ng Ph i Làm?

M t v linh h ng t t ph i l ng nghe ng i th h ng, cho anh c h i th u hi u kinh nghi m c a chính anh. Ngài cùng l ng nghe l i mang tính hi n sinh, ngôn s và th i s c a Chúa. Ngài chu n b t cho m t cam k t hoàn toàn t do ho c

tái cam kết về giá trị và ý nghĩa của toàn bộ sứ mệnh của người thanh niên, họ kiên trì tính cá biệt của một công nhân xã hội trung thành có tính cách sáng tạo. Người phải ý thức rằng một quy tắc của một người phải thực hiện trong lúc tự do. Người công nhân phải ý thức rằng lịch sử và cách giải thích kinh nghiệm của một công nhân phải kích thích và ảnh hưởng đến kinh nghiệm mới lập lập lịch sử giải thích và ảnh hưởng cùng với nhau.

C. TÂM LÝ HỌC VÀ VIỆC ĐÀO TẠO SỨ MỆNH CỦA THÂN CHO CHUNG SINH

I. Học Vấn Tại Học Liệu của Lâm Đồng Tình Dục

Russel Shaw mô tả học vấn tại học liệu của lâm đồng tình dục như sau:

“Lâm đồng tình dục chính là một hành vi tính dục sai trái nào của người lớn tuổi vì trẻ em hay vì những người trẻ trao cho họ cảm xúc. Sự lâm đồng này có thể làm tổn hại sâu sắc tâm hồn người trẻ và làm mất niềm tin khi trẻ bước vào tuổi trưởng thành. Sự lâm đồng này có thể làm suy yếu khả năng có được sứ mệnh tình dục lành mạnh và hạnh phúc. Nó còn có thể là nguyên nhân của các căn bệnh tâm lý liên quan tới những sai lầm về tình dục và tội ác.

Nhiệm vụ của lâm đồng tình dục là những người đã bị lâm đồng thì còn trẻ. Đây là một sự lâm đồng ghê gớm của

ng i l n có trách nhi m và là m t s sai l m nghiêm tr ng v m t luân lý. S vi ph m này càng thêm tr m tr ng, nh t là khi b gây nên b i k n m gi m t a v áng tin c y, ch ng h n, nhà tham v n tâm lý, giáo s , hay bác s , mà vi ph m nh ng ng i ã c giao phó cho h .”⁴⁸⁴

II. Ki m Tra Tâm Lý

1. Ý Ngh a và Nh ng Gi i H n⁴⁸⁵

Ngày nay, vì các l m đ ng tình đ c tai h i và g ng x u, nhi u ng i òi h i các ng sinh lên ch c linh m c ph i tr i qua nh ng k ki m tra tâm lý. Vi c này có thíc h p v i tâm th c c a ng i Vi t nam v n r t dè d t, nh t là trong lãnh v c gi i tính không?

Nguy c tai h i là làm cho ng i ta b cảm đ nói đ i, và n u ã nói đ i m t l n, h s có c m nh tí p t c nói đ i n a. Vì th , nh ng tr c nghi m tâm lý nên ch c s đ ng cho nh ng m c ích gi i h n thôi, và chúng không ph i là nh ng đ ng c thíc h p i u tra lai l ch, moi móc nh ng bí m t sâu kín, h u ánh giá tính thíc h p toàn di n c a ng sinh cho vi c nh n anh vào ch ng vi n.

Tuy nhiên, các tr c nghi m tâm lý có th là h u ích nh ng giai o n khác nhau: kh n ng và thái c a ng sinh có th c ki m tra và b t c khuỵ t i m tâm lý hay y u

⁴⁸⁴ Russel Shaw, *Church Document* : Our Sunday Visitor’s Encyclopedia of Catholic Doctrine.

⁴⁸⁵ Germain Grisez, Ph.D., “Submission to the Ad Hoc Committee on Sexual Abuse United States Conference of Catholic Bishops,” Zenit.org/english, truy c p ngày 25.12. 2004.

kém nào cũng có thể chấp hành như chấp hành hay tham vấn tâm lý. Nhưng nhà chuyên môn chỉ có phép tìm kiếm và trình bày những gì mà chính người sinh không biết hay không thể diễn đạt và ghi thích được. Hơn nữa, theo Giáo sư Gioan Phaolô II, chúng ta phải quan tâm tới việc đào tạo các chuyên gia tâm lý: ngoài trình độ khoa học cao, họ còn cần có sự hiểu biết nền tảng về nhân quan tâm Kitô giáo và sự sống và năng lực linh mục, họ cũng cần sự trợ giúp hữu ích cho sự hình thành thì tác các chỉ dẫn kích nhân bản và siêu nhiên.⁴⁸⁶

Ti sĩ Rick Fitzgibbons, một chuyên gia về tâm thần, đồng ý về việc quan tâm của các Thánh Cha: “Tôi trao cho công tác của bạn là đánh giá các người sinh chủng viện, chúng tôi nhờ các chuyên gia tâm lý và tâm thần để nhận thức cho nhiệm vụ quản trị này phải có đòi hỏi tham dự các công trình đào tạo thính xuyên do những người trung thành với giáo huấn của Hội Thánh luân lý tính đức.”⁴⁸⁷

2. **Ti sĩ Trình**⁴⁸⁸

Việc tham vấn cá nhân cũng cần cho chủng sinh trong các buổi gặp gỡ thân tín về mặt chuyên gia tâm lý / tâm thần để chấp hành cho chủng viện. Cuộc thi thố phải

⁴⁸⁶ John Paul II, “On Psychology and Candidates for the Priesthood”: Speech to Session of Congregation for Catholic Education” (Vatican City, February 21, 2002), Zenit.org/english, truy cập ngày 3.11.2004)

⁴⁸⁷ Dr. Fitzgibbons shared his views with Zenit. (May 1,2004), Zenit.org/english, truy cập ngày 3.11. 2004.

⁴⁸⁸ St. Patrick’s Seminary, The Mentoring and Advising of Seminarians (Menlo Park, California : St. Patrick’s Seminary, 2001), pp.23 - 40

c gi riêng t và bí m t. M i cá nhân c t do g p chuyên gia tâm lý/tâm th n khi nào tu ý mu n. Vi c t v n c duy trì su t c n m, không k nh ng ngày l hay k ngh . Tùy theo th i khóa bi u, m i bu i g p t v n kéo dài t 30 n 45 phút.

Khuôn kh c n b n c a vi c t v n là m t mô hình tr li u ng n, trong ó các k thu t tr li u t p trung vào các tài n i c m và nh ng xung t ã bi t. M c ích là làm cho ng i c t v n có kh n ng gia t ng các ph ng ti n có s n c a mình hi u rõ và gi i quy t xung t, ng th i giúp anh, m t cách nào ó, tr thành ng i tr li u cho chính anh, ngh a là giúp ng s h i nh p các ph ng di n c a câu chuy n i, nhân cách và tâm linh c a anh. Th nh tho ng có nh ng thi u cân b ng hoá h c khi n các cá nhân tr i nghi m s chán n n và nh ng chán nãn này c n c ch n oán và ch a tr . C ng t ng t nh th v i m t s tình tr ng b n kho n lo l ng.

Ch ng vi n hi u vai trò chuyên gia tâm lý/tâm th n nh tr giúp ch ng sinh tr ng thành phát tri n s hi u bi t toàn di n h n v nhân cách c a mình (h n là hi u r ng ó là thành t c n thi t và chính y u cho s tr ng thành và ào t o). Do ó, ch ng sinh hoàn toàn tín nhi m khi ch n t v n v i chuyên gia tâm lý/tâm th n c a ch ng vi n. S tín nhi m này v n còn nguyên v n, ngay c trong tr ng hu ng v c v n c a ch ng sinh có th ngh m t t v n nh th nh m bi t sâu h n m c tr ng thành c a anh. Trong nh ng tr ng h p nh th , v c v n không nên tham kh o nhà tr li u, sau khi ch ng sinh ã b t u các bu i tr li u.

Nh ng, n u vi c ch ng sinh tham kh o ý ki n nhà tr li u là do yêu c u tr c ti p c a U Ban Tuy n sinh hay H i

ng Ch ng vi n, ho c n u vi c tham kh o này tr thành m t ph n bình th ng c a vi c ào t o ch ng sinh, thì s vi c này s c thông báo cho H i ng Ch ng vi n và Giám M c a ch ng sinh y.

3. Vai Trò c a Khoa Tâm Lý Ttrong Vi c Tuy n L a và ào T o Ch ng Sinh

Theo bà Gladys A. Sweeney,⁴⁸⁹ có nh ng ng sinh xác tín r ng mình có ng i, nh ng ng l c ng i y ôi khi n t m t c mu n vô th c mu n tránh i s ng v ch ng ho c mu n ch y tr n nh ng m i t ng quan liên nhân v . Khoa tâm lý giúp làm sáng t các tr ng i này, và nh th giúp ích r t l n, không nh ng cho Giáo H i mà còn cho chính ng sinh n a. Vi c s d ng các ph ng ti n tâm lý và nh ng cu c ph ng v n ch n oán làm cho ng i ta có th th y c ch ng ng i mang b n ch t tâm th n, tình c m hay c ch th lý ang ng n c n ng sinh t do quy t nh v ng i c a anh, trong khi ó ng i ph i là m t quy t nh hoàn toàn t do d a trên tình yêu.

Vi c ào t o linh m c là m t công cu c lâu dài òi h i m t m c t xem xét n i tâm và ki m tra m nh m v chính b n thân. Trong th i k ào t o có th xu t hi n các hi n t ng tâm lý ki u nh n i th ng kh , s lo âu, nh ng lúc c ng th ng..., và chúng s c d n d p sáng s a nh vi c linh h ng. Chúng có th là k t qu c a s quá cao s t bi t mình và có th kêu g i n s giúp c a các khoa h c tâm

⁴⁸⁹ Gladys A. Sweeney là Khoa tr ng H c vi n các Khoa h c Tâm lý Arlington, Virginia, USA. H c vi n này chú tâm vào s phát tri n tâm lý d a trên quan i m Công giáo v nhân v con ng i.

lý. Trong trường hợp này, việc tham khảo một chuyên gia tâm lý có thể hữu ích hơn.

Một chuyên gia tâm lý có phẩm chất tốt là một nhà tâm lý học biết thu thập và phân tích thông tin một cách khoa học, và dĩ nhiên, đây là điều rất quan trọng. Nhưng ông phải hiểu rõ vì sao một toàn diện của chi tiết siêu nhiên cần gì. Có thể rằng những thế giới khác hay chúng ta không phải là phần ảnh hưởng của tình trạng rối loạn chức năng tâm lý, nhưng đó là biểu hiện của giai đoạn nhất định của tiến trình thiêng liêng, như “âm thanh của linh hồn.” Trong trường hợp này, một khi giai đoạn này kết thúc, chúng ta sẽ trong một tiến trình thiêng liêng cao hơn.

Nếu chúng sinh tham khảo một chuyên gia tâm lý gia không hiểu biết về những phân tích siêu nhiên cần gì, mà chỉ thấy đó là những rối loạn chức năng tâm lý, thì ông ta đã làm điều xấu hơn nữa, vì đã cản trở phát triển tiến trình thiêng liêng của chúng ta. Trái lại, nếu đó là một vấn đề tâm lý, thì thật là sai lầm khi coi nó như một vấn đề thiêng liêng. Vì thế, các chuyên gia tâm lý cần tạo một môi trường tri thức và thiêng liêng có thể giúp ích rất nhiều cho chúng ta, không chỉ cho việc tu dưỡng của chúng sinh mà còn cho việc tạo ra một linh hồn mới.

Một cái nhìn toàn diện về chúng ta là một cái nhìn bao gồm mọi khía cạnh: tâm lý, thiêng liêng và luân lý. Nhưng ai có thể vượt tâm lý thì ông có khuynh hướng quy định một cách thiển cận, vì ông cố gắng để thoát khỏi, và đôi khi còn theo cách vô luân nữa. Trong trường hợp này, khoa tâm lý học phải can thiệp để giúp thoát khỏi những cố gắng thiển cận của các trường học cách khách quan, phân biệt cách

khôn ngoan vì c ph i làm và làm trong ng l i luân lý và nhân c. B y gi , khoa tâm lý ph c v s th t, và nh Gioan T y Gi , nó ph i giúp “u n cho ngay ng c a Chúa.” Khoa tâm lý gi i thoát con ng i h bi t ch n i u thi n.⁴⁹⁰

III. Nh ng V n Liên Quan S c Thân

C n ph i c n tr ng và khôn ngoan gi i thích cách y cho ng sinh bi t ch c linh m c và s c thân ích th c là gì, khi vào ch ng vi n, anh hi u c m c ích c a vi c ào t o và c ng tác cách t t h n v i Chúa Thánh Th n qua v linh h ng c a anh. Ngay tr c khi th phong phó t , ng viên ã ph i hi u y và phát tri n cách thích h p ng l c tình c m h ng t i ch c linh m c, tình yêu tr ng thành và n ng nhi t cho c Giêsu, hy v ng s ng ng vì N c tr i, và lòng nhi t thành h ng hái giúp tha nhân vào N c Tr i. Anh ph i ti t đ c hoàn toàn và s ng c thanh khi t cách bình an, không b d c v ng thiêu t, nh ó anh s c ch c ch n v m t luân lý tr c l i h a s ng c thân c a mình. V i m t i s ng thiêng liêng tr ng thành, anh s th y ch c linh m c nh m t quà t ng thiêng liêng c a Chúa vì ph n r i c a loài ng i và c a th gi i h n là m t gánh n ng.

Theo nh ng khám phá c a nghiên c u m i ây c a John Jay College of Criminal Justice thì c n kh ng ho ng trong Giáo H i không ph i là l m đ ng tình đ c tr em, nh ng là ng tính luy n ái (ph n l n các n n nhân không ph i là tr em, nh ng là các thi u niên nam, t 80% n 90 %). Ti n s

⁴⁹⁰ “Role of Psychology in the Selection and Training of the Seminarians” (Rome, March 18,2002) Zenit.org/english, truy cập ngày 7.10. 2004.

Fitzgibbons gợi ý rằng nhu cầu khẩn cấp nhất là chương trình đào tạo nhân bản và thiêng liêng cho chủng sinh về chủ đề chức vụ linh mục và giới tính.

Người ta có thể trình bày nỗi cô đơn và thiếu sự tự tin của người nam như nguyên nhân của sự hấp dẫn đồng giới, đồng thời đưa ra những đường lối mà các hấp dẫn này được giải quyết với sự trợ giúp của Chúa. Đức thanh khiết nên được trình bày như một đường lối lành mạnh của cuộc sống. Cứ hỏi ứng sinh cách đơn sơ xem họ thích người khác giới tính hay đồng giới tính, quan tâm tới thiếu niên hay trẻ em thì chưa đủ. Ứng sinh phải nỗ lực đối mặt và giải quyết các xung đột tình cảm của anh, nhờ tâm lý trị liệu và linh hướng. Chủng sinh với những hấp dẫn đồng tính đòi phải trải qua vài thứ trị liệu và tư vấn tâm lý, và chỉ những ai đã hoàn toàn trị liệu thành công mới được phép gia nhập chủng viện. Anh sẽ không được chịu chức, cho đến khi các xung đột này được chữa lành và không còn bị coi là đồng tính luyến ái.

(Xin xem Huấn Thị của Bộ Giáo Dục Công Giáo về những tiêu chuẩn để biện phân ơn gọi đối với những người có khuynh hướng đồng tính luyến ái và việc chấp nhận họ vào Chủng Viện và lên Chức Thánh. Đức Giáo Hoàng Bênêđictô XVI đã phê chuẩn Huấn Thị này ngày 31-08-2005 và ra lệnh phát hành tại Roma ngày 04-11-2005, Kính nhớ thánh Charles Bôrrômêô, Bồn Mạng các Chủng Viện).

“Trong lãnh vực này, các nhà đào tạo chủng viện có một chương trình rộng lớn và thách thức để phát triển, nhất là làm gương sáng. Gương sáng hiệu quả hơn các thuyết giảng của họ: Ở đâu sự độc thân được sống cách sung mãn và vui tươi, ở đó đời sống thiêng liêng sẽ được sống cách cao độ. Phải

dạy các chủng sinh cách nào để họ hiểu được ý nghĩa đích thực của đời độc thân. Họ phải hiểu lý do tại sao Hội Thánh đòi hỏi các linh mục phải sống độc thân, và họ phải học tận dụng các phương tiện nhân bản và siêu nhiên để sống cam kết này cách vui tươi.”⁴⁹¹

Về phương diện tư liệu, tiến sĩ Fitzgibbons đề nghị:

- Văn kiện của Vatican “Sinh Thệ và Ý Nghĩa của Giỏi Tính Con Ngươi;”
- Tập sách mang tựa đề “Giỏi Tính Tuy N Ái và Niệm Hy Vọng” của Hội Y Học Công Giáo;
- Các bài báo của Đức Gioan Phaolô II về thệ hôn và thân xác;
- Cuốn sách của Cha Gioan Harvey tựa đề “Sinh Thệ và Giỏi Tính Tuy N Ái.”

Chúng ta nghĩ về những người giáo dân có thể làm? Tiến sĩ Fitzgibbons trả lời: “Người giáo dân nên yêu cầu các linh mục giữ thệ hôn và trinh tiết và trở nên thánh của Hội Thánh và luân lý tính dục. Chúng ta có thể bắt đầu và truy tìm cho con cái và gia đình của chúng ta một Thiên Chúa sống và tình yêu và giỏi tính của con người... Chúng ta nên cầu nguyện cho sự thánh hóa của Hội Thánh, hàng Giám Mục, linh mục và giới hôn nhân. Chúng ta có thể nâng đỡ, khích lệ và cầu nguyện cho các linh mục của chúng ta và tin cậy vào Lời Chúa hứa trong ngôn sứ Giêrêmia: “Ta sẽ ban cho các người nam một trái tim như Ta mong muốn” (3, 15)⁴⁹²

⁴⁹¹ Bruno Torpigliani, *Forming our Future Priests*, (Malina, Philippine : Porfirio D. Latorre Memorial Foundation, 1988), pp. 30 -31.

⁴⁹² Dr. Fitzgibbons shared his views with Zenith (May 1, 2004), Zenit.org/english, truy cập ngày 3.11.2004.

Những nhiệm vụ quan trọng nhất về mặt nhân sự làm nên một hệ thống quản lý trong việc giáo dục và phân bổ nhân lực liên quan đến sứ mạng của Giáo hội. Các nhà lãnh đạo đóng vai trò chìa khóa trong việc đào tạo sứ mạng của Giáo hội. Chính họ phải hình thành một đội ngũ trong lãnh vực giáo dục và sứ mạng của Giáo hội. Sứ mạng của Giáo hội gắn liền với các nhân tố Phúc âm khác là khó nghèo và vâng phục. Vì thế, các nhà lãnh đạo của Giáo hội phải có một đội ngũ làm việc trong các lĩnh vực này và vâng lệnh có trách nhiệm. Vấn đề quản lý trong Giáo hội là bố trí nhân sự. Việt Nam, bởi vì đa số dân chúng sống nông thôn và có mức thu nhập đời sống trung bình. Các chủng sinh phải được trợ giúp trong việc phát triển kỹ năng con người của họ. Môi trường sống của họ rất khác biệt so với các chủng sinh sống trong các thành phố, họ cần được huấn luyện về kỹ năng và phẩm chất.

Cùng với chúng ta có thể kể tên về việc của Gioan Phaolô II: “Bổ nhiệm các linh mục và quân bình cho các linh mục trẻ tuổi. Họ cần có một kỹ năng thi hành nhiệm vụ, vui mừng và quỳ gối, một lòng khiêm nhường, giản dị và thanh khiết, và cần là những người thực hành các sứ mạng của Giáo hội Thánh.”⁴⁹³

⁴⁹³ “On Psychology and Candidates for the Priesthood” ... *ibid.*
 Xin xem thêm “Consultation on Human Formation for Priests – Challenges of Asian Context” của Office of Clergy of Federation of Asian Bishops’ Conferences và tài liệu của Hội Xuân Bích “En Vue du Royaume de Dieu: Eléments de réflexion sur la formation au clibat sacerdotal. Une contribution de la Compagnie de Saint-Sulpice.”

SÁCH THAM KHẢO

A. Các Văn Kiện Công Giáo Hội

1. Văn Kiện Công Đồng Vaticanô II

Vatican II. *Ad Gentes: Decree on the Church's Missionary Activity* (December 7, 1965).

_____. *Dei Verbum: Dogmatic Constitution on Divine Revelation* (November 18, 1965).

_____. *Dignitatis Humanae: Declaration on Religious Freedom* (December 7, 1965).

_____. *Gaudium et Spes: Pastoral Constitution on the Church in the Modern World* (December 7, 1965).

_____. *Lumen Gentium: Dogmatic Constitution on the Church* (November 21, 1964).

_____. *Nostra Aetate: Relation of the Church to Non-Christian Religions* (October 28, 1965).

_____. *Optatam Totius: Decree on Priestly Training* (October 28, 1965).

_____. *Presbyterorum Ordinis: Decree on the Ministry and Life of Priests* (December 7, 1965).

2. V n K i n C a c Giáo Hoàng

John Paul II. *Behold Your Mother: Mary in the Life of the Priest* (March 25, 1988).

_____. *Ecclesia de Eucharistia: Holy Thursday April 17, 2003.*

_____. *Ecclesia in Asia: Apostolic Exhortation on Jesus Christ the Savior and His Mission of Love and Service in Asia* (6 November, 1999).

_____. *Mulieris Dignitatem on the Dignity and Vocation of Women* (August 15, 1988).

_____. *Novo Incipiente Nostro: Letter to Priests* (April 6, 1979).

_____. *Opening Address at the Puebla Conference* (January 28, 1979).

_____. *Pastores Dabo Vobis: I Will Give You Shepherds, Post-Synodal Apostolic Exhortation on the Formation of Priests* (March 25, 1992).

_____. *Redemptoris Missio: Mission of the Redeemer* (December 7, 1990).

Paul VI. *Closing Speeches Vatican Council II* (December 8, 1965).

_____. *Evangelii Nuntiandi: On Evangelization in the Modern World* (December 8, 1975).

_____. *Evangelica Testification: Apostolic Exhortation on the Renewal of Religious Life* (June 29, 1971).

_____. *Marialis Cultus: Devotion to the Blessed Virgin Mary* (February 2, 1974).

_____. *Sacerdotalis Caelibatus: Encyclical Letter on Priestly Celibacy* (June 24, 1967).

_____. *Summi Dei Verbum: Address on Seminaries and Vocations* (November 4, 1963).

Pius XI. *Divini Redemptoris: on Atheistic Communism* (March 19, 1937).

3. Các Văn Kiện Khác

a. Văn Kiện Công Giáo

Congregation for Catholic Education (CCE). *A Guide to Formation in Priestly Celibacy* (April 11, 1974). Rome, 1974.

_____. *Circular Letter Concerning Some of the More Urgent Aspects of Spiritual Formation in Seminaries* (January 6, 1980). Rome, 1980.

_____. *Directives Concerning the Preparation of Seminary Educators* (November 4, 1993) Rome, 1993.

_____. *Ratio Fundamentalis Institutionis Sacerdotalis: Basic Scheme for Priestly Training* (January 6, 1970).

_____. *The Virgin Mary in Intellectual and Spiritual Formation* (March 25, 1988).

b. V n K i n C a B Giáo S

Congregation for Clergy. *Directory on the Ministry and Life of Priests* (January 31, 1994).

_____. *The Priest and the Third Christian Millennium: Teacher of the Word, Minister of the Sacraments, and Leader of the Community* (March 19, 1999).

c. V n K i n C a B Giáo Lý c Tin

Congregation for the Doctrine of the Faith. *Letter to the Bishops of the Catholic Church on the Collaboration of Men and Women in the Church and in the World* (Rome, May 31, 2004).

d. V n K i n C a Th ng H i ng Giám M c 1971

Synod of Bishops 1971. *The Ministerial Priesthood* (November, 1971).

e. V n K i n C a Liên H i ng Giám M c Á Châu

Federation of Asian Bishops' Conference (FABC). *For All the Peoples of Asia* Volume I. Quezon City: The Claretian Publications, 1992.

_____. *For All the Peoples of Asia* Volume II. Quezon City: The Claretian Publications, 1997.

_____. *For All the Peoples of Asia* Volume III. Quezon City: The Claretian Publications, 2002.

f. V n K i n C a H i n g G i á m M c H o a K

NCCB. *The Program of Priestly Formation*. 3rd ed. Washington DC: United States Catholic Conference, 1982.

_____. *Norms for Priestly Formation* Volume I and II (November 1993). Washington DC: United States Catholic Conference, Inc., 1994.

_____. *The Continuing Formation of Priests: Growing in Wisdom, Age and Grace* (November 1984). Washington DC: United States Catholic Conference, Inc., 1985.

g. V n K i n C a H i n g G i á m M c P h i L u t T â n

Catholic Bishops' Conference of the Philippines (CBCP). *Celebrating the Eucharist with Mary: A GuideBook*. Metro Manila, Philippines: Assisi Development Foundation, Inc., 2005.

_____. *The Philippine Program of Priestly Formation*. Manila: The Philippine Program Committee Commission on Seminaries CBCP, 1972.

h. V n K i n C a H i n g G i á m M c V i t N a m

Cochinchine's Bishops, *Pastoral Letter 1951*

The Vietnamese Bishops, *Pastoral Letters 1952 and 1953*

Southern Vietnamese Bishops' Conference (SVBC),
Pastoral Letter 1960

_____. *Circular Letter 1964*

_____. *Announcements 1964 and 1971*

_____. *General Announcement 1975*

_____. *Pastoral Letter 1976*

The Vietnamese Bishops' Conference (VBC), *Pastoral Letter 1980*

_____. *Pastoral Letters 1989, 1991, 1997, 1998, 2000, 2001, 2002, 2003 and 2004*

The Episcopal Conference of Vietnam. *Communion and Solidarity*. Washington D.C: General Secretariat (November 2003).

4. V n K i n C a H i Các Linh M c Xuân Bích

Bình Tĩnh, Nguyễn Văn Thịnh Cng Tin (*Ancestor Worship Problems*). Da Nang: Unpublished, 2004.

Coleman, Gerald D. *Common Values and Expectations: A Guide for Seminarians at St. Patrick's Seminary*. Menlo Park, California: St. Patrick's Seminary, 2002.

Compagnie des Prtres de Saint-Sulpice. *La Formation des Futurs Prtres la Prire*. Paris: Compagnie des Prtres de Saint-Sulpice, 2003.

_____. *Former des Prtres Aujourd'hui*. Paris: Compagnie des Prtres de Saint-Sulpice, 1992.

_____. *Constitutions de la Compagnie des Prtres de Saint-Sulpice*. Paris: Compagnie des Prtres de Saint-Sulpice, 2003.

i Ch ng Vi n Hu . *Linh M c Thin Nin K M i: Tài li u H i ngh cho các Giám c và linh h ng c a các ch ng vi n Á Châu t i Seoul, Korea, 24-31. 10. 1999. CV Hu 2000.*

H i Xuân Bích. *ào T o Linh M c: Ngu n Canh Tn Gio H i. i Ch ng Vi n Hu 1995.*

St. Patrick's Seminary. *The Mentoring and Advising of Seminarians*. Menlo Park, California: St. Patrick's Seminary, 2001.

_____. *Program of Spiritual Formation*. Menlo Park, California: St. Patrick's Seminary, 1996.

B. Các Sách

- Abalajon, Noel Vincent B. and Arada, Jr. Carmelo P., eds. *Gathered Around Jesus: Proceedings of the Consultation Congress on Seminary Formation and the Diamond Jubilee Alumni Homecoming*. Manila, Philippines: University of Santo Tomas Central Seminary, 2004.
- Abbott, William. *For Faith and Service: Towards the Integral Formation of Filipino Priests and Religious*. Philippines: 1983.
- Attwater, Donald. *A Catholic Dictionary*. New York: The Macmillan Company, 1958.
- Calpotura, Venancio S. *Discernment of Motives: The Foundation of Seminary Formation*. Metro Manila, Philippines: Emmaus Center Foundation, Inc., 1996.
- Carter, Edward. *Spirituality for Modern Man*. Notre Dame, Indiana: Fides Publisher, 1971.
- Castigador, Honorato C. “We’ve Only Just Begun.” in Abalajon, Noel Vincent B. and Arada, Jr. Carmelo P., eds. *Gathered Around Jesus*. Manila Philippines: University of Santo Tomas Central Seminary, 2004.
- Charlotte Diocese. *Norms for Seminarians: Program for Priestly Formation*. North Carolina, USA: Charlotte Diocese, 2004.
- Cozzens, Donald B. *The Changing Face of the Priesthood: A Reflection on the Priest’s Crisis of Soul*. Collegeville, Minnesota: The Liturgical Press, 2000.

- Côn S n, Ph m. *Gia L X a và Nay (Family's Old and New Ritual)*. Dong Thap: ng Thp Publication, 1996.
- Culligan, Kevin G. *Spiritual Direction: Contemporary Readings*. New York: Living Flame Press, 1983.
- Douglas, Julie M. *Handbook for Spiritual Directors*. Bandra Mumbai: St Paul Publications, 2002.
- Flannery, Austin, OP, gen. ed. *Vatican Collection Volume 2: Vatican Council II More Post Conciliar Documents*. Bandra, Bombay: St Paul Publications, 1990.
- _____. *Vatican Council II: The Conciliar and Post Conciliar Documents*. Bandra, Bombay: St Paul Publications, 1992.
- Goergen, Donald J., ed. *Being A Priest Today*. Minnesota, USA: The Liturgical Press, 1992.
- John Baptist Pham Minh Man. “Ch c N ng M c T c a Linh M c v S M nh c a Ph N trong H o” trong ”*Tm Lý N Gi i v Ch c N ng M c T c a Linh M c*”. Ho Chi Minh City, 2003.
- Kuo-Shi, Paul Shan. “Synod of Bishops-Special Assembly for Asia: Orientations on Priestly Formation” trong *Linh Muc Thien Nien Ky Moi*. Dai Chung Vien Hue 2000.
- Lambino, Antonio B. “The Faith Dimension in Socio-Political Involvement.” in *For Faith and Service: Towards the Integral Formation of Filipino Priests and Religious*. Philippines: 1983.

- Leon-Dufour, Xavier. *Dictionary of Biblical Theology*. USA: Geoffrey Chapman, 1988.
- Quevedo, Orlando B. “Pastoral Priorities of the Church in the Philippines and their Implications to Seminary Formation.” in Abalajon, Noel Vincent B. and Arada, Jr. Carmelo P., eds. *Gathered Around Jesus*. Manila, Philippines: University of Santo Tomas Central Seminary, 2004.
- Tansecó, Ruben M. “Affectivity, Sexuality and Intimacy in Religious and Priestly Formation.” in *For Faith and Service: Towards the Integral Formation of Filipino Priests and Religious*. Philippines: 1983.
- Torpiigliani, Bruno. *Forming our Future Priests*. Manila, Philippine: Porfirio D. Latorre Memorial Foundation, 1988.
- Wakefield, Gordon S. *The Westminster Dictionary of Christian Spirituality*. Quezon City, Philippines: Claretian Publications, 1988.
- Wostyn, Lode L. *Believing Unto Discipleship: Jesus of Nazareth*. Quezon City: The Claretian Publications, 2004.
- Yang-ho, Clement Yoon. *Revitalizing Spiritual Formation and Prayer Life in Korean Seminaries*. Philippines: ICLA Publications, 2003.

C. Các Bài Báo

- Lagaya, Ren T. "Sharing Our Spirituality and Charisms with the Laity." *Religious Life Asia* 2 (January-March, 2000): 56-68.
- Pitaud, Bernard. "L'Ecole Française et la Protection du Sujet: For Interne et For Externe dans les Seminaries." *Le Supplment* (Septembre 2002), no. 222.
- Vasquez, Amelia. "Fidelity in Vowed Life: Religious Life." *Religious Life Asia* 5 (January-March 2003) : 48-55.
- Vicente Cajilig. "Continuing Formation for Priesthood in Asia." *Rogate Ergo Asia: the Catholic Magazine on Vocations* 5 (July-September 2004): p. 9-25.

D. N h ng Ngu n Tài Li u Khác

- Bacani, Percy. "Handout on Missionary Spirituality" 2nd Semester 2003-2004, ICLA, Quezon City.
- Cajes, Prisco. "Handout on Mission Spirituality and Environment" 1st Semester 2004-2005, ICLA, Quezon City.
- Cenacle Team. "Handout on Group Spiritual Accompaniment" 1st Semester 2004-2005, ICLA, Quezon City.
- Fonts, Marcelino. "Handout on Prayer in Asian Context" 2nd Semester 2003-2004, ICLA, Quezon City.

Gallares, Judette A. “Handout on Biblical Foundation of Consecrated Life” 1st Semester 2004-2005, ICLA, Quezon City.

_____. “Handout on Perspectives for Spiritual Direction and Discernment” Summer Seminar 2003-2004, ICLA, Quezon City.

_____. “Handout on Biblical Spirituality” 1st Semester 2005-2006, ICLA, Quezon City.

Java, Malen. “Handout on Retreat Direction Seminar” 2nd Semester 2003-2004, ICLA, Quezon City.

Krakowczyk, Piotr. “Handout on Christology” 1st Semester 2004-2005, ICLA, Quezon City.

Maranan, Marites. “Handout on Theology of Communion and the Religious Community” 2nd Semester 2004-2005, ICLA, Quezon City.

Marquez, Jose Ma. Ruiz. “Handout on History of Consecrated Life” 1st Semester 2004-2005, ICLA, Quezon City.

Moraleda, Domingo. “Handout on Fundamental Ecclesiology: A Historical and Theological Reflection” 2nd Semester 2003-2004, ICLA, Quezon City.

_____. “Handout on An Introduction to Missiology of Consecrated Life” 1st Semester 2004-2005, ICLA, Quezon City.

_____. “Handout on Theology of the Forms of Christian Life in the Church” 1st semester 2005-2006, ICLA, Quezon City.

_____. “Handout on Religious Vows as Evangelical Charisms and Responsibility ‘Covenant Perspective’” 1st Semester 2005-2006, ICLA, Quezon City.

Mu-Hua, Jiao. “Handout Liturgical Spirituality” 2nd Semester 2004-2005, ICLA, Quezon City.

Paredes, Jose Cristo Rey. “Handout on Mariology Mary in Mission and Spirituality” 2nd Semester 2003-2004, ICLA, Quezon City.

_____. “Handout on Holy Spirit in the Life and Mission of the Church and Consecrated Life” 2nd Semester 2004-2005, ICLA, Quezon City.

E. Các Nguồn Tài Liệu In T

Osservatore Romano

http://www.vatican.va/holy_father/john_paul_ii/speeches

http://www.vatican.va/news_services/or/home_ita.htm

ml

Trung Tam Muc Vu Luan Don

[http://www.lavang.co.uk/TTMVLondon/GiaoHoiVietNa
m/niengiam-index.htm](http://www.lavang.co.uk/TTMVLondon/GiaoHoiVietNam/niengiam-index.htm).

<http://www.lavang.com.vn>

<http://www.catholic.org.tw/vntaiwan/lavang/lavang.htm>

Ucanews

<http://www.ucanews.com/html/ucan/index.html>

[http://www.ucanews.com/html/fabc-papers/fabc-
92d.htm](http://www.ucanews.com/html/fabc-papers/fabc-92d.htm)

VietCatholic

<http://www.vietcatholic.net>

<http://vietcatholic.com/EnglishNews/>

Zenit

<http://www.zenit.org/english>

Tất cả các giấy bản quyền. Không một phần nào của cuốn sách này
có thể tái sản xuất hoặc in lại mà không có phép bằng văn
của nhà xuất bản.

M C L C

t ng	iv
Cám n	v
L i t a	vii
M c l c	x
D n Nh p	1
L c tóm	12

PH N I
 B IC NH N NT NG, NHỮNG THÁCH ĐÓ,
 C HỘ I KHẢ DĨ CỦA VIỆC ĐÀO TẠO THIÊN LIÊNG
 CHO CÁC LINH MỤC TƯƠNG LAI TẠI VIỆT NAM

CHƯƠNG I
 XÃ HỘI VIỆT NAM

A. B i C nh L ch S Li ên H ã n Th i Phong K i n	18
Nguyên Do Gây Hi u L m Và Bách H i Tôn Giáo	19
a. Ý Nghĩa Đích Thực Của Đạo Ông B à	
b. Vai Trò Tối Cao Của Ông Trời	21
c. L i Hi u Nguy H i	22
d. ã ng H ã ng M i và C H i M i	23
e. Lý Do Chính Trị Của Những Căng Thẳng, Xung Đột Và Bách H i	24
B. B i C nh L ch S Li ên H v i Giai o n C ng S n	25
1. M i liên h ã gi a Giáo H i Vi t Nam và Chính quy n C ng S n	
a. Giai ãn i u	
b. Giai ãn Hi u Bi t Và C ng Tác	27
c. Nh ãng Tr n Tr Mãu Thuần Do Hoàn C nh M i Gây Nên	29
d. Dấu Chỉ Của Niềm Hy Vọng	30
2. ã c Quy n Giáo D c T i Vi t Nam	
3. M t K i u Tôn Giáo M i	31
4. Ph c H i Tôn Giáo Bình Dân	32
5. Ph ản Ứng Bằng Niềm Cậy Trông Thành Tĩm	33
C. Nhân T V n Hoá Trong Tâm Th c Dân T c	33
1. Từ Ngữ Uyển Chuyển Ẩn Giấu Cảm Xúc Chân Thật	
2. Ph ản Bi t Gi a Ph c Tùng Mĩ n C ãng Và Vãng L i Th t Lòng	34
3. ã c i m a Ph ãng Trong Quê H ãng	35
4. Khuyến Cáo Hữu Ích Cho Vi c ào T o Thiên Liêng	36

CHƯƠNG II
GIÁO HỘI VIỆT NAM
VỚI CÁC CHỦNG VIỆN VÀ HÀNG GIÁO SĨ

A. Quan hệ giữa Các Lãnh đạo Giáo Hội Việt Nam	37
B. Sáu Chức vụ Chính cho Giáo Hội Công Giáo Việt Nam	39
C. Khó khăn Trong Việc Tuyển Nhận và Đào Tạo	41
1. Tiến Trình Tuyển Nhận Chức vụ Sinh	
2. Các Nhà Đào Tạo và Việc Đào Tạo	42
D. Hội Nghi Các Giám Mục Chức vụ Hai Năm Một Lần	43
1. Hoạt động của Các Giám Mục Chức vụ Hai Năm Một Lần	
2. Nhiệm vụ của Các Giám Mục Chức vụ Chính Quy	44
3. Nhiệm vụ của Các Giám Mục Chức vụ Lãnh đạo Giáo Hội	45
E. Then chốt của Vấn đề Thi cử Giáo Hội	46
1. Thử thách Hội Nhiều nỗ lực	
2. Giám sát Pháp luật và Hy vọng Tương lai	47
F. Nhìn Tổng Quát về Các Chủng Sinh Việt Nam	48
1. Mong chờ và Hy vọng của Gia đình Chức vụ Sinh	
2. Chức vụ Sinh Ngoại trừ họ không chính thức	49
3. Hội đồng của Giáo Hội và Khó khăn của Ứng Sinh	50
4. Vấn đề Tuyển Sinh và Thủ tục Vào Chức vụ	52
a. Sinh Chức vụ Sinh Bản địa	
b. Chức vụ Sinh ngoài nước	
c. Vấn đề Liên hệ và Giám sát Thân	
d. Khi mời Khuyt Mang Tính Xã Hội: Giáo Lý và Thi cử Giáo Hội	54
e. Thi cử Giáo Hội	55
f. Chức vụ Sinh Tự nguyện và Chức vụ Linh mục	
G. Tình Trạng Hiện nay của Các Linh mục Việt Nam	56
1. Cái Nhìn Tổng Quát	
2. Nhiệm vụ Chức vụ Tích cực	57
3. Nhiệm vụ Chức vụ Tiêu cực	58
4. Vấn đề Đào Tạo Chức vụ Sinh	60

CHƯƠNG III
VIỆC ĐÀO TẠO THIÊNG LIÊNG HIỆN NAY
Ở CÁC CHUNG VIỆN VIỆT NAM

A. Chương Trình Tiêu Chuẩn Đào Tạo Thiêng Liêng	62
1. Lý Thuyết	
2. Thực Hành Thiêng Liêng	63
3. Sự Nâng Cao Chức Thi Sĩ	64
B. Việc Tuyển Chọn Giảng Viên Các Chương Sinh	
C. Việc Áp Dụng Chương Trình Này Trên Thực Tế	66
D. Trường Các Trong Tiến Trình Phát Triển Thiêng Liêng	67
E. Việc Liên Lạc Giữa Học Sinh và Nhà Giáo	70
F. Nhu Cầu Phấn Đấu Liên Tục	73

PHẦN II
NHỮNG GIÁO HUẤN CỦA HỘI THÁNH VATICAN ĐÀO
TẠO THIÊNG LIÊNG CHO CÁC CHƯƠNG SINH

CHƯƠNG IV
GIÁO HUẤN CỦA HỘI THÁNH HOÀN VŨ
VỀ VIỆC ĐÀO TẠO THIÊNG LIÊNG

A. Tài Liệu của Công Đồng Vaticanô II	77
1. Đào Tạo Linh Mục (<i>Optatam Totius</i>)	
2. Sự Sống và Chức Linh Mục (<i>Presbyterorum Ordinis</i>)	79
B. Các Tài Liệu của Tòa Thánh	82
1. Nhiệm Vụ Của Linh Mục (<i>Pastores Dabo Vobis</i>)	
2. Hội Thánh tại Á Châu	84
a. Nhiệm Vụ Ưu Tiên của Hội Thánh tại Á Châu	
b. Đào Tạo Thiêng Liêng cho Các Chương Sinh	85
3. Các Nguyên Tắc Cơ Bản cho Việc Huấn Luyện Linh Mục (<i>Ratio Fundamentalibus Institutionis Sacerdotalis</i>)	86

a. Nh ợng Nguyên Tắc Chỉ Đạo Tổng Quát	
b. Nh ợng Khía C nh C Th	88
4. ào T o Thiêng Liêng Trong Các Ch ợng Vi n	92
C. Giáo Hu n c a c Giáo Hoàng Gioan Phaolô II	94
1. óng Góp của Khoa Tâm Lý Vào ào T o Linh M c	
a. óng Góp Thích ợng và Hạn Chế của Khoa Tâm Lý Trong Ti n Trình ào T o Linh M c	
b. ào T o Thiêng Liêng Và i S ng c Thân	95
2. Chuẩn Bị Vững Chắc Cho Các Linh Mục	
3. Vi c ào T o Thiêng Liêng Thích Ợng với Những Thách Tru y n Giáo	96
D. Giáo Hu n c a c Bênê itô XVI	97
1. Chúa Giêsu Kitô Là Chuẩn Mục Chân Thực	
2. H i Thánh Không S T ng Lai	98
3. M R ng C a cho Chúa Kitô	99

CHƯƠNG V

GIÁO HUẤN CỦA HỘI THÁNH ĐỊA PHƯƠNG VỀ VIỆC ĐÀO TẠO THIÊNG LIÊNG

A. Ph ợng H ợng C Th c a Liên Hội Đồng Giám Mục Á Châu (FABC)	100
1. Khuôn Mặt Á Châu của Linh Mục	101
a. Ch c Linh M c Trung Tâm c a Chúa Gi êsu Kitô, ng C u	
b. Linh M c, Ng i c a H i Thánh	102
c. Cu c S ng Và Vai Trò C a Linh M c Trong B i Cảnh Á Châu	
2. Các Khía C nh c a Ti n Trình ào T o	104
a. Ki u M u và Ph ợng Pháp ào Tạo Ợng Viên	
b. Phẩm Chất Thiết Yếu của Ng i ào T o	
c. C n Có ng L i L ng nh H i u Qu	105
3. i S ng C u Ng u y n trong Vi c ào T o Thiêng Liêng cho Các Ch ợng Sinh	106
a. Ý Ngh a S ng Còn c a C u Ng u y n	

b. T ụng Tác Giả Các Cách Th c C u Nguy n Kitô Giáo và Á Châu	107
B. Chỉ Thị và Nguyên Tắc Chỉ Đạo của HDGMMVN	108

CHƯƠNG VI

ÁP DỤNG GIÁO HUẤN CỦA HỘI THÁNH VÀO VIỆC ĐÀO TẠO THIÊN LIÊNG CHO CÁC CHỨNG SINH

A. Vi n Anh Ch c Linh M c Áp D ụng Vào Vi c ào T o Thiên Liêng	113
1. Linh M c, Ng i c Chúa Thánh Th n Thánh Hi n, Chi m H u và H ng D n	115
2. Linh M c, Con Ng i o c và C u Nguy n	116
3. Linh M c, Con Ng i c a Linh Thánh	118
4. Linh M c, Ng i Có N n T ng Thánh Kinh V ng Ch c	119
5. Linh M c, Ng i M Ra cho Tình Hi p Thông	121
6. Linh M c, Ng i D n Thân Truy n Giáo	122
7. Linh M c, Ng i c a i Tho i	124
8. Linh M c, Ng i c a Truy n Thông Xã H i	125
9. Linh M c, Ng òi Nhạy Bền với Đồi Thay Xã H i	126
10. Linh M c, Ng i C a Tác V Ngôn S	127
B. Linh o và Th n H c v Ch c Linh M c	128
1. Linh o v Ch c Linh M c	
2. Th n H c v Ch c Linh M c	131
C. Hình nh và C n Tính c a Linh M c	132
Cross (Th p Giá)	133
Humanity (Nhân Tính)	134
Reconciliation (Hoà Gi i)	135
Interiority (N i Tâm)	
Servanthood (Ph c V nh Tôi T)	136
Teacher (Th y D y)	137
D. Nâng và Nuôi D ng Thiên Liêng	138

**ĐÀO TẠO VÀ TỰ ĐÀO TẠO THIÊNG LIÊNG
CỦA CÁC LINH MỤC TƯƠNG LAI TRONG
BỐI CẢNH VIỆT NAM NGÀY NAY**

**CHƯƠNG VII
BỐI CẢNH HÓA
ĐÀO TẠO THIÊNG LIÊNG CHO CÁC
LINH MỤC VIỆT NAM TƯƠNG LAI**

A. Trong Văn Anh Giáo Hội Công Giáo Vaticanô II	145
B. Trong Văn Anh Truyền Giáo	147
1. Tính Khẩn Thiết của Việc Truyền Giáo với Giáo Hội Việt Nam Hôm Nay	
2. Ngôn Ngữ và Mục Vụ của Chúa Giêsu	149
a. Ngôn Ngữ của Chúa Giêsu trước Phụng Sinh	
b. Ngôn Ngữ của Chúa Giêsu sau Phụng Sinh	
c. Bản Chất của Giáo Hội là Truyền Giáo	150
3. Thi Thơ, Công Trình Thích Hợp Sống và Thi Hành Sống Truyền Giáo	151
4. Trở Nên Nhà Thờ tại Sài Gòn Say và Hiếu Qu	
C. Trong Văn Những Công Tác Văn Giáo Dân	152
1. Quan tâm mới, Cái Nhìn Mới	
2. Công Tác Văn Nghệ Giáo Dân Nói Chung	154
3. Công Tác Văn Phụng, Những Giáo Dân và Nghệ Thuật	156
4. Kỹ Thuật Đào Tạo ICLA	157
5. Văn Nhảy và Nghệ Thuật FABC	159
D. Trong Văn Những Thi Thơ	160
1. Thái Độ và Chỉ Đạo của Đức Bênêđictô XVI	
2. Thi Thơ về Các Nhân Văn Hóa	161
3. Thi Thơ Liên Tôn	164
4. Hình Dạng Văn Nghệ Nghèo:	166
5. Thi Thơ về Nghệ Thuật Công Sơn	168
a. Những Lý Do Thi Thơ về Nghệ Thuật Công Sơn	169
1) Ngôn Ngữ của Chúa Giêsu và Ngôn Ngữ của Hội Thánh	
2) Thời Kỳ của Tin Mừng	170

3) nh H ng L ch S C a Nhân Lo i Trong Th i i Chúng Ta	171
4) S Bi n Chuy n C a Nh n Th c Và Các M i Liên H	172
b. Nh ng Tiêu Chí C a Cu c i Tho i Này	174
1) Khuy n Cáo C a c Gioan Phaolô II	
2) Thái C a Các Giám M c Vi t Nam	177
3) S C m Thông C a FABC	180
c. ng L i i Tho i Thích H p v i Ng i C ng S n	
1) Nhìn Nh n Nh ng Quy n Bính Dân S	
2) Bác Bò Đối Thoại ở Mức Độ Ý Thức Hệ	182
3) i Tho i B ng Cu c S ng Và Hành ng V i Ng i C ng S n	183
4) i Tho i B ng Cách Làm Ch ng Cho Tình Yêu Thiên Chúa	184
5) M t S D Li u Th ng Kê	185
d. Con ng Hy V ng ã c M Ra	

CHƯƠNG VIII

GIAI OẠN TIỀN CHỦNG VIỆN THĂNG TIẾN, THẨM TRA VÀ ĐÓN NHẬN

A. Cộng Tác Hữu Hiệu Ở Cấp Giáo Phận	188
1. Giai oạn Chuẩn bị các ứng sinh gia nhập Chủng viện	
a. Cam Kết Khởi Đầu Của Ứng Sinh	189
b. Dữ Kiện Cá Nhân Của Ứng Sinh	190
c. S D n Thân Không Th Thi u C a Giám M c Giáo Ph n	192
B. ánh Giá Và Thanh L c Nh n Vào Ch ng Vi n	193
a. Hoàn C nh Gia ình	
b. Sức Khỏe Thể Lý Và Tâm Lý	195
c. i S ng Thiêng Liêng Và Luân Lý	196
d. Vi c Linh H ng Và Tham Vấn Tâm Lý	
D. Phân nh n G i	198

- c. Hai Y u T Giúp Nh n nh n G i
 3) Ý ngay lành
 2) ng L c Thúc ầy Ý H ng
 b. Cam Kết Tự Biến Đổi Và Cam K t Cho S 199
 V

CHƯƠNG IX
 GIAI OẠN CHỨNG VIỆN
 ĐÀO TẠO VÀ TỰ ĐÀO TẠO THIÊN LIÊNG

A. Ch ng Trình Tổng Quát Trong Tiến Trình	201
ào T o C a Ch ng Vi n.	
i. ào T o Thiên Liêng	203
1. Chuẩn Mục Của Đào T o Thiên Liêng.	
a. C p Cá Nhân	
d. C p Giáo H i Và Truy n Giáo	204
ii. Vi c Linh H ng	
1. nh Ngh a	
2. Nh ng Nguyên T c Chung	205
1. Ba V n C B n Và Quy t nh	207
• Bi t Minh	
• V n S Thân M t Và Tính D c	
• Quy n bính	
2. ánh Giá ng L c N i Tâm	209
a. Tính H p D n C a n G i	
b. Biểu Lộ Cụ Thể Của Ý H ng Ngay Lành	
E. i S ng C u Nguy n Và i S ng N i Tâm	210
1. nh H ng C n B n Cho i S ng Thiên Liêng Sâu Xa	
2. Ba c Tính c a C u Nguy n:	213
a. L i C u Nguy n Kitô Giáo	
b. L i C u Nguy n Tông	214

c. L i C u Nguy n M c V	216
3. Ph ng Ti n S Ph m Trong Vi c Hu n Luy n C u Nguy n	217
a. Các Trách Nhi m	
b. Nh ng N i Ch n	218
c. Các Th i Kh c	219
4. S Thinh L ng: i u Ki n Thi t Y u Cho i S ng N i Tâm	220
a. Ý Ngh a và M c ích c a Thinh L ng	
b. Giá Tr c a Thinh L ng	221
c. Nh ng Thách c a Thinh L ng	222
d. Nh ng Ph ng Ti n Thu n L i Cho Vi c Gi Thinh L ng	223
+ Thinh L ng trong Ph ng V	
+ Thinh L ng Trong Nhà	224
+ Thinh L ng trong Nh ng Ngày C m Phòng hay T nh Tâm	225
5. Nh ng Hình Th c C u Nguy n	226
a. Liên Quan n L i Chúa	
1) L i Chúa	
2) Lectio Divina	227
3) Ph ng V Các Gi Kinh	228
4) Nguy n G m	229
5) c Sách Thiêng Liêng	230
b. Bi u T ng và Nghi Th c	231
1) Bí Tích Thánh Th	
2) Bí Tích Sám H i	233
3) Lòng Sùng Kính c Maria	
6. Nh ng Cách C u Nguy n C a Ng òi Á Châu Và Vi t Nam	234
a. T Nh ng Kinh Nghi m C u Nguy n Trong Quá Kh	
b. ền Cầu Nguyện Trong Bối Cảnh Của Á Châu	235
c. Ích L i c a Cách C u Nguyện Á Châu	236

d. C u Nguy n T p Trung Và Ni m Vui Thiêng Liêng	238
e. V t Qua Nh ng Khó Kh n và Kiên Trì Trong i S ng C u Nguy n	240
7. Thành Ng i Lãnh o C u Nguy n	241
a. H c Làm Sao Ch S C u Nguy n	
b. H c H ng D n Dân Chúa Trong Hành Trình Thiêng Liêng c a H	243
G. C C u C a Vi c ào T o Thiêng Liêng	244
3. Vi c ào T o và Toà Trong/Toà Ngoài	
a. nh Ngh a T Ng	
b. Toà Trong	
c. Toà Ngoài	245
4. Ti n Trình và S T ng Tác Gi a Hai Tòa	246
a. Khác Bi t Nh ng BỔ Túc Cho Nhau	
b. Th c Hành Chuyên Bi t	247
c. Khác Bi t	248
H. Nh ng Tác Nhân ào T o	250
1. C ng oàn Giáo D c	
2. Chính Ứng Sinh	252
3. Các Nhà ào T o	253
a. Chúa Giêsu, G ng M u C a Nhà ào T o	
b. Vai Trò và S H i p Nh t c a i Ng ào T o	254
c. C n Nh ng Nhà ào Tạo Có Phẩm Chất	256
4. V Linh H ng	257
a. Vai Trò Thi t Y u c a Chúa Thánh Th n	
b. Vai Trò Quan Tr ng c a V Linh H ng	258
c. Nguyên Tắc Khi Cần Thay Đổi Vị Linh H ng	260
5. V Giám c và H i ng	261
6. Nhóm Nh Các B n ng Môn	262
7. Môi Tr ng Th c T p M c V	266
G. ánh Giá và Gi i Thi u Ch u Ch c	269
1. Ti n Trình ánh Giá Hàng N m c a H i ng Ch ng Vi n	270

2. Tánh Giá Hàng Năm của Chúng Sinh	272
3. Tánh Giá Chung Cuộc và Giới Thiệu Chu Chu	273
4. Ứng Sinh Không Thích Hợp với Chức Linh Mục	275

CHƯƠNG X

GIẢI OẠN HẬU CHUNG VIỆN - NĂM NĂM ĐU TIÊN TRONG SỨ VỤ LINH MỤC: NHỮNG MỐI TƯƠNG QUAN HÀI HOÀ, QUÂN BÌNH VÀ TRƯỞNG THÀNH TRONG ĐỜI SỐNG VÀ SỨ VỤ LINH MỤC

A. Đối Mặt Thực Tế và Những Nhu Cầu Căn Bản	280
1. Những Thực Tế Không Mong Đợi	
2. Những Nhu Cầu Cơ Bản Và Thường Xuyên Của Hội Thánh	281
a. Ở Cấp Độ Cá Nhân	283
b. Ở Cấp Độ Giáo Hội	284
3. Trách Nhiệm và Đóng Góp của Chung Viện	
C. Những Tương Quan và Trợ Giúp	286
1. Tương Quan Với Chính Mình	
2. Tương Quan Với Người Khác	288
a. Tương Quan với Giám Mục Bản Quyền	
b. Tương Quan Giữa Linh Mục Với Nhau	289
c. Tương Quan Với Giáo Dân Nam Cũng Như Nữ	290
d. Tương Quan Với Phụ Nữ: Trợ Lực Hay Là Vấn Đề Cho Cuộc Sống Và Sứ Vụ Của Linh Mục?	291
e. Tương Quan Với Các Nữ Tu: Phải Khôn Ngoan Và Tỉnh Thức	294
f. Tìm Những Con Đường Tương Quan Tốt	297
1) Linh Mục Trong Tương Quan Với Mẹ Và Chi	

Em Của Mình	
2) Hãy đối xử với các Cụ Bà như là mẹ mình, và với các thiếu nữ như chị em mình với tấm lòng trong sạch” (1 Tm 5,2):	298
3) Nhìn Vào Cách Ứng Xử Của Chúa Giêsu Và Mỗi Tương Quan Hải Hoà Của Ngài Với Phụ Nữ	299
3. Tương Quan Với Thiên Nhiên	300
D. Tương Quan Với Thiên Chúa và Sự Trợ Giúp	302
1. Chúa Giêsu Nadarét, Đường Tới Chúa Cha	
2. Thánh Thể, Chúa Giêsu Lương Thực Hiện Diện	304
3. Mẹ Chúa Giêsu, Mẹ của Linh Mục	309

KẾT LUẬN

I. NHỮNG KHÁM PHÁ	316
C. Bối Cảnh Nền Tảng, Thách Đố và Cơ Hội Khả Dĩ Trong Việc Đào Tạo Thiêng Liêng ở Việt Nam	
3. Bối Cảnh Lịch Sử Thời Phong Kiến	
2. Bối Cảnh Lịch Sử Thời Cộng Sản	
D. Liên Quan Tới Giáo Huấn của Hội Thánh	317
6. Chỉ Dẫn Nổi Bật của Hội Thánh Hoàn Vũ	
2. Hướng Đi Và Những Chỉ Dẫn Cụ Thể Của Hội Thánh Địa Phương	
3. Hòa Nhập Giáo Huấn của Hội Thánh	318
4. Bối Cảnh Hóa Việc Đào Tạo Thiêng Liêng	
E. Những Yếu Tố Đặc Biệt Giúp Chúng Sinh Trở Thành Thừa Tác Viên Hữu Hiệu	319
5. Đào Tạo Thiêng Liêng Trong Giai Đoạn Tiền Chúng Viện	
6. Giai Đoạn Đào Tạo và Tự Đào Tạo Thiêng Liêng ở Chúng Viện	
a. Đào Tạo Thiêng Liêng	
c. Đời Sống Cầu Nguyện và Đời Sống Nội Tâm	320
c. Cấu Trúc của Việc Đào Tạo Thiêng Liêng	

d. Đánh Giá và Giới Thiệu Cho Chịu Chức	321
7. Năm Năm Đầu Tiên Làm Linh Mục của Thời Kỳ Hậu Chung Viện	
II. NHỮNG ĐỀ NGHỊ THỰC HÀNH	322
E. Liên Quan Tới Bối Cảnh và Các Thách Thức	
1. Hiểu đúng đắn về việc thờ kính tổ tiên	
2. Đi xa hơn các yếu tố văn hoá và tâm thức	
3. Sứ vụ loan báo Tin Mừng	
F. Liên Quan tới Giáo Huấn của Hội Thánh	323
1. Thực Thi Giáo Huấn của Giáo Hội	
2. Hướng đi và những chỉ dẫn cụ thể	
G. Bối Cảnh Hóa Việc Đào Tạo Thiêng Liêng	324
H. Những Yếu Tố Đặc Biệt Giúp Chúng Sinh Trở Thành Những Thừa Tác Viên Hiệu Năng	
1. Chuẩn Bị Những Ứng Viên Có Phẩm Chất	
2. Nuôi dưỡng đời sống cầu nguyện và nội tâm	
3. Phải đáp ứng với thực tại đổi thay	325
4. Thăng Tiến Các Tương Quan và Hợp Tác	326

PHỤ TRƯỞNG
VIỆC TỰ ĐÀO TẠO CỦA CHÚNG SINH

I. BÀN CÂU HỎI TỰ VẤN	
a. Những Điều Kiện Bên Ngoài	
1) Môi Trường Xã Hội	
• 2) Gia đình Tôi	327
3) Tương Quan Với Các Linh Mục Quen Biết	
• 4) Tương Quan Với Người Khác Phái	328
b. Những Yêu Cầu Tự Nhiên	
• 1) Sức Khỏe Của Tôi	
2) Tính Tình Của Tôi	
• 3) Trí Khôn Của Tôi	329
• 4) Năng Khiếu và Khả Năng Của Tôi	

- c. Những bài u Ki n Thiêng Liêng
- 1) Tinh Th n T H i n
- 2) Tinh Th n Trách Nhi m
- 3) Tinh Th n i S ng Thiêng Liêng 330
- 4) Tinh Th n c Tin 331
- 5) Tinh Th n C ng Tác
- 6) Tinh Th n Vâng Ph c
- 7) Tinh Th n Nghèo Khó
- 8) Tinh Th n Thanh Khi t 332
- 9) Tinh Th n Ph ng V
- 10) Tinh th n M c V 333
- 11) Tinh Th n Lao ng Chân Tay 334

II. B N CÂU H I GÂY Ý TH C

- a. Những Câu H i T ng Quát
 - b. Những V n N n c Nh m n 335
 - c. Những bài u c Bi t Khác 336
- 337

III. CH NG SINH T ÁNH GIÁ

- a. T ánh Giá Trong N m H c Chính Qui c a Giai
o n ào T o Ch ng Vi n
- 1) ào T o Nhân B n và Thiêng Liêng Trong C ng
oàn 338
- 2) ào T o Tri Th c 338
- 3) Phân nh n G i
- 4) K t Lu n C a Vi c T ánh Giá 339
- b. ng Sinh T ánh Giá Sau N m Th c T p M c 339
V
- 1) Chi u Kích Cá Nhân
- 2) Trong T ng Quan V i Ng i Khác 340
- 3) Cho S V T ng Lai
- 4) V i S ng c Thân
- 5) H ng T i Ch c Linh M c 341
- c. ng Sinh T ánh Giá Vào N m Th n H c Cu i 342
Cùng

- 1) Chu n B c G i Ch u Ch c
 2) V S c Thân Su t i, i S ng Gi n D v à 343
 c Công B ng
 3) Lòng Nhi t Thành Tông 344
 4) N i Tâm Hóa ào T o Ch ng Vi n 345

B. NG SINH H C TR THÀNH
 M T V LINH H NG T T

- I. Vi c Linh H ng và Phân nh Thiêng Liêng
 II. Phân nh Thiêng Liêng Là Gì ? 346
 III. Linh H ng Là Gì? 347
 a. T m Quan Tr ng C a Phân nh Thiêng Liêng Và 348
 Linh H ng.
 b. Ba M i T ng Quan Trong Linh H ng 350
 1) T ng Quan Gi a Ch ng Sinh V i Chúa
 2) M i T ng Quan Gi a Chúa và V Linh H ng
 3) T ng Quan Ch ng Sinh Và V Linh H ng 351
 IV. Nh ng Nguyên T c Linh H ng 352
 V. N i Dung và Ti n Trình Các Bu i G p Linh H ng 353
 • a. L ng Nghe
 b. Chú Tâm vào Hình nh Thiên Chúa
 • c. Giúp Làm Sáng T Kinh Nghi m 354
 • d. Nh n Ra và Làm Sáng T H Th ng Giá Tr
 • e. Kh ng nh Và Thách
 • f. Giáo Hu n Và H i Nh p
 • g. Trách Nhi m 355
 • h. Tr Giúp Trong Lúc Khó Kh n
 • i. C u Nguy n
 VI. Các c Tính c a V Linh H ng T t. 355
 VII. Nh ng Gì V Linh H ng Ph i Tránh? 358
 VIII. Nh ng Gì V Linh H ng Ph i Làm? 359
 360

C. TÂM LÝ H C VÀ VI C ÀO T O

I S NG C THÂN CHO CH NG SINH

I. H u Qu Tai H i c a L m D ng Tình D c	
II. Ki m Tra Tâm Lý	361
1. Ý Ngh a và Nh ng Gi i H n	
2. Ti n Trình	363
3. Vai Trò c a Khoa Tâm Lý Ttrong Vi c Tuy n L a và ào T o Ch ng Sinh	364
4. Nh ng V n Liên Quan S c Thân	367
	372

SÁCH THAM KH O